Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 1

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NỘI DUNG

Gs.Ts. PHÙNG HỮU PHÚ *(Chủ tịch)*
Nhà thơ HỮU THỈNH *(Phó Chủ tịch)*
Hoạ sĩ VŨ GIÁNG HƯƠNG
Pgs.Ts. NGUYỄN VĂN THẠO
Gs. HÀ MINH ĐỨC
Pgs.Ts. PHAN TRỌNG THƯỞNG
Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG
Nhà văn TRUNG TRUNG ĐỈNH
Ts. NGUYỄN DANH NGÀ

BAN BIÊN SOẠN

Nhà thơ HỮU THỈNH *(Chủ biên)*
Nhà văn TRUNG TRUNG ĐỈNH
Nhà thơ TRẦN QUANG QUÝ
Nhà văn PHẠM SÔNG HỒNG
Nhà văn NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.
Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.
HỒ CHÍ MINH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hưởng ứng cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị "Tiếp tục xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới", Hội Nhà văn Việt Nam được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã giao cho Nhà xuất bản Hội Nhà văn xuất bản bộ sách "HỒ CHÍ MINH VỚI VĂN NGHỆ SĨ - VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH", nhằm quảng bá sâu rộng trong nhân dân, giúp cho các tầng lớp nhân dân hiểu biết sâu sắc hơn tình cảm của Bác Hồ với văn nghệ sĩ, cũng như tình cảm chân thành, sâu sắc của giới văn nghệ sĩ đối với Bác Hồ.

Bộ sách là sự thể hiện sinh động, chân thực tình cảm cao đẹp và đạo đức trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với dân với nước, và đặc biệt là, đối với các văn nghệ sĩ cách mạng - những người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá tư tưởng của Đảng; đồng thời là vũ khí sắc bén và hiệu quả, nhằm đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc, bóp méo sự thật về nhân cách, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người.

Đây là bộ sách quý, mang tính khoa học, tính tư tưởng và nghệ thuật cao, tập hợp có hệ thống những tác phẩm, bài viết và bài nói chuyện của Bác về văn học nghệ thuật, hồi ký của các văn nghệ sĩ tiêu biểu của Việt Nam và thế giới; những sáng tác văn học, nghệ thuật chọn lọc viết về Người.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thường trực Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, cán bộ, công nhân viên Nhà xuất bản Hội Nhà Văn cùng các cộng tác viên nêu cao trách nhiệm, nghiêm túc và khẩn

trương sưu tầm, tuyển chọn với lòng biết ơn sâu sắc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh; coi đây là việc làm có ý nghĩa thiết thực chào mừng kỷ niệm lần thứ 120 Ngày sinh của Người, 80 năm Ngày thành lập Đảng và đón mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Bộ sách cũng là một công trình tập thể của giới lao động văn học cả nước chào mừng Đại hội lần thứ XI của Đảng.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, biên tập khó tránh khỏi có những sơ suất, chúng tôi chân thành kính mong nhận được sự đóng góp xây dựng quý báu của quý độc giả để những lần tái bản sau, bộ sách sẽ hoàn thiện hơn, đáp ứng niềm mong mỏi và tình cảm của nhân dân cả nước nói chung và giới văn nghệ sĩ nói riêng đối với Bác Hồ kính yêu.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI TỰA

Trên báo Ogoniok (Liên Xô trước đây), số 39, ra ngày 23-12-1923, nhà thơ đồng thời là nhà báo Xô-viết nổi tiếng O.Mandenxtam trong bài "Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc" *đã tiên cảm phi thường về Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: "Dáng dấp con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra thật lịch thiệp và tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai". Với dự cảm đặc biệt của một thi nhân, O.Mandenxtam phát hiện ra sự dồn tụ, kết tinh của văn hoá Việt Nam trong con người Việt Nam tiêu biểu nhất và khẳng định Bác là tinh hoa của Việt Nam và cũng là tinh hoa của nhân loại. Nhà thơ viết: "Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới...".*

Gần một nửa thế kỷ đã trôi qua, thời gian đã chứng minh linh giác đặc biệt sáng suốt của O.Mandenxtam. Đó là một phát hiện thiên tài về một thiên tài. Thời gian ấy Bác đang học tập tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Matxcơva. O.Mandenxtam không viết về Bác với tư cách lãnh tụ tinh thần, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đó thế giới đã từng biết qua những hoạt động yêu nước nổi tiếng của Người ở Pháp và trong những ngày đầu đến đất nước của Lênin. Chọn tư cách là đại diện nền văn hoá tương lai, nhà thơ Nga đã nhìn thấy sự bất tử của Người, tiên đoán về những giá trị có tầm nhân loại vĩnh cửu của Bác từ khi Người mới bước sang tuổi ba mươi.

Với một nguồn mạch cảm hứng như vậy, những người đề xuất và được Ban Bí thư ủng hộ việc tổ chức thực hiện bộ sách chuyên đề

"Hồ Chí Minh với Văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh" *mong muốn cung cấp cho bạn đọc rộng rãi, đặc biệt là cho tất cả những ai quan tâm đến việc xây dựng con người, quan tâm đến việc xây dựng nền văn hoá dân tộc, rất Việt Nam mà cũng rất hiện đại, nguồn tư liệu phong phú, sinh động, hệ thống, đa dạng, chọn lọc từ những trước tác quan trọng nhất của Bác về văn học, nghệ thuật và của những văn nghệ sĩ hàng đầu Việt Nam và thế giới viết về Bác. Hình tượng Hồ Chí Minh với ba chủ đề: lãnh tụ thiên tài, nhà văn hoá kiệt xuất, nhà nhân văn vĩ đại được các tác giả từ góc độ văn hoá thể hiện sống động và xuyên suốt bộ sách. Chúng ta bắt gặp ở đây sự kết hợp đẹp đẽ giữa những cái cao cả và bình thường, giản dị mà thanh cao, vĩ đại mà gần gũi, rất Việt Nam mà cũng rất nhân loại. Bức tượng đài ngôn ngữ này làm nổi bật chân dung Hồ Chí Minh, một con người trong tất cả, tất cả trong một con người.*

Với những phẩm chất cao quý như vậy, hiển nhiên từ lâu Bác đã là một ngọn nguồn, ngọn nguồn của suy tưởng, của bồi đắp, của dẫn dắt và soi sáng. Và đúng như Tố Hữu đã viết:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

Bác vĩ đại nhưng không quá tầm với bất cứ ai.

Hôm nay và mai sau, tiếp nhận Hồ Chí Minh là tiếp nhận một sự sống không bao giờ ngơi nghỉ.

Và bây giờ, với thói quen bước vào một ngôi đền thiêng, xin chúng ta hãy lật từng trang sách với lòng chân thành nhất, để được chứng quả lời Phật dạy:

Được đi trên đường chánh
Là Phước Đức lớn nhất.

Hà Nội, 4-5-2010
Nhà thơ Hữu Thỉnh
Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam

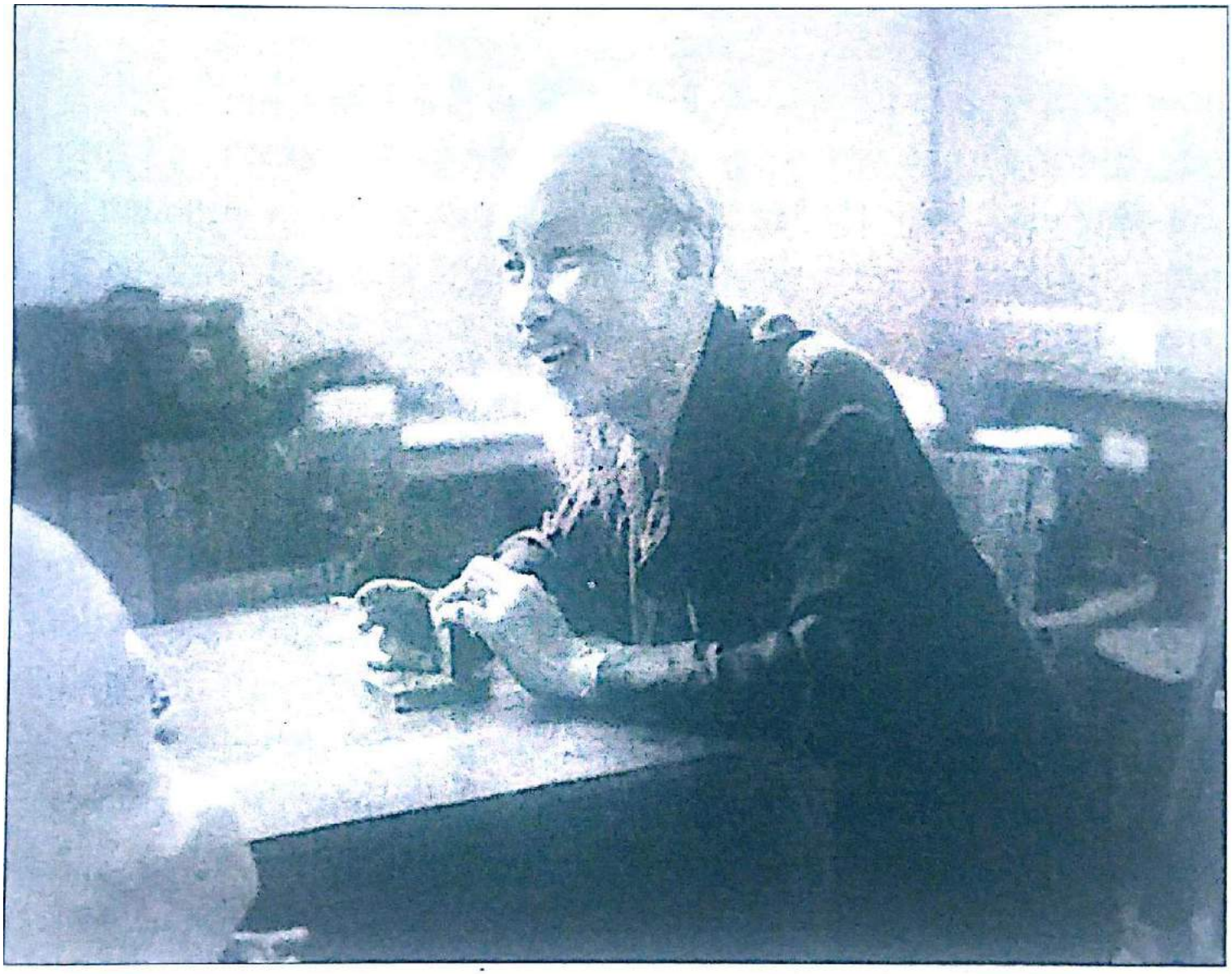

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1958)

Ảnh: Đinh Đăng Định

ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ TRONG NHỮNG NGÀY ĐỘC LẬP ĐẦU TIÊN

TỐ HỮU

Sau khởi nghĩa 23-8, đến 30-8 chúng tôi họp Xứ uỷ toàn Trung Kỳ, cử ra Xứ uỷ và Ban thường vụ với đồng chí Nguyễn Chí Thanh là Uỷ viên Trung ương mới từ Hội nghị Tân Trào về, làm Bí thư. Tôi làm Phó Bí thư thường trực. Đồng chí Trần Hữu Dực được cử làm Chủ tịch Uỷ ban hành chính Trung Bộ. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh làm Phó Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Chánh làm Uỷ viên quân sự. Một số Xứ uỷ viên phụ trách dân vận, như đồng chí Huỳnh Ngọc Huệ làm Công vận, đồng chí Hoàng Anh làm Bí thư tỉnh Thừa Thiên. Đồng chí Tôn Quang Phiệt làm Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh Thừa Thiên. Chúng tôi cũng mời một số nhân sĩ trí thức vào Uỷ ban hành chính Trung Bộ, như giáo sư Nguyễn Đình Dụ làm Uỷ viên giáo dục, kỹ sư nông lâm Đoàn Trọng Truyến làm Uỷ viên kinh tế, kỹ sư Lê Dung phụ trách giao thông, bà Lê Thị Xuyến, vợ ông Phan Thanh (đã mất) làm Uỷ viên cứu tế xã hội, v.v..

Ít hôm sau, chúng tôi được điện của Trung ương: theo lệnh của Hồ Chủ tịch, mời ông Bảo Đại ra Hà Nội làm cố vấn của Chính phủ. Ai được biết chuyện này cũng lấy làm lạ. Ông ta vừa tuyên bố: "Rất vinh dự được làm dân một nước tự do hơn làm vua một nước nô lệ". Vừa thoái vị thế mà nay lại được Bác Hồ mời ra làm cố vấn, chứng tỏ chế độ mình hết sức bao dung. Một tháng sau lại được điện của Trung ương bảo đến gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng và mời Cụ ra làm việc với Cụ Hồ. Cụ Huỳnh vốn

tính khẳng khái, tuy đã biết uy tín lớn của ông Nguyễn Ái Quốc, còn tỏ ý dè dặt: Không biết có thích hợp không với chế độ mới mà Cụ gọi là Cộng sản. Chúng tôi phải thưa với Cụ rằng Cụ Hồ rất quý trọng Cụ, xin mời Cụ ra làm việc với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghĩ một lát, Cụ nói: "Thôi được, tôi đi ngay nhưng vài ngày thôi rồi lại trở về". Vì vậy khi Cụ lên ôtô, chỉ mang theo một gói quần áo nhẹ tênh. Sau mới biết ra đến Hà Nội, sau khi gặp Cụ Hồ, hai Cụ hàn huyên thế nào đó, Cụ tỏ ý tâm đắc và chịu ở lại luôn, nhận một nhiệm vụ rất quan trọng được Bác Hồ giao cho là Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Còn các vị Bộ trưởng khác trong "nội các" cũ Trần Trọng Kim lần lượt ra Hà Nội như Phan Anh, Tạ Quang Bửu, Vũ Văn Hiền... đều được Chính phủ ta trọng đãi và mời vào làm việc ở các bộ quan trọng, gần như không bỏ rơi ai hết. Dĩ nhiên một số phần tử phản động cố rêu rao là cách mạng rất ác, gặp ai cũng bắt giam. Những lời phao đồn thù địch đó cốt làm dao động tinh thần đồng bào, nhưng không có tác dụng gì. Khắp nơi đều chuyển động trong một không khí cách mạng sôi nổi, sẵn sàng đối phó với bọn Pháp xâm lược trở lại.

Đầu tháng 10-1945, tôi được điện Trung ương gọi ra Hà Nội, chưa biết có việc gì, chắc để báo cáo và nhận chỉ thị mới. Vừa mừng vừa lo, tôi đến Bắc Bộ phủ, anh Vũ Đình Huỳnh đưa tôi lên mấy bậc thềm và nói nhỏ vào tai: "Anh lên gặp Hồ Chủ tịch đấy!". Tôi vô cùng xúc động, chưa biết gặp Cụ sẽ thế nào?

Đến cửa phòng nhìn vào, thấy một ông chưa già lắm, trán cao, mái tóc muối tiêu; có chòm râu thưa, đang ngồi ở bàn, đọc gì đấy.

Anh Vũ Đình Huỳnh nói nhỏ nhẹ: "Thưa Cụ, anh Tố Hữu đến đấy ạ!". Cụ nhìn thấy tôi, vẫy tay gọi đến gần và hỏi: "Chú ra đấy à?".

Tôi: Dạ!

- Chú ra bằng gì? - Cụ hỏi.

Tôi thưa:

- Dạ, bằng ôtô.

- Ôtô của ai?

- Dạ thưa, ôtô của mình...

Cụ nhìn, có vẻ ngạc nhiên, hỏi lại:

- Của mình, là của ai?

- Dạ của cơ quan ạ.

Cụ cười:

- Nhớ nhé, ôtô của cơ quan, chứ không phải của các quan đâu đấy!

Mới nghe lần đầu, đã thấy Cụ thật sắc sảo. Cụ vừa dạy bảo rất nghiêm khắc, vừa "chơi chữ" như đùa vui: "Của *cơ quan*, chứ không phải của *các quan*"... Thế là đã được một bài học. Cụ nói tiếp:

- Bây giờ Đảng cầm quyền, có nhà cao cửa rộng, có ôtô sang trọng, dễ lên mặt "quan" lắm. Xe của cơ quan là để đi làm việc công, chứ không phải để các chú đi chơi mang cả quan ông, quan bà, quan cô, quan cậu, thế là hỏng đấy.

Tôi thưa nhỏ:

- Dạ, bọn tôi đâu dám làm bậy.

Cụ lại hỏi:

- Các chú ăn ở nơi đâu?

Tôi liền đáp:

- Dạ, lúc đầu ở Toà Khâm - Toà Khâm sứ ấy mà - to đẹp lắm. Bọn quan Tây sang trọng thế nào không rõ, nhưng bọn anh em chúng tôi thì cũng như dân mình thôi, chỉ có thêm đôi dép đi cho tử tế.

- Thế các chú ăn gì?

- Dạ, sáng nào cũng một bát cháo hoa với đĩa cà muối gọi là ăn điểm tâm. Đến trưa thì ăn cơm độn khoai, sắn, một đĩa

rau muống luộc, một bát nước mắm. Có khi thêm một đĩa cá kho mặn hoặc tép khô; buổi chiều cũng thức ăn như thế. Hồi còn hoạt động bí mật thì ăn khổ hơn nhiều, chỉ có khoai sắn luộc thôi. Chúng tôi với các bác nấu ăn như anh em một nhà. Bác nào cũng nói: "Sống với các anh thật vui, ngày trước ở với bọn chúng nhục lắm".

Cụ lại hỏi:

- Thế dân sống như thế nào?

Tôi thưa:

- Dân không đến nỗi chết đói như ngoài Thanh - Nghệ nhưng cũng cực lắm. Chỉ khoai sắn, rau mắm với ít cá. Lương thực trong tỉnh gần như đã cạn. Chúng tôi phát động trồng rau màu khắp nơi.

Cụ hỏi ngay:

- Khắp nơi là thế nào? Huế có nhiều vườn hoa cũng phá à?

- Dạ, những vườn hoa thì phải giữ cho đẹp thành phố, còn các bãi cỏ trước cửa Ngọ Môn và trong thành đều trồng khoai sắn xanh um; ở Huế có hào vây quanh thành đều được trồng rau muống bè. Ở các huyện đều làm như vậy vì lúc này sắp vào mùa mưa lạnh rồi, không trồng lúa được.

- Thế các chú có chống giặc dốt không?

- Dạ có. Khắp nơi đều mở lớp "Bình dân học vụ", xoá nạn mù chữ cho mọi người, chẳng những các cháu nhỏ mà nhiều người lớn tuổi cũng theo học chăm chỉ. Ở đâu cũng nêu khẩu hiệu: "Người biết chữ dạy người chưa biết chữ". Quang cảnh tối nào, nhà nào cũng có đèn dầu cho mọi người học, rất vui.

- Thế các chú có tập quân sự không?

- Dạ phong trào dân quân tự vệ khá rầm rộ. Thanh niên trai gái và cả người đứng tuổi đều tự nguyện vào các đội tự vệ, cầm gậy gộc sắp hàng đi răm rắp. Chúng tôi nói cho đồng bào hiểu phải luôn cảnh giác đề phòng giặc Pháp trở lại. Có cụ già rất

Bác Hồ làm việc với đồng chí Tố Hữu (1960)
Ảnh: Đinh Đăng Định

hăng hái, liền nói: "Bọn hắn trở lại thì phải đập chết đi chớ. Chẳng lẽ để mất nước, làm nô lệ một lần nữa à?".

Nghe đến đó, Cụ tủm tỉm cười:

- Dân mình tốt thiệt.

Đột nhiên Cụ hỏi:

- Nghe nói các chú hay cãi nhau, mất đoàn kết lắm hả?

Tôi thưa thật:

- Hồi ở trong tù, đôi lúc cũng tranh luận với nhau chuyện này chuyện khác, ý kiến không giống nhau. Tiếc là có một số anh em hay phê phán nhau "tả khuynh" hay "hữu khuynh" khi cần đấu tranh cho đời sống trong tù. Song ra khỏi tù, ai cũng tập trung cho khởi nghĩa, đều đoàn kết với nhau làm việc nên không khí trong nội bộ đều vui vẻ cả. Trước kia có bọn "chống cộng" A, B (Ăngti bôn-sê-vích) như Đinh Văn Di phá hoại cách mạng ghê gớm nhưng đã trừ bỏ được rồi. Bây giờ có bọn phản động mới là Quốc dân Đảng, từ ngoài này vào, tìm cách phát báo tài liệu phản động và gây cơ sở bạo loạn ở những nơi có quân Tưởng đóng. Nhưng dựa vào dân, chúng tôi đều quét sạch, chúng không làm gì được.

Tôi nói đến đấy, Cụ trầm ngâm, nói:

- Bây giờ bọn Pháp dựa vào quân Anh đang trở lại xâm lược nước ta ở Nam Bộ và đang cố đánh ra các tỉnh phía Nam Trung Bộ. Cuộc chiến đấu, với chúng ta chắc còn lâu dài. Không thể coi thường. Song nếu biết giữ vững đoàn kết nội bộ, gần gũi, động viên nhân dân hăng hái cứu nước thì chúng ta sẽ giữ vững được độc lập. Đừng để bọn phản động quấy rối nội bộ, chia rẽ đồng bào ta như chúng đang phá phách ngoài này. Chú nhớ mấy điều Bác dặn, về nói lại với anh em, nghe!

Tôi chào Cụ và xin phép ra về. Lòng rất mừng vì lần đầu được gặp Cụ, lại được nghe Cụ nói, chỉ một lúc mà có biết bao nhiêu bài học, lời dạy. Những vấn đề Cụ nói đều rất lớn, nhưng

giọng vẫn ôn tồn nghe như lời cha dặn con, không có gì là mệnh lệnh. Nhưng thấy Cụ quá gầy, trong bụng tôi cũng rất lo. Ấn tượng sâu sắc trong tôi là đôi mắt rất tinh anh và giọng nói hiền từ của Người. Cả đời tôi chưa dám mong ước, thế mà hôm nay được đến gần và được dạy bảo. Thật là vô cùng hạnh phúc.

Tôi về báo cáo lại với các anh trong Xứ uỷ. Anh Thanh liền phân công các đồng chí trong Xứ uỷ và Uỷ ban hành chính lên kế hoạch thực hiện các điều Bác dặn, thông báo cho toàn Xứ.

YÊU BÁC LÒNG TA TRONG SÁNG HƠN

TỐ HỮU *(Trả lời phỏng vấn của nhà thơ Bế Kiến Quốc)*

Bế Kiến Quốc (B.K.Q.): Thưa anh, bạn đọc chờ đợi trong dịp này được đọc một sáng tác mới của anh viết về Bác...

Tố Hữu (T.H.): Bấy nhiêu gan ruột, mình đã trút vào *Theo chân Bác* cả. Bây giờ ngồi nghĩ, có lẽ khó viết lại được như thế nữa...

B.K.Q.: Nhưng cũng không thể nói trước được. Biết đâu đấy, phải không anh?

T.H.: Đúng, cũng có thể. Làm thơ, làm nhạc không như người xây nhà, không có sẵn một bản thiết kế. Bỗng nhiên có một cái ý nào đó, nó gợi ra một cái tình nào đó, một cái nhạc nào đó, một cái khởi điểm mơ hồ... rồi do vận động của sự sáng tạo trong đầu anh, nó ngầm bảo anh rằng nên viết như thế như thế. Có thể không nhất định được ngay. Anh đi một chập, rồi anh quay lại, có thể câu đầu lại thành câu cuối, hoặc có thể bắt đầu từ một câu nào đó ở giữa bài... Điều ấy rất bất ngờ đối với chính người sáng tạo. Mấy ai định nghĩa thơ là gì. Khó lắm... Viết về Bác lại có một cái khó khác nữa, ngoài cái khó chung của quy luật sáng tạo. Bác là một nhân vật sống, một biểu tượng mà mọi người đều biết, nhất là những người đương thời. Người ta không chấp nhận một sự tuỳ tiện nào vượt ra ngoài sự hiểu biết của người ta. Cố nhiên nghệ thuật cho phép hư cấu, nhưng trong phạm vi nhất định, không cho phép anh bịa ra những điều không có thật. Và nhất là, hiểu được Bác thực chất như thế nào, nhận thức một chân dung bên trong của Bác, quả thật không phải là

điều đơn giản... Đối với tôi, viết về Bác là một quá trình. Mình đâu có biết Bác từ trước. Dĩ nhiên hồi nhỏ cũng đã nghe nói về Bác, qua mấy anh chính trị phạm như anh Phan Đăng Lưu, anh Nguyễn Chí Diểu, anh Lê Duẩn, cũng biết về hoạt động của Bác một chút. Nhưng chưa tiếp cận bao giờ. Mãi năm bốn lăm mình mới được gặp Bác.

B.K.Q.: Có lẽ khi anh viết bài "Hồ Chí Minh" thì anh chưa gặp Bác?

T.H.: Chưa. Khi đó mình chưa gặp Bác. Nhưng lúc đó Cách mạng có một nhu cầu làm cho mọi người biết về Bác. Nhất là một xã hội như ở Huế, có nhiều nhân sĩ, trí thức, quan lại người ta không biết Bác là ai thì phiền lắm. Hồi đó, báo *Quyết thắng* của Xứ uỷ Trung Kỳ đóng ở Huế. Các anh bảo mình: "Cậu phải viết một cái gì ngay". Thậm chí cũng chưa thấy ảnh Bác nữa kia. Hồi đó công tác tuyên truyền của mình còn chậm lắm, chưa có phương tiện nữa. Bài đó viết trong một tình hình là hồi đó nghĩ về Bác như thế. Một không khí hiệp sĩ, *chevalier*, có cả gươm dao, bừng bừng. Giờ mình đọc lại, hơi buồn cười, anh em nói không khí hơi tuồng...

B.K.Q.: Bài ấy cùng một không khí sôi nổi của những ngày đầu Cách mạng với các bài "Huế tháng Tám", "Vui bất tuyệt"...

T.H.: Rứa đó. Tuy nhiên, có một điểm lý thú: hồi đó, mình dùng mấy chữ *người lính già*, nghĩ lại cũng thật là táo tợn. Cách dùng đó hơi Tây một chút, *lesoidat, levétéran*, một cách nói mà. Sau này, không ai dám dùng mấy chữ đó nữa. Vì càng về sau, càng hình dung Bác như một lãnh tụ, một người cha, chứ không dám nghĩ là một người lính. Có lẽ mình cũng bạo, mình là người đầu tiên và là người cuối cùng gọi Bác là *người lính già*.

B.K.Q.: Anh cũng là người đầu tiên trong thơ nhắc đến Sài Gòn với tên là "Thành phố Hồ Chí Minh" trong bài "Ta đi tới".

T.H.: Ấy, nhân tiện kể cho vui. Lúc mình viết như vậy, Bác đọc, Bác tủm tỉm cười: "Ai cho phép chú đặt tên như thế?". Mình hoảng: "Dạ, thưa Bác, có ai cho phép đâu. Nhưng nguyện

vọng của đồng bào ưng rứa, xin Bác cho phép gọi rứa, trong thơ mà, để đồng bào thoả mãn".

B.K.Q.: Như vậy, sau khi viết bài "Hồ Chí Minh" bao lâu thì anh được gặp Bác lần đầu tiên?

T.H.: Chừng sau mấy mươi ngày sao đó... Mình từ Huế ra Hà Nội. Lúc đó mình là Phó bí thư *Xứ* nhưng còn nhỏ con lắm, hăm lăm tuổi thôi mà, vào gặp Bác cũng như đụng phải quả núi, cũng ngại ngại chứ. Cảm giác đầu tiên thấy Bác nghiêm nghiêm, mình nghĩ cũng phải: lãnh tụ phải nghiêm thế. Bác lúc đó đúng như trong bức tranh Tô Ngọc Vân vẽ đấy. Rồi, Bác bỗng hỏi như người nhà: "Chú ra bằng gì?" - "Thưa Bác, cháu ra bằng xe ô-tô". Lại hỏi : "Xe của ai?" - "Thưa; xe mình". Thì cũng chỉ ý nói xe của đằng mình thôi. Ai dè Bác gặng lại: "Xe chú đấy à?". Hoảng quá! *(Cười)*. Đó, Bác chú ý cụ thể lắm. Bác luôn nhắc nhở, đề phòng cán bộ trở thành những ông "quan cách mạng". Hồi đó, Bác đi cái xe rất tàng. Rồi, Bác hỏi: "Bây giờ mấy chú làm gì?" - "Dạ, thưa Bác, dân đói, chúng cháu lo cái ăn cho dân, lo tuyển quân phục vụ Nam tiến...". Bác hỏi lo cái ăn cho dân như thế nào, mình nói chuyện trồng sắn cứu đói, kể tới khúc trồng sắn trong hoàng thành. Bác nghe, hơi sững lại. Mình phải nói rõ là chỉ dám trồng ở mấy bãi cỏ thôi. Bác nhắc đừng trồng ẩu những vườn hoa, di tích... Nhân đó, mình mới hỏi Bác: "Bọn cháu ở bí mật ra, không hiểu chính quyền, xin Bác cho kinh nghiệm để về làm". Bác nói: "Bác cũng mới làm. Bác có làm chủ tịch bao giờ!" - "Dạ, nhưng xin Bác chỉ vẽ cho. Bác cho ý kiến như ở Huế thì nên làm thế nào?" - "Ờ, cứ hỏi dân. Dân ưng cái gì, không ưng cái gì. Người ta ưng cái gì thì làm, không ưng cái gì thì đừng có làm. Làm thế nào, cũng hỏi dân. Cứ ai làm, cũng phải hỏi dân". Tóm lại, chính quyền theo Bác chỉ có ba câu. Sau này ta nói: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra - theo tôi có lẽ không rõ bằng ba câu của Bác. Bác là vậy. Với văn học Bác cũng nói vậy thôi: Viết để làm gì, viết cho ai, viết cái gì, viết như thế nào.

B.K.Q.: Giữa bài viết năm bốn lăm và bài "Sáng tháng Năm", anh có viết bài thơ nào về Bác mà chưa công bố nữa không?

T.H.: Không. Lúc đó rất bận, nhiều việc quá. Mà mình chỉ là anh làm thơ nghiệp dư thôi. Nhân tiện nói, anh em hay la mình không chịu viết những chuyện đời thường. Thật ra, không phải không ưng viết, nhưng việc nó búi quá. Suốt ngày làm ba cái chuyện... hơi sức đâu nữa! Hai thứ hoạt động, đích thì giống nhau, nhưng cách thức thì đâu có giống nhau. Một đằng thì phải nói hơi lơ mơ một tí, một đằng thì rất cụ thể. Làm chính trị hàng ngày mà lơ mơ thì chết! Gần như có hai con người khác nhau trong mình, mà mình không điều hoà được hai con người đó. Nhiều khi, đêm phải trốn để viết, phải thành một con người khác...

B.K.Q.: Tất nhiên, thơ cần những cái cụ thể, những cái đời thường - tạm gọi như thế. Nhưng, nếu chỉ có cái đời thường...

T.H.: Anh nêu vấn đề rất đúng. Thơ lâu nay chẳng hạn, tôi thấy hơi thiên đi vào khui chuyện riêng tư mà thiếu mặt *civique*, công dân. Nghệ thuật lớn không phải ở tâm tình riêng, mà ở tính *civique*. Nghệ thuật phải *engagé*, phải nhập thế. Thời nào cũng vậy thôi.

B.K.Q.: Nhưng thưa anh, có cái khó là: tâm huyết về cuộc đời của người làm thơ dấn thân không phải không gặp những cản trở...

T.H.: Phải vượt mà đi thôi. Như tôi, cũng là một nhà thơ *được đóng dấu*, vậy mà viết nhiều khi còn bị la này nọ. Nhưng tôi không sửa, in được thì tốt, không thì để lại, vậy thôi. Chắc anh em khác cũng vậy. Nhưng thôi, chúng ta trở lại câu chuyện chính. Sau Cách mạng, trước ngày Toàn quốc kháng chiến, tôi được cử về làm Bí thư Thanh Hoá, rồi bốn bảy thì lên Việt Bắc, cũng không dám nghĩ viết về Bác. Lúc đầu viết những *Cá nước, Bà mẹ Việt Bắc, Bà bủ, Bầm ơi, Voi, Lên Tây Bắc*... anh em cũng cho là khá. Không hào hoa, phong nhã như

Văn Cao trong *Phường Dạ Lạc*... hay hảo hớn một chút như Quang Dũng, mà có một giọng riêng. Chính cái giọng quê quê của mình lúc đó lại có vẻ mới. Thực ra, mình trở lại với cái vốn cũ của mình, cái tủ của mình từ hồi còn bí mật. Ca dao, lục bát, hò vè thì mình có vốn khá. Nếu ở thành phố có khi không dám lục ra đâu, nhưng ở nông thôn thì món này lại nghe được... Rồi một hôm, Bác cho anh Vũ Kỳ gọi mình vào. Mình tưởng Bác gọi vào bảo làm gì cơ. Thực ra, mình làm thơ, chắc Bác có đọc, nhưng không bao giờ Bác nói chú làm thơ được hay không được, Bác giữ ý sao đó. Hôm ấy, Bác hỏi: "Chú có biết chữ Hán không?" - "Thưa Bác, chữ Hán thì cháu mít đặc." - "Vậy thì chú ngồi đây, Bác đọc cho nghe". Thế là Bác đọc cho nghe mấy bài thơ của Bác, chữ Hán có, chữ quốc ngữ có. Đọc thơ chữ Hán, Bác bảo: "Chú dốt thì Bác cắt nghĩa cho mà nghe". Thế. Bác làm thơ, cũng cần có người để đọc cho nghe chứ. Hôm đó, một sáng tháng Năm, không khí núi rừng Việt Bắc đẹp lắm. Trong không khí thân mật nữa, mình thấy "Ông Cụ" có cốt cách thật đẹp. Mình cảm thụ được đây mới chính là cái đẹp đích thực của Bác. Và, cảm giác này là cảm giác lần đầu: *Ta bên Người, Người toả sáng trong ta/ Ta bỗng lớn ở bên Người một chút*. Đó chính là phẩm chất của Bác: Không bao giờ Bác tạo ra cho người khác cảm giác bị đè xuống dưới cái bóng của mình.

B.K.Q.: "Sáng tháng Năm" có nhiều câu thơ mang tính chất là những phát hiện đầu tiên xây dựng một chân dung tinh thần của Bác mà càng về sau này chúng ta càng thấy Bác đúng như thế.

T.H.: Tuy nhiên, bài đó cũng có đôi chỗ trở lại cái mùi khô khô, lý trí, lẽ ra không nên có. Chẳng hạn cái đoạn *bôn tập diệt đồn*... lạc so với không khí toàn bài. Rồi còn phải cho đủ, có cả anh thợ, chị dân công, v.v.. Ngồi nghĩ lại cũng buồn cười, cứ tương ba cái câu ba lăng nhăng ấy vào, tưởng như thế là gắn với thực tế. Sau, không thấy mấy ông giảng bài chê chỗ đó, hình như

thấy có thế mới phải. Không, động cơ viết thì tốt thôi, nhưng cách nói thế nào cho hay! À, còn mấy câu cuối, có lẽ thôi, anh em lạ quá! *(cười).*

B.K.Q.: Với bài "Cánh chim không mỏi", anh lại phát hiện một nét mới, bổ sung vào chân dung của Bác trong câu thơ "Bác về, tóc có bạc thêm? / Năm canh, bốn biển, có đêm nghĩ nhiều"?

T.H.: Thực Bác là như vậy. Năm đó, 1960, Bác dự Hội nghị các Đảng Cộng sản và công nhân thế giới. Bác hoạt động rất tích cực, đúng là một *cánh chim không mỏi*. Tình cảm quốc tế của Bác là tự nhiên, Bác là người của năm châu bốn biển. Cả đời, Bác nói *đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.* Nhân tiện nói rõ, không phải Bác dùng điệp từ điệp ngữ gì đâu, mà là Bác nói: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế (đoàn kết quốc tế là đại đoàn kết). Nói cho cùng, mọi thắng lợi đều do ba cái đoàn kết đó. Mười lăm năm qua, những cái mình làm được và những cái mình làm không được cũng do ba cái đoàn kết đó. Bây giờ, đang làm Cương lĩnh chiến lược, tôi cũng nhấn mạnh vào ba cái đoàn kết này. *Năm canh, bốn biển, có đêm nghĩ nhiều* - câu này mình ưng đấy. Bác vất vả lắm, nói hết lời...

B.K.Q.: Sau này, bóng dáng câu thơ đó đã được anh nhắc lại và nâng lên: "Ôi, phải chi lòng được thảnh thơi / Năm canh bớt nặng nỗi thương đời"...

T.H.: Hôm Hội nghị quốc tế về Bác vừa rồi, mình cũng đọc bài *Bác ơi* bắt đầu từ câu đó. Nhân anh nhắc, mình mới kể: Bữa ấy, mấy ông ấy *bỏ bom* mình. Ai đời, hội nghị như thế, không có một nhà văn nhà thơ Việt Nam nào đọc tham luận. Đến cuối chầu rồi, mới phát hiện ra điều đó. Mấy ông ấy bảo mời mình có ý gì thì nói. Trời ơi, hội nghị trong nước các ông bảo vậy, tôi cũng không dám nói, huống hồ giữa ba quân thiên hạ! Rồi, mình bảo, vậy tôi đọc thơ, thơ mà cũng coi như tham luận về Bác nhé! Rứa, rứa là mình chọn từ đoạn ấy. May lại thuộc!

B.K.Q.: Đúng, cả phần ấy của bài thơ cũng có tính chất một bản tham luận về chân dung tinh thần của Bác Hồ. Những câu như: "Bác để tình thương cho chúng con / Một đời thanh bạch chẳng vàng son / Phong phanh áo vải hồn muôn trượng / Hơn tượng đồng phơi những lối mòn"... đến hôm nay đọc vẫn rất thời sự, càng thời sự.

T.H.: Hồi mới viết ra, cũng có ông không ưng mấy câu ấy đâu! Còn cái câu: *Bác đã lên đường theo tổ tiên*, vốn mình viết: *Bác đã lên đường nhẹ bước tiên* kia. Nhưng có ông mô nói: sao lại thần thánh hoá lãnh tụ vậy. Chữa *theo tổ tiên* nghe nó cộc lốc thế nào đó. Có lẽ sau mình phải khôi phục lại theo câu đầu tiên viết. Rồi, có ông còn không ưng cả cái câu: *"Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn"* nữa. Sao lại tắt ánh đèn? Bác thì phải toả sáng chứ! Khổ vậy! Bài *Bác ơi* mình viết trong một đêm là xong...

B.K.Q.: Còn "Theo chân Bác" thì anh viết trong bao lâu tất cả?

T.H.: Gần một tháng, đúng ra là hai mươi ngày. Sau khi viết *Bác ơi*, người ta không ưng, thấy ngắn ngủi có mấy khúc, mà trong lòng người ta lúc ấy muốn nói dài kể tỉ mỉ kia. Mình thì tính phải viết một cái gì nữa. Thì hồi đó, mình lại bị sốt liên miên, cứ ba tám bốn mươi độ, nghi máu trắng. Trung ương mới đưa qua Liên Xô, để bác sĩ xem là cái gì. Bác sĩ xác định không phải là máu trắng, nhưng lại bảo: đồng chí phải kiên nhẫn. Mình nghĩ bụng: thế là gay rồi. Hỏi: đại thể mình ở đây mấy ngày. Họ bảo: ít nhất là một tháng. Gay, như vậy là có thể chỉ còn một tháng nữa. Vậy, phải sống gấp, tranh thủ mà viết thôi. Nhưng bệnh viện của người ta nghiêm lắm. Mình phải nói dối là ra vườn chơi, rồi trốn vào cái phòng để chổi với dạ lau sàn nhà, khoá trái lại, viết. Viết liền một mạch, hai mươi ngày coi như xong. Rồi, họ thấy không sốt, dịu đi, mình ngồi thong thả chuốt lại.

B.K.Q.: Nhưng trước hết, anh đã nghĩ sao mà lại chọn cách viết đó, thể thơ đó?

T.H.: Mình có nhớ tới trường ca Lê-nin của Mai-a. Nhưng tạng mình không phải thế. Mình thiên về kiểu Hich-mét hơn là

Mai-a với Nê-ru-đa. Rồi mình nhớ lại cách viết như *Ba mươi năm đời ta có Đảng*. Đó là một loại vè cải tiến, dân gian phổ cập thì được. Cũng có chỗ xúc động, nhưng có ông khen quá đáng. Mình nghĩ: thôi, cứ theo kiểu viết tiểu sử, từ nhỏ đến lớn. Cũng phải gửi gắm suy nghĩ, lý giải xem tại sao lại có con người như Bác. Phải thử đoán nghĩ xem Bác cảm xúc gì, suy nghĩ gì. May cũng có quyển của Trần Dân Tiên nói ra hộ một phần. Rồi hình thức thế nào? Lục bát không ổn, mặc dù món này mình sử dụng không đến nỗi nào. Nhưng lục bát thì hơi nhẽo. Lối mới lên lên xuống xuống cũng không ổn. Ngũ ngôn không ổn, thất ngôn tứ tuyệt có cái lợi là đằm, buộc suy nghĩ, và bốn câu một thì uyển chuyển hơn. Mình cố giữ nghiêm niêm luật, nghiêm cách một chút. Như vậy, hình thức này vừa trầm tĩnh, nghiêm túc, vừa uyển chuyển lắng đọng. Lại có phong vị Đường thi mà! Thế là viết. Bây giờ, ngồi nghĩ lại, cũng khó viết lại được như thế. Nói về cuộc đời Bác, ngắn hơn thì không đủ, mà nhiều hơn, cũng không cần. Bấy nhiêu, đủ rõ một cuộc đời, trong bối cảnh dân tộc, quốc tế, nói rõ được tư tưởng, phẩm chất, phong cách.

B.K.Q.: Nhìn lại, từ bài thơ đầu tiên của anh về Bác, cho tới trường ca "Theo chân Bác", thật đúng là cả một quá trình. Ở giữa hai bài đó, có một thời gian là hai mươi lăm năm (1945-1970). Nhưng từ 1970 tới nay, đã một thời gian cũng hai mươi năm rồi, anh có nghĩ rằng mình sẽ viết một cái gì nữa về Bác không?

T.H.: Cũng có đấy. Bây giờ, viết về Bác, mình sẽ viết khác những cái đã viết rồi. Cũng có thể là chưa in ra ngay được. Nhưng thôi, để rồi mình viết đã, đừng nói trước... Hôm nay, từ câu chuyện về Bác, tôi muốn nói với anh em làm văn nghệ rằng phải thương nhau là một động lực sáng tác, một động lực vô giá. Hai chữ tình thương cũng là hai chữ căn bản của cuộc đời Bác đấy mà!...

Ngày 1 tháng 5 năm 1990

LẦN ĐẦU TIÊN ĐƯỢC GẶP HỒ CHÍ MINH VÀ VÕ NGUYÊN GIÁP

NGUYỄN ĐÌNH THI *kể*

Nhíu cặp lông mày rậm rồi im lặng một lúc khá lâu như để nhớ về những ngày bất diệt thời trai trẻ của mình, Nguyễn Đình Thi bắt đầu chầm chậm kể:

"Đầu tháng 8-1945, tình hình thế giới càng sôi động và càng có nhiều thay đổi lớn. Tin tức về việc trục phát xít Đức - Ý - Nhật đầu hàng không điều kiện đồng minh Mỹ - Anh - Pháp loang ra khắp nước.

Khắp nước, nhất là Hà Nội, lúc đó bùng lên cuồn cuộn phong trào đánh Pháp đuổi Nhật, giành lại độc lập.

Cũng chính trong nửa đầu tháng 8-1945 ấy, Hội Văn hoá Cứu quốc cử tôi và anh Khuất Duy Tiến, một trong những chiến sĩ cộng sản bạn thân của giới trí thức Hà thành, một trong những nhân vật lãnh đạo của Thành uỷ Hà Nội và Xứ uỷ Bắc Kỳ làm đại biểu chính thức của giới văn hoá lên *chiến khu giải phóng* dự một hội nghị đặc biệt tại Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang) do Tổng bộ Việt Minh triệu tập.

Theo sự phân công của Hội, tôi viết gấp một bản báo cáo nhan đề *Một nền văn hoá mới* để trình bày tại hội nghị. (Mấy ngày trước khi chúng tôi đi dự hội nghị Tân Trào, bản báo cáo đã được Hội nghị Văn hoá Cứu quốc họp tại La Khê, thuộc Hà Đông, thông qua).

Chúng tôi rảo bước trên những con đường nhỏ đi tắt qua một cánh đồng rộng sang chợ Chờ, tới sông Cầu, rồi tới huyện

Hiệp Hoà (Bắc Giang), nghỉ mấy ngày tại Hiệp Hoà, tôi và anh Tiến nhập vào đoàn anh Trần Huy Liệu.

Trong thời gian nghỉ, tôi đưa anh Trần Huy Liệu xem và góp ý kiến cho bản báo cáo *Một nền văn hoá mới*. Anh Liệu góp ý nhiều về vấn đề *tính dân tộc* trong văn hoá Việt Nam. Anh nói: Tính dân tộc là một di sản lớn của tiền nhân. Là con cháu, chúng ta phải đào sâu suy nghĩ về di sản lớn ấy và phải sáng tác, nghiên cứu trên nền tảng của di sản lớn ấy. Khi sáng tác và nghiên cứu, một mặt tuy không lệ thuộc văn hoá Pháp và Trung Quốc nhưng mặt khác, vẫn cần phải học cái hay của hai nền văn hoá lẫy lừng này.

Cuối cùng, sau một cuộc "trường chinh" đầy gian khổ nhưng đầy hứng khởi, đoàn đã tới Cao Vân.

Ngay buổi sáng tới Cao Vân, chúng tôi lập tức rẽ vào một đường mòn dưới chân đèo, băng rừng vượt dốc suốt sáng hôm ấy. Khoảng 12 giờ trưa, khi mặt trời tới đỉnh đầu, cả đoàn tới một bản nhỏ sạch sẽ.

Chú thiếu niên dẫn đường cho biết: đã đến *Tân Trào*.

Tân Trào là *Sóng Mới!*

Chúng tôi, tất thảy đều ngẩng cao đầu, hít thở thật sâu, căng lồng ngực của tuổi trẻ để đón chào giây phút huyền diệu được đến với chiến khu giải phóng, mảnh đất xa lạ giữa núi rừng mang tên *Tân Trào*, mang tên *Sóng Mới*.

Mấy phút sau, một người đàn ông nhỏ nhắn, hơi gày, khoảng trên ba mươi tuổi, gương mặt đẹp và thông minh, đôi mắt sắc sảo và thân thiện, phong cách rõ là trí thức, dáng lanh lẹn, sải bước rất nhanh từ trong dãy núi bất ngờ xuất hiện và đi về phía chúng tôi.

Người đàn ông hướng ngay về anh Trần Huy Liệu. Hai người vừa thân mật vừa mừng rỡ siết tay nhau và nói với nhau mấy câu chào hỏi vội vã.

Tiếp đó, người đàn ông bắt tay Khuất Duy Tiến rất chặt, rất lâu, rồi lần lượt bắt tay các anh em khác trong đoàn.

Anh Tiến nói nhanh gọn với chúng tôi: Đây là anh Võ Nguyên Giáp, cựu giáo sư trường Thăng Long, cử nhân xuất sắc Đại học Luật khoa Hà Nội, nhà báo, cựu Chủ tịch Báo giới Bắc Kỳ hồi Mặt trận Bình dân 1936-1939, một trong những nhân vật quan trọng nhất của Tổng bộ Việt Minh, người đặc trách quân sự của Tổng bộ, người trực tiếp chỉ huy toàn thể lực lượng Giải phóng quân cả nước.

Sau đó, Khuất Duy Tiến giới thiệu các anh trong Đảng Dân chủ với Võ Nguyên Giáp.

Cuối cùng, quay sang phía Võ Nguyên Giáp, Khuất Duy Tiến giới thiệu: Đây là Nguyễn Đình Thi, tác giả bài hát *Diệt phát xít*.

Siết chặt tay tôi, Võ Nguyên Giáp nói: - Tôi đã nghe bài hát *Diệt phát xít* bừng sôi lửa chiến đấu của anh. Chúc mừng anh.

Tôi hơi ngỡ ngàng và hơi lúng túng.

Nhưng cái bắt tay thật chặt và lời biểu dương của Võ Nguyên Giáp đối với bài *Diệt phát xít* đã nhanh chóng lấy lại sự bình tĩnh cho tôi.

Trước mắt tôi là một người trí thức cách mạng - một nhà cách mạng chuyên nghiệp có uy tín cao và lừng danh mà tôi từng biết tiếng trong những năm tháng học tại trường trung học *Bonnan* Hải Phòng, tại đại học Luật Hà Nội và trong mấy năm hoạt động giữa phong trào sinh viên Hà Nội.

Tôi không thể ngờ lần đầu tiên được lên Tân Trào, một trong những tổng hành dinh của cách mạng, thì người đầu tiên thay mặt Ban lãnh đạo cách mạng toàn quốc mà tôi vinh dự được gặp lại là Võ Nguyên Giáp!

Sau lời giới thiệu vắn tắt về Võ Nguyên Giáp của Khuất Duy Tiến, Võ Nguyên Giáp nói chuyện với chúng tôi, cũng rất

ngắn gọn: Thay mặt Tổng bộ Việt Minh, tôi chào mừng anh Trần Huy Liệu và tất cả các anh, những đại biểu đã lặn lội từ Hà Nội lên đây dự hội nghị lớn do Tổng bộ Việt Minh triệu tập. Kế hoạch làm việc cụ thể của hội nghị, sáng mai, 16 tháng 8-1945, trong lễ khai mạc, sẽ có người thông báo.

Võ Nguyên Giáp nói tiếp: Đất nước đang ở trong tình hình vô cùng khẩn cấp. Cơ hội ngàn năm có một của toàn dân đã đến. Hội nghị sắp tới chính là Quốc dân Đại hội, hội nghị Diên Hồng của thời đại mới. Quốc dân Đại hội sẽ cất lên tiếng nói đại đoàn kết của toàn dân về vận mạng của dân tộc, sẽ quyết định tổng khởi nghĩa khắp nước, sẽ quyết định thành lập Uỷ ban Dân tộc giải phóng. Tại Quốc dân Đại hội, tại hội nghị Diên Hồng của thời đại mới, các anh sẽ được gặp một con người mà toàn dân bấy lâu trông đợi.

Nói xong, Võ Nguyên Giáp giơ một nắm đấm tay phải lên thái dương (lối chào của Việt Minh thời ấy). Anh lần lượt siết chặt tay ba người: Trần Huy Liệu, Khuất Duy Tiến và tôi.

Ngay sau đó, Võ Nguyên Giáp sải những bước dài, lướt nhanh về phía sau dãy núi, rồi giữa núi rừng, bóng dáng anh nhanh chóng khuất chìm...

*

* *

Võ Nguyên Giáp đi rồi, đoàn chúng tôi chia ra mấy nhóm nghỉ trong mấy căn nhà sàn.

Sáng hôm sau, 16-8-1945, tất cả chúng tôi, ai nấy đều thay quần áo cũ, mặc những bộ quần áo sạch sẽ và lịch sự, rồi đến gốc một cây đa lớn cành lá sum suê làm tôn thêm vẻ u trầm của rừng núi Tân Trào (sau này, gọi là cây đa Tân Trào). Tại đây, mấy nữ đại biểu Hà Nội mặc áo dài đang trò chuyện với một bà cụ Việt Nam từ Thái Lan về.

Khoảng 7 giờ sáng, đại biểu từ các nhà sàn quanh đấy kéo về phía cây đa Tân Trào gần đủ. Tất cả được mời đến một ngôi

đình rất đẹp khá lớn gồm ba gian sàn gỗ ven bờ một con suối êm đềm chảy qua bản. Trong đình có hai phần. Một phần dùng làm phòng họp kê những hàng ghế dài bằng thân cây (không sơn, không đánh véc-ni) ghép lại. Một phần dùng làm nơi trưng bày sách, báo, tranh, ảnh và một ít vũ khí do Việt Minh tự chế tạo, một ít chiến lợi phẩm trong những trận đánh Nhật.

Dưới lá cờ đỏ sao vàng thiêng liêng, hơn sáu mươi đại biểu hầu hết đều ở tuổi hai mươi và tuổi ba mươi, đa số là trí thức, từ nhiều địa phương trong cả nước đến đã có mặt đông đủ và ngồi trang nghiêm trên những hàng ghế dài ghép bằng thân cây như đã nói trên.

Nhìn thấy tôi ở hàng ghế đằng sau, anh Huy Cận vội quay lại bắt tay chào và nói nhỏ: Nghe nói Nguyễn Ái Quốc đã về nước từ lâu và sẽ dự hội nghị này, do đó, tình hình sẽ xoay chuyển, vận nước sẽ cất cánh.

Đến giờ khai mạc.

Hai anh Toàn (tức đồng chí Trường Chinh) và Tống (tức đồng chí Phạm Văn Đồng) chia nhau điều hành đại hội. Đoàn thư ký gồm tôi (Nguyễn Đình Thi), Thư ký trưởng và hai uỷ viên thư ký là Khuất Duy Tiến và Huy Cận.

Anh Toàn trịnh trọng tuyên bố: Thể theo nguyện vọng của quốc dân đồng bào, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Quốc dân Đại hội gồm đại biểu tất cả các đảng phái, các giai cấp, các giới, các ngành, các lứa tuổi v.v., để bàn luận và để quyết định về việc tổng khởi nghĩa cướp chính quyền, giành độc lập cho đất nước. Quốc dân Đại hội sẽ bầu ra Uỷ ban Dân tộc Giải phóng để lãnh đạo tổng khởi nghĩa trên toàn cõi Việt Nam. Quốc dân Đại hội làm việc trên nguyên tắc: *đại đoàn kết và dân chủ, đại đoàn kết và dân chủ!*

Một số đại biểu thay mặt các đảng phái và các hội cứu nước lần lượt đọc báo cáo.

Không khí đại hội thật là hào hứng và sôi động không tưởng tượng nổi!

Bản báo cáo của tôi nhan đề *Một nền văn hoá mới*, do thời gian quá gấp, không thể đọc được, vì vậy, theo đề nghị của anh Toàn, tôi chỉ nêu lên trước đại hội một số điểm chính.

Lúc này, hết buổi sáng, đến giờ giải lao, anh Tống thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội thông báo đúng một câu hết sức ngắn gọn, thân mật nhưng không thiếu phần trịnh trọng: "Chiều nay, đồng chí Hồ Chí Minh sẽ tới báo cáo về công tác ngoại giao". Ngoài câu đó, anh không nói gì thêm về "đồng chí Hồ Chí Minh" nữa.

Anh Tống thông báo xong, nhiều tiếng xì xào nổi lên. Hầu hết các đại biểu đều hỏi nhau: đồng chí Hồ Chí Minh là ai? Mọi người đều thừa nhận: Hồ Chí Minh, cái tên rất hay nhưng rất lạ.

Sau giờ giải lao, ăn trưa và nghỉ ngơi, khoảng một giờ chiều, mọi người trở lại ngôi đình.

Trong khi Ban tổ chức chưa có ai lên giới thiệu chương trình làm việc buổi chiều thì... một cụ già gày gò, dong dỏng cao, chòm râu cằm lưa thưa còn đen chưa bạc, vầng trán cao, đôi mắt hiền từ nhưng đặc biệt sáng vận bộ quần áo Nùng màu chàm giống hệt một ông ké người Nùng bất ngờ chống gậy, dáng yếu mệt, không rõ từ đâu, bỗng nhiên từ từ bước vào hội trường.

Không ai bảo ai, toàn thể các đại biểu đều bị hút theo cái hình bóng vừa lạ lùng vừa quen thuộc vừa cao siêu vừa gần gũi - vừa trí thức vừa bình dân - vừa miền xuôi vừa miền ngược - vừa gày yếu vừa cứng cỏi ấy!!!

Sự thống nhất giữa những nét tương phản toát ra một cách tự nhiên từ phong thái của cụ già làm cho không khí hội trường đã ấm cúng càng trở nên ấm cúng!

Hai đồng chí Trường Chinh và Phạm Văn Đồng đã ngồi xuống bên một vài vị trong Đoàn Chủ tịch. Nhưng cụ già không ngồi. Cụ đứng ngay cạnh, phía sau đồng chí Trường Chinh.

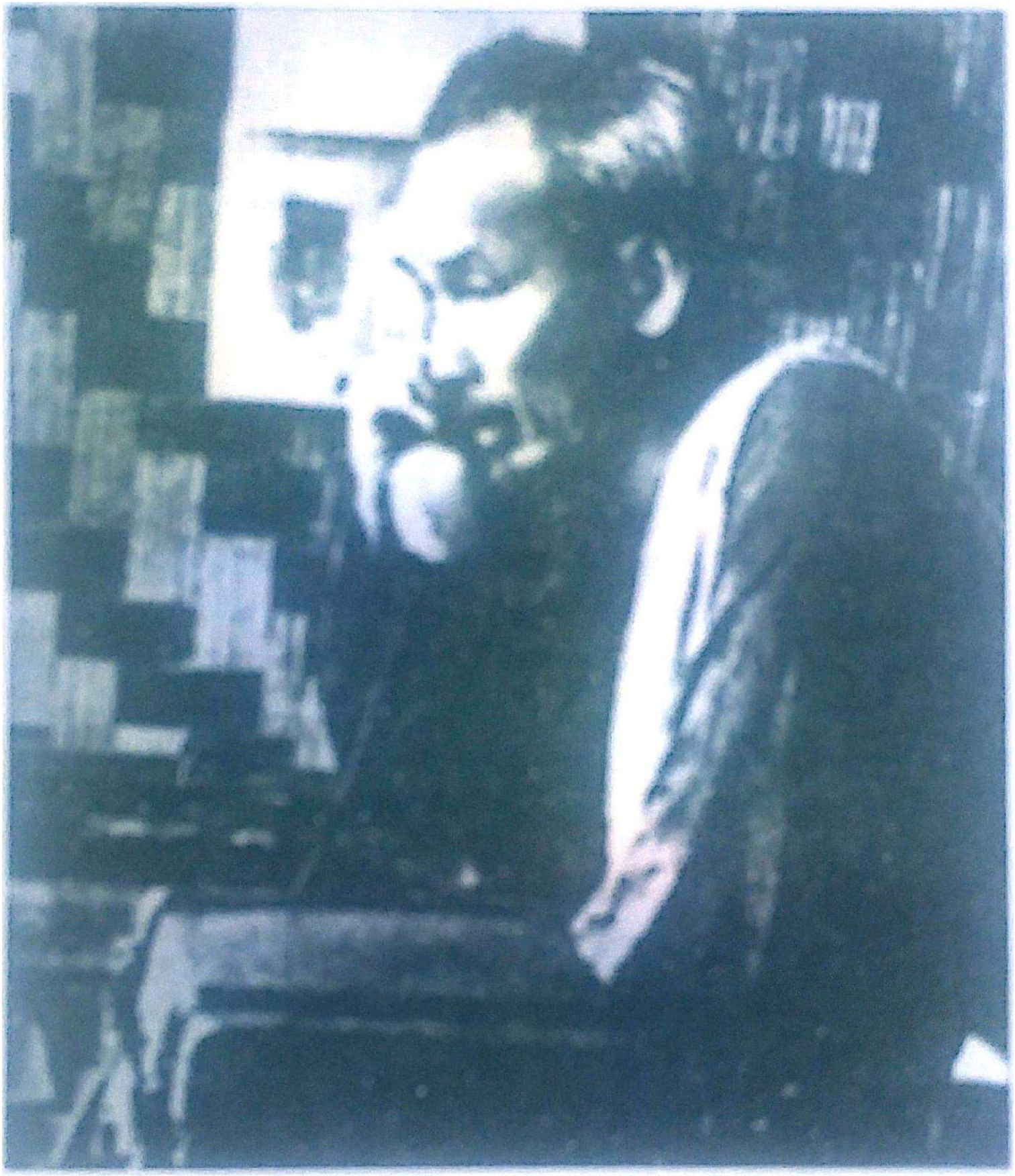

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phòng làm việc của Người
tại Việt Bắc (1947). *Ảnh: Đinh Đăng Định*

Cả hội trường đột nhiên xôn xao một lúc khoảng vài ba phút. Nhiều tiếng xì xào rất nhỏ: Nguyễn Ái Quốc! Nguyễn Ái Quốc! Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc!

Cụ Hồ thản nhiên trước những lời bàn tán xì xào.

Khi không khí hội trường trở lại yên lặng, từ phía sau đồng chí Trường Chinh, Cụ Hồ chống gậy, từ từ bước ra phía trước dãy ghế của Đoàn Chủ tịch. Rồi vẫn gắng gượng đứng và hướng về phía các đại biểu, Cụ bắt đầu phát biểu.

Không theo thói quen của một diễn giả mới lạ trước người nghe, Cụ không tự giới thiệu vắn tắt mấy nét về bản thân mình. Trái lại, Hồ Chí Minh nói ngay một cách tự nhiên, cứ như giữa Cụ và toàn thể các đại biểu đã quen biết nhau từ trước. Cụ phát biểu từ tốn, thong thả, thân mật như nói chuyện bình thường. Giọng cụ ấm, *gần gũi mà âm vang như những tiếng chuông.*

Không theo thói quen của các diễn giả, nghĩa là bắt đầu bài nói bằng những lời phân tích tình hình trong nước và quốc tế, trái lại, Cụ Hồ bắt đầu kể lại một câu chuyện. Đó là câu chuyện một trung uý phi công Mỹ bị pháo cao xạ Nhật bắn rơi, được Việt Minh cứu và đưa sang Trung Hoa gặp lại đơn vị của anh ta và vì vậy, vị Tư lệnh không quân Mỹ ở Trung Hoa đã mời đại biểu của Việt Minh sang gặp ông. Cụ kể tiếp: ở Trung Hoa, vị đại biểu đó (chính là tôi, Hồ Chí Minh) đã gặp gỡ thân mật các nhân vật Mỹ, Pháp, Trung Hoa Dân quốc của Thống chế Tưởng Giới Thạch tại Trùng Khánh và Côn Minh.

Nói đến đây, Cụ Hồ mới bắt đầu đi vào thực tiễn Việt Nam những ngày cực kỳ khẩn cấp giữa tháng 8-1945 đó.

Trong bầu không khí nghiêm trang, tất cả mọi người đều chăm chú lắng nghe.

Cụ nói tiếp: Thế nào đại diện của Đồng minh cũng sẽ vào Đông Dương sau khi Nhật đầu hàng không điều kiện. Trong bối cảnh ấy, nền độc lập của Việt Nam chắc chắn sẽ bị đe doạ từ

nhiều phía. Gần đây, Việt Minh có chuyển đến đại diện Chính phủ Pháp một bản yêu cầu gồm năm điểm với nội dung yêu cầu Pháp thực hiện ở Việt Nam một cuộc phổ thông đầu phiếu bầu ra một nghị viện. Nghị viện này có đại diện nước Pháp làm Chủ tịch, nghị viện này thực hiện các quyền tự do mà Hội Quốc liên đã đưa ra và sau năm năm, Pháp phải thừa nhận nền độc lập của Việt Nam, nghĩa là Pháp phải thừa nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập có chủ quyền.

Ngừng một lát, Cụ Hồ hỏi: Có vị đại biểu nào hỏi gì không. Chưa ai kịp lên tiếng. Cụ đề nghị luôn: Xin mời các vị tự do đặt câu hỏi với tôi, tôi sẽ cùng các vị thảo luận đến nơi đến chốn. Nói đến đây, Cụ gắng gượng ngồi xuống cái ghế tựa mới được đem đến gần đấy.

Không rụt rè, một vài đại biểu đưa ra những thắc mắc, những câu hỏi rất thiết thực và rất chân thành.

Mặc dầu không giấu nổi vẻ yếu mệt, Cụ Hồ vẫn tươi cười, từ tốn và nhã nhặn đáp lại. Đại ý: Bây giờ, chúng ta chưa có gì mạnh khiến cho Pháp chịu thương lượng. Muốn Pháp chịu thương lượng, ta phải có thời gian đoàn kết xây dựng lực lượng mọi mặt để đủ mạnh ở mức cần thiết. Thời gian ấy, theo Cụ và các đồng chí của Cụ trong Tổng bộ Việt Minh, khoảng *năm* năm.

Sau khi không còn đại biểu nào nêu thắc mắc nữa, Cụ Hồ nói tiếp về công việc trước mắt của Việt Minh và của toàn dân.

Cụ nói: Hai quả bom nguyên tử của Mỹ đã dội xuống đất Nhật. Vua Nhật (Cụ không dùng hai từ Nhật hoàng mà dùng hai từ thuần Việt: *vua Nhật*) chấp nhận đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Do đó, sớm muộn, quân Đồng minh cũng sẽ vào Việt Nam tước vũ khí quân Nhật. Chắc chắn các đơn vị quân đội Anh và Trung Hoa (Tưởng Giới Thạch) sẽ vào Việt Nam thực hiện việc tước vũ khí của Nhật. Khi ấy, quân Pháp (của Đờ Gôn) cũng sẽ lợi dụng tình hình này để chiếm lại Việt Nam vì Pháp là

một nước lớn trong phe Đồng minh chống phát xít. Chúng ta có thể nhìn thấy trước là Việt Nam sẽ bị xâu xé trong một tình hình như thế.

Cụ nói tiếp: Chúng ta, ngay từ bây giờ, phải dự đoán cho thật chính xác cái tình hình hết sức phức tạp đó. Chúng ta phải thấy trước: sau khi Nhật ký Hiệp ước đầu hàng Đồng minh không điều kiện, Việt Nam sẽ không có chính quyền và quân đội nước ngoài. Vì vậy, Việt Minh phải tranh thủ thời cơ ngàn năm có một này, lãnh đạo toàn dân đoàn kết cướp chính quyền, thành lập ngay tức khắc chính phủ lâm thời. Chính phủ này sẽ nhanh chóng tuyên bố trước toàn thế giới nền độc lập và quyết tâm giữ vững nền độc lập ấy của toàn thể dân tộc Việt Nam. Chính phủ này cũng sẽ đóng vai trò người chủ hợp pháp của nhân dân Việt Nam chủ động tiếp đón quân đội Đồng minh đến tước vũ khí quân Nhật. Nếu chúng ta biết đoàn kết thực hiện được điều đó thì muốn làm gì trên đất nước ta, quân Đồng minh nói chung và quân Pháp nói riêng cũng đều phải bàn bạc với Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam độc lập.

Cụ Hồ nói thật chậm câu cuối cùng: *Tôi tha thiết mong toàn thể các vị hãy đoàn kết với nhau hơn nữa, đoàn kết với toàn thể đồng bào hơn nữa để đánh thắng giặc Nhật, giành lại bằng được nền độc lập cho nước nhà! Đoàn kết, đại đoàn kết là sức mạnh! Đoàn kết, đại đoàn kết là thắng lợi!*

Nói xong, vẫn với dáng rất yếu mệt, Cụ Hồ gắng gượng từ từ đứng lên, chống gậy từ từ bước ra cửa lớn ngôi đình.

Một vài đại biểu nhanh nhẹn đến đỡ Cụ.

Lúc đó, khoảng quá mười sáu giờ.

Anh Tống thông báo: Đại hội tạm nghỉ họp để ra bờ suối tiễn đưa một đơn vị Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Tổng bộ Việt Minh chỉ huy rời Tân Trào tiến về Thái Nguyên đánh Nhật và sau đó, tiến thẳng về Hà Nội tham gia tổng khởi nghĩa cướp chính quyền.

Nhà cách mạng - nhà hùng biện Trần Huy Liệu tiến đến gần đoàn quân. Trần Huy Liệu cũng đứng nghiêm, trìu mến nhìn những chiến sĩ rất tươi trẻ. Bằng giọng nói thân mật và trịnh trọng, với tư thế của một người lãnh đạo, ông nói vắn tắt mấy lời căn dặn và chúc đoàn quân ra đi là chiến thắng, ra đi dưới sự chỉ huy của Võ Nguyên Giáp, phải thắng, phải chiếm được Thái Nguyên, rồi thẳng tiến về Hà Nội.

Võ Nguyên Giáp, súng lục bên hông phải, không rõ từ đâu, đột nhiên xuất hiện, sải bước rất nhanh về phía đoàn quân.

Lại một tiếng hô: Nghiêm! Tất cả chờ lệnh của Chỉ huy trưởng!

Võ Nguyên Giáp chào theo lối Việt Minh.

Đứng trước đoàn quân, Võ Nguyên Giáp, giọng sang sảng ra lệnh cho đoàn quân: Tiến thẳng về Thái Nguyên bao vây và tiến công quân Nhật, kiên quyết giành thắng lợi cho bằng được; sau đó, từ Thái Nguyên thẳng tiến về Hà Nội tham gia tổng khởi nghĩa và góp phần bảo vệ thành quả của tổng khởi nghĩa! Phải thắng! Phải thắng!

Tất cả các đại biểu đều im lặng và hồi hộp theo dõi cảnh xuất quân vừa sống động, vừa thần kỳ ấy của cách mạng trong những ngày chuẩn bị tổng khởi nghĩa giữa rừng núi căn cứ địa Tân Trào.

Sự hoàn hảo về mọi mặt trong lễ xuất quân của Việt Minh do Võ Nguyên Giáp chỉ huy xế chiều hôm đó thật sự vượt quá sức tưởng tượng của tất cả các đại biểu!

Tất cả chúng tôi đều hiểu rõ: Cuộc xuất quân của Võ Nguyên Giáp báo hiệu những chặng đường máu lửa của đại nghiệp cứu nước đã hiện ra trước mắt toàn dân!

Chúng tôi cũng hiểu rõ: Độc lập, tự do, quyền sống của con người, phẩm giá con người, chỉ có thể giành lại được không chỉ bằng những cuộc xuống đường mà còn bằng xương máu, nhất là bằng xương máu!

Theo lệnh của Tổng Bí thư Trường Chinh, đoàn đại biểu Xứ uỷ Bắc Kỳ gồm Bí thư Xứ uỷ Nguyễn Văn Trân, anh Trần Quốc Hoàn và chị Khôi (bí danh của em ruột anh Phan Trọng Tuệ) trở về Bắc Ninh ngay sau lễ xuất quân của Võ Nguyên Giáp để kịp lãnh đạo khởi nghĩa cướp chính quyền ở Bắc Ninh.

*

* *

Hôm sau, tức ngày 17-8-1945, Đại hội thông qua quyết định vĩ đại Tổng khởi nghĩa cướp chính quyền (hồi đó, chúng ta quen gọi cướp chính quyền) và bầu Uỷ ban Dân tộc Giải phóng (tức Chính phủ Lâm thời).

Không như chiều qua, sáng nay, Cụ Hồ ngồi trên ghế Đoàn Chủ tịch.

Không khí Đại hội tiếp tục sôi nổi và càng về sau càng sôi nổi.

Nhà cách mạng Hồ Chí Minh (người mà lúc đó ai nấy đều tin rằng chính là Nguyễn Ái Quốc) được toàn thể các đại biểu nhất trí bầu làm Chủ tịch Uỷ ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam, Trần Huy Liệu được bầu làm Phó Chủ tịch.

Đại hội cũng thông qua danh sách năm thành viên Ban thường trực của Uỷ ban Dân tộc Giải phóng: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng và Dương Đức Hiền.

Toàn thể đại hội vỗ tay vang dội kéo dài, nồng nhiệt chào mừng.

Khi tiếng vỗ tay đã ngớt, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và toàn thể các thành viên của Uỷ ban cùng tiến về phía trước, đối diện với những hàng ghế trên cùng, ra mắt Đại hội.

Hồ Chủ tịch thay mặt Uỷ ban cảm ơn Đại hội. Sau đó, trong không khí đặc biệt trang nghiêm, Người trịnh trọng đọc lời thề của Uỷ ban quyết tâm lãnh đạo toàn dân giành lại và giữ vững nền độc lập của Tổ quốc.

Toàn thể Quốc dân Đại hội nhất trí thông qua quyết định lấy cờ đỏ sao vàng làm Quốc kỳ, lấy *Tiến quân ca* (lời và nhạc của Văn Cao) làm Quốc ca.

Ngay sau khi được Đại hội thừa nhận làm quốc ca, *Tiến quân ca* được toàn thể các đại biểu nhất loạt đứng lên cùng hát vang giữa đình Tân Trào. Một số đại biểu dù chưa biết bài hát này cũng mấp máy miệng hát theo:

Tiến mau ra sa trường! Tiến lên! Cùng tiến lên! Chí trai là nơi đây, nơi ước nguyền!

Trong đoàn đại biểu nhân dân Tân Trào đến chào mừng thành công của Đại hội có mấy em bé.

Hồ Chí Minh chỉ tay vào một em bé cởi truồng, bụng ỏng đít vòi và nói: Toàn thể chúng ta đều phải tìm mọi cách làm cho đất nước này sẽ sớm không còn một cháu nào như cháu này, nghĩa là tất cả các cháu đều phải được ăn no mặc ấm và được học hành đến chốn đến nơi! Thay mặt Uỷ ban Dân tộc Giải phóng, tôi, Hồ Chí Minh, xin thề sẽ không để cho trên Tổ quốc ta còn một cháu bé nào phải sống trong tối tăm và đói khổ như cháu bé đang đứng đây nữa!

Sau đó, Cụ Hồ tự dịch câu nói trên ra cả tiếng Thổ lẫn tiếng Nùng.

Bước đến gần em bé, Cụ cúi xuống, nhưng vì sức quá yếu, Cụ không đủ sức bế em lên!

Hồ Chí Minh lặng đi một lát!

Không ai bảo ai, như Bác, tất cả cũng lặng đi!

*

* *

Anh Toàn tuyên bố: Đại hội kết thúc phần chính thức.

Anh nói tiếp: Bây giờ đến cuộc liên hoan cây nhà lá vườn giữa các đại biểu với nhau.

Các anh Trần Huy Liệu, Dương Đức Hiền, Hoàng Đạo Thuý, Huy Cận, Lê Giản, v.v. cùng đến bên tôi yêu cầu tôi hát một bài với lý do: Thi là đại biểu ngành văn hoá và biết chút ít âm nhạc.

"Vâng lệnh" các anh, trong không khí bừng sôi thắng lợi của Đại hội, tôi hát bài *Thanh niên cứu quốc* (không hát bài *Diệt phát xít* như một vài người đã lầm). Tôi say sưa hát với tất cả sự cố gắng nhằm truyền cảm mạnh nhất đến toàn thể các đại biểu. Tôi hát to: *"Gươm đâu, gươm đâu, thời cơ đang đến! Tiến lên, tiến lên, theo cờ Việt Minh!"*. Tôi hoàn toàn không biết rằng Hồ Chủ tịch đang chăm chú lắng nghe tiếng hát của tôi.

Khi vừa hát xong, tôi bỗng nghe rõ riếng Hồ Chủ tịch: "Bây giờ mà chú còn hát *gươm đâu, gươm đâu* thì thật không hợp với tình hình! Chú nên hát *gươm đây, gươm đây!*".

Tôi không thể ngờ Hồ Chủ tịch lại chăm chú nghe tôi hát đến mức đó.

Các đại biểu hoan hô và reo cười.

Từ giây phút ấy, một cách tự nhiên và tự nguyện, tôi gọi Chủ tịch là Bác, Bác Hồ!

Nhân đây, tôi cũng nói rõ: ngay trong Đại hội, không chỉ có tôi, mà các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và nhiều đại biểu khác đã gọi Hồ Chủ tịch là Bác.

Tình hình cả nước lúc đó hết sức khẩn cấp. Có tin mặc dù chưa nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa, nhưng Hà Nội đang gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa.

Trong bối cảnh ấy, Uỷ ban Dân tộc Giải phóng họp khẩn cấp để bàn luận và quyết định một số vấn đề trọng yếu của tổng khởi nghĩa đồng thời dự kiến một số tình huống hết sức khó khăn và vô cùng nguy hiểm sẽ xuất hiện khi quân Đồng Minh vào tước vũ khí quân Nhật.

Anh Toàn tuyên bố: Tình hình Hà Nội và cả nước cực kỳ khẩn cấp. Đại hội phải kết thúc ngay chiều nay, sớm một ngày!

Nhưng chính vì tình hình khẩn cấp như vậy, cho nên mặc dầu bị sốt rét rất nặng và kéo dài, Bác Hồ vẫn yêu cầu triệu tập tất cả các đại biểu đến một căn nhà sàn để Bác gặp lần cuối cùng nghe Bác căn dặn trước khi các đại biểu lao vào gió bão Tổng khởi nghĩa.

Trong một căn nhà sàn không người, hơn sáu mươi đại biểu, hầu hết ở tuổi hai mươi và tuổi ba mươi, ngồi quây quần quanh cái bếp đã tắt lửa tắt khói giữa nhà.

Hồ Chí Minh yếu lắm, không đủ sức tự lực lên cầu thang nhà sàn. Phải có người dìu lên. Tới mặt sàn, Bác vẫn thở dốc vì rất mệt. Bác ngồi xuống sàn, dựa lưng vào cột nhà.

Tất cả các đại biểu đều ứa lệ nhưng ai nấy đều hiểu rằng vị Chủ tịch Uỷ ban Dân tộc Giải phóng gần như kiệt sức ấy đang dốc toàn bộ trí tuệ, tâm hồn, trách nhiệm và tình cảm của mình vào công việc lớn nhất, công việc mất còn của toàn thể dân tộc: Tổng khởi nghĩa.

Nén hết sự đau yếu, với giọng xứ Nghệ nhưng dễ nghe, Hồ Chí Minh gắng gượng nói khá to cho tất cả chúng tôi cùng nghe rõ. Người dặn: khi khởi nghĩa, phải cố gắng cướp lấy súng đạn, trước hết là súng đạn, càng nhiều càng tốt; nhưng vũ khí cướp xong, phải cất giấu thật bí mật và thật cẩn thận, tránh ẩm thấp, chuẩn bị khi cần thiết dùng vào cuộc chiến đấu vũ trang. Người còn nhắc: Quân đội Việt Minh chớ có phô trương súng đạn, quân Đồng minh trông thấy sẽ đòi tịch thu, vừa mất vũ khí lại vừa phiền phức trong công tác đối ngoại. Người chỉ thị: Nếu có chuyện va chạm, tuyệt đối không được nổ súng. Đặc biệt, nếu thấy người Pháp nhảy dù xuống, tuyệt đối không được giết, không được đánh đập, không được đe doạ, chỉ được bắt sống, đối xử thật tử tế rồi chuyển ngay lên Tổng bộ Việt Minh. Người

yêu cầu: Chúng ta phải thật lòng trong mọi việc đối với Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp.

Vừa nói, Bác vừa thở vừa nghỉ.

Tất cả chúng tôi, ai nấy đều lắng nghe nhưng nhiều người thầm khóc. Một vài người, trong đó có tôi, phải lấy tay ra thấm nước mắt. Có những nữ đại biểu khóc nức nở.

Bác tiếp tục vượt qua những cơn yếu mệt, tiếp tục căn dặn toàn thể các đại biểu một số công việc rất cụ thể nữa.

Nói xong, Bác Hồ tiếp tục nén yếu mệt, hỏi các đại biểu có ai thắc mắc gì không, nếu có, cứ tự do và thành tâm hỏi, Bác sẽ giải đáp.

Các đại biểu nhìn nhau, lo ngại cho sức khoẻ vị Chủ tịch vô cùng kính yêu của Uỷ ban Dân tộc Giải phóng. Ai cũng ngại hỏi.

Tuy nhiên, một số đại biểu cũng mạnh dạn nêu lên thắc mắc chân thật của mình hoặc của những người khác.

Bác bình tĩnh nghe và ôn tồn trả lời cặn kẽ từng câu hỏi của từng đại biểu, không bỏ qua một câu hỏi nào. Câu trả lời của Bác luôn luôn ngắn gọn, tế nhị và làm dịu đi những vấn đề chưa thể giải quyết ngay được trong một sớm một chiều.

Khi không còn ai nêu thắc mắc nữa, khi tất cả các đại biểu đều thông suốt mọi vấn đề, Bác cảm ơn toàn thể đại biểu một lần nữa.

Vẫn dựa lưng vào cột nhà sàn, nghỉ một lát để thở và lấy sức, rồi vượt lên trên yếu mệt, Bác chúc mọi người đoàn kết hơn nữa vì đại nghiệp cứu nước và trở lại các địa phương sớm nhất để tham gia Tổng khởi nghĩa.

Một số đại biểu đỡ Bác xuống cầu thang.

Tới mặt đất, cố đứng lại chờ cho đến lúc mọi người trên sàn xuống hết, Bác mới chịu đi.

Từ dưới chân nhà sàn, ai nấy đều nhìn theo bóng áo chàm của Bác khuất dần sau dãy núi...

Anh Phan Mỹ nói với tôi và Dương Đức Hiền, Hoàng Hữu Nam, Huy Cận, Lê Giản, Hoàng Đạo Thuý cùng nhiều người đứng xung quanh: Chúng ta phải làm tất cả những gì có thể làm được để xứng đáng với Hồ Chí Minh!

Các anh Toàn và Tống lần lượt siết chặt tay chúng tôi và chúc trở về thắng lợi.

Quốc dân Đại hội bế mạc!

Tất cả các đại biểu đều kinh ngạc và khâm phục trình độ tổ chức rất tuyệt diệu của Tổng bộ Việt Minh trong hai ngày đại hội vừa qua! Ai nấy đều khâm phục cách cư xử đặc biệt dân chủ, lịch thiệp, tế nhị và thật lòng của Bác!

Trong tâm trí chúng tôi, Quốc dân Đại hội là một trong những hội nghị toàn dân lớn nhất trong lịch sử dân tộc; Quốc dân Đại hội là một trong những biểu hiện thắng lợi của thiên tài Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Suốt đêm 17 cho đến rạng sáng 18-8-1945, tôi và các đại biểu gần như thức trắng.

Hôm sau, từ sáng tinh mơ, đoàn nào đoàn nấy lần lượt rời tổng hành dinh thần thánh Tân Trào, toả về các địa phương cả nước.

Quay nhìn một lần nữa bản làng Tân Trào giờ đây đã trở nên hết sức thân yêu, lòng dạt dào thương nhớ, chúng tôi chầm chậm bước đi một đoạn ngắn rồi rảo bước.

Chúng tôi tiếp tục rảo bước, gấp rút xuôi về Hà Nội với niềm vui bất tuyệt, với niềm tin bất diệt ở tương lai của đất nước, ở một con người có tên Hồ Chí Minh, con người ấy chính là Nguyễn Ái Quốc.

Tp. Hồ Chí Minh, 4-1992
NHẬT HOA KHANH *ghi*

BÁC HỒ VỚI VĂN NGHỆ SĨ MIỀN NAM

BẢO ĐỊNH GIANG

Khi công tác ở Hà Nội, tôi vinh dự được phân công cùng với một số đồng chí ở Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức một số buổi biểu diễn văn nghệ cho Trung ương xem và những buổi biểu diễn khác do Trung ương chiêu đãi khách trong nước và nước ngoài. Thời gian tuy qua lâu, nhưng tôi vẫn nhớ mãi những kỷ niệm mà tôi cho là rất thú vị, nhất là những kỷ niệm đối với Bác. Thỉnh thoảng trong câu chuyện về Bác với anh chị em văn nghệ miền Nam, tôi cũng thường nhắc lại, không giấu được nỗi xúc động trong lòng.

Hội nghị Chính trị đặc biệt được tổ chức trọng thể tại Hội trường Ba Đình 1964. Đây là một Hội nghị rất quan trọng do Bác Hồ chủ trì, một mặt nhằm cổ vũ nhân dân miền Nam tiến lên mạnh mẽ trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược; mặt khác, thông qua tiếng nói nhất trí của Hội nghị làm cho nhân dân thế giới thêm đồng tình ủng hộ cuộc chiến đấu thần thánh của nhân dân miền Nam nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung. Trên diễn đàn Hội nghị, tiếng nói của Bác Hồ vang lên như sấm sét bổ vào đầu bọn cầm đầu Nhà Trắng. Đó là tiếng nói của niềm tin tuyệt đối; của sức mạnh toàn dân trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, không có thế lực nào ngăn cản nổi.

Vui bởi thắng lợi của Hội nghị, Bác chỉ thị cho anh Vũ Kỳ - người giúp việc lâu năm bên cạnh Bác - bảo tôi tổ chức một tối biểu diễn cho hay để đại biểu trong cả nước về dự Hội nghị thưởng thức trước khi chia tay.

Được giao nhiệm vụ, tôi rất phấn khởi báo cho Bộ Văn hoá biết và trực tiếp đến từng đơn vị nghệ thuật gồm nhiều đoàn, do Vụ Nghệ thuật của Bộ quản lý và một số đơn vị khác thuộc Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, Tổng cục Chính trị quân đội bàn việc chọn tiết mục. Để tăng cường giọng ca cải lương, tôi vào Hà Đông mời vợ chồng anh Mạnh Tưởng góp thêm một tiết mục, cốt làm vui lòng các đại biểu miền Nam ra dự Hội nghị.

Ngày cuối cùng của Hội nghị, khoảng 9 giờ sáng, anh Vũ Kỳ gọi dây nói bảo tôi lên ngay để gặp Bác tại hội trường. Tranh thủ lúc Hội nghị giải lao, Bác hỏi tôi một số việc xung quanh tối biểu diễn đó.

Bác hỏi: "Nội dung tiết mục?".

Tôi thưa: "Nội dung gồm hai phần: phần xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và phần chống Mỹ ở miền Nam!".

Bác hỏi: "Thể loại gì?".

Tôi thưa: "Gồm ngâm thơ, đơn ca, tốp ca, độc tấu, hát chèo, ca cải lương, trích đoạn tuồng và mấy màn múa. Đa phần là biểu diễn các hình thức nghệ thuật dân tộc nổi tiếng trên các miền đất nước!".

Bác hỏi: "Mở màn bằng tiết mục gì?".

Tôi thưa: "Một bài về Đảng và một bài về Bác, do nghệ sĩ Quốc Hương trình bày".

Bác nói: "Nói với chú Quốc Hương, Bác rất cám ơn, nhưng Bác yêu cầu chỉ hát một bài về Đảng thôi!".

Bác hỏi: "Thời gian biểu diễn?".

Tôi thưa: "Hai tiếng rưỡi, không nghỉ giải lao!".

Bác nhìn tôi vẻ kinh ngạc, Bác hỏi: "Vì sao chú kéo dài thời gian đến thế? Mấy chú tham quá, nghệ thuật dù hay đến đâu, nhưng kéo dài quá, người xem sẽ chán!".

Rồi Bác lại hỏi tiếp: "Có thể rút lại còn một tiếng rưỡi được không?".

Tôi thưa: "Có thể được!".

Bác hỏi: "Rút bớt như thế có khó khăn gì không?".

Tôi thưa: "Lỗi của chúng cháu là hơi tham, nhưng hầu hết anh chị em nghệ sĩ, trước đông đảo đại biểu gồm nhiều địa phương về dự họp, họ muốn biểu diễn để chào mừng, nhất là biết tin có Bác đến xem, họ đều náo nức... Chúng cháu chỉ chọn trong mỗi đơn vị lấy một tiết mục hay thôi, nhưng do có nhiều đơn vị nên tiết mục hoá nhiều ra. Nay cắt một tiết mục nào coi như cắt đơn vị ấy, anh chị em sẽ buồn, đặc biệt là bảy đơn vị miền Nam tập kết".

Bác nói giọng ôn tồn: "Thế thì khó cắt, còn giữ nguyên thì thời gian sẽ kéo dài... Chú có cách nào xử lý không?".

Thấy tôi lúng túng, Bác nói: "Chú điều khiển chương trình sao cho chặt chẽ, diễn viên ra vào sao cho nhanh gọn, không để mất thời giờ, có như thế may ra mới rút ngắn được thời gian".

Rồi Bác lại hỏi: "Chú huy động cho đêm nay bao nhiêu nghệ sĩ?".

Tôi thưa: "Bốn trăm người tất thảy!".

Bác nói: "Sao nhiều thế?".

Tôi thưa: "Nhiều là do mỗi nghệ sĩ đơn ca đều kéo theo mình những nhạc sĩ đệm đàn cho tiết mục. Chẳng hạn như Thanh Huyền, mỗi lần cô hát bài *Người ơi, người ở đừng về* có tới năm, bảy tay đàn đệm".

Bác nói: "Không nhất thiết phải sử dụng đàn đệm nhiều như thế! Nhưng vì quen biểu diễn, bớt đi cây đàn nào thì chẳng những người đánh đàn mất vui mà nghệ sĩ hát cũng mất hứng".

Tới phút Hội nghị sắp họp lại, tôi đứng dậy xin phép Bác ra về. Bác hỏi: "Trong chương trình biểu diễn có bài *Bên cầu Hiền Lương* không?".

Tôi thưa: "Có!".

Bác bảo: "Rất tiếc là chương trình kéo dài, nếu không thì nên hát lại lần thứ hai. Vì nhiều người thích nghe và Bác cũng thích nghe bài đó".

Bác đứng dậy toan trở lại phòng họp. Nhưng tôi cứ phập phồng về thời gian biểu diễn kéo dài. Tôi mạnh dạn hỏi Bác câu cuối: "Thưa Bác! Nếu có tiết mục nào được khán giả hoan nghinh vỗ tay kéo dài, yêu cầu hát lại lần thứ hai, thì sao?".

Bác vừa cười, vừa nói: "Đó là phần thưởng đối với các cô, các chú, ngoài dự tính. Có yêu cầu thì phải hát lại".

Rời hội trường Ba Đình ra về, tôi rất lo lắng về đêm biểu diễn. Tôi không băn khoăn nhiều về chất lượng đàn hát của các nghệ sĩ, vì cộng với các bài hát "tủ" của họ là tinh thần hào hứng được biểu diễn cho Bác và đại biểu Hội nghị khắp nước xem.

Điều băn khoăn nhất đối với tôi là chương trình kéo dài, như Bác nhận xét.

Đêm biểu diễn bắt đầu. Tôi đứng sau cánh gà, nhìn đồng hồ từng phút. Hai tiếng rưỡi trôi qua mà chương trình vẫn chưa kết thúc. Xuyên qua kẽ hở cánh gà, tôi nhìn Bác ngồi ở hàng ghế đầu phía tay phải (Bác không ngồi giữa) mà lòng hồi hộp từng giây. Trước sau có năm tiết mục được vỗ tay kéo dài, yêu cầu hát lại. Bài *Bên cầu Hiền Lương* do Thanh Huyền hát được hoan nghinh nhiệt liệt. Tiếng hô "bis" vang dậy khắp hội trường. Qua các lần được hát lại như thế, tôi bớt lo và cảm thấy sung sướng vô cùng.

Hai tiếng rưỡi với Bác là quá dài. Nhưng đến khi các nghệ sĩ nhận những bó hoa tươi từ phía khán giả mang lên sân khấu thì đã 10 giờ 20 phút. Như vậy chẳng những thời gian không bớt chút nào, trái lại tăng thêm.

Sau đêm biểu diễn anh Vũ Kỳ gặp tôi nói: "Chưa bao giờ Bác phải ngồi xem gần 3 tiếng đồng hồ như thế". Thấy tôi tỏ vẻ ái ngại, anh Vũ Kỳ nói tiếp: "Bác khen đêm biểu diễn tốt". Nghe đến đó tôi khôn xiết mừng thầm, đem lời nói của anh Vũ Kỳ loan báo cho các đơn vị nghệ thuật biết.

Năm 1965, từ miền Nam, tác giả Thanh Lý (tức Lý Văn Sâm) có gửi ra cho chúng tôi mấy bài ca sáng tác theo điệu cải lương. Tôi chọn một bài giao cho cháu Ái Xuân tập. Đó là bài ca trào phúng *Tía em chúa sợ xe lội nước* theo điệu Bắc Sơn Trà. Sau bữa cơm chiều hôm đó, tôi đưa cháu - lúc đó mới lên chín, mười - lên chỗ Bác, ca cho Bác nghe. Thỉnh thoảng chúng tôi hay tổ chức những buổi biểu diễn nhẹ, gọn như thế, thời gian kéo dài nhiều nhất là nửa giờ, để Bác vui. Bài ca có những câu:

Tía em chúa sợ xe lội nước
Nghe rù rù ổng động mất tiêu
Cứ như thế ổng dông tới chiều...

Khi tía về nhà, được nghe kể lại, bên ta đã diệt được xe lội nước, ông lấy làm khoái chí. Bài ca có câu:

Tía tôi gật gù, mỉm cười vuốt râu...

Ái Xuân vừa ca, vừa ra động tác, khi thì diễn tả trạng thái sợ xe lội nước của ông già, khi thì "gật gù" "mỉm cười vuốt râu" trước thắng lợi. Cách diễn hồn nhiên của cháu Ái Xuân trước Bác, khiến Bác rất khen. Mỗi lần có bài hát mới thì các cháu đều lên Bác hát cho Bác nghe như vậy.

Cháu Ái Xuân chỉ độc có một cái áo mặc khi đi biểu diễn. Đó là cái áo nhung đen đã bạc màu, viền trắng. Bác nhắc chúng tôi sắm cho cháu một cái áo để mặc khi biểu diễn. Tôi đem việc ấy nói với Văn phòng Bộ Nội thương. Ít lâu sau cháu được tặng vải.

... Năm 1967, sau khi nhận được bó ký hoạ của anh em hoạ sĩ miền Nam gửi ra, hợp tác với Hội Mỹ thuật, chúng tôi liền tổ chức ngay tại trụ sở một phòng triển lãm đơn giản để giới văn

nghệ ở Hà Nội kịp xem những công trình được nấu nung từ chiến trường đầy khói lửa. Tôi có ý nghĩ: Nếu được Bác Hồ đến xem, chắc là giới văn nghệ miền Nam phấn khởi lắm. Tôi trình bày ý nghĩ của mình với anh Vũ Kỳ. Mấy hôm sau, tôi được tin Bác sẽ đến vào một ngày giờ nhất định.

Khôn xiết vui mừng và vinh dự được đón Bác. Từ 7 giờ đến 8 giờ rưỡi tối hôm đó, Bác xem rất kỹ từng bức ký hoạ của sáu hoạ sĩ miền Nam gửi ra. Bác hỏi tỉ mỉ từng người, cuộc sống và cách làm việc của họ. Các hoạ sĩ viết chú thích dưới tranh theo kiểu của hoạ, rất khó đọc, nhưng Bác vẫn chăm chú đọc từng lời.

Xem xong Bác hỏi: "Các chú giữ gìn tranh này tốt không?".

Tôi thưa: "Đồng chí Tố Hữu luôn luôn nhắc nhở chúng tôi phải giữ gìn kỹ lưỡng".

Bác nói: "Đề phòng mối và ẩm ướt, nhất là phải có cách đối phó với tàu bay, mỗi lần chúng đánh ra Hà Nội".

Tôi thưa: "Đồng chí Tố Hữu dặn chúng tôi, nếu cần thì chuyển lên Văn phòng Trung ương để đồng chí nhờ người đem cất giấu bảo đảm an toàn".

Bác dặn: "Các chú nhớ cho in ra nhiều bản, cho đồng bào ở ngoài này được xem, chứ triển lãm như thế này thì có mấy người được xem!". (Từ lời dặn của Bác, anh em ở Hội Mỹ thuật xúc tiến kế hoạch in trong nước và cử hoạ sĩ ra nước ngoài nhờ in. Chưa bao giờ ký hoạ được in đẹp như thế, nhiều như thế và phổ biến rộng khắp như thế). Trước khi rời phòng triển lãm, Bác hỏi: "Chú Tố Hữu, chú Hà Huy Giáp đã xem chưa?".

Tôi thưa: "Đã đến nhiều lần".

Bác dặn: "Nói với các chú ấy chuyển lời khen ngợi của Bác đến các hoạ sĩ và anh chị em văn nghệ đang chiến đấu ở miền Nam".

Bác lại nói thêm: "Có chữ gì thay cho chữ "ký hoạ", vì hai tiếng "ký hoạ" rất khó hiểu với đông đảo đồng bào".

Năm sau, 1968, tại Nhà Bảo tàng Mỹ thuật, Bác lại đến xem ký hoạ từ miền Nam gửi ra đợt hai. Lần này đồng chí Hà Huy Giáp và đồng chí Nguyễn Phú Soại, đại diện cơ quan Mặt trận Giải phóng miền Nam, đặt tại Hà Nội, hướng dẫn Bác đi xem.

Cũng năm này, Đoàn Ca múa miền Nam (tiền thân của đoàn Bông Sen ngày nay) chuẩn bị vào Trường Sơn để phục vụ dài hạn các chiến sĩ đang chiến đấu ở đó. Trước khi lên đường, trên năm mươi anh chị em có nguyện vọng được diễn cho Bác xem. Tại Phủ Chủ tịch, trên sàn gạch, toàn đoàn vô cùng phấn khởi biểu diễn rất hào hứng. Đến dự đêm đó ngoài Bác còn có các đồng chí trong Bộ Chính trị và nhiều đồng chí Trung ương.

Những tiết mục mới chuẩn bị đi chiến trường; những bài ca bản nhạc hay nhất mà đoàn đã tích luỹ từ lâu được đoàn đưa vào chương trình biểu diễn. Đêm biểu diễn thành công, anh chị em được Bác và nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng khen ngợi. Anh chị em xúc động hơn cả là Bác cầm từng đoá hoa - bày sẵn trên mâm - tặng cho từng người, chúc đoàn phục vụ tốt các chiến sĩ ở Trường Sơn, những người đang hết mình vì cuộc chiến đấu nhằm giải phóng miền Nam.

Cầm đoá hoa hồng trong tay, anh chị em Đoàn Ca múa nhạc miền Nam đều rưng rưng xúc động, lắng nghe lời Bác dặn trước một chuyến đi lịch sử.

Cầm bút viết lại vài mẩu chuyện về Bác Hồ với văn nghệ miền Nam, nhớ lại những tháng, năm dài ở Hà Nội được hân hạnh gặp Bác nhiều lần, kể cả lần đầu ở Việt Bắc đầu năm 1954, tôi bồi hồi nghĩ lại hình ảnh cực kỳ cao đẹp của một con người.

Thời tiết mấy hôm nay thay đổi. Sài Gòn đang trở lạnh. Những ngày này nhớ sao hai mươi năm về trước Bác đến xem triển lãm "ký hoạ" miền Nam, chăm chú xem từng tranh và đọc từng câu giải thích dưới tranh. Với miền Nam lòng Bác là biển cả.

PHÚT THIÊNG BÊN BÁC

PHAN TỨ

Anh Giang thân mến, những ngày quốc tang đã qua. Trời Hà Nội, sau những ngày sụt sùi, nay xanh lại màu xanh cao vút dành riêng để đón Bác Hồ bước lên lễ đài Ba Đình. Các em thiếu nhi hát những bài nhắc đến Pác Bó, Khuổi Nậm, sắp sửa phá cỗ Trung thu. Nỗi kính yêu Bác từ những đôi mắt ướt đẫm và sưng to, đến nay chuyển hẳn vào máu thịt của mỗi chúng ta như chất men nồng cháy, cuốn chúng ta lao tới. Và riêng tôi đã đủ bình tĩnh để kể lại lễ tang Bác.

Trước linh cữu Bác, tôi đã trải qua những xúc động chưa từng có, tôi đã sống hết các cung bậc tình cảm của con người. Cũng chưa bao giờ tôi nhớ miền Nam buốt lòng đến thế, anh Giang ạ. Tôi nhớ các đồng chí trong ấy và nhớ riêng anh, bao năm nay viết về Bác mà vẫn khát khao một lần trông thấy Bác. Một hy sinh lớn trong muôn ngàn hy sinh của nửa nước ruột thịt. Hôm nay, bên những chồng báo miền Bắc viền tang đen, có thêm một tập *Văn nghệ Giải phóng* vừa nhận được, với những trang say sưa nhất về Đại hội Quốc dân miền Nam bầu ra Chính phủ Cách mạng lâm thời. Tôi chợt nghĩ đến một nét kỳ diệu trong sự nghiệp Bác Hồ. Người đưa trăm suối về một sông, trăm sông dồn về một biển. Đại hội của sự tạo lập cũng như cái chết của người tạo lập, ngày vui phơi phới và cơn đau dữ dội tất cả đều chắp đôi cánh lý tưởng cho chúng ta bay về tương lai, tất cả đều đưa dân tộc ta đến ngày thống nhất.

Tôi muốn kể riêng trong lễ viếng linh cữu Bác, trong Hội trường Ba Đình.

Ngày 3 tháng 9 đồng chí Thủ trưởng cơ quan đi họp về, hối hả gọi chúng tôi lại: "Theo tin cuối cùng thì... hết hy vọng rồi. Bác Hồ... Trung ương đã lo liệu...". Đồng chí nấc nghẹn một lát, lại tiếp: "Phải giữ Bác để bà con miền Nam sau này thấy mặt... sẽ ướp xác... như Bác còn sống...".

Giữa lúc đau điếng, câu nói ấy bật sáng loé trong tôi. Tỉnh lại, mừng quá đỗi mừng, anh Giang Nam ơi! Miền Nam vẫn còn gặp Bác. Bầu bạn năm châu được mãi mãi viếng Bác. Đứa con tôi lớn lên sẽ được xếp hàng vào thăm Bác. Cảm ơn Trung ương đã hiểu lòng cả nước, sẵn sàng giữ lại cho đời ta và cả đời sau di hài Bác Hồ.

Sau một ngày chờ đợi đầy vò xé, tin Bác mất bay ra trong mưa. Bác đã hiến đến giọt máu cuối cùng cho cuộc hồi sinh của dân tộc, mà nhân dân ta không thể dâng 31 triệu dòng máu để Bác sống mãi.

Trong những ngày quốc tang, khói các nhà máy vẫn toả, máy kéo vẫn xình xịch trên đồng hợp tác, không nghỉ. Thế nhưng tất cả hơi thở Việt Nam dồn về phập phồng theo tiếng nhạc "Chiêu hồn tử sĩ" trong Hội trường Ba Đình, trái tim Việt Nam đặt trước linh cữu Bác. Mặt trời mọc rồi lặn, những khối nhân dân và bộ đội xếp hàng mười dọc các đường phố cứ nhích dần tới Bác. Một cuộc diễu hành lặng lẽ chưa từng có, nước mắt nhỏ giọt xuống tấm băng tang cài trên tim. Những đoàn nhân dân, cán bộ, công nhân mặc áo trắng, mới ùa lên để chống nạn lũ lớn hôm nào, nay họp thành con sông chảy đến với Bác. Trong những cơn mưa đêm ướt đẫm vai, ngực, những bàn tay cầm khăn chỉ đưa lên lau mắt. Nước ròng ròng theo vành mũ cứng, các anh bộ đội bước chậm vào ngôi nhà lớn mà mấy năm qua các anh đã giữ nguyên vẹn bằng những Ngân hà mảnh đạn rắc kín trời. Một chỗ đứng trong dòng người viếng Bác là phần thưởng, là mơ ước: chỉ có hơn hai mươi vạn người được vào đây, trong khi cả nước còn làm tiếp sự nghiệp của Bác, không hề ngừng tay. Một

lần nữa, cái sức mạnh Việt Nam lại chói sáng: chúng ta đứng vững qua hai cuộc kháng chiến, cũng đứng vững trong nỗi đau quằn quại hôm nay mất Bác.

Không gian rung lên với những sóng điện nghẹn ngào của các bạn thế giới. Máy bay chở khách tới tấp bay đến Hà Nội; ngoài những chuyến bay Việt Nam không ngớt đi về, còn những chuyên cơ khác kiểu, khác cờ, đưa bạn đến gấp cho kịp lễ tang. Lần đầu tiên trong lịch sử, chúng ta đón bạn không phải với nụ cười Việt Nam nổi tiếng. Ta ôm bạn hôn bạn, bạn cùng thổn thức với ta. Sáu đoàn đại biểu của miền Nam ruột rà đã nhìn miền Bắc qua nước mắt, chào miền Bắc bằng tiếng nấc xót thương. Lễ tang Bác làm nên cuộc sum họp lớn nhất của hai miền sau mười lăm năm cách trở.

Một anh bạn đã truyền cho tôi kinh nghiệm vào viếng Bác: nên khóc trước cho thoả, khi đến trước linh cữu mới nhìn Bác được rõ. Tôi nghĩ mình quen tự chủ, chắc không hề gì. Cầm cái thẻ bìa cứng của Ban tổ chức lễ tang cấp cho phóng viên - của quý mà bao nhiêu người bạn đã nằn nì mượn một lát thôi - tôi đi vào Hội trường, quanh quẩn ngoài hành lang mươi phút cho trống ngực bớt ồn ào, cho những thói quen nghề nghiệp dần dần tỉnh dậy: mắt là ống kính, tai là máy ghi âm. Rồi tôi đi qua nhiều lớp cửa, rẽ bên trái, bước vào khoảng trống bên ngoài các tấm cánh gà bằng xô trắng, nhìn lên.

Bác Hồ!

Linh cữu sáng màu hồng dịu, trong veo, phía trên đầu cao hơn phía chân, gợi ngay một cảm giác thoáng mát. Bác nằm trên nền nhung đỏ thẫm, gối trên cái gối trắng. Hai tay Bác giao nhau trên bụng. Chân Bác đi tất, Bác mặc bộ kaki vàng bạc màu gần trắng, hình như đã sờn ở cổ tay và gấu quần. Bên ngoài linh cữu, nép dưới chân Bác, đôi dép cao su đen nằm trong hộp kính. Một khối gì màu sẫm kê dưới tay trái của Bác. Khung kim loại của linh cữu trắng lấp lánh.

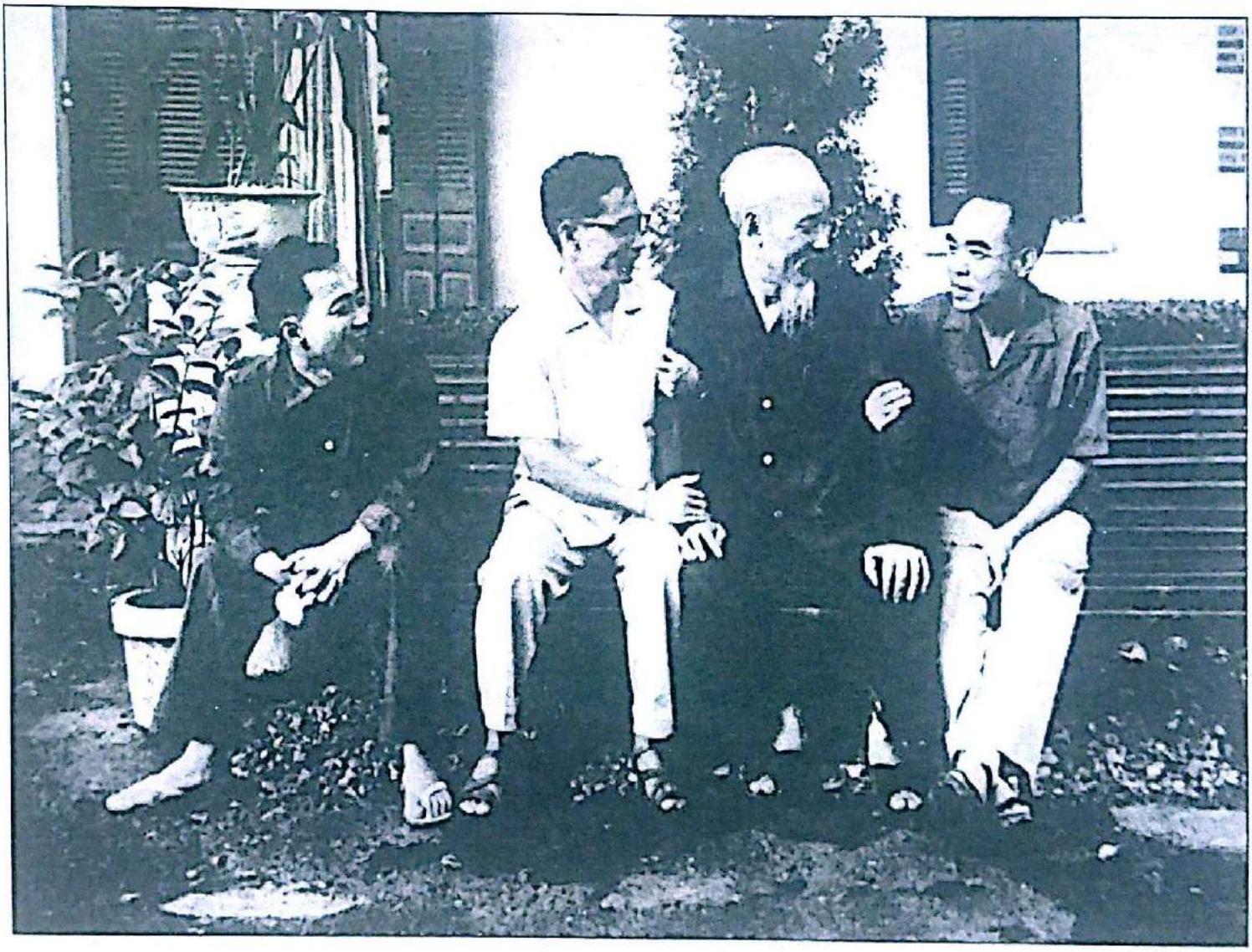

Bác Hồ và hai nhà văn Phan Tứ, Trần Đình Vân
(người ngồi ngoài cùng bên trái là nhà thơ Tố Hữu)
Ảnh: Đinh Đăng Định

Tôi chưa thấy mặt Bác, khuất sau rèm. Tôi ngắm rất kỹ, cố nhớ từng chi tiết, và rất bằng lòng với sự bình tĩnh của mình. Những chậu cây cảnh đặt chung quanh linh cữu làm bằng đất nung, nhà ai cũng có. Tấm thảm trải trên nền nhà đã phai màu. Tấm rèm trắng trước mắt tôi làm bằng thứ vải màn nhân dân thường dùng. Một cái quạt gió mới đặt mé sau linh cữu, một cái nữa...

Tôi chợt nhận ra rằng bấy nhiêu thứ đồ dùng riêng của Bác, cũng như các thứ bày ra trong đám tang trọng thể nhất của nước ta, có thể tìm thấy trong nhà mỗi công dân hay nông dân miền Bắc. Vị lãnh tụ tối cao của toàn dân toàn Đảng, sau khi qua đời, vẫn để lại bài học khiêm tốn, giản dị, hy sinh quên mình đến mức tột cùng!

Tôi nhìn quanh một lúc rồi mới rón rén đến gần tấm cánh gà, ngắm Bác gần hơn. Đột ngột, tim tôi nhảy mạnh trong ngực. Tôi choáng váng, vịn vào đồng chí quay phim đứng cạnh, và nước mắt tưởng đã khô mấy ngày khóc Bác bỗng chảy đầy mặt. Tôi cắn môi để khỏi bật lên một tiếng kêu đau đớn: "Bác ơi!".

Bác Hồ nhắm mắt. Mắt Bác nhắm rồi trong giấc ngủ ngàn năm vĩnh viễn không mở ra nữa, anh Giang Nam ơi!

Qua một phần tư thế kỷ, trên bàn thờ Tổ quốc của mỗi gia đình, trong ảnh, trong phim Bác Hồ luôn luôn mở đôi mắt sáng nhìn chúng ta. Cuộc sống mới của dân tộc ta ngày đêm diễn ra dưới ánh mắt âu yếm của Bác. Chân dung Bác trên lễ đài Ba Đình, dù viền đen vẫn bừng sức sống của đôi mắt... Mãi đến phút này, lần đầu trong đời tôi thấy mắt Bác nhắm, tôi mới thấm hết nỗi đau mất cha, tôi mới thật sự cảm thấy Bác đã từ trần, tôi muốn khóc to lên cho nhẹ người, như các mẹ các chị đang chầm chậm đi qua trước linh cữu kia. Không được, tôi phải làm nhiệm vụ. Nhiệm vụ của tôi là nhìn, nghe, nhớ, nín lặng và đứng yên.

Tôi cố trấn tĩnh. Thế nhưng từ lúc ấy, hình ảnh Bác hiện lên trước mắt tôi bỗng trở nên chập chờn, hư ảo, hiện tại chao đi chao lại trong quá khứ, linh cữu Bác ở đây lẫn với muôn ngàn kỷ

niệm về văn nghệ đang trỗi dậy mãnh liệt quá trong tôi. Có lẽ, khi mắt ta mờ lệ trước cái thực tế phũ phàng là Bác qua đời, con mắt bên trong lại trông thấy *Bác Hồ trong ta*, sắc nét và sống động hơn bao giờ hết bởi gắn liền với nhịp tim và hơi thở của một đời mang ơn Bác.

Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác nỗi mong cha.

Sự giao cảm thắm thiết ấy hiện hình khi sáu đoàn đại biểu miền Nam lần lượt đi vào Hội trường, trong buổi sáng đầu tiên của lễ viếng Bác. Nửa nước nghiêng mình trước linh cữu. Mưa ngâu tháng Bảy kéo dài đến hôm nay trong nỗi đau chia cắt, có rơi nhiều bằng nước mắt miền Nam để tang Bác Hồ.

Không bao giờ tôi quên được những khuôn mặt kính yêu ấy, còn đượm màu vàng của sốt rét Tây Nguyên, màu xanh lá của rừng cao su Nam Bộ, và nhiều nhất là màu sạm của mưa nắng trên các vành đai diệt Mỹ. Những khuôn mặt anh hùng mà bọn giặc Mỹ chỉ thoáng thấy trước khi nó ngã gục hoặc giơ tay hàng. Những khuôn mặt phơi phới chiến thắng mà bạn bè năm châu nô nức tìm hôn. Những khuôn mặt miền Nam ấy hôm nay ướt đẫm, nhưng vẫn bừng ánh lửa thiêng Hồ Chí Minh trong mắt. Những bàn tay run run đưa lên ngang mày chào Bác dưới vành mũ tai bèo, sẽ quật chết Mỹ ngụy đến đứa cuối cùng, biến lời Di chúc của Bác thành những chương mới trong lịch sử nước ta. Chưa bao giờ miền Bắc được đón những đoàn đại biểu lớn như thế, đông đảo như thế từ tiền tuyến lớn về thăm. Con đường thống nhất, thêm nhiều vết chân đi, đã mòn thêm, rộng thêm, rút ngắn lại rồi.

Các vị đứng đầu Nhà nước, các đồng chí lãnh tụ, các bạn quốc tế xa gần nối tiếp nhau đến viếng Bác Hồ. Cúi trước linh cữu Bác có những mái tóc đen, vàng, nâu, và có rất nhiều mái tóc mà đời đấu tranh đã gội thành trắng bạc, màu tóc chung của tuổi già các dân tộc. Hơn bốn mươi đoàn đại biểu, cùng với hơn một ngàn hai trăm bức điện, lá thư, đã mang đến Bác lòng kính

yêu nồng thắm của năm châu bốn biển, đã nói với lớp con cháu của Bác những lời an ủi, ca ngợi, đoàn kết đấu tranh.

Quốc trưởng Nô-đô-đôm Xi-ha-núc và phu nhân dẫn đầu Đoàn đại biểu Campuchia đến đây sau quốc tang và lễ cầu siêu long trọng trên đất nước Chùa Tháp: "Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử các dân tộc Đông Dương và tất cả các dân tộc Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ La-tinh như là tượng trưng cho cuộc đấu tranh yêu nước giành độc lập dân tộc". Cảm ơn Xăm-đéc, cảm ơn các bạn Campuchia đã dành cho Bác Hồ của chúng ta những dòng quý trọng ấy!

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Cô-xư-ghin, từ Thủ đô Mạc Tư Khoa rạng ánh hồng của linh cữu Lênin, đến nghiêng mình trước linh cữu người Cộng sản Việt Nam đầu tiên nối chí Lênin. Phó Thủ tướng Lý Tiên Niệm đưa đến nỗi thương tiếc vô hạn của 700 triệu anh em Trung Quốc. Từ đất Lào anh hùng đang cùng ta chống Mỹ, Hoàng thân Chủ tịch Xu-pha-nu-vông đến lau nước mắt bên người bạn chiến đấu thân thiết nhất. Rời đảo thép ở Tây bán cầu đang để tang Bác bảy ngày, các đồng chí Cu Ba bay nửa vòng trái đất đến viếng Bác với lòng mến phục nồng nàn nhất. Từ Triều Tiên, từ An-giê-ri, từ Châu Âu hừng hực tiếng thét chống Mỹ trên đường phố, từ Châu Phi đang trỗi dậy trong tiếng trống trận cổ truyền, từ Châu Mỹ La-tinh râm ran tiếng súng giải phóng, từ khắp miền gần xa trên trái đất vẫn đều đặn quay về hướng Đông, các bạn đến với Việt Nam, quây quần chung quanh cây cổ thụ vừa ngừng sống giữa những Trường Sơn điệp trùng cây trẻ đang lớn lên. Xin hôn chung tất cả và cảm ơn tất cả!

Người Việt Nam ta hay sum họp đông đủ trong ngày Tết và đám giỗ. Những ngày vừa qua - Quốc khánh liền với Quốc tang, đã biến thành cuộc đoàn viên lớn của dân tộc và thế giới. Qua nước mắt, hai miền đất nước ôm nhau, các thành phố miền Nam thầm lặng quay về phương Bắc mặc niệm, cả những đứa con ly tán cũng hối hận buông cây súng Mỹ. Trong các bạn năm châu đến viếng Bác Hồ, có những bạn cùng yêu ta nhưng không yêu

nhau, có cả những bạn chưa tiện tỏ cảm tình với ta hoặc chưa mấy hiểu ta. Cuộc gặp gỡ nơi đây, lời di chúc của Bác cùng với phút thiêng trước linh cữu Người, đại đoàn kết khác hẳn sẽ mở đầu cho bao nhiêu sự hàn gắn về niềm yêu thương mai sau!

Anh Giang ơi, chúng ta đã sống một phút lạ lùng mà sau này - không lâu nữa đâu anh sẽ sống, đó là cái phút chúng tôi đi qua linh cữu Bác.

Khi ấy, tiếng nấc đã tràn lên môi, chúng tôi cố nín để khỏi kinh động giấc ngủ không ngăn trở đầu tiên của Bác. Đôi mắt của chúng tôi cố ghìm xúc động để thu hình ảnh Bác, cho mình và cho bao nhiêu bà con bạn bè vắng mặt. Chân chúng tôi muốn mọc rễ xuống nền nhà, mà vẫn phải chầm chậm nhích qua để nhường chỗ cho đồng bào tiếp theo.

Viết đến đây, tôi chợt thấy ngần ngại. Thư gửi ra tuyến lửa, nên chăng nhắc lại những ngày đẫm lệ Quốc tang, trong khi giặc Mỹ đang gieo khăn tang trên mỗi mái đầu miền Nam? Nhưng rồi tôi cứ viết, bởi suốt hai mươi bốn năm Bác dạy chúng tôi biết cười nụ cười chiến thắng, mãi đến nay chúng ta mới chỉ một lần khóc Bác. Nước mắt nhỏ xuống đã cuốn theo tất cả những thứ bụi trần còn ít nhiều bám vào tâm hồn ta, tắm gội cho chúng ta thêm trong sạch để giữ Bác Hồ trong tim. Nước mắt rơi xuống để chúng ta vươn lên, bay lên, với sức mạnh mới từ Bác truyền sang ta trong sự hoá thân kỳ diệu - một người biến thành ba mươi mốt triệu.

Mỗi chúng ta chào đời bằng tiếng khóc sơ sinh. Sau mấy mươi năm lăn lộn, hôm nay chúng ta lại cất lên tiếng khóc của sự tái sinh, của cuộc sống bừng dậy lần nữa. Cũng như câu ca dao Cu Ba, chúng ta hiểu rằng Bác Hồ "thuộc lớp những người đặc biệt mà cái chết là mầm mống của sự sống". Chúng ta đã đón nhận sự sống của Bác và lớn lên sau lễ tang. Từ đây, mắt chúng ta mang tia nắng *Hồ Chí Minh*, thân thể ta rạo rực muốn dâng mình cho sự nghiệp *Hồ Chí Minh*. Phải làm sao để thế giới nhìn vào mỗi chúng ta đều nhận thấy chất sống *Hồ Chí Minh* trong

máu thịt. Bác là hiện thân đẹp nhất của hai tiếng *con người*, nhất định mỗi chúng ta phải vươn lên thành hiện thân của Bác, dù chỉ trong muôn một.

Huống chi Bác Hồ nhắm mắt mà vẫn canh cánh việc nước chưa tròn. Trong những cơn đau tim của Bác có nỗi đau Tổ quốc chưa thống nhất. Giặc Mỹ ngụy sẽ đền tội này. Hãy đem tất cả những mối thù của mười lăm năm cộng lại - con mất mẹ, vợ mất chồng, cha mất con, đồng chí mất đồng chí, nhân gấp mười gấp trăm để tính với giặc cái tội ngăn đường Bác vào thăm miền Nam, ngăn miền Nam đến với Bác.

Huống chi kẻ thù của ta, một lần nữa, đã cố tình tỏ ra chúng mất hết tính người. Giữa lúc thế giới đang cùng ta cúi đầu tưởng nhớ Bác, tiếng bom B52 vẫn dậy lên chói tai ở miền Nam, máy bay trinh sát vẫn khiêu khích ở miền Bắc. Chúng nó hỗn xược đến thế là cùng. Chúng nó dám chế nhạo, dám chọc tức chúng ta ngay giữa phút thiêng khóc Bác! Cùng với nợ máu đã chất chồng, giặc Mỹ ngụy vừa mắc thêm một món nợ ghê gớm mà chúng chỉ trả được bằng những thước đất lấp trên mặt!

Tôi nghĩ như vậy đó anh Giang Nam ạ. Và tôi cứ viết hết!

Đồng bào xếp hàng đôi đi qua trước linh cữu. Ai cũng tự hẹn sẽ không khóc. Có người đã nghe truyền kinh nghiệm như tôi, khóc trước ngoài hành lang cho nhẹ bớt. Các bạn lớn tuổi còn dặn người chung quanh cố nín lặng. Nhưng rồi tiếng kêu cứ dội lên, ngạt thở, lạc giọng, quằn quại:

- Bác ơi!

- Ối Bác ơi!

- Cháu đây Bác ơi!

- Bác dậy đi Bác ơi!

Đồng chí thương binh kẹp mũ dưới cánh tay cụt, ghì khăn trên miệng, vẫn nức nở "Bác không về Sài Gòn sao Bác?".

Một cô gái trẻ rú lên, hai tay chới với, tóc xổ tung, định nhào tới Bác qua dãy vòng hoa. Em thiếu nhi muốn chào Bác,

tay giơ lên bỗng run bắn nửa chừng, bưng mặt: "Bác chết thật rồi". Bà cụ mặc áo đại tang chắp tay vái Bác, ngồi thụp xuống khóc oà: "Bác không ở lại mà dạy con cháu nên người...". Ông cha tóc hoa râm cắn môi đến bật máu, dìu người con gái lảo đảo sắp ngã quỵ. Một chị cắn khăn tay trong miệng, bế con nhỏ trên tay, chỉ cho cháu xem linh cữu, và cháu bé máy môi gọi Bác. Anh con trai đeo huy hiệu tự vệ đã ra đến hành lang, bỗng giật mình đi xăm xăm trở vào như mê ngủ: "Tôi chưa thấy Bác mà, tôi chưa thấy Bác...". Cụ già tóc trắng xoá dừng lại, ngửa mặt lên trời, nước mắt bỗng tuôn như xối xuống chòm râu bạc.

Các đồng chí quân y mặc áo choàng trắng qua lại không ngớt, đỡ những người loạng choạng, vực ra cáng những người đang mê sảng hoặc đã ngất lịm. Xe cấp cứu nổ máy đợi sẵn ngoài kia. Đội quân nhạc đứng giữa rừng hoa phủ kín Hội trường, từ lúc cử nhạc trầm "Ca ngợi Hồ Chủ tịch" và "Chiêu hồn tử sĩ", giữ đều đều nhịp trống rền xa như nhịp tim cả nước. Các vị lãnh đạo túc trực bên linh cữu, các đồng chí bộ đội danh dự mặc quân phục trắng toát, các đồng chí trật tự viên đứng dọc các hành lang, tất cả đều đứng nghiêm không động, để cho nước mắt lặng lẽ nhỏ giọt dưới cằm.

Tôi đứng trong một góc Hội trường. Cuốn sổ tay nghề nghiệp của tôi ướt nhoè từng chỗ, nằm yên trong túi. Sáng, trưa, chiều, tối, nửa đêm, tôi nhìn cuộc diễu hành vĩ đại của lòng dân đối với Bác. Ba mươi chín tuổi đầu đem cộng lại, tôi chưa khóc nhiều và thấy nhiều đau thương như một lần này. Nhưng cũng chưa bao giờ tôi thấy mình tràn ngập yêu thương, tin tưởng, tự hào, phấn chấn như trong lễ tang Bác, khi nhận ra dấu son đỏ mà phút vĩnh biệt Bác đã in trên mỗi tâm hồn Việt Nam, trên tâm hồn tôi. Bước ra khỏi Hội trường, chúng tôi đã thành những con người mới.

Những ngày sóng gió qua rồi.

Các em nhỏ chơi trước nhà tôi còn bàn xôn xao về lễ truy điệu Bác.

- Bác bảy mươi chín tuổi, sao lại bắn hai mươi mốt loạt đại bác thôi nhỉ?

- Chắc Bác bảo để dành đạn bắn Mỹ.

Rồi các em lại múa hát, dán đèn lồng, nhắc nhau Năm điều Bác Hồ dạy, vẫn thi đua trở nên cháu ngoan Bác Hồ như trước. Các em biết Bác qua đời nhưng không tin mấy ở tai mắt mình: Bác nghỉ đấy thôi. Cũng như các em, tôi viết bài về Bác, học lời Di chúc của Bác, mà không tin hẳn rằng Bác đã mất. Ước mơ và sự thật luôn quyện vào nhau trong cuộc sống của chúng ta, có khi ước mơ còn hơn cả sự thật, phải không anh Giang Nam?

Đêm nay tôi lại lên Quảng trường Ba Đình. Những mái nhà chung quanh như đang rung mãi với năm tiếng sấm "Xin thề" của toàn dân cùng với Trung ương Đảng thề trước anh linh Bác. Lễ đài vẫn sáng rực trên nền trời đêm, mé sau thấp thoáng những mái tóc dừa rất miền Nam nhô lên trong vườn Bác. Tôi yêu bức chân dung Bác trên lễ đài, vẽ màu vàng nâu giản dị, với miệng Bác hơi mỉm cười và đôi mắt Bác hơi nheo lại, đúng phong thái của Bác lắm.

Đồng bào qua đường Hùng Vương, đến đây thường xuống xe đạp, đi bộ qua lễ đài. Một cuộc diễu hành không ai bảo ai, thầm lặng mà vô cùng chân thật. Sau một ngày làm việc hết sức mình mỗi người như muốn để dành những phút tâm tình lắng đọng này để suy nghĩ về Bác Hồ và lý tưởng. Trên nền sáng của lễ đài, thấp thoáng những bánh xe quay chậm chen với bóng người đi, diễn lại dưới mắt Bác những đêm thồ lên Điện Biên đánh Pháp năm xưa và cuộc trường chinh ra tiền tuyến đánh Mỹ hiện nay.

Tôi cũng dắt xe đạp đi vào hàng. Những bước chân Việt Nam cứ đều đặn đi tới. Dân tộc ta đi từ Hùng Vương, qua ba ngàn năm lịch sử đến với Bác Hồ, còn đi nữa, đến Thành phố Hồ Chí Minh giải phóng, đến Quảng trường Hồ Chí Minh ở Mạc Tư Khoa hay đường Hồ Chí Minh ở An Giê, đi nối liền các bờ xa bến lạ trên trái đất đi tới tương lai đẹp tuyệt vời mà lứa tuổi chúng ta góp phần tạo nên nhưng chưa hình dung ra nổi.

MỘT TẾT KHÁNG CHIẾN Ở VIỆT BẮC

CÙ HUY CẬN

Đó là Tết năm 1951. Thời kháng chiến chống Pháp thì ATK (an toàn khu) của Trung ương Đảng và Chính phủ mùa hè ở Châu Tự Do (Sơn Dương), Tuyên Quang, ở chân núi Hồng, còn mùa đông thì dời lên Bản Vèn (Bắc Kạn). Tết 1951 ở Bản Vèn rất rét, chúng tôi ở Phủ Thủ tướng (bí hiệu là Ban Kiểm tra 12) chụm nhau chiều 30 Tết, đốt bếp bằng hai khúc gỗ lim gối đầu vào nhau lửa đượm, rất ấm. Chúng tôi thay phiên nhau kể kỷ niệm ở quê cho đỡ nhớ nhà. Bỗng nhiên Bác Hồ đến. Anh em đứng dậy chào Bác thì Bác bảo ngồi xuống. Bác hỏi: - "Các cô, các chú đã chuẩn bị ăn Tết thế nào? Có bánh chưng không, có giò lụa không, có pháo không..." - "Dạ thưa Bác cũng có cả. Anh Bảy (Phan Mỹ, Chánh Văn phòng Phủ Thủ tướng) cũng đã lo đủ cho anh em...".

Có một anh đột ngột đứng dậy hỏi Bác:

- Thưa Bác, xin phép Bác cho con hỏi...

- Chú cứ hỏi...

- Thưa Bác, tại sao Bác không lập gia đình?

Chúng tôi lo quá vì câu hỏi có thể làm Bác buồn... Bác trầm ngâm một phút, rồi Bác nói thong thả giọng trầm trầm: "Các cô, các chú biết đấy. Hoàn cảnh của Bác bây giờ thì lập gia đình sao được! Gia đình Bác bây giờ là các cô, các chú, là đồng

bào...". Thấy chúng tôi lặng yên, xúc động. Bác lại nói vui: "Các chú nướng gì trong bếp đó?".

- "Thưa Bác, sắn lùi" - Bới ra thì sắn đã cháy...

Bác lại nói: "Cho Bác một miếng, sắn cháy càng thơm".

Rồi Bác dặn chúng tôi nhớ đi mừng tuổi đồng bào ở bản, đánh còn với bà con và đi bắt cá trong hốc khe, bắt bằng hai tay... Đó là cái Tết của chúng tôi năm ấy...

Ai có ngờ cơ quan đầu não của kháng chiến (Chủ tịch phủ và Thủ tướng phủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà) lại ăn Tết một cách dân dã như vậy, gần như cổ sơ. Tết càng nhớ Bác, càng thương Bác.

11-2000

BÁC HỒ CỦA CHÚNG TA

XUÂN DIỆU

... Bác Hồ của chúng ta là con người sống nhất, con người như chạm khắc vào thời gian: Bác đến đâu, nơi ấy sống lên, mọi nghi lễ không thể làm cho Bác thụ động, mà tự Bác chủ động, đối với Bác, không nghi thức nào quan trọng cho bằng sự giao cảm giữa Bác với nhân dân Bác mến yêu; điển hình là câu nói bất hủ trong ngày Tuyên ngôn Độc lập (2-9-1945): *"Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?"*, sự ấy là quan trọng nhất.

Tôi không khoe những khi tôi được thấy Bác, gặp Bác, nhưng có qua bản thân mới có thể được cụ thể ấn tượng Bác để trong mỗi người chúng ta. Sau ngày 2 tháng 9 năm 1945 cùng với mấy chục vạn người thấy Bác xa xa ở trên lễ đài Ba Đình, lần đầu tiên tôi được đứng gần Bác là hôm Bác đến khai mạc Phòng tranh ở nhà Khai Trí tiến đức cũ (lúc này đã thành trụ sở Hội Văn hoá cứu quốc, bây giờ là Câu lạc bộ Thống nhất), mở đầu cho Tuần lễ văn hoá ủng hộ kháng chiến Nam Bộ. Mắt Bác sáng và thẳng lạ thường; có thể nói người nào có tà vạy ở trong lòng thì không dám nhìn vào mắt Bác. Miệng Bác cười thiếu một chiếc răng; 15 năm sau, đọc *Nhật ký trong tù*, thấy Bác nói *"Răng rụng mất một chiếc"* và Bác làm thơ tiễn biệt cái răng, mới hiểu vì lý do gì. Do mắt Bác sáng quắc, nên trong bức ảnh anh Vũ Năng An chụp Bác, được in thành bưu ảnh bán phổ biến nơi nơi, người ta thấy trong đôi mắt Bác có bốn chấm sáng, đồng bào có nhiều người truyền nhau mắt Bác có bốn con ngươi, là bởi đó. Trong bức bưu ảnh đầu tiên chụp Bác ấy, Bác Hồ đáng mến yêu vô cùng, vẻ người trong sáng, hiền triết và cách mạng, nhuần nhị như mang truyền thống của các bậc sĩ nho, đôi mắt vừa hiền, vừa rất cương quyết.

Tết Độc lập đầu tiên, tôi được cùng mấy đại biểu vào Bắc Bộ phủ chúc Tết Bác. Trong đoàn, mấy anh cán bộ còn trẻ dám đùa, còn tôi thì tôi rất ngượng ngập. Lúc ấy một không khí bí mật còn bao trùm chung quanh Hồ Chủ tịch; mặc dù biết là trước đây Bác ở chiến khu, các anh ấy cứ gạn hỏi Bác: - "Thưa Bác, những năm trước Bác ăn Tết ở đâu?". Bác trả lời: "Ăn Tết ở mồm".Thế là các đồng chí trẻ chịu!

Ôi! Những ngày tháng và cái năm đầu tiên Hồ Chủ tịch về giữa nhân dân, có cái gì rất mực mê say thắm thiết. Khi Bác đứng trên bao lơn Nhà hát lớn, thì đồng bào hô vang "muôn năm" đến khản cả cổ, nhiều người nhảy cỡn lên, nhiều người tung cao mũ của mình. Hôm ở Việt Nam học xá mít tinh để các đại biểu Quốc hội khoá thứ nhất của Hà Nội chào những người đã bầu mình, Hồ Chủ tịch là đại biểu Thủ đô, có mặt. Bác rời ghế ngồi của mình vào hẳn giữa đồng bào; hôm ấy tôi chứng kiến người ta cuốn đi theo mỗi bước của Bác, người ta tiến sát gần Bác, đến nỗi giẫm vào đôi dép cao su của Bác. Bác bị trật dép; nhìn Bác hồn nhiên bị tràn ngập "bâu xâu" bởi đồng bào yêu thương mình năm Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thứ nhất, tôi nhớ mãi cho đến bây giờ. Thật là một mối tình kỳ lạ!

Trong kháng chiến chống Pháp, ở căn cứ địa Trung ương, sâu giữa rừng thẳm, thật là đèo heo hút gió, mỗi lần cán bộ chúng tôi được gặp Bác, thật vui mừng, ấm cúng như gặp cha mẹ, như là Bác đem gia đình làng mạc đến giữa chúng tôi. Lớp nghiên cứu chính trị năm 1953 tập hợp bốn trăm cán bộ chung quanh Trung ương; về học trong cái hội trường lớn rộng dưới bóng cây cao, Bác đến giúp đỡ chúng tôi bốn lần, tức khắc sự bình thường nhảy vọt thành đêm hội lớn, chúng tôi như bỏ chung tâm hồn vào với nhau làm hoa bốn trăm cánh, mà Bác là cái nhuỵ huy hoàng ở giữa; những lời Bác dạy những đêm ấy vẫn hãy còn văng vẳng bên tai.

Có những khi tôi được đến ở chỗ Văn phòng Phủ Chủ tịch trong kháng chiến, lúc ấy gọi bí danh là "Ban Thông tin tháng

Tám", bên cạnh một dòng suối, ở một chỗ có đá lớn bày, gọi là Thác, cảnh trí thật nên thơ. Thấy thế thì hay thế, thật ra Bác ở nơi đâu tôi không được biết, nghe thơ anh Tố Hữu nói: *Bác ngồi Bác viết nhà sàn đơn sơ,* thì tôi mới biết là Bác ở một cái nhà sàn. Tuy vậy, cũng có những lúc đến chỗ "Ban Thông tin", sau giờ làm việc buổi chiều, giữa những người đang đánh bóng chuyền, thấy có Bác đánh, nghe chen giọng Bác nói trong khi hai bên đấu rất là sôi nổi. Một buổi tối kia, sau bữa cơm, dưới ánh một ngọn đèn điện mắc dưới cây rừng, tôi thấy Bác ngồi trên chiếc ghế, và quây quần chung quanh Bác là những vị trong Chính phủ kháng chiến đang ngồi nghe một đồng chí thứ trưởng đọc bản tin ngày hôm ấy; thật thanh đạm trong sáng như trong một gia đình, với người cha kính yêu, khi ấy vừa mừng sinh nhật sáu mươi tuổi.

Giọng nói của Bác cũng để một ấn tượng thật đặc biệt. Bác nói không to, nhưng giọng như tiếng chuông, rất rõ, nghe xa. *Gió sương bốn biển pha hơi ấm,* trên cơ sở gốc gác của giọng người Nghệ, nhưng Bác xa quê lúc còn rất trẻ, uống nước của các con sông trên thế giới; lại về Tổ quốc, uống nước các con sông, con suối trên miền Bắc nước ta, cuối cùng giọng nói của Bác là một giọng Việt Nam tổng hợp. Giọng Bác vang ấm như có nắng ở trong, và giọng Bác gắn liền với lời Bác, một ngôn ngữ bao giờ cũng sinh động, giản dị, tự nhiên, nói cái gì nổi bật cái ấy.

*

* *

Sử sách sẽ sưu tầm ghi chép trăm ngàn nét về bình sinh, về hoạt động, về tính tình, đạo đức, về lời nói, việc làm của Bác. Hôm nay tôi mới ôn vài nét tôi đã thuộc lòng. Cuộc đời Bác là gia bảo Bác để lại cho nhân dân ta; sự nghiệp Bác là vốn lớn Bác hiến cho dân tộc ta...

THÁNG NĂM KỲ LẠ

HOÀNG VĂN BỔN

Sau hơn hai mươi năm vô cùng gian khổ, đại đội thông tin đường dài thuộc Bộ Tổng tham mưu chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ. Có bốn đồng chí mãi mãi nằm lại bên gốc cây lim già Trường Sơn, bên gốc cây săng lẻ bên đất Lào. Cả đại đội đứng im lặng quanh ngôi mộ. Vài loạt súng vĩnh biệt. Một mảnh giấy cuộn tròn đút trong ống thuỷ tinh thuốc tiêm đặt gần bàn chân trái người đã khuất, có ghi những điều giản dị: *"Huỳnh Văn... chiến sĩ thông tin thuộc Bộ Tổng tham mưu, quê ở tỉnh Biên Hoà, hy sinh ngày... tháng... năm... trong khi bắc đường dây điện thoại đường dài Bắc - Nam phục vụ nhiệm vụ giải phóng miền Nam thân yêu".*

Một phần ba đại đội phải vào bệnh viện khi rút quân về đồng bằng. Các đại đội khác đóng quân quanh đó. Vào cuối mùa công tác, chiếc xe chở cột điện lăn xuống vực sâu như hòn sỏi rớt. Anh em chúng tôi bị cột điện đè, quăng quật, có người gãy tay gãy chân. Riêng tôi bị gỗ đè dập phổi, trào máu. Vào bệnh viện phải nằm bất động, ngày ngày cô Nhàn y tá phải đổ nước súp cầm hơi. Cùng nằm với tôi có hơn hai chục anh em cùng đại đội: Cậu Hừng *"kỹ sư"* người xương xẩu, công tác rất hăng, được thưởng huân chương, tính hay bông đùa, mở miệng là nói *"Tiến về Nam"* nên anh em đặt cho biệt hiệu *"Hừng tiến về Nam"*. Hừng bị sốt rét ác tính, tưởng phải chôn ở Trường Sơn, lại bị thần kinh nặng, khùng khùng. Cậu Chà người Bà Rịa đen như củ ấu, lẹm cằm, trước ngày tập kết làm xã đội phó, được thưởng Huân chương Kháng chiến hạng ba, khiêng cột suốt ngày không

chịu nghỉ, thường nói *"Khiêng một cây cột là rút ngắn một ngày về Nam"*. Bị bệnh sốt rét, bệnh thương hàn vò xé suốt mấy tháng trời, đầu trọc lóc như ông sư, cũng bị thần kinh nặng, lúc lên cơn điên thường la lối: *"Tru di tam tộc Ngô Đình Diệm đi!"*, anh em thường gọi là Trà trọc đầu. Các cậu Tám, Út Bìa và sáu anh em nữa, cũng kiệt sức vì bệnh thần kinh. Cậu Sơn *"Xe đạp"* trắng trẻo, đẹp trai là thế, giờ đã *"trai tráng sĩ cũng so vại rụt cổ"*, môi thâm đen, râu xuội lơ, lông mày *"than ôi"*. Sơn bị chứng rối loạn tiền đình rất nặng. Khi cơn bệnh hành hạ, cậu cắn răng, ngồi im lặng, mặt tím bầm, hai mắt lồi ra, chốc chốc lại kêu: *"Cái mão kim cô của Phật Bà Quan Âm siết tôi lòi mắt, lòi óc"*. Trông thấy cảnh ấy, không sao cầm được nước mắt. Ngoài số anh em bị thần kinh nặng thuộc đại đội chúng tôi còn có hơn chục tiểu đội thuộc các sư đoàn, đại đội khác nằm chung. Do đó, cơn điên khùng, cơn nổi loạn của họ hình như được cộng hưởng, bị kích động rất nhiều. Anh em trong đơn vị ngày nào cũng đến thăm, mang nhiều tin không vui của đơn vị, từ bên ngoài vào, chẳng khác rót thêm dầu vào lửa. Những ngày ấy, Trung ương Đảng chưa ra Nghị quyết 15 về đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong Nam, Mỹ - Diệm đẩy mạnh chiến dịch tố cộng, thảm sát đồng bào ta, lập ấp Tân sinh, khu trù mật, nhà tù, tăng cường quân lực, cảnh sát. Ngày xuống tàu tập kết ra Bắc, giơ cao hai ngón tay hẹn hai năm sẽ trở về. Nay, hai năm đã qua rồi. Ngày về Nam còn mờ mịt, cũng chưa biết bằng cách nào, bằng đường nào? Một số anh em tổ chức về Nam chiến đấu. Đêm đêm, họ vượt sông Bến Hải, bị địch bắn chết cũng nhiều. Sư đoàn phải tổ chức lực lượng tuần tra ngăn chặn, đuổi bắt số anh em ấy trở lại. Đêm nào cũng có chuyện hai lực lượng ấy cãi vã nhau, thậm chí đánh nhau rồi ôm nhau khóc ròng. Nhiều anh em tổ chức thành từng đoàn cuốc bộ hàng ba trăm cây số về tận Hà Nội xin được gặp Bộ Tổng Tư lệnh tối cao, xin được gặp Bác Hồ hỏi cách thức, ngày giờ giải phóng miền Nam, xin được mang súng đạn vượt sông Bến Hải về Nam chiến đấu trước...

Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Miền Nam trong trái tim tôi" (1962)
Ảnh: TTXVN

Cái tình yêu quê hương xứ sở của anh chị em cán bộ, quân đội miền Nam tập kết những ngày ấy nó bừng cháy, thuỷ chung và cũng ngây thơ, ấu trĩ làm sao... Cậu Hừng, Chà, Út Bìa đang ngồi nói chuyện cùng tôi, nhắc nhở hai năm trời gian khổ bên Lào, bỗng dáo dác mắt long sòng sọc khi có một tốp bộ đội miền Nam tập kết *"tìm về Bộ Tổng"* kéo ngang, đưa tay ngoắc họ. Thế là bùng lên. Các cậu xung phong đến phòng bác sĩ, giám đốc, y tá, hộ lý... mà các cậu cho là dinh của Ngô Đình Diệm... xông bừa vào. (Chính những ngày ấy, tôi được gặp lại nhà văn Nguyễn Ngọc Tấn tức Nguyễn Thi đang đi thực tế tại các đơn vị miền Nam tập kết. Anh đã viết truyện ngắn *"Im lặng"* mang không khí buồn thảm trong bối cảnh ấy). May thay, ngay trong đỉnh cao của cơn điên, các cậu còn chịu nghe lời một vài cán bộ, trong đó có tôi. Mà tôi lại đang nằm bất động. Nhúc nhích, cựa quậy, cũng phải có người nâng. Tự làm lấy, sẽ ói ra máu. Thế mà các cậu đêm nào cũng đến bên giường tôi thì thầm nghiêm trọng: nào là đàng kia có tên Ngô Đình Diệm bận quần áo trắng đang tra tấn anh em đồng chí ta (bác sĩ đang tiêm thuốc cho bệnh nhân), nào là có thằng cha mật vụ của Diệm đang rình mò (anh bảo vệ bệnh viện đang mang súng đi đi lại lại). Đêm hôm sau, cả bệnh viện nháo nhào: Cậu Hừng *"Tiến về Nam"* và các cậu khác bỏ đi đâu mất. Lập tức bổ đi tìm. Đêm hôm sau, mới lôi được các cậu ấy trở về người lấm lem như đi cầy. Các cậu ấy đã nhảy tầu lửa ra Hà Nội gặp Bác Hồ và Bộ Tổng Tư lệnh...

Sau lần kéo nhau vượt trại vào tận sông Bến Hải định vượt sông về Nam chiến đấu, các cậu bị giam. Thôi thì các cậu chửi bới, vớ được thứ gì cũng ném, ôm vỏ đạn pháo 105 cũ hô xung phong suốt ngày đêm... Một đêm cậu Hừng *"Tiến về Nam"* trốn trại dẫn theo một người đến tìm tôi. Người ấy nói: *"Tôi được lệnh tuyệt mật tuyển anh em miền Nam tập kết chuẩn bị mở đường đem súng đạn về chiến đấu giải phóng miền Nam. Anh giới thiệu cho chúng tôi các anh em tốt"* (Sau này, tôi được biết đó là người của đại tá Võ Bầm được lệnh chuẩn bị lực lượng mở

đường Trường Sơn). Tôi cung cấp danh sách anh em tôi quen biết và tin tưởng, tức nhiên là có cậu Hừng, Sơn, Chà, Út Bìa, Tám... Tháng sau, lác đác các cậu khỏi bệnh ra đi. Riêng tôi, cơn bệnh vẫn trầm trọng, vẫn phải nằm bất động. Cựa quậy, lập tức khạc ra máu. Tôi nghiền tiểu thuyết *Thép đã tôi thế đấy* của Ốttrốpky học tập tinh thần đấu tranh với bệnh tật của Paven Coócxaghin... Đêm đêm, tôi lần theo tường ra đứng cạnh bờ tường bệnh viện ngóng nhìn những ngọn đồi quanh đơn vị đóng quân, dõi theo các đơn vị quần áo bà ba đen, mang ba lô gạch trên lưng leo núi, lội suối, trèo đèo. Họ được rèn luyện chu đáo cho cuộc hành quân về Nam sắp tới. Có đêm tôi đứng đấy đến sáng trắng. Mơ ước cao nhất của tôi lúc ấy là khỏi bệnh, được mang ba lô nặng tiến về Nam như các đồng chí bên ngoài kia... Trong bóng đêm bệnh viện, tôi âm thầm lau nước mắt. Càng bị dày vò càng bệnh nặng, càng tuyệt vọng. Lẽ nào mãi mãi nằm lại đây? Ý nghĩ ấy khiến tôi hoảng sợ. Tuổi mới hăm bảy, ước muốn còn nhiều..., quê hương, con sông Đồng Nai ruột thịt... Tháng Ba *"bà già chết rét"* trôi qua, rồi tháng Tư với những chùm hoa gạo cháy đỏ chân trời phía Nam, cơn nóng bức bắt đầu nhóm lên. Các đỉnh núi phía Nam đã được giải phóng khỏi những chiếc mão kim cô quấn quanh đỉnh đến bạc trắng. Và tháng Năm với những lề đường cháy rực hoa phượng, tràn ngập tiếng ve. Nhưng, cái vòng luẩn quẩn trong tâm tưởng tôi lại rối bời. Làm sao bây giờ?

Một sáng tháng Năm, bỗng tiếng loa trên tường khua lạo xạo bất thường, giọng người truyền thanh bồi hồi, run rẩy. Bảo vệ, bác sĩ, y tá chạy rầm rập, canh gác chỗ đám bệnh nhân thần kinh và bất động chúng tôi. Cậu Hừng *"Tiến về Nam"*, cậu Chà *"Trọc lóc"*, Sơn *"Xe đạp"*... đều bị nhốt vào phòng. Ngoài đường người ta nhốn nháo, ngóng cổ, chen lấn, thì thầm... Tiếng còi ô tô từ hướng Nam lớn dần. Bỗng nhiên ai đó kêu nghẹn ngào: *"Bác Hồ! Bác Hồ muôn năm!"*. Bàng hoàng như chiêm bao giữa ban ngày, tôi chồm dậy, lập tức bị cô y tá đè xuống, thì thào:

"Nằm xuống, anh. Trào máu bây giờ...". Một bóng áo trắng từ phòng số 5 lao vút qua chỗ tôi, thét lạc giọng: *"Bác Hồ muôn năm!... Bác Hồ..."*. Cậu Hừng, cậu Chà, cậu Sơn đã bẻ khoá số 5. Một bàn tay nắm lấy tay tôi lôi phắt dậy, gạt cô y tá sang bên, thét: *"Bác Hồ về... Đi đón Bác Hồ..."*. Chính cậu Hừng *"Tiến về Nam"* đã giải thoát tôi khỏi cô y tá. Người rất đông, tràn ngập bệnh viện, ùn ùn như nước, phềnh ra, thu hẹp lại chừa lối đi. Con đường vào bệnh viện rực rỡ hoa phượng đỏ do tiếng hô *"Bác Hồ muôn năm!"* lay động, rụng đỏ mặt đường, đỏ mái nhà, mái tóc, vai áo. Từ nhà bếp bệnh viện, ông già hồng hào, râu bạc, tóc bạc, tay giơ cao chiếc mũ lá gồi. Hoa phượng mùa hè rắc đỏ mái tóc bạc, bám chòm râu bạc. Bác giơ tay ra hiệu. Đám đông im lặng. Cả mặt biển đang ầm ào xao động bỗng im phăng phắc kỳ lạ.

- Các cô chú miền Nam tập kết đâu, lại đây, đứng sang một bên - Bác nói.

Gần trăm nam nữ bệnh nhân, bộ đội, nhân viên bệnh viện lập tức dàn thành hàng cánh cung xung quanh Bác. Cậu Hừng *"Tiến về Nam"* được đứng gần Bác nhất, vừa khóc vừa mân mê mấy sợi râu bạc của Bác, nhặt cánh hoa phượng mùa hè bám râu, cổ áo Bác.

Bác nhìn chúng tôi, mắt chớp chớp. Các đồng chí bảo vệ định chen vào tách chúng tôi ra xa Bác một chút. Bác khoát tay ra hiệu: *"Không cần!"* và Bác đưa bàn tay đặt lên ngực trái, chỗ có trái tim của Người đang đập mạnh: *"Ở đây... ở đây... miền Nam"*. Đôi mắt tinh anh của Bác chớp chớp, nhiều nốt ruồi trên mặt Bác run run. Biển người lặng phắc. Chúng tôi lau nước mắt. Ai đó vụt thét lên: *"Bác Hồ muôn năm!"*. Và mặt biển gào lên: *"Bác Hồ muôn năm!"*.

Bác nói thêm mấy câu ngắn trong xúc động.

Giọng Bác rất ấm, âm vang. Rùng rùng sóng người và hàng hoa phượng tháng Năm cháy rực. Bác bắt nhịp, sóng người chuyển động theo cánh tay hồng hào ấy, miệng cất cao bài hát

"Kết đoàn", người rân rân, nước mắt ràn rụa. Không ai còn nhớ mình là bệnh nhân đang phải nằm bất động, đang đối phó với từng cơn điên bất thường, là người miền Nam hay người miền Bắc. Không. Không còn tất cả những điều ấy. Chỉ có một *"ông Tiên"* hồng hào, một biển người nghẹn ngào, một bầu trời tháng Năm tràn ngập tiếng ve mùa hè và chân trời phía Nam rực rỡ hoa phượng...

Bác vừa đi khỏi một tiếng đồng hồ, mà anh em chúng tôi đã quây quần bên nhau, thì thầm kể lại kỷ niệm vừa qua. Không đầy một tiếng đồng hồ, đã trở thành kỷ niệm của một đời người. Chúng tôi kể mỗi ngày mỗi đêm... Và kỳ lạ sao, cho tới bây giờ, gần bốn chục năm trời trôi qua, tôi vẫn không sao cắt nghĩa được: Sau lần được gặp Bác, được nghe Bác nói về con đường Trường Sơn, về Nghị quyết 15 của Trung ương, chúng tôi đã quên hẳn cơn bệnh trầm trọng của mình. Đang nằm bất động như tôi mà bỗng dưng chạy nhảy, la thét, vậy mà không hề hấn gì cả: Không tức ngực, không tanh lợm cổ họng, không thấy mấy đóm đỏ bay vòng qua cửa sổ. Cậu Hừng *"Tiến về Nam"*, cậu Chà *"Trọc lóc"*, Út Bìa, Tám... chỉ vài tuần sau đã trở lại bình thường, đi nhặt cánh hoa phượng tháng Năm nơi Bác từng đứng, đưa lên mũi ngửi. Một tháng sau, chúng tôi ra viện. Trong buổi họp Đảng uỷ đầu tiên của đơn vị, chúng tôi được thông báo: Có một con đường xẻ dọc Trường Sơn vào tận miền Nam ruột thịt. Bộ Tư lệnh con đường ấy đã hình thành, đã đặt được chín binh trạm đầu tiên xuyên Trường Sơn đại ngàn, đồng chí Trần Hành, Thường vụ Khu uỷ Trị - Thiên đã nhận gùi hàng ấy... Trong cuộc gặp, Bác đã hỏi đại tá Võ Bầm, Tư lệnh đầu tiên mở con đường mang tên Người: *"Các chú làm cách nào mà giỏi thế?"*. Chúng tôi hình dung lúc hỏi câu ấy, thế nào Bác cũng đặt bàn tay lên ngực trái của Người, nghĩ: *"Đây, chỗ này... miền Nam... chỗ này này..."*.

ĐIỀU LÀM TÔI NGẠC NHIÊN NHẤT LÀ LẦN ĐẦU TIÊN TÔI ĐƯỢC GẶP BÁC, BÁC KHÔNG LÀM TÔI NGẠC NHIÊN TÍ NÀO

NGUYỄN CÔNG HOAN

Trong số các anh em viết báo bấy giờ, nếu có ai vẫn tiếp tục làm nghề này từ ngày Tổng khởi nghĩa cho đến nay, thì chắc không thể quên được rằng vào quãng hơn một năm, từ sau ngày Chính phủ ta lên cầm quyền ít lâu, cho đến trước ngày toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, thì hằng tháng, anh em chúng ta vẫn được vinh dự vào Chủ tịch phủ để Bác Hồ hướng dẫn chúng ta về chính trị và nghiệp vụ.

Nhưng tại sao Bác lại làm việc này, giữa lúc Người bận trăm công nghìn việc lớn lao khác? Chắc chỉ có một mình tôi rõ cái lý do ấy thôi.

Là vì các bạn ạ, ngày ấy tôi phụ trách kiểm duyệt sách báo, nhưng tôi đã làm việc... tồi quá.

Trong vài ngày đầu, sau khi giành chính quyền, thì người phụ trách kiểm duyệt sách báo là đồng chí Như Phong. Nhưng vì anh Phong rất bận công tác biên tập báo *Cứu quốc*, cho nên tôi thay.

Bộ phận kiểm duyệt của chính quyền Nhật còn lại gồm những người cũ của chính quyền Pháp. Đứng đầu là một tên tri phủ.

Hôm đầu tiên nhận việc, tôi đi ngoài hành lang, có liếc trộm vào trong buồng nhân viên kiểm duyệt. Tôi thấy lố nhố đến hai chục người. Tôi đi thẳng vào buồng tôi, bụng bảo dạ: "Dân này trước kia vẫn xoá bài của mỗ đấy!".

Hồi này, báo chí xin ra rất nhiều - báo hàng tuần tôi không nhớ là bao nhiêu, có lẽ cả cũ lẫn mới, có đến hơn một chục.

Trong số ấy, chỉ có tờ *Liên hiệp* của tên du côn Hoàng Cừ là báo phản động. Báo hàng ngày cũng có những năm tờ. Tờ cũ, thì *Đông Pháp* (sau ngày Nhật đảo chính đổi là *Đông Phát*) nay lấy tên là *Dân Thanh; Tin Mới* lấy tên là *Dân Quốc;* Báo *Cứu quốc* là báo của Mặt trận Việt Minh nay ra công khai và hàng ngày. Báo mới, thì có *Vì Nước,* và một tờ nữa là *Quốc gia,* đều in bằng giấy khổ nhỏ hơn *Dân Thanh, Dân Quốc* (Ngày nay, báo *Hà Nội Son* của Ngô Văn Phú, và báo *Việt Nam* của bọn Quốc dân đảng phản động, chưa ra).

Tôi sợ nhất việc phải kiểm duyệt tờ *Quốc gia.* Vì viết đã kém, in lại lèm nhèm. Người đưa bài đến, chính là một biên tập viên đấy, nhưng mặt mũi, quần áo anh này nhom nhem, trông như thằng dở hơi. Đến chỗ người ta bận việc túi bụi, mà anh chàng cứ hỏi những chuyện vớ vẩn.

Tôi không biết sử dụng nhân viên kiểm duyệt cũ thế nào. Vì từ thuở mẹ đẻ đến giờ, tôi đã ở cương vị điều khiển đâu mà biết tổ chức lãnh đạo. Cho nên ngày bốn lượt đi về, qua cái buồng bên cạnh lố nhố đến hai chục người ngồi không ấy, tôi cứ lờ như không biết họ là ai. Tôi nhìn thẳng, nhiều buổi tôi về muộn, anh em cứ ở lại, chứ không về trước tôi. Tôi nghĩ mà ái ngại cho họ, vì sợ mà phải máy móc. Không gì khổ cho một người là cả ngày phải ngồi không, không có việc gì để làm. Không gì tủi cho một người là khi cảm thấy rằng mình không được tin cậy. Và không gì khổ tâm cho một người là mình mù mịt, không biết ngày mai của mình sẽ ra sao. Nhưng tôi làm thế nào để anh em khỏi sốt ruột, hoang mang và thắc mắc? Hắn anh em thì thào với nhau rất nhiều.

Nhưng tôi tự che đậy sự bất lực của mình bằng ý nghĩ: Ngày trước, trong giờ làm việc, họ khoẻ ăn cắp thì giờ để chơi không, thì bây giờ họ tha hồ chơi không để mà biết là khổ.

Tất cả các việc, một mình tôi cáng hết. Mấy hôm đầu còn lúng túng nhưng rồi chia thì giờ, tôi đã có thể một ngày chỉ làm thêm độ một giờ vào buổi chiều. Nhưng đối với anh em, tôi đã có ý là đến đúng giờ, tôi giả vờ về, để anh em khỏi đợi tôi. Nhưng rồi đến đầu phố, đứng ngắm buổi chiều trên hồ Gươm một lát, tôi quay trở lại để làm nốt việc.

Một hôm, chuông điện thoại gọi. Tôi nghe.

- Đây là 13.32. Kiểm duyệt phải không?

- Phải. Anh là ai?

- Tôi ở bên Cụ. Cụ bảo bây giờ sáng mai, anh sang bên Cụ, trình với Cụ về công tác kiểm duyệt.

Cụ là tiếng ngày ấy ta gọi Bác Hồ.

Tôi vừa mừng vừa lo.

Mừng là mình sẽ được vị Chủ tịch nước hỏi chuyện.

Đến mai, tôi sẽ được gặp Cụ Chủ tịch nước, Cụ Hồ, mà nhiều anh em đã rỉ tai tôi bảo là Cụ Nguyễn Ái Quốc. Chà chà! Tôi sẽ được mắt thấy ông chủ báo *Người cùng khổ,* tôi sẽ được tai nghe tác giả cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp,* mà trước kia tôi đã được đọc một cách lén lút. Hôm 2 tháng 9, giữa biển người và rừng cờ ở Ba Đình, Cụ ra mắt quốc dân, đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập,* tôi chỉ được nhìn từ xa, thấy Cụ gầy, có râu đen, mặc áo vét-tông như bằng hàng đũi, nhưng cũ, áo sơ-mi trắng, gài khuy cổ, nhưng không đeo ca-vát. Hôm ấy trời nắng hanh, tôi hết sức ngạc nhiên về cách ăn mặc của Cụ, và hết sức cảm động khi nghe thấy Cụ hỏi: "Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?".

Nhưng tôi lo. Hẳn là công việc làm ăn của tôi thế nào đây, thì Cụ mới bận tâm đến chứ?

Hôm sau, tôi ăn mặc thật chỉnh tề, sang bên Phủ Chủ tịch.

Tôi đang đứng lúng túng thì một đồng chí đến hỏi tôi. Tôi được đưa lên gác.

Tôi theo người dẫn đường. Khi thấy anh ta nắm cái quả bàng cửa của một buồng, thì tôi xếp lại cổ áo, nắn lại ca-vát, và sờ lại các khuy áo. Tôi nhìn đồng hồ, thấy đến sớm vài phút. Tôi vừa hồi hộp, vừa suy nghĩ lung lắm. Tất nhiên là tôi vào buồng này để đợi Bác. Bác đến, tôi sẽ chào bằng cách cúi đầu như thông thường, hay bằng cách đứng nghiêm và giơ cánh tay. Tôi ôn lại trật tự của công việc sẽ trình bày để Bác nghe khỏi mất nhiều thì giờ. Đầu óc tôi còn đương dồn dập, thì cánh cửa mở. Tôi bỗng sững người, Bác đã ở trong ấy rồi. Bác đợi tôi chứ không phải tôi đợi Bác. Sau này, được nghe nhiều chuyện về cách Bác tiếp khách quốc tế, tôi mới nhận ra là ít khi Bác dùng nghi lễ thông thường của một vị Chủ tịch nước.

Thấy Bác một cách đột ngột, tôi sung sướng, một cách đột ngột. Và cũng lo lắng một cách đột ngột. Trống ngực tôi nổi mạnh. Bác giơ tay bắt tay tôi, bảo tôi ngồi. Lúc ấy, tôi mới trông thấy ở trên bàn trước mặt, có một chồng báo ta. Tôi trấn tĩnh lại tinh thần. Tôi nhìn Bác để đợi Bác hỏi. Tự nhiên, không hiểu tôi thấy nét mặt Bác thế nào, mà bỗng dưng tôi bớt lo sợ. Và đến khi được nghe tiếng Bác nói, tôi thấy bình tĩnh ngay. Đúng rồi. Đôi mắt của Bác, cách ngồi của Bác, bộ quần áo của Bác, đôi giày bằng vải đen của Bác, đã tạo nên một không khí thế nào cho căn buồng này, khiến tôi không thấy có cái gì xa lạ. Và nhất là khi nghe thấy Bác gọi tôi bằng "chú", xưng bằng "mình", thì rõ ràng tôi thấy như không phải tôi đương ngồi trước một nhà chính trị lớn, một bậc khai quốc. Có cái gì là dễ dãi, là quen thuộc, là hấp dẫn, là thân mật của tình cha con. Tóm lại, điều làm tôi ngạc nhiên nhất là Bác không làm tôi ngạc nhiên tí nào.

Lâu ngày rồi, vì 25 năm đã trôi qua, tôi không nhớ tất cả và nhớ từng câu Bác hỏi, từng lời tôi thưa. Nhưng có nhiều

câu Bác nói thì chắc rằng không bao giờ tôi quên. Vì nó là những bài học làm người, những bài học rất mới. Mới là vì không có gì là cao xa.

Vì không lo sợ nữa, cho nên tôi đã trình bày với Bác được đầy đủ, gọn và mạch lạc tình hình công tác của tôi.

Để tôi nói hết, Bác hỏi:

- Còn gì nữa không?

Tôi nghĩ, rồi đáp:

- Thưa Cụ, hết ạ.

Bác hỏi:

- Thế còn báo *L'Entente?*

Báo *L'Entente (Lăngtăngtơ)* là của tụi Pháp, nghĩa là *Đồng minh.* Tôi nói:

- Thưa Cụ, nó cũng có xin phép, nhưng lại viết đơn bằng chữ Pháp, cháu bắt nó phải viết bằng quốc ngữ. Nó phải nghe theo. Nhưng nó chỉ gửi đến kiểm duyệt có số đầu. Cháu viết công văn bắt nó tiếp tục đưa kiểm duyệt. Nhưng nó không đưa.

Bác hỏi:

- Chú có tức không?

- Thưa Cụ, có ạ.

... Bác cười. Bác cho tôi hút thuốc lá, rồi hỏi:

- Một mình chú đã làm ngần ấy công việc rồi, thế sao trong một tháng mà còn cho phép đến ba mươi tờ nữa ra. Có phải không?

Về việc cho phép ba mươi tờ báo, tôi đã không trình bày với Bác bởi vì không phải việc của tôi. Nhưng thấy Bác hỏi ba tiếng "có phải không", thì tôi đáp:

- Thưa Cụ, phải ạ, đúng thế đấy ạ.

Bác lắc đầu:

- Phải nghĩa là phải lẽ, đúng lẽ, chứ không nghĩa là đúng sự việc. Ba mươi ngày cho ra ba mươi tờ báo, thì một năm cho ra bao nhiêu tờ báo? Chú sẽ làm ăn thế nào?

Tôi lúng túng. Bỗng sực nhớ ra, tôi đáp:

- Thưa Cụ, nhưng chưa thấy cả ba mươi tờ ra đời. Chắc là vì chưa có giấy, chưa thành lập được toà soạn. Cháu cho rằng họ ra nhiều thế, thì tờ báo viết kém sẽ đình bản ngay.

- Chú mong thế à?

Rồi Bác lắc đầu:

- Phải giúp họ tiến bộ mà sống chứ?

Câu nói làm tôi sửng sốt. Thật là bài học quá mới đối với tôi lúc bấy giờ.

Nói đến công việc của tôi hàng ngày, Bác khen tôi là chịu khó, một mình mà cáng được cả công việc của hơn hai chục người. Bác nói:

- Thế mới thấy rằng Tây nó nuôi người để ăn hại.

Tôi đương tủm tỉm vì được Bác khen, thì Bác bảo:

- Nhưng chú cũng để họ ăn hại. Sao không chia việc cho người ta làm?

Tôi giật mình:

- Thưa Cụ, cháu định nói với anh Liệu trả họ về ngạch cũ.

Bác gật đầu:

- Được. Trả ngay. Không ai là người vô dụng đâu. Mình làm cho họ thành vô dụng, thì nhàn cư, họ sẽ vi bất thiện đấy.

Tôi sực sáng mắt ra. Tôi cũng đã đoán là họ chẳng được giao việc, tất họ dùng thì giờ để thì thào với nhau. Chỉ có mỗi cái lý do là tôi không biết tổ chức, không biết lãnh đạo, không dám dùng họ; nhưng về phần họ, họ sẽ đặt ra đến trăm cái lý do để bàn tán về chế độ, bàn tán về tôi. Vậy tất có chín mươi chín điều ức đoán không đúng sự thật.

Bác hỏi:

- Một mình chú, mỗi ngày đọc năm báo hàng ngày và một ít bài của hàng tuần, thì có đọc kỹ không?

Còn ai dám nói với Bác là đọc kỹ! Tôi đáp:

- Thưa Cụ, chắc còn nhiều thiếu sót lắm.

- Có đọc quảng cáo không?

- Thưa không ạ.

Bác lắc đầu:

- Phải đọc hết.

Đến lề lối làm việc của tôi, tức là đọc các bản in rập, thấy có chữ nào, câu nào hại cho đường lối chính trị, thì xoá đi và ký tên ở cạnh, Bác hỏi:

- Ngày trước, chú cũng có viết báo phải không?

- Vâng ạ.

- Có bị kiểm duyệt xoá bao giờ không?

- Thưa Cụ, nhiều lần ạ.

- Thế chú có ưa kiểm duyệt không?

Tôi tủm tỉm:

- Thưa không ạ.

- Phải nói là ghét mới đúng. Thế bây giờ chú xoá của người ta, thì chú thử đoán xem người ta có yêu chú hay không?

Tôi không dám đáp.

Bác cười:

- Kiểm duyệt với báo chí phải thân với nhau. Người ta đã đặt hết tâm trí mới viết ra bài, cũng như đẻ được một đứa con. Nay mình thấy cái mặt, cái tay đứa bé có vết hoặc có ghẻ, thì mình phải bảo người ta chữa, và chữa như thế nào. Nếu mình lại

chặt cái mặt, cái tay ấy đi, thì đứa bé còn ra hình thù gì. Đời nào bố mẹ nó lại đồng tình với mình được? Mà nhân tình thế thái như vậy, dù đứa con hư hại mấy, thì bố mẹ cũng yêu và bênh con. Vậy thì người ta sẽ oán. Chú có biết họ oán ai không?

- Thưa Cụ, oán chính quyền ta ạ.

- Phải, chứ không oán chú đâu. Chính quyền là của nhân dân, cơ quan ngôn luận cũng là của nhân dân. Chính quyền phải giúp ngôn luận tiến bộ.

- Thưa Cụ, mỗi tháng, anh Liệu có họp các báo một lần nói về tình hình thế giới, tình hình trong nước.

- Chưa đủ. Đấy là việc của chú. Chú phải gần gũi các báo để hướng dẫn họ.

Tôi nghĩ, rồi thưa thật:

- Thưa Cụ, việc này khó cho cháu quá. Các báo chỉ cho tuỳ phái đưa bài đến kiểm duyệt, cho nên cháu không gặp người viết bao giờ. Anh em viết báo, cháu có quen nhiều, nhưng vì bận quá, cháu không thể gặp gỡ riêng ai được.

- Triệu tập anh em lại.

Tôi suy nghĩ, rồi nói:

- Thưa Cụ, trình độ của cháu kém quá. Cháu không thể làm nổi.

Bác mở từng tờ báo để ở trên bàn.

Tôi thấy nhiều bài và cả quảng cáo nữa, có những nét gạch bằng bút chì xanh và bút chì đỏ. Bác bảo gạch xanh là lỗi viết chính trị, gạch đỏ là lỗi về chữ nghĩa, ví dụ lỗi chính tả, lỗi mẹo luật, lỗi đặt câu, ý ngắn mà lời quá dài, văn cầu kỳ không đúng chỗ, hoặc có chữ khó hiểu.

Bác lấy tờ *Quốc gia* làm thí dụ. Tôi thấy nhiều gạch xanh đỏ quá. Tôi hỏi:

- Thưa Cụ, cháu ngại nhất là phải đọc tờ này, vì bài kém, in cũng kém.

- Thế mới càng phải đọc chứ.

Câu nói làm tôi sửng sốt.

Ngày nay ở Nam Bộ, giặc Pháp đã từ Sài Gòn đánh toả ra Lục tỉnh; ở Bắc Bộ, quân của bọn Tưởng Giới Thạch tước khí giới quân Nhật đương ra sức phá về mặt quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, bọn Quốc dân đảng Nguyễn Tường Tam, núp dưới bóng quân Tưởng, đương ngang ngược ở các thị xã suốt dọc đường xe lửa Lào Cai - Hà Nội, ở Sở Tuyên truyền Bắc Bộ thỉnh thoảng anh em Vệ quốc quân lại tới, lên gác, khép hờ các cửa chớp rồi lên đạn chĩa mũi súng ra ngoài đường. Thêm vào những sóng gió từ bên ngoài. Ở trong nước, ta còn lo diệt giặc đói, diệt giặc dốt. Bác là người đứng mũi chịu sào trước cơn phong ba bão táp này, hàng ngày phải lo nghĩ và giải quyết biết bao việc ngoại giao và kiến quốc lớn lao, thì Bác để thì giờ nào mà đọc tất cả các báo, lại đọc kỹ hơn cả tôi là người có nhiệm vụ phải đọc, để Bác chú ý không những đến lầm lỗi về chính trị mà cả đến lầm lỗi về câu, về chữ.

Tôi ngùi ngùi ngắm Bác. Vai Bác vẫn nhô lên. Má Bác vẫn lõm. Mắt Bác sáng, tuy sáng nhưng vẫn trũng. Bác không khoẻ hơn cái hôm tôi nhìn thấy Bác ở Ba Đình. Bác còn yếu, tuy làm việc nhiều, thế mà dáng diệu Bác vẫn ung dung, bình tĩnh, nét mặt Bác vẫn vui tươi, thỉnh thoảng chêm vào câu nói một vài tiếng khôi hài. Nhìn Bác, nghe Bác, đố ai dám bảo Bác là người đương phải lo nghĩ nhiều về việc nước.

Nghe Bác nói về câu và chữ, tôi càng phải suy nghĩ. Bác ở nước ngoài mấy chục năm, đã từng viết bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, thế mà sao Bác không quên tiếng mẹ đẻ, còn thạo hơn cả những người chỉ ở trong nước và sinh nhai bằng chữ nghĩa của nhà.

Tôi được Bác tiếp gần một giờ. Lúc tôi chào Bác để ra về, khoan khoái vui vẻ lạ thường.

Các bạn ạ, đấy câu chuyện như thế, cho nên từ tuần sau trở đi, cứ hàng tháng, Bác lại triệu tập chúng ta một lần vào Chủ tịch phủ. Hẳn anh em còn nhớ như tôi, là ngoài đường lối chính trị, luôn luôn Bác khuyên chúng ta phải viết cho dễ hiểu. Bác bảo viết để người kém hiểu được hãy nên viết. Phải viết ngắn, gọn. Trong một tờ báo, bài ngắn bao giờ cũng được đọc trước tiên.

Anh em có còn nhớ hay không, một lần, trái với thường lệ, Bác không triệu tập chúng ta vào ngày làm việc, buổi chiều, mà lại vào ngày chủ nhật, buổi sáng. Hôm ấy, ai cũng chỉ trỏ bấm nhau về cái bàn có trải khăn trắng. Thì ra Bác định cho chúng ta ăn sáng với Bác. Buổi ấy, Bác vui lắm. Đối với báo *Cứu quốc* là báo của Mặt trận, và nhất là đối với anh kiểm duyệt, thay mặt chính quyền, không những Bác không nghiêm như những lần trước, mà Bác còn cho hai người này ăn thêm nửa chiếc bánh của Bác. Bác bảo không phải Bác thiên vị, mà là Bác đền cho hai chú vẫn bị Bác phê bình gay gắt. Giữa lúc chúng ta đương cười vui, thì Bác hỏi báo *Quốc gia* đâu. Bỗng ai nấy im bặt. Cái người mà tôi vẫn cho là dở hơi ấy đứng lên để trình diện thì không biết anh em thế nào, chứ mà tôi thì cảm động đến suýt ứa nước mắt: Bác cầm cốc cà phê của Bác, sẻ cho anh ta một phần:

- Thưởng cho chú để chú cố gắng!

Câu nói toát ra tấm lòng thương mênh mông vô hạn đối với một người còn yếu kém về trình độ.

*

* *

... Mỗi lần được họp với Bác, chắc anh em cũng như tôi, chúng ta đều thấy sáng về chính trị và lớn dần về nghề, cả nghề viết báo lẫn nghề viết văn. Mỗi lời nói của Bác là một bài học rất mới. Riêng tôi, tôi được hưởng thêm cái kết quả nữa, là từ đó, tôi được nhẹ gánh, vì ít phải xoá bỏ những chữ, những câu trong bài của anh em đưa đến. Lại cũng chính vì thế, mà một số bạn cũ

của tôi, ít lâu nay xa cách tôi, thì độ này hay gặp nhau, vồn vã, chuyện trò, thân mật với nhau như trước. Và cũng do công việc không đến nỗi quá bận bịu, mà thỉnh thoảng, có những buổi chiều, tôi được về vào lúc mặt trời đương lặn. Cái cảnh nước hồ thu, vào giờ này, in đầy những màu tía, màu da cam, màu lá cây, màu mây bông, màu vôi bạc, là bức tranh thiên nhiên mà thuở còn đi học, tôi hay tha thẩn một mình để ngắm, thì từ ngày lại về Hà Nội để công tác, tôi vẫn thèm được hưởng lại. Nhưng chưa có dịp nào. Thì đến bây giờ tôi mới lại được sống lại cái không khí trong tuổi xanh, nhưng sung sướng hơn, là giữa cái khung cảnh độc lập, tự do.

HỒ CHỦ TỊCH VỚI VĂN NGHỆ

HOÀNG NGỌC PHÁCH

Đại hội Văn nghệ lần thứ hai (1957) được hân hạnh Hồ Chủ tịch đến thăm. Đại hội cử ông Hội trưởng và tôi, nhà văn cao tuổi nhất, đón tiếp Bác. Lúc vào phòng đón tiếp, Bác hỏi ngay: "Việc khai thác vốn cũ dân tộc, các cụ đã làm đến đâu rồi?". Chúng tôi trình: "Chúng tôi đang cố gắng". Bác nói: "Nên làm nhanh. Có trước mới có sau. Có cũ mới có mới, nhưng chúng ta không nên nệ cổ. Bây giờ là thời đại cách mạng, phải nhanh, phải cải cách".

Bác ngồi viết mấy câu để ra nói ở Đại hội. Bác đưa chúng tôi xem để chúng tôi góp ý kiến, chúng tôi thưa: "Bác cũng là nhà đại văn nghệ rồi". Bác bảo: "Không đâu!".

Lúc ra Đại hội, Bác vừa cười vừa nói: "Cụ Hoàng vừa nói tôi là nhà văn nghệ. Không đâu, tôi chỉ là người thích văn nghệ thôi, chưa phải là nhà văn nghệ". Cả hội trường vỗ tay vang, kính phục đức độ khiêm tốn của Bác.

Câu nói của Bác làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều. Phải "có trước mới có sau, có cũ mới có mới, nhưng ta không nên nệ cổ". Trong sáng tác, tôn trọng tính dân tộc, nhưng vẫn nâng cao vốn cũ lên để kết hợp với những đặc điểm của thời đại ngày nay. Vì vậy văn học, nghệ thuật của chúng ta có những bước đầu rất

phong phú. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác, thái độ văn học, nghệ thuật ta đối với những vốn cổ của cha ông rất đúng. Vì vậy những đoàn nghệ thuật của ta đi biểu diễn ở các nước Pháp, Ý, Angiêri, Liên Xô, Trung Quốc mới được hoan nghênh nhiệt liệt và mới thu được thắng lợi vẻ vang. Tuy Bác nói không là một nhà văn nghệ mà chỉ là người yêu văn nghệ thôi, nhưng theo tôi, chính Bác là một nhà thơ vĩ đại...

Ngày 5-9-1969

TÔI ĐƯỢC DIỄN CHÈO CHO BÁC HỒ XEM

THẾ LỮ *kể*

Bác Hồ là một công dân Việt Nam vĩ đại, một chiến sĩ cách mạng thiên tài, một người sống đức độ cao cả, Bác đã cống hiến cả một đời cho sự nghiệp cách mạng, dấn thân vào gian lao trùng điệp, vượt qua mọi trở ngại phi thường, đưa dân tộc ta từ cảnh nô lệ tới bước vùng dậy lớn mạnh, phát huy được bản lĩnh, truyền thống và tiến vững chắc tới một tương lai vẻ vang.

Công ơn Bác đối với nhân dân ta là công ơn lớn lao trời biển.

Đối với riêng tôi, cũng như với một số người hoạt động văn nghệ, nửa đời trước kia đã sống tình cảnh người dân mất nước, căm hờn, bất lực và hành động quẩn quanh. Bác đã giải phóng cho tôi thoát một ách nặng của hoàn cảnh và bản thân, tiến trên con đường tự do độc lập, được nước và góp phần giữ nước.

Mẹ cha sinh dưỡng ra mình.

Bác tái sinh và dưỡng dục cho tôi làm người biết đường cách mạng, biết đặt vinh quang sự nghiệp và hạnh phúc bản thân trong công cuộc góp phần vào sự nghiệp cách mạng.

Ơn sâu nghĩa nặng chừng ấy.

Phải làm sao để câu "Bác sống mãi trong lòng chúng ta" đối với tôi có ý nghĩa sâu sắc thiết thực.

Trong cuộc sống làm sân khấu của tôi, tôi vừa viết, vừa dựng, vừa diễn. Tôi mong mỏi được góp phần mình vào việc xây dựng một nền nghệ thuật sân khấu Việt Nam, biến sân khấu thành một

nghề hẳn hoi, có tác dụng đối với xã hội. Từ ngày đi với cách mạng, tôi vẫn nuôi ước mơ được tự mình diễn cho Hồ Chủ tịch xem. Đối với Người, tôi không còn biết cách trả ơn nào khác. Người đã biến tôi từ một nghệ sĩ lang thang trong chế độ cũ: *Tôi chỉ là người khách bộ hành phiêu lãng,* thành một cán bộ văn nghệ, biết đem nghệ thuật của mình phục vụ cho công cuộc kháng chiến kiến quốc của toàn dân. Hồi ấy, tuy không được may mắn trực tiếp gặp Người, nhưng Người đã có ảnh hưởng quyết định đối với bước ngoặt cơ bản của đời tôi. Tôi đã nhìn thấy ở Người tất cả những gì tha thiết nhất, thiêng liêng nhất trong cái lẽ sống làm người của tôi và tôi đã tự nguyện đi theo Người một cách đơn giản, tự nhiên như con theo mẹ.

Đầu năm 1953, tôi được tham gia lớp học chính trị cho các văn nghệ sĩ. Bác có đến giảng và thăm chúng tôi. Một tối liên hoan, Bác vui chung với mọi người. Trong không khí thật là vui mừng, hỉ hả, Bác bỗng nhìn tôi, bảo:

- Thế còn tài tử, không lên hát đi!

Không biết bấy giờ lúng túng thế nào, tôi vội trả lời:

- Thưa Bác, cháu không biết hát.

Bác không nài thêm. Nhưng rồi sau đó tôi cứ tự trách mình mãi. Sao tôi lại dở thế. Không biết hát thì cứ lên, trổ tài diễn kịch cương của mình ra cho Bác vui lòng. Cùng lắm thì có thể ngâm một bài thơ kia mà! Tôi vốn biết làm thơ, lại quen diễn kịch cương, thế mà lại trả lời: "Thưa Bác, cháu không biết hát". Thật là đáng phạt.

Đầu năm 1954, lúc chiến dịch Điện Biên Phủ sắp mở màn, Đoàn văn công Nhân dân được điều lên diễn phục vụ ở A.T.K. (An toàn khu), chúng tôi mang theo vở chèo *Chị Tấm, anh Điền,* một vở chèo sáng tác tập thể dựa theo chuyện *Tấm Cám*, nhằm phục vụ cho công cuộc cải cách ruộng đất bấy giờ. Tối hôm ấy, tôi đang hý hoáy hoá trang thì cảm thấy có người bước vào. Tôi ngoảnh lại, thì, ôi, Bác đang đứng ở sau lưng tôi. Tôi ngớ ra đến quên cả chào Bác,

tôi bước ra như muốn vẫy gọi cho anh chị em cùng biết. Bác ra hiệu cho tôi, ý muốn đừng làm mất thì giờ vì Bác, Bác nói:

- Các cô các chú mau mau lên! Cố diễn cho đúng giờ!

Thì ra Bác và một số khách quốc tế đến xem chúng tôi biểu diễn. Bác lại biết rõ chúng tôi hay muộn giờ. Hồi ấy, sân khấu kháng chiến thiếu thốn nhiều thứ, thường các buổi diễn không mở màn đúng như quy định. Bác lên nhắc chúng tôi vì không muốn khách phải đợi lâu. Nhưng sự có mặt của Bác đã làm cho anh chị em chúng tôi phấn chấn hẳn lên và mọi việc chuẩn bị nhanh nhẹn lạ thường. Nếu không, đúng là chúng tôi sẽ muộn như thường lệ.

Trong vở diễn, tôi đóng vai hoàng tử. Đó là một nhân vật phản phái, hắn cướp đoạt người yêu của anh Điền là cô Tấm. Hồi ấy tôi đã 45 tuổi nhưng hoá trang vào, trông tôi vẫn ra vẻ một hoàng tử đẹp trai và tàn nhẫn. Mong mỏi bao lâu nay mới được diễn cho Bác xem, tôi vừa mừng vừa có chút băn khoăn. Tôi vốn là dân kịch, nay lại diễn chèo, phải hát, lại phải đóng vai một tên hoàng tử đáng ghét. Giá như tôi được đóng một vai gì sở trường với tôi, bộc lộ được hết tấm lòng của tôi đối với Đảng, với Bác! Dẫu sao, đêm nay tôi cũng phải đóng vai cho thật tốt để góp phần thành công cho tối diễn.

Buổi biểu diễn bắt đầu. Anh Chu Minh ra giới thiệu vở bằng tiếng nước ngoài. Đến chỗ nói về nhân vật *xẩm chợ* anh lúng túng không tìm ra tiếng. Anh đang lắp mãi tiếng "một người... một người..." thì có tiếng Bác nhắc từ hàng ghế khán giả. Không ai ngờ Bác đoán được điều anh Chu Minh định nói và dịch ra tiếng nước ngoài.

Vở chèo của chúng tôi rất được ưa chuộng hồi đó. Người xem ngồi im phăng phắc. Nhưng hậu trường thì lại lộn xộn. Các diễn viên im lặng tranh nhau ghé qua cánh gà để nhìn Bác. Thật là một buổi diễn đặc biệt. Diễn viên lại háo hức được xem người xem hơn là người xem diễn viên. Vì thật tình, Bác không được

thưởng thức như một khán giả bình thường. Qua cánh gà trong khoảng lờ mờ tối cả hàng ghế đầu, tôi thấy Bác đang dịch tích trò cho các khách ngoại quốc nghe. Đôi lúc Bác phải dùng đến cả hiệu tay, cả nét mặt để diễn đạt câu chuyện kịch. Cúc áo ngực Bác mở phanh, chiếc khăn quàng trễ xuống ngực. Ngoài trời, sương giá những ngày tàn đông trắng nhờ nhờ. Tôi bỗng ứa nước mắt vì thương Bác. Tiếng là đi xem, nhưng Bác lại làm việc hơn cả chúng tôi. Sự quan tâm của Bác đã làm ấm cả không gian tối diễn. Sau này, được hiểu Bác hơn, tôi thấy lúc ấy tôi thương Bác là đã xúc phạm đến Bác. Vì con người Bác là như vậy, đừng hiểu là Bác *phải* làm việc, phải *hy sinh*.

Tôi bước ra sân khấu. Giọng tôi trong hẳn lên và mắt tôi chắc là long lanh thần sắc. Tôi múa các động tác trèo núi dẻo và hoạt như một anh con trai thực sự.

HỒNG PHI *ghi*

HAI LẦN GẶP BÁC HỒ

TÚ MỠ

Nhân dân và cán bộ chúng ta ai cũng mong ước được dịp gặp Bác, nghe lời Bác dạy bảo, chính mắt trông thấy tác phong giản dị của người công dân thứ nhất của đất nước, vị lãnh tụ yêu quý nhất của dân tộc.

Đời tôi đã hai lần được hân hạnh ấy. Mười ba năm đã qua, kỷ niệm ấy vẫn còn ghi trong tâm khảm, nay hồi tưởng lại, tôi vẫn thấy cảm xúc như mới hôm qua...

Lần thứ nhất vào dịp Đại hội liên hoan chiến sĩ thi đua toàn quốc đầu tiên, tổ chức ở Việt Bắc hồi tháng 5-1952.

Hôm trước ngày khai hội, một buổi sáng đẹp trời, Bác đến địa điểm họp để thăm hỏi các chiến sĩ và xem xét lần cuối cùng việc tổ chức cho được chu đáo. Thường thường, Bác đến không báo trước. Tin Bác đến truyền nhanh như chớp, mang lại một niềm vui sướng đột ngột cho các chiến sĩ. Từ các gian nhà dựng rải rác trên khắp một quả đồi rộng, mọi người đổ xô ra: "Bác đến! Bác đã đến! Bác đâu? Bác đâu?". Khu hội trường nhộn nhịp hẳn lên. Giữa tiếng reo mừng, những tràng pháo tay ròn rã, mọi người chạy ồ ra phía Bác đến, xúm quanh Bác và theo Bác đi thăm mọi nơi.

Hai giờ chiều, các chiến sĩ được mời tập hợp trước Đài liệt sĩ để chụp ảnh chung với Bác. Tôi tranh thủ trước khi sắp xếp đứng chụp ảnh, tự giới thiệu với Bác: "Thưa Bác, cháu là Tú Mỡ, tức Bút Chiến Đấu, xin ra mắt Bác và cảm ơn Bác đã khuyến khích cháu rất nhiều...". Lần đầu tiên đứng trước vị lãnh

tụ vĩ đại, tôi không khỏi hồi hộp, và chỉ nói được có thế thôi... Bác niềm nở bắt tay rôi: "A! Tú Mỡ, nhà thơ bình dân. Đại hội này có nhiều đề tài hay lắm đấy, nên để ý trông tìm, lắng nghe, ghi chép, về viết cho tốt".

Sắp xếp chỗ đứng, chỗ ngồi để chụp ảnh dưới nắng hè gay gắt, ai nấy mồ hôi mồ kê nhễ nhại, anh nhiếp ảnh cứ loay hoay ngắm, nhòm, xê người này, dịch người kia, mãi chưa ổn chỗ. Bác giục: "Chú chụp ảnh liệu chong chóng lên, kẻo chúng tôi hoá ra... Tú Mỡ cả bây giờ!". Câu nói đùa thân mật đó như một làn gió mát làm dịu cả không khí nóng bức, và riêng đối với tôi, đã đánh tan sự e lệ lúc đầu, khiến tôi càng gần gụi lãnh tụ và càng kính yêu Bác.

Sự vui tính không lúc nào rời Bác trong suốt thời gian Đại hội. Chiều mát, Bác đến từng tổ chiến sĩ ân cần thăm hỏi, rồi mọi người theo Bác ra một quãng đồi san phẳng để vui chơi tập thể. Hồi đó, phong trào nông tác vũ "son la son" mới gia nhập chiến khu Việt Bắc. Bác bảo các chiến sĩ: "Các cô, các chú, chiến đấu đã chiến đấu hăng, vui nhộn phải vui nhộn mạnh. Nào, ta nhảy đi!". Đám thanh niên rất sẵn sàng, nhưng đám thiếu nữ còn sượng sùng ra ý rụt rè... Bác bảo: "Các cô còn phong kiến thế à?". Được lời Bác khuyến khích, cả nam lẫn nữ bấy giờ mới tay cầm tay, nhảy tưng bừng giữa dàn nhạc mồm "son la son... son đô sí la son mì..." vang dội cả khu đồi. Nhìn các cháu nhảy, mắt Bác trìu mến, Bác mỉm cười, vui cái vui của đàn cháu ngoan cường. Trông Bác trẻ hẳn ra, Bác hởi lòng hởi dạ thấy những hạt giống cách mạng của Bác gieo trồng vun xới bấy lâu đã đợt đầu trổ hoa, kết quả.

Nhảy đã thoả thuê, nghỉ. Bác hỏi một nhóm bộ đội: "Trong các chú, chú nào là chiến sĩ hạ được máy bay địch?". Một chiến sĩ giơ tay: "Thưa Bác, cháu cùng đơn vị cháu ạ". Bác nói: "Chỉ có súng trường mà hạ được máy bay địch, thế là giỏi. Nhưng thắng không nên kiêu mà chủ quan khinh địch. Các chú phải phổ

biến chiến thuật ấy cho các đơn vị anh em để hạ được nhiều máy bay nữa".

Anh em bộ đội sung sướng quá! Muốn biểu lộ lòng phấn khởi một cách nhiệt liệt, một chiến sĩ ra khẩn khoản xin với Bác một đặc ân: "Thưa Bác, Bác cho phép chúng cháu làm kiệu công kênh Bác đi một vòng". Bác cười khoan dung, lưỡng lự, rồi nhìn ở phía xa mấy người đang đi tới, Bác chỉ tay: "Đây kia, các chú trông thấy không? Đại tướng của các chú sắp tới. Bác cho phép các chú công kênh Đại tướng của các chú đấy!". Ai cũng chịu Bác nhanh trí, ứng biến tuyệt khéo và rất được lòng... Và, trong lúc các chiến sĩ bộ đội kiệu Đại tướng Võ Nguyên Giáp giữa tiếng hoan hô náo nhiệt, Bác đã rút lui từ lúc nào...

Đại hội tiến hành long trọng, tưng bừng chưa từng thấy. Bác luôn luôn chủ toạ các buổi họp; một đôi khi Bác vắng mặt hẳn là vì bận công việc gì quan trọng lắm. Bác chủ toạ không những với uy tín của Chủ tịch nước, với tinh thần cha đẻ của phong trào "Thi đua ái quốc", mà đặc biệt là với cả một tấm lòng bác cháu đối với các chiến sĩ. Cho nên có Bác là hội nghị trong tôn nghiêm vẫn nồng nàn không khí đầm ấm một gia đình lớn... Bác có những lời nói hiền hậu, những cử chỉ thân mật cởi mở lòng người.

Khi chiến sĩ công nghiệp số 1 (sau được Đại hội tặng danh hiệu Anh hùng) Ngô Gia Khảm lên đọc báo cáo thành tích, bàn tay của anh, bị thương tật vì tai nạn thuốc nổ, lật giở trang giấy lúng túng, thấy vậy Bác rơm rớm nước mắt. Anh báo cáo xong, Bác nói: "Khảm là "công binh xưởng" đầu tiên của quân đội Việt Nam, đã chế tạo ra quả lựu đạn đầu tiên cho kháng chiến. Khảm bị què tay, mờ mắt, điếc tai, vẫn hăng hái làm tròn nhiệm vụ. Với tinh thần ấy, trăm thằng Tây, trăm thằng Mỹ ta cũng đánh tan (thằng đây có nghĩa là một đế quốc)".

Bác quý trọng những nhà trí thức học rộng tài cao, nhưng Bác lại càng quý trọng những người công nhân bình thường,

chỉ bằng nhiệt tình cách mạng, dám nghĩ, dám làm, đã phát huy sáng kiến, khắc phục khó khăn làm nên công lớn cho kháng chiến, như chiến sĩ công nghiệp số 2 Nguyễn Văn Thường đã bắc được chiếc cầu Thuỵ Khẩn dài 54 thước, cao 20 thước mà không phải dùng đến gỗ với bù-loong. Bác nói: "Ở các nước tư bản, người ta chỉ tin ở bằng cấp. Ở Việt Nam, chúng ta tin vào khả năng tinh thần của con người lao động. Có giai cấp công nhân lãnh đạo thì trí óc mới phát huy được khả năng".

Bác điều khiển Hội nghị rất linh hoạt. Sau mỗi bản báo cáo, Bác lại động viên mọi người hát và hò, xen cái vui tươi vào cái trang nghiêm, nên tuy làm việc khẩn trương mà không ai thấy mỏi mệt. Buổi họp nào vắng Bác thì tôi cảm thấy như thiếu thốn một cái gì, khó ai bổ sung được.

Bác tuy tuổi già (năm ấy Bác 62 tuổi) nhưng tâm hồn cứ trẻ măng, vui hơn thanh niên. Trong buổi tối liên hoan sau Hội nghị, Bác làm "trưởng trò", điều khiển cuộc vui như một nghệ sĩ. Lúc cuối chầu, khi mọi người đã đóng góp tài ba vào tối biểu diễn văn nghệ rất xôm trò, Bác có ý kiến mà không ai ngờ tới. Bác nói: "Bây giờ đến lượt các ông Bộ trưởng. Các ông đã nghe chiến sĩ ca hát, phải đóng góp cái gì cho sòng phẳng chứ! Đại hội có tán thành không?". Dĩ nhiên là Hội nghị hoan nghênh nhiệt liệt, và mấy ông Bộ trưởng tuy bị "đột kích" cũng có ngay một số tiết mục góp vui. Bác thật là chí công vô tư trong bất cứ việc nào.

Sắp sửa chiếu bóng, Bác chuyển xuống ngồi hàng ghế cuối. Bên cạnh tôi còn một chỗ trống, Bác đến ngồi cạnh tôi. Thật là một niềm vui bất ngờ đến với tôi. Bác lấy thuốc lá thơm ra hút và có nhã ý mời tôi. Tôi lúng túng thực thà: "Cám ơn Bác, cháu không hút thuốc lá". Sau nghĩ ra mới biết mình dại, thực quá hoá ngốc; đáng lẽ Bác đã cho là cứ nhận; hút một điếu vẫn cứ được; không hút thì đem về khoe, tặng lại cho anh em, chẳng quý hoá ư? Và tôi cứ tiếc mãi mà không dám nói lại.

Trời oi ả. Nhà hội trường rộng rãi thế mà ngột ngạt hơi nóng. Tôi giở quạt ra phe phẩy và quạt tạt sang phía bên để Bác cùng mát. Bác nói chuyện về văn nghệ nhân dân vừa biểu diễn, và khen ngợi văn nghệ sĩ quân đội đã có tài sáng tác tại chỗ những câu ca dao, hò vè phục vụ Hội nghị rất sát và rất kịp thời. Tôi phải thú thực với Bác rằng tôi chịu thua về mặt đó, không có tài xuất khẩu thành thi, nhất là trong hoàn cảnh náo nhiệt. Một lúc sau, Bác bảo tôi đưa quạt, Bác phe phẩy và cố ý cho tôi cùng hưởng mát. Lại một lần nữa, tôi thấy tác phong công minh của Bác, tế nhị và chu đáo cả đến việc nhỏ nhặt, tầm thường.

Chiếu bóng xong. Tối liên hoan cũng kết thúc, mọi người lục tục đứng dậy ra về. Bác vội đứng lên, giơ tay ra lệnh trật tự và nói to: "Hãy khoan đã, để cho các cháu bé ra trước, kẻo lộn xộn các cháu sẽ lạc đấy!". Chao ôi! Óc sáng suốt của Bác thật lạ lùng, hiếm có! Bác chăm lo hàng vạn việc lớn lao mà không quên sót một việc nhỏ người thường lại không nghĩ tới! Ai chú ý chăm sóc các cháu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh?

Buổi tối hôm sau, một bữa tiệc linh đình tiễn đưa các anh hùng, chiến sĩ. Bác nhanh nhẹn, niềm nở đến từng bàn để thù tiếp, mỗi bàn Bác ngồi một lát, không sót một bàn nào. Bác nói: "Hôm nay Bác thay mặt nhân dân tiếp đãi các anh hùng, chiến sĩ". Bác xới cơm, gắp thức ăn cho mọi người, không ai từ chối được.

Tiệc xong, bát đũa ngổn ngang trên các bàn ăn. Bác điềm nhiên "thu dọn chiến trường" lại gọn ghẽ và nói: "Thu xếp lại một tí, đỡ công vất vả cho các đồng chí phục vụ". Mọi người cảm phục, làm theo Bác. Bác thực nhân đạo chí tình, dạy cho chúng ta ý thức trong cuộc chung sống dân chủ. Mình vì mọi người, mọi người vì mình. Mỗi người biết chịu khó bận mình một tí, sẽ đỡ nhiều khó nhọc cho người khác.

Tửu hậu trà dư rồi nhưng không bao giờ quên nhiệm vụ. Trước khi chia tay, Bác hỏi các anh hùng, chiến sĩ: "Sau Đại hội trở về địa phương, các cô các chú phải làm gì?".

Kẻ trước người sau trả lời:

- Thưa Bác, báo cáo với nhân dân sự thành công rực rỡ của Đại hội.

Bác đáp:

- Đúng!

- Thưa Bác, phổ biến cách làm việc của mình và nguyên nhân mình đạt được thành tích.

- Tốt!

- Thưa Bác, giúp đỡ mọi người thi đua để thành chiến sĩ như mình.

- Tốt lắm!

- Thưa Bác, gương mẫu trong công tác và đạo đức.

- Hay!

- Thưa Bác giữ vững và phát triển thành tích của mình trong đợt thi đua mới.

- Hay lắm!... Còn gì nữa?

Thấy im, Bác mỉm cười và nói: "Còn một điều quan trọng nữa là "bảo mật"; tuyệt đối giữ bí mật nơi họp Đại hội, không nói với bất cứ ai".

Các chiến sĩ tỉnh người! Thế đấy, một điều thông thường mà rất quan trọng trong kháng chiến, có lẽ ai cũng thực hiện, nhưng Bác cứ phải nhắc cho nhớ.

Lần thứ hai tôi được gặp Bác là vào dịp lớp học chính trị mở năm 1953, khi cuộc kháng chiến đang chuyển từ giai đoạn cầm cự sang chuẩn bị tổng phản công. Lớp này chúng tôi gọi là "lớp tàu vét", mở đặc biệt cho hàng ngũ trí thức, cần phải chuẩn bị tư tưởng trong giai đoạn quyết liệt nhất của cuộc kháng chiến.

Bác quan tâm đến lớp này, nên mặc dầu bận trăm công nghìn việc, Bác cũng thân đến đôn đốc và huấn thị để việc học thu được kết quả tốt.

Một buổi sớm, Bác đến thăm nơi ăn chốn ở giữa rừng của các học viên, ân cần hỏi thăm sức khoẻ và công tác của từng người. Gặp tôi, Bác vẫn còn nhớ "nhà thơ bình dân" đã gặp Bác trong Đại hội liên hoan các chiến sĩ thi đua.

Buổi tối, Bác đến họp để huấn thị. Bác nói: "Hôm nay tôi nói chuyện, gặp đâu nói đấy, không chuẩn bị trước...". Bác khiêm tốn nói vậy thôi. "Gặp đâu nói đấy" của Bác vẫn đâu có đó như đã sắp xếp trong trí Bác. Giọng Bác vẫn ấm áp, khoan thai, dịu hiền; có lúc pha vị chua chát, mỉa mai; có lúc thiết tha, đanh thép; điềm đạm mà vẫn có sức mạnh khiến lòng người sôi sục khí thế chiến đấu. Ai nấy im phăng phắc ngồi nghe như uống từng lời của Bác.

Trước hết, Bác nói về khuyết điểm của một số cán bộ, đảng viên: lên mặt dạy đời, giấu dốt; xa anh em ngoài Đảng, giao thiệp hời hợt "ngoại giao". Bác nghiêm khắc bảo: "Như thế là không đúng với sự giáo dục của Đảng. Theo lời tuyên ngôn của Đảng, ai có khuyết điểm phải yêu cầu nhân dân phê bình, thành khẩn tiếp thu phê bình không sợ thấy mình có khuyết điểm, chỉ sợ không quyết tâm sửa chữa".

Bác biểu dương tinh thần những người trí thức yêu nước, đã đáp ứng tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, hy sinh tất cả đi theo kháng chiến, chịu đựng gian khổ suốt tám chín năm, luôn luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo tất thắng của Đảng, của giai cấp công nhân. Để củng cố lòng tin ấy, Bác nhấn mạnh: "Đảng có chủ trương "Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi", vậy có quyết tâm thực hiện không? Nhất định có! Đảng có đủ cán bộ có năng lực không? Nhất định có! Việc học tập chính trị không ngoài mục đích ấy. Phải làm cho toàn dân hiểu chính sách của Đảng".

Lời huấn thị của Bác đã tôi thép thêm cứng cho trí thức. Lớp học thu được kết quả tốt và kết thúc trong một tối liên hoan đơn giản nhưng đầy phấn khởi vì có Bác đến dự. Tối hôm ấy, một việc làm cho mọi người hết sức cảm động là: Bác đem biếu mấy cụ cao tuổi nhất mỗi cụ một tấm áo lụa của nhân dân gửi tặng Bác. Cao quý thay tấm lòng nhường cơm sẻ áo của vị lãnh tụ thân yêu!

Tiết mục của tối liên hoan có ngâm thơ và ca hát. Khi tôi lên hát kính dâng Bác một bài chèo, Bác vui vẻ nói:

- Tú Mỡ, chèo thì phải chèo cho vững!

Tôi đáp:

- Vâng, cháu xin hứa sẽ chèo thật vững.

Lời dạy của Bác thật ý nhị, đúng tâm lý tôi, một nhà thơ trào phúng, vừa vui mà thâm thuý biết bao!

Lời khuyên của Bác đã thấm vào lòng tôi và luôn luôn cổ vũ tôi làm tròn nhiệm vụ của Bút Chiến Đấu và trên đường đi tới những khi gặp sóng to gió lớn, tôi vẫn nhớ lời Bác không phút nào nản chí mà ngã tay chèo...

Tháng 4-1965

HỒ CHỦ TỊCH NÓI CHUYỆN VỀ CÁCH VIẾT

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Tối 17-8-1952, Hồ Chủ tịch nói chuyện về cách viết cho một số anh em văn nghệ, báo chí. Nhiều anh chị em cán bộ dân vận ở một lớp học gần đấy cũng tới dự.

Những câu hò, tiếng hát đã im, Bác từ từ bắt đầu:

- Hôm nay, Bác nói về cách viết, đặc biệt là viết ngắn.

Bác đặt ngay vấn đề vào trong hoàn cảnh thực tế của kháng chiến, trong điều kiện sinh hoạt thiếu thốn và bận rộn của nhân dân. Bác dè ngừa ngay cái khuynh hướng viết dài. Bác nêu lên cái tác phong của người viết mới.

Có ai trong chúng ta, viết sách, viết báo, viết báo cáo, viết truyền đơn, khi nói trước quần chúng nữa, đã không ít nhiều mắc bệnh rau muống mà Bác nêu lên? Đã không viết dài, viết lằng nhằng, viết khó hiểu, dùng chữ lung tung?

Câu chuyện cách viết là một bài giảng về lập trường. Bác dạy: Vì công, nông, binh mà viết. Viết phải nhằm mục đích giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình. Viết cái gì cũng phải đứng trên lập trường giai cấp, định rõ thái độ đối với bạn và thù.

Bác đi sâu vào kỹ thuật viết. Những lời tự nhiên của Bác là kết quả của bao nhiêu kinh nghiệm, bao nhiêu công phu mài luyện, cần cù. Bác trao lại cho anh chị em những kinh nghiệm lấy tài liệu, kinh nghiệm nghe, hỏi, xem, ghi. Bác dạy viết phải gọn gàng, rõ ràng, thiết thực, có đầu có đuôi, phải học tiếng nói

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1960)

Ảnh: TTXVN

của quần chúng. Những lời Bác căn dặn về việc sửa bài, khi viết xong, nói lên sự thận trọng của Bác đối với những bài viết đặt ra, đặt rõ trách nhiệm của người cầm bút trước quần chúng nhân dân sẽ đọc mình.

Trước đây, tôi đã thâu lượm được ít nhiều kinh nghiệm về cách viết, kinh nghiệm của những nhà văn đi trước, của anh em chung quanh, của bản thân. Nhưng hôm nay, những lời của Bác mới thật quyết định quan trọng về cách viết của tôi. Tôi mới thật thấm thía những điều mà tôi đã học, mà đáng lẽ tôi đã phải xác định ngay từ khi mới cầm bút: Vì ai mà viết? Viết để làm gì? Viết thế nào?

Buổi tối hôm nay thân mật quá. Chúng tôi ghi. Chúng tôi luôn luôn ngửng đầu nhìn Bác. Tôi lấy lại những câu của Bác, nhắc thầm cho chính mình: Vì công, nông, binh - Học tiếng nói của quần chúng - Viết ngắn - Sửa đi sửa lại. Tôi nhớ lại những văn kiện của Bác. Lời hiệu triệu sôi nổi ngày Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, bức thư đầm ấm gửi nhi đồng Trung thu 1945, bức thư cảm động gửi Thương binh 1948. Bốn câu: *Ruộng rẫy là chiến trường/ Cuốc cày là võ khí/ Nhà nông là chiến sĩ/ Hậu phương thi đua với tiền phương,* vẽ nên cả một quang cảnh hùng tráng của đồng ruộng thi đua kháng chiến vang vọng bên tai tôi. Tư tưởng mới, lời văn Việt Nam. Bác như một người làm vườn chăm chút, vun trồng tiếng nói của dân tộc.

Lời của Bác giản dị và sâu sắc, là lời nói của một người hiểu nhiều, từng trải nhiều, đấu tranh nhiều và đã chiến thắng. Câu chuyện khi nghiêm trang, khi tha thiết, khi khôi hài mà độ lượng, mộc mạc từ đầu chí cuối. Có những câu thông thường mà làm vững lòng tin: "Có thế nào nói thế ấy, mà bộ đội và nhân dân ta cũng đủ nhiều cái hay để nêu lên". Có những hình ảnh bình dân, đem lại cho lý luận một âm hưởng quen quen. Cách viết trước hết là cần phải tránh lối viết rau muống, nghĩa là lằng nhằng, cột này sang cột khác, người xem như là "chắt chắt vào

rừng xanh". Bác thuật lại câu chuyện cái hầm bí mật, vì có một người viết không cảnh giác mà giặc tìm ra. Sau lưng tôi có tiếng thì thào: Chết thật! Viết ẩu như thế có khác gì đi báo giặc? Coi chừng! Bác dựng điển hình: Ông viết báo hay dùng chữ, báo cáo ba tháng lại nói là báo cáo tam cá nguyệt; nhà thơ tả niềm vui mà dùng đến hình ảnh tay hát tóc cười. Hội trường cười theo Bác.

Khi Bác chuyển sang những kinh nghiệm riêng, không khí trở nên ấm áp lạ thường. Chúng tôi theo Bác trở lại những ngày tuổi trẻ của Bác, những ngày Bác mới bước trên con đường cách mạng. Câu chuyện Bác mới tập viết báo, từ ngắn đến dài, từ dài lại ra ngắn, giống như một truyện cổ tích ngộ nghĩnh, đơn sơ mà cảm động. Bên ánh đèn, mắt Bác nhìn thăm thẳm.

Giữa hai phần câu chuyện và sau khi Bác nói xong, anh chị em hò những điệu hò bình dân, ca những lời ca dân tộc. Cò lả của một chị cán bộ Kiến An. Hò giã gạo của một đồng chí khu Bốn, chèo của một đồng chí Thái Bình. Một vài đồng chí văn nghệ ngâm thơ. Thỉnh thoảng Bác hỏi: Cô, chú nào biết ngâm sa mạc? Lời cũ cũng được miễn là lấy cái điệu. Bác thích nghe những điệu quen thuộc, nhẹ nhàng đó. Những điệu hát lại nổi lên... Khuya, anh chị em còn hát để chào mừng Bác.

Đó cũng là tiếng hát chào mừng một ngày lịch sử của báo chí và văn học Việt Nam. Cùng với bức thư năm trước Bác gửi cho anh chị em hoạ sĩ, bài *Cách viết* là một tài liệu học tập căn bản cho những người công tác tuyên truyền và văn nghệ.

Văn kiện mới này của Hồ Chủ tịch, sẽ giúp chúng ta, những chiến sĩ của mặt trận văn hoá nghệ thuật, phấn khởi tiến mạnh trong công tác, xứng đáng với vị trí chiến đấu quan trọng mà kháng chiến và nhân dân giao phó cho.

LẦN ĐẦU ĐƯỢC BÁC ĐỌC THƠ

ANH THƠ

Ngựa chờ cửa rừng trúc...
Mà mình còn cắn bút
Anh hùng nhiều như cây
Viết ai, ai chửa viết?...

Nguyễn Tuân đi từ mé phải hội trường Đại hội dân quân toàn quốc lần thứ nhất (12-1945 tại Việt Bắc), đến bên bàn viết của tôi. Tay anh gõ gõ tẩu thuốc, mắt nhìn vào trang giấy nguệch ngoạc mấy câu thơ trên, anh thủng thẳng nói:

- Này, không phải lức làm thơ "tự trào" đâu nhé. Bà không thấy anh em viết xong cả rồi à?

Tôi nhìn ra khu vực tập trung văn nghệ sĩ để viết về những gương chiến đấu anh dũng của dân quân: Trên mấy cái bàn tre, ghế tre, còn tươi màu xanh của rừng núi, anh Nguyễn Huy Tưởng với nụ cười hiền lành, tươi tỉnh, tay vê vê điếu thuốc lào, bên cạnh Nguyên Hồng vừa chùi nước mắt chảy dài trên đôi má rám nắng, vừa hút cái điếu cày bằng ống bương to tổ bố. Bác Ngô Tất Tố với dáng điệu thư sinh khăn đóng áo the, đang ung dung ngồi lau mục kính. Nguyễn Đình Thi tay xoa xoa hàm râu quai nón lởm chởm. Kim Lân gầy nhỏ, ngồi gù gù mà như gật gù trước trang viết... Rõ ràng "các vị ấy" đã viết xong cả rồi. Nguyễn Tuân lại hạ giọng vẻ bí mật:

- Bác đang chờ.... Không phải cứ thấy anh hùng "nhiều như cây" mà bà kéo dài thời gian mãi được đâu.

Tôi cũng sốt ruột, nhưng viết ai bây giờ? Ai về đến đại hội này cũng đều có thành tích. Tôi cứ mê lên vì nghe chuyện họ. Đấy là lần đầu tiên được sống với những anh hùng thời đại, muốn viết được về họ, tôi phải suy nghĩ, cảm xúc và nhập thần vào được nhân vật, thì viết mới hay. Nhưng các gương chiến sĩ, các anh viết cả rồi. Tôi bỗng nhớ tới một anh tự vệ thủ đô, khi tôi hỏi về thành tích chiến đấu của anh, anh không nói gì về mình, mà kể chuyện một chị phụ nữ bế con theo đoàn quân rút khỏi thủ đô đi kháng chiến. Khi cả đoàn quân dân qua dưới gầm cầu sông Cái, thì con chị khóc, sợ bị lộ, giặc sẽ bắn vào anh em, chị phải bóp mũi con cho đến chết để cứu đoàn quân. Câu chuyện thật xúc động. Đó là lần đầu tiên tôi thấy được tình cảm mới, lớn rộng của một người mẹ đã được giác ngộ bởi lòng yêu nước và chí căm thù giặc, mà chỉ ở thời đại Hồ Chí Minh mới có được.

Lòng cảm xúc dạt dào, tôi thôi cắn bút và viết một mạch, xong bài thơ *Lòng mẹ* theo thể năm chữ, 14 khổ. Kể lại câu chuyện đầy xúc động trên đây. Chấm xong câu cuối cùng, tôi định đưa Nguyễn Tuân xem, anh xua tay:

- Ngựa đang đập móng trước cửa rừng kia kìa...

Tôi vội cầm nguyên cả trang viết đưa đồng chí liên lạc. Nguyễn Tuân thở một hơi khói qua tẩu thuốc rồi đủng đỉnh nói: "Ngựa phi đến Bác, bài thơ của bà chưa ráo mực đâu".

Rồi anh giương mục kính, nhìn ánh nắng trưa đang hắt bóng xanh qua tàu lá cọ, bóng rực rỡ tràn vào hội trường. Khu hội trường được kiến trúc từ mái nhà, hành lang, khung cửa đến bàn ghế làm việc, toàn bằng tre, trúc, còn giữ nguyên vẻ tươi sống sắc rừng xanh. Bóng dáng những nam nữ dân quân áo chàm, quần vải, sao vuông trên mũ, khăn mỏ quạ chít đầu, đi lại nườm nượp. Sắc mặt của họ đều ửng hồng như nhuộm hết ánh nắng hiếm hoi của ngàn xanh. Nguyễn Tuân bỗng thốt lên:

- Chưa bao giờ văn nghệ sĩ "An Nam" mình lại được sống và viết trong một khung cảnh hào hùng đẹp đẽ nhường này, phải không các ông, bà?

Có một buổi, Bác Hồ đến cơ quan phụ nữ Trung ương. Các chị đi công tác vắng, chỉ có tôi và chị Liên đón Bác. Chị Liên giới thiệu tôi, Bác nhìn tôi một phút, rồi nói:

- Bài thơ *Lòng mẹ* Bác đọc, biết đích thực là ngòi bút con gái, chứ không phải ngòi bút con trai giả danh.

Mọi người đều bật cười. Bác bảo tôi đọc lại bài thơ đó cho mọi người cùng nghe. Tôi đọc xong, Bác ngoảnh lại, bảo mấy anh tuỳ tùng:

- Các chú phải hát để "đáp lễ" cô ấy đi.

Nhưng các anh chỉ cười, không ai chịu "đáp lễ". Bác bảo:

- Thế là con trai thua con gái rồi.

Đoạn Bác nhìn tôi:

- Thơ cháu đi được vào tình cảm lớn rộng của chị em như thế là tốt; nhưng nên viết ngắn, gọn hơn để chị em dễ nhớ.

Bao nhiêu năm qua, tôi vẫn đinh ninh và cố gắng làm theo lời Bác dạy. Nhưng cũng bao nhiêu năm qua rồi, chẳng còn dịp đẹp đẽ nào, để tôi cùng các bạn đồng nghiệp được gửi theo vó ngựa những sáng tác, dâng lên Bác, như cái thuở ban đầu của kháng chiến, ở giữa vòm xanh trùng điệp của núi rừng Việt Bắc xa xưa.

MỘT SỐ MẨU CHUYỆN VỀ BÁC HỒ Ở VIỆT BẮC

NÔNG QUỐC CHẤN

Xin nước lại được lửa

Một buổi chiều mùa thu năm 1949.

Mấy trăm cán bộ học trường Nguyễn Ái Quốc đang chăm chú nghe giảng bài. Từ dưới chân núi, có mấy người đi lên. Nhiều con mắt hướng ra cửa sổ. Có tiếng xôn xao:

- Bác! Bác đến!

Bỗng cả trường phát ra những tiếng hô vang núi:

- Hồ Chủ tịch muôn năm!

- Hồ Chủ tịch muôn năm! Muôn năm!

Bác đội chiếc mũ lá cọ, mặc bộ áo quần bộ đội nhuộm màu lá cơi, chiếc khăn mặt vắt một bên vai...

Tiếng hô vẫn chưa dứt:

- Bác Hồ muôn năm! Muôn năm...

Bác nhanh nhẹn bước vào trường. Đồng chí bảo vệ đón lấy mũ và gậy của Bác. Bác cầm khăn lau mồ hôi. Hai ống quần xắn cao vẫn để nguyên. Âu yếm nhìn chúng tôi, Bác nói đùa:

- Bây giờ Bác Hồ chỉ "muốn nằm" một tí thôi.

Cả trường dứt tiếng hoan hô lại vang lên tiếng cười.

Bác ngồi quạt và ngoảnh lại nói với đồng chí bảo vệ:

- Chú cho Bác một cốc nước.

Đi ra vài phút, đồng chí bảo vệ trở vào, bật lửa mời Bác hút thuốc.

Bác điềm nhiên mở hộp thuốc lấy một điếu ra châm lửa.

Như một người cha dạy các con, Bác vui vẻ, ôn tồn:

- Các cô các chú xem. Bác xin một cốc nước, chú ấy lại bật lửa mời Bác hút thuốc. Tại Bác nói không rõ hay tại chú nghe nhầm? Khi đi vận động quần chúng làm một việc gì, cấp trên phải nói rõ nhiệm vụ, cấp dưới phải nghe cho rõ, làm cho đúng. Cán bộ phải lắng nghe nguyện vọng của nhân dân. Chớ có làm kiểu này: dân xin nước thì cán bộ lại cho lửa.

Tiền Cụ Hồ

- Thưa Bác, giấy bạc Việt Nam có bao nhiêu vàng bảo đảm ạ?

Giữa một cuộc họp rất đông người, có một đồng chí cán bộ đã hỏi Bác một câu như thế.

Bác hỏi lại đồng chí ấy:

- Chú là cán bộ làm việc ngành nào?

- Thưa Bác, cháu là cán bộ ngân hàng ạ.

- Thế chú đã học qua những điều cần biết về kinh tế - tài chính chưa?

- Thưa Bác, cháu đã có học qua ạ.

- Vậy chú trả lời xem nào.

Đồng chí này nói dông dài, lúng túng. Những người ngồi xung quanh tỏ vẻ sốt ruột.

Bác bảo:

- Chú nói nhiều vấn đề rồi, nhưng còn quên một điều đơn giản mà hệ trọng: đó là bí mật. Nước nào cũng có những bí mật của mình. Bí mật về sách lược đấu tranh chính trị, ngoại giao, bí mật về kế hoạch quân sự, bí mật về kinh tế tài chính. Nhân dân

các dân tộc Việt Nam rất tin ở Đảng, ở Chính phủ, ở Cụ Hồ. Đồng bào ta vẫn nói tiền Cụ Hồ có cả nhân dân, cả đất nước bảo đảm!

Tre già măng mọc

Hồi ấy là cuối tháng 2 năm 1951.

Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Cạn đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng, được nửa chừng thì được Trung ương giao nhiệm vụ cho trở về địa phương ngay. Sửa chữa cầu đường, huy động dân công làm hai việc lớn và nặng nề nhất lúc đó. Hầu hết các cán bộ của tỉnh phải ra mặt đường và các trạm vận tải.

Đêm khuya.

Văn phòng Tỉnh uỷ nhận được bức điện "mật" của anh Trần Đăng Ninh.

Các tỉnh uỷ viên có mặt ở các cơ quan gần lập tức được tập hợp lại và đến ngay Huyện uỷ Bạch Thông. Chúng tôi được biết chắc là có công việc gấp rút.

Đúng thế.

Tờ mờ sáng, chúng tôi đến nơi hẹn.

Đồng chí Bí thư nói nửa úp nửa mở, rồi phân công gọn cho từng người:

- Có đại diện Trung ương về báo cáo Nghị quyết mới của Đại hội Đảng... Từ nay đến hai giờ chiều chúng ta cố gắng tổ chức một cuộc mít tinh.

Nhận việc, mỗi chúng tôi chia nhau đi các ngả.

Theo lời dặn của đồng chí Bí thư, đúng 12 giờ trưa, chúng tôi phải tập trung xong số cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc, khoảng năm trăm người ở nơi đã định. Đã khá lâu ít khi họp mít tinh, nay biết tin có "Đại diện Trung ương" về thăm và nói

chuyện, những người được mời đều phấn khởi. Chúng tôi không gặp những trở ngại gì lớn. Chỉ có một điều đáng lo là đã không giữ được bí mật tuyệt đối. Vì khi đi vận động đồng bào, một số đồng chí đã dám đoán liều là đi họp sẽ thấy ai, nghe ai... Một số cụ già người Dao, người Nùng, người Tày có công với cách mạng, với kháng chiến, biết tin ấy, đã vội lên nương dỡ lấy những củ sắn to, vào vườn chặt lấy những buồng chuối chín, để mang theo làm quà dâng "Đại diện Trung ương".

1 giờ 30 phút. Chúng tôi nhận được gần 100 câu hỏi về Đảng Lao động Việt Nam.

2 giờ kém 5 phút. Anh chị em thanh niên tạm ngừng hát. Cả khu rừng lúc nãy náo nức, nhộn nhịp lúc này sao mà im ắng, trang nghiêm thế!

Từ cửa rừng, một đoàn người tiến vào.

- Nhiệt liệt chào mừng Đảng Lao động Việt Nam!

- Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

- Hồ Chủ tịch, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta muôn năm!

Tiếng hô như rung cả đồi cây.

Người đi thứ hai, đầu trần, tay cầm tờ báo "Nhân dân" mới, nhìn về chỗ đông người, vẫy vẫy..

- Bác Hồ! Bác Hồ!

- Đúng rồi! Bác Hồ...

Người ta giành nhau chỗ cao để thấy Bác rõ hơn. Đội ngũ không còn như lúc đầu nữa. Mấy hàng dây chăng ngang dọc trước lễ đài sắp đứt đến nơi. Mấy đồng chí công an chạy lên chạy xuống nói như van như nài mọi người hãy giữ trật tự.

Bác rất thông cảm. Bác bảo:

- Các chú dỡ hàng dây ngăn này đi!

Miệng nói tay làm, Bác nhổ hai cọc trước mặt. Không còn hàng dây, quần chúng tiến lên sát Bác.

Bác không lên lễ đài.

Như thường lệ, Bác đứng dậy tươi cười, dang hai tay ra hiệu, mấy trăm người ngồi xuống một cách trật tự, vui sướng.

Bác nói chuyện luôn:

- Các cụ, các đồng chí và đồng bào đã nghe tin về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng ta chưa?

- Nghe rồi ạ!

Cả một khối người cùng lên tiếng đáp lại câu hỏi của Bác.

Bác nói tiếp:

- Từ ngày mười một đến ngày mười chín tháng hai vừa đây, Đảng ta đã họp Đại hội đại biểu lần thứ hai. Đại hội có một trăm năm mươi tám đại biểu chính thức và năm mươi ba đại biểu dự thính...

Bác nói ngắn, giản dị, dễ hiểu. Nói xong một đoạn, Bác dừng lại hỏi:

- Có đồng chí nào hỏi gì không?

Một đồng chí người Dao, có tuổi, nói tiếng Kinh chưa thạo, đứng lên:

- Kính thưa Bác, tại sao Đảng lại không giữ tên Đảng Cộng sản mà lại đổi tên là Đảng Lao động?

Bác lướt nhanh qua những mảnh giấy trong tay. Chắc Bác xếp lại những câu hỏi.

Bác trả lời gọn:

- Tre già thì măng mọc!

Mọi người nghe vỗ tay hồi lâu.

Bác còn thân mật trả lời một số câu hỏi khác nữa. Từ hình thức long trọng, cuộc mít tinh được biến thành cuộc gặp gỡ thân mật, chan hoà, sinh động giữa lãnh tụ và quần chúng. Được gặp Bác, đồng chí nào cũng nhận thấy điều đó.

Trước khi kết thúc buổi nói chuyện, mấy cụ già ở địa phương mang sắn, mang chuối đến biếu Bác. Được gặp Bác, các cụ già người Dao, người Nùng, người Tày thật vui sướng, cởi mở, hồn nhiên nói mấy câu thành vần:

Boong lầu pì noọng toọng phjắc mước,
Slống căn bấu mì lăng, tán mì mằn mì phước
Slương căn xiên nì già, chước, Pú ơi...
(Chúng ta anh chị em bụng rau xanh
Không có gì biếu nhau, chỉ có sắn có khoai
Yêu nhau xin đừng từ chối, Cụ ơi...).

NHẬT KÝ CHIÊM HOÁ

TÔ HOÀI

Mọi lúc, mọi việc, Bác chúng ta thật vĩ đại, mà cũng thật gần. Cái cao xa và cái gần gũi trong một người.

Bác đi nửa đời người khắp thế giới, Bác làm cách mạng nhiều nước. Bác là người xây dựng nên Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đất quê.

Bác là Chủ tịch nước. Nhưng Bác ăn mặc xuềnh xoàng, sinh hoạt giản dị. Bác nói giỏi tiếng Anh, tiếng Pháp và nhiều thứ tiếng, nhưng Bác cũng nói giỏi tiếng Tày, tiếng Dao - tiếng quê hương của các dân tộc anh em.

Tinh hoa của đạo đức, phẩm chất phổ biến của dân tộc Việt Nam ngàn xưa: trung dũng, ngoan cường, bền chí kiên gan, mưu lược, yêu đời... vào cả một Người. Bài học cuộc sống và tấm gương đời đời cho tất cả chúng ta vinh dự được là người cầm bút trong thời đại Hồ Chí Minh của Việt Nam thế kỷ hai mươi...

Người vĩ đại nhất và người thân thiết nhất của chúng ta lúc nào cũng đương đến với chúng ta. Bởi vì, tâm hồn và hành động, cuộc sống và trách nhiệm bao giờ cũng cho ta được thấy Bác đến.

Tôi ngồi nghĩ lại những lần được gặp Bác ở Hà Nội, trên chiến dịch Biên giới 1951, ở Việt Bắc.

Rừng Chiêm Hoá, cách đây mười tám năm.

18-12-1951

Ăn cơm chiều xong, trời tối một lát. Bác đến. Gậy, mũ lá. Chân dép lạnh của Bác còn buốt nước những con suối Bác vừa lội.

Bác gầy yếu, nhưng dáng nhanh nhẹn. Như năm ngoái, một chiều mưa giữa chiến dịch Biên giới trên đường số 4 ở Đông Khê, tôi trông thấy Bác lặng lẽ cởi áo cho một tù binh Pháp cái sơ-mi Bác đương mặc. Tấm lòng thương lớn. Người tù không có áo giữa trời mưa kia cũng chỉ biết hôm ấy gặp một cụ già người Việt Nam nhân đức đã thương mình.

Bác ngồi kể cho chúng tôi nghe về lòng tin tưởng, chuyện các đàn anh của chúng tôi, những người bạn chiến đấu đầu tiên của Bác: các đồng chí Trần Phú, Minh Khai, Lê Hồng Phong...

Vẻ mặt Bác gầy, khắc khổ, nhưng hai mắt Bác long lanh ngùn ngụt niềm tin sắt đá của một đời người hiện lên. Cái phu-la của Bác rơi xuống, hở cả ngực áo. Khi Bác nói, tôi trông hàm răng của Bác đã móm cả. Tôi ứa nước mắt.

Tôi nhớ Nam Cao năm trước ở trường Nguyễn Ái Quốc, nó được gặp Bác, nó kể lại: nó nghe Bác nói chuyện về Đảng, nó khóc.

Nam Cao không còn nữa. Tôi tưởng như lúc ấy Nam Cao nghe Bác nói về lòng tin. Cũng vì lòng vô cùng tin tưởng mà tinh thần bất khuất cùng cái chết của Nam Cao trước quân thù đã trở nên cao đẹp bao nhiêu.

Bác lại đi. Chân dép, gậy. Bác lội suối, trong ánh đuốc. Bâng khuâng như một giấc mơ.

Trong vòm trời sương lạnh buốt đầy những tiếng hô Bác, Bác muôn năm. Bác đứng giữa suối, quay lại nói: Các chú thì tiến bộ muôn năm chứ!

Tiếng hoan hô lẫn tiếng cười làm cho rừng khuya ấm hẳn lên, chúng tôi ấm hẳn lên. Bởi vì từ lúc ấy, lòng tin của Bác đương sưởi trong chúng tôi...

NHỚ CHUYẾN THÁP TÙNG CỤ Y BI-A-LÊ-Ô GẶP BÁC HỒ

Y ĐIÊNG

Tháng 3-1969, tôi đi từ chiến khu Tây Ninh ra, về đến B3 thì B3 mời tôi đi trại an dưỡng một thời gian rồi mới xuống Khu uỷ Khu 5. Sau khi an dưỡng được một tháng, tôi về đến Khu uỷ, đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu uỷ nhận được kế hoạch là cuối tháng 6-1969, ở miền Nam sẽ tổ chức Đại hội quốc dân, thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Trong khi tiến hành đại hội cần có đại diện các dân tộc Tây Nguyên vào dự. Khu uỷ cử cụ Y Bi-a-lê-ô làm Trưởng đoàn. Đồng chí Bùi San muốn tôi vào hoạt động bí mật tại thị xã Plei-ku, nên cơ quan cử ông Ái sắp ra Bắc chữa bệnh cùng đi với cụ. Nhưng đồng chí Võ Chí Công nói cụ Y Bi ra ngoài là không phải để học tập, an dưỡng, lần này đi công tác cần phải có người giúp việc, nên Khu uỷ quyết định gọi tôi đi với cụ. Đúng ra đoàn chúng tôi phải đi theo đường hành lang từ Khu 5 vào Tây Ninh, song sợ rằng con đường đó không an toàn, trên đường đi gặp địch càn phải mất cả tháng, đoàn sẽ không kịp dự đại hội, nên Khu uỷ quyết định cho đoàn của cụ đi theo hành lang ra Bắc, ra ngoài đó Trung ương sẽ lo.

Ra Bắc, mới nghe tin ấy tôi đã thấy trong lòng rạo rực. Hồi ấy anh em dân tộc Tây Nguyên được ra Bắc về đều kể chuyện được gặp Bác Hồ. Được gặp Bác Hồ và được nghe Bác thăm hỏi động viên trực tiếp, sao mà thấy mình may mắn quá. Tôi tò mò thăm dò cụ Y Bi vì cụ cũng đã từng được ra Bắc, được gặp Bác. Tôi đi với cụ thế nào cũng được theo cụ tới thăm Bác Hồ. Tôi mất ngủ vì nghĩ chuyện mình được đi ra Bắc, trước khi vô Nam dự đại hội, thế nào cũng được gặp Bác Hồ...

Khu uỷ Khu 5 đã có thông báo cho các trạm giao liên đưa đoàn đi khẩn trương và an toàn. Những cung đường khó phải khiêng cụ Y Bi-a-lê-ô vượt qua. Gọi là đoàn chứ thực ra chỉ có cụ và tôi, là thư ký riêng của cụ. Có đoạn đường phải đi đêm để vượt qua trọng điểm máy bay của địch hay đánh phá. Đêm hôm đó, cụ bước đi rất khó khăn, tuy trong tay có cầm một cái đèn pin được che bớt, chỉ đủ soi dưới chân. Đi được một đoạn, anh em giao liên đòi khiêng cụ.

- Cụ ạ, cung đường này chúng cháu quen lối rồi, mà đi cũng còn vấp ngã. Để cụ kịp hội nghị, chúng cháu khiêng cụ vượt qua cung này.

Cụ Y Bi nói bằng tiếng Êđê, tôi dịch lại: "Tôi biết các cháu thương tôi già và nhận trách nhiệm của trạm, là một điều tốt. Tôi biết các cháu tốt bụng đấy, nhưng tôi nghĩ trong đêm hôm thế này, có sự việc sẽ xảy ra ngoài ý muốn của chúng ta, lỡ các cháu trượt chân một cái rồi ngã xuống tôi sẽ là người bị đau. Có khi bị nặng không đi được phải nằm lại ở một trạm nào đó thêm vài ngày nữa. Các cháu cứ để tôi tự đi dù có chậm một chút mà an toàn là tốt nhất".

Nói rồi cụ bật đèn pin và tiếp tục bước đi. Hai bên cụ có hai anh giao liên đi kèm. Các cung đường Tây Nguyên, anh em giao liên và dân công sửa sang dễ đi. Những suối nhỏ đã có cầu bắc qua. Nhưng có cung đường rất khó đi, có con suối lớn, không thể bắc cầu ở chỗ trống được, anh em giao liên bắc cầu mây cứ toòng teng như tổ chim ròng rọc, một người đi không nói gì, nhiều người đi qua một lúc thì chao ôi cái cầu nó đung đưa nghiêng ngả, không cẩn thận cũng dễ rớt xuống dòng suối. Cầu mây được anh em làm ở những dòng suối có nhiều cành cây hai bên trải giáp nhau, dù máy bay địch có rà cũng không tài nào phát hiện được. Có những chiếc cầu rất nhỏ, mỗi lần đi qua chỉ có năm ba người.

Những cung đường dẫn khách từ ngoài Bắc vào và trong Nam ra cũng có những con suối nhỏ, em của con sông. Mùa khô, có thể lội qua dễ dàng, nhưng gặp phải mùa mưa thì rất khó

khăn, có khi nằm lại ở bên bờ mà chờ nước rút. Nhưng anh em giao liên có sáng kiến. Ở một con suối như vậy, anh em cưa những gốc cây cổ thụ to cao. Thân cây ấy ngã xuống từ bên này sang bên kia như chiếc cầu thật. Chiếc cầu này mới bịt được mắt lũ máy bay của Mỹ - ngụy. "Chiếc cầu" này không có chỗ vịn tay ở hai bên như cầu mây, người trẻ đi đã khó, nói gì đến người già mắt kém, chân tay run. Nhưng trên đường ra vào công tác, trong mùa mưa, không ai tránh được chiếc cầu này.

Hôm đó, đoàn công tác do cụ Y Bi làm Trưởng đoàn, đến chỗ con suối này. Nước đang chảy xiết, thấy đã hoa mắt rồi, còn chiếc cầu dài thườn thượt thì không có tay vịn. Đến đó anh em giao liên cho đoàn nghỉ một lúc, lấy lại bình tĩnh để vượt qua chiếc cầu. Trước khi đoàn đi qua, anh giao liên thao tác trước, có người đi bình thường như đi trên đất, có anh chạy một lèo vượt qua cây cầu. Việc các anh giao liên đi lại dễ dàng cũng làm cho đoàn yên tâm một phần. Theo sự hướng dẫn của giao liên, chúng tôi đã đi qua cầu an toàn. Chúng tôi nghỉ một lát để lấy sức đi tiếp. Trong lúc nghỉ, cụ Y Bi nói: Chuyện đánh giặc, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, tất cả mọi người Việt Nam mình phải làm. Nghe chỗ này đánh thắng giặc, vùng kia đồng bào đoàn kết giúp bộ đội, cán bộ, tôi đi để được nhìn thấy đồng bào, bộ đội ta đã làm. Tôi đã thấy trong phim *Bác Hồ đi chiến dịch Biên giới,* Bác đi bộ là nhằm động viên các chiến sĩ hăng hái chiến đấu và chiến đấu giỏi hơn. Già thì làm theo sức già, việc này là việc lớn, đâu phải quả ớt, hột muối đâu mà đi xin. Ai cũng phải làm.

*

* *

Đến trạm phía tây Vĩnh Linh đã có chiếc xe com-măng-ca của Uỷ ban Thống Nhất ra đón. Ra đến Hà Nội, Uỷ ban Thống Nhất cho cụ Y Bi và tôi vào Bệnh viện Việt - Xô để kiểm tra sức khoẻ. Chúng tôi nghỉ tại 103 Quán Thánh - Hà Nội. Buổi sáng thượng tuần tháng 6-1969, có một chiếc xe Vôn-ga đậu trước nhà. Tôi nghĩ, mình được ưu tiên sướng thế. Có được đi theo cụ

Y Bi thì mới được ưu tiên vì cụ là cán bộ lớn, lại cao tuổi. Tôi thấy có một người cán bộ lên mời cụ và tôi, bảo là đi công tác. Xe đi hết đường Quán Thánh thì rẽ vào Phủ Chủ tịch. Xe đậu trước nhà, Thủ tướng Phạm Văn Đồng ra mời vào phòng làm việc của ông. Cụ Y Bi và tôi đang ngồi nghe Thủ tướng tiếp chuyện, thì một lát sau tôi bỗng nhìn thấy Bác Hồ vào.

Thủ tướng nói:

- Bác Hồ đến thăm cụ đấy!

Cụ Y Bi đứng lên quay người lại và đưa hai tay bắt tay Bác Hồ. Tôi chưa kịp quay lại thì Bác đưa tay ra trước bắt tay tôi. Tôi giữ bàn tay của Bác khá lâu. Sau đó Bác Hồ ngồi cạnh Thủ tướng Phạm Văn Đồng, hỏi thăm sức khỏe của cụ Y Bi, hỏi thăm cuộc đấu tranh chống Mỹ - ngụy của đồng bào Tây Nguyên.

Bác còn hỏi đồng bào có nuôi nhiều gà không, gà có lớn nhanh không?

Cụ Y Bi hiểu ngay. Năm 1961, cụ tham quan miền Bắc, được gặp Bác. Bác nói chuyện nuôi gà - tức chuyện đào tạo cán bộ tại chỗ.

Cụ trả lời:

- Thưa Bác, nhân dân các dân tộc Tây Nguyên nuôi nhiều "gà", "gà" tốt, lớn nhanh... Hiện nay không những chúng tôi có "con gà" tại chỗ mà còn có cả con cháu ngoài Bắc vào. Đoàn kết tốt, chiến đấu tốt.

Bác hỏi:

- Thế bây giờ cụ định trở vào Nam nữa à?

- Thưa Bác, ở trong miền Nam có việc lớn. Ở trong ấy mong cụ Y Bi vào - Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói đỡ lời.

Bác Hồ nói:

- Ra đây rồi, cụ già rồi, ở ngoài này tốt hơn. Cụ sẽ phát biểu trên đài, viết trên báo, nói cho mọi người biết Mỹ là kẻ xâm lược, ngụy quyền là kẻ tay sai. Nói cho nam, nữ thanh niên, nông dân đồng bào đoàn kết tốt, nhất định đấu tranh thắng to.

- Vì trong ấy nói phải có đại diện các dân tộc đến dự Đại hội thì mới tốt, Bác ạ - Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói thêm.

- Thế thì Thủ tướng phải lo chuyên cơ cho cụ đi, nhưng không được ở lâu trong ấy, làm việc xong rồi ra ngoài này ngay.

Trong lúc học tập, công tác tại Hà Nội, tôi may mắn được gặp Bác Hồ nhiều lần, thấy Bác từ xa đến gần. Lần này, tôi được gặp Bác, bắt tay Bác. Tôi vô cùng cảm động trước tấm lòng, tình cảm của Bác đối với người già. Bác thông cảm với sức khỏe người già, thương quý người già nên căn dặn cụ Y Bi: "Làm xong việc rồi ra ngoài này ngay".

- Vâng ạ - Cụ Y Bi nói.

Tôi quan sát thấy bộ râu của Bác Hồ hơi rung rung. Giọng Bác ấm nên tôi thấy gần gũi thân thương thế. Bác còn bảo cụ Y Bi cần giữ gìn sức khoẻ, vì cụ là đại biểu của đồng bào Tây Nguyên, lúc này là lúc có đầy đủ điều kiện để bồi dưỡng thể lực hơn. Cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ, giành độc lập, thống nhất đất nước còn lâu dài. Đó là nhiệm vụ chung của các cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Lúc về tôi được Bác hỏi nguyện vọng, tôi nói cháu có nguyện vọng được gặp Bác Hồ, bây giờ đạt nguyện vọng rồi ạ.

Bác cười, vỗ vỗ vai tôi:

- Cháu còn trẻ, cần học tập nhiều. Cháu muốn là nhà văn thì cháu càng cần chịu khó học tập hơn...

Ôi, sao mà tôi sung sướng thế. Sao mà Bác Hồ đọc được ý nghĩ của tôi thế? Tôi không tả được niềm vui hôm ấy, vì tôi không ngờ Bác Hồ còn biết tôi mong muốn trở thành nhà văn... Tôi chưa viết được gì nhiều. Tôi bảo Bác, cháu mới tập tọng viết thôi. Bác bảo cháu muốn thành nhà văn thì cháu phải học tập trong đồng bào Tây Nguyên, vì Tây Nguyên có nhiều tác phẩm lớn trong dân gian, cháu phải giữ được cái chất riêng...

Mãi sau này tôi vẫn tâm niệm mình phải đi sâu vào đời sống bà con mình, mình mới thực hiện được lời Bác dạy.

NHỮNG NGÀY SỐNG ĐẸP

VŨ TÚ NAM

10-4-1952: Ngày kia khai mạc Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quân. Các chiến sĩ đang hoàn thành việc viết báo cáo thành tích.

Chúng mình rất lo, chiến sĩ đã đến đủ cả. Anh em viết chỉ có bốn người! Mà chiến sĩ thì đông: Các đoàn Liên khu 3, Liên khu 4, Liên khu 5, các đại đoàn 304, 308, 312, 316, 315, Bình Trị Thiên, Liên khu Việt Bắc, đoàn các đơn vị trực thuộc Bộ, cộng 140 người.

Hành quân tới địa điểm Đại hội gần Hợp Thành, Hồ, phụ trách đoàn Liên khu 5, chỉ huy "trung đội", ra lệnh hành quân: "Tiểu liên đi trước một khẩu, đi sau một khẩu, đề phòng có hổ, có lệnh mới được bắn!". Phải cáng hai cậu Trường và Ước, vì đang ốm.

Công binh làm xong hội trường và khu nhà ở vượt mức thời gian, chỉ hết 15 ngày, trong khi đáng lẽ phải mất 2 đến 3 tháng. Còn nguyên khẩu hiệu gài trên các thân cây: *"Hoan hô nứa đã về"* v.v.. Chiến sĩ thi đua và công binh liên hoan vui vẻ. Hiếu chăm chép bài hát cho các anh. Các chị Chiên, Chắt chuyên môn "bị" nhảy *đố la phà la!*

Chia tay với anh em công binh, La Văn Cầu phát biểu run cả giọng, vì anh không quen nói, phải nhờ mình chuẩn bị. Chị Chiên thì dõng dạc, như là chỉ huy tác chiến!

Mai Văn Hiến và Hồng Châu lo trang trí gấp, thức liền mấy đêm không ngủ. Hiếu (tổ múa Đoàn văn công) hăng hái dạy các chiến sĩ múa và hát, hôm nay gánh dù đi Hợp Thành may ri-đô. Mừng là Từ Bích Hoàng mấy hôm nay không ốm! Thép Mới và

anh em báo *Cứu quốc* đã đến cả; Văn công 315, 312 và Liên khu Việt Bắc đều đã tập trung. Chị Khang đến, phụ trách căng tin, đặc biệt có món mía.

Khu đại hội ít cây, phải nguỵ trang nhiều. Suối cạn, bé, phải bắc máng lên cho các khu vực chiến sĩ tắm.

16-4-1952: Chiều nay nắng khô, quang đãng. Báo cáo điển hình của La Văn Cầu, Đinh Nói, Nguyễn Quốc Trị ở hội trường. Mình theo dõi tổ 4, du kích Việt Bắc và Liên khu 3, xuất sắc có: Chị Chắt, anh Sang, cụ Vấn, anh Đảo và anh Bẩm. Học được rất nhiều về tính giai cấp và chính sách vô cùng đúng đắn của Đảng ta trong vùng bị tạm chiếm. Đặc biệt cô Thước, một thiếu nữ, báo cáo vui như chim hót.

Tổ 3, mẹ đồng chí Nguyễn Nhật Khai (312) tới thăm, tóc bạc, tự nghe báo cáo của con. Khai thấp bé, củ mì. Xem một tối văn công, vở *Cả nhà anh Cầu thi đua* của Đỗ Nhuận, ấm cúng, cảm động. Bắc Xuyên đóng vai ông già áo đỏ khéo. Một tối phim Liên Xô, *Những chàng trai dũng cảm* phi ngựa chiến đấu hào hứng.

Tại Đại hội, nói chuyện với các anh Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Thép Mới...

17-4-1952: Sớm nay, chị Chiên báo cáo hay vô cùng. Giáp Văn Khương nói mạnh mẽ, bốc cháy. La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Đinh Nói đã báo cáo chiều qua.

19-4: Đại hội bế mạc tối qua. Đại tướng gắn Huân chương Quân công hạng Ba đỏ chói cho Quốc Trị, Chiên, Đinh Nói, Sang, Xim... và một số Huân chương Chiến sĩ hạng nhất. Giải tán ra ngoài, múa vật, múa bồng. Điện dăng trên cành cây. Múa đuốc và múa sạp thật đẹp. Anh "Ké" Kiên rất nhộn. Khôi đang múa, suýt bị tụt khố! Cô Thanh ngã, bị sạp đánh vào chân.

Tin chiến sự: Ta tiêu diệt vị trí Lạc Thổ, và liên tiếp thắng ở đồng bằng. Các đồng chí địch hậu rất khoái, đặc biệt anh Bẩm thú vị lắm khi được biết đồn Lạc Quần đã bị diệt.

Sớm nay mát, gió như mùa thu. Rửa mặt giếng, chợt thấy lúa chiêm đã đâm bông... Rất lo việc viết về các chiến sĩ, lại lo sẽ đi Đại hội liên hoan toàn quốc.

21-4-1952: Chiều mưa đá, mỗi hòn to bằng đốt ngón tay. Văn nghệ báo chí ở tập trung trên đồi cao, gần hội trường. Cậu Ánh gánh cơm sáng lên, có rượu vang đỏ - đồ hộp chiến lợi phẩm - anh nào cũng hơi say một chút.

Không khí viết vui, đoàn kết. Nguyệt Tú và Bích Thuận, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Hối (320), Tiến (315), Mô (Liên khu 3)... tất cả hơn 20 người ngồi viết, chia làm 5 tổ. Đèn dầu tây tốt, bàn giường đẹp, chỉ khổ mỗi cậu Ánh phải gánh cơm xa và leo dốc trơn.

Tối qua, kịch *Đêm Lao Cai* của Văn công Việt Bắc, chưa ổn. Văn công đoàn trung ương được thưởng huân chương Chiến sĩ hạng nhì. Mai Văn Hiến được Bộ Tổng Tư lệnh khen thưởng, rất vui.

Mạc Phi viết gấp để đi học. Nhị Ca ốm, không viết được. Hoàng cũng ăn cháo.

Đêm, tạnh mưa, lắm muỗi và nhiều tiếng ếch. Tô Hoài đã ngủ yên trong màn. Chẳng biết đã mấy giờ rồi. Ánh bưng cho một bát nước nóng, thật tuyệt.

30-4-1952: Tối nay khai mạc Đại hội liên hoan anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Trước ngày tới địa điểm, mình hành quân với đoàn "người ốm và cụ già", cùng chị Tám, anh Bẩm, cụ Đĩnh, cụ Vấn,... Cách địa điểm đại hội 7 km, ở nhà sàn của ông Quang Mai, Phó chủ tịch xã Linh Đức, ăn bữa cơm rau cải thịt gà thoải mái. Em gái ông Mai có đôi mắt thật đẹp.

Tắm giặt, nắng thơm áo quần. Nguyễn Phú Vị (320) đánh biệt kích Phát Diệm, Quang Vinh (308) đánh tàu chiến, hai anh kể chuyện tếu rất vui... Chị Tám kể chuyện bệnh xá tỉnh đội Bắc

Ninh (nơi Nguyễn Đình Tiên từng nằm); anh Cao mượn dao sắc của chị cắt móng tay. Còn anh Bẩm thì cứ cười cười đấm đấm bàn tay cụt ngón vào vai mình.

Khi mới đến địa điểm, Mai Văn Hiến hăng hái dẫn bọn mình đi thăm một lượt các nhà kho; bếp có đắp lò nấu ăn; phòng ăn có tranh áp-phích xanh đỏ; hội trường rộng chiều ngang, cũng gỗ nứa thôi nhưng hiện đại lắm, có hai "chuồng gà" trên cao cho báo chí và văn nghệ.

Ba giờ chiều, hai đoàn chiến sĩ công nông nghiệp múa kết đoàn, do anh Ngô Gia Khảm (đi guốc) dẫn đầu đang đến chào thăm đoàn bộ đội thì Bác đến! Bác mặc quần áo ta nâu sẫm, dép cao su đen, cổ khoác cái khăn mặt. Tóc Bác bạc, răng trắng, da hồng. Bác đi nhanh vào nhà. Mình và Mai Văn Hiến nhảy vọt qua cửa sổ lên sàn. Thấy anh em xông đến đông quá, Bác "chạy" ngay! Bọn mình đuổi theo Bác, quăng hết cả dép lại. Anh em hò reo: - Bác là của ai? - Của chúng ta! - Bác của ai?... - Của chúng ta!

Reo vang khắp cánh rừng. Vào hội trường, Bác phê bình tranh vẽ đồng chí Xuphanuvông chưa giống và nói cần có thêm khẩu hiệu quốc tế. Anh chị em cứ quây quanh Bác mãi, đến khi Bác bảo giải tán mới chịu về.

Trước đó, Đinh Nói và chị Chiên được Bác giữ lại hỏi chuyện giữa đường, sau về nhà mới biết là Bác! Quãng bốn giờ chiều, Bác đến thăm đoàn chiến sĩ quân đội.

Gần tối, Bác ngồi vui với anh chị em giữa bãi cỏ. Bác mời một cụ và chị Song Kim hát chèo, Bác chữa cho từng câu hát sai. Rồi nhảy tập thể. Bác gom nam nữ thanh niên lại, khuyến khích nhảy cho vui.

Tối, vào hội trường, điện sáng. Bên ngoài trăng cũng sáng, cây thưa, cao. Chúng mình lên "chuồng gà". Bác chỉ huy vỗ tay hoan hô các chiến sĩ báo cáo. Bác đánh nhịp cho hát nữa. Bác đi

ở hội trường ung dung như đi trong nhà, trong gia đình. Bác đọc diễn văn khai mạc, rồi anh Thận, anh Việt, bác Thắng, anh Văn lên nói. Đại biểu chiến sĩ già nhất Đại hội, 68 tuổi, và chiến sĩ gái trẻ nhất phát biểu. Bác ôm hôn em gái nhỏ và tặng lại "bó hoa rừng" của Bác cho ông cụ râu bạc như cước.

Buổi khai mạc kết thúc vào 11 giờ đêm, anh em văn nghệ sĩ còn phải họp với Nguyễn Xuân Sanh, bàn việc ra tờ tập san đặc biệt.

1-5-1952: Bốn rưỡi sáng đã gọi nhau dậy, anh em văn nghệ còn phải họp thành lập tổ Đảng, tổ chức phân công và bàn công việc. Sáu rưỡi, lên hội trường.

Anh Thắng báo cáo tổng kết thi đua. Dài. Về, ăn xong lại tới nhà các chiến sĩ. Giáp Văn Khương viết bích báo, đọc cho mình nghe. Anh Bằm làm một bài thơ không vần, mình chép hộ anh, có những câu rất hay:

Tối ấn nằm đồng lúa mênh mông
Sáng cấp chiếu manh ra đi
Tối tối lại về tranh nhân dân với địch...

Chị Chiên mệt lử, lội suối cũng loạng choạng, lại phải ngồi ở Chủ tịch đoàn. Trưa, chị trông nhà cho anh em ăn cơm trước. Mấy đồng chí ham nhảy vui giữa nắng, chị ra bảo họ nghỉ không được, thế là chị cũng lăn vào nhảy, sau đó khéo léo đưa họ vào bóng râm, sợ họ ốm mà.

Bọn mình sinh hoạt đảng cùng với các chiến sĩ. Sắp họp chi bộ do Quốc Trị triệu tập thì anh Thận đến. Anh mặc bộ quân phục vải thô, màu gụ. Anh nói chuyện thân mật, nhấn mạnh (đại ý) "phải nắm chắc tay súng, có lập trường giai cấp kiên định để chiến đấu lâu dài, nhằm mục đích cuối cùng là thủ tiêu giai cấp trên toàn thế giới; đến khi đó vũ khí sẽ xếp vào bảo tàng, chỉ còn vũ khí tư tưởng, phê bình và tự phê bình thúc đẩy loài người tiến lên mãi trong hoà bình và hạnh phúc".

Quốc Trị chăm chú ngồi nghe đồng chí Tổng Bí thư nói, thỉnh thoảng cười khoái chá như trẻ thơ. Anh Thận nhìn vào mặt Trị mà nói, giọng anh say sưa như bốc lửa. Có lúc Trị giật người lên, như muốn hô vang khẩu hiệu. Chiến sĩ ngồi vây quanh đồng chí Tổng Bí thư. Hồ (khu 5) quạt cho anh. Khi anh kể về thời kỳ anh bị giặc Pháp lùng bắt năm 1943 ở Vĩnh Phúc, cụ Đĩnh và chị Chiên lắng nghe từng lời một.

Chiều, vui liên hoan, căng dù xanh che nắng. Các đoàn công nông binh múa, hát, có micrô, đĩa hát, kèn. Hoàng Đình Kỳ mới sốt rét dậy, tóc cắt cao, mặc áo dài trắng con gái, nhảy nghịch toát mồ hôi. Các cụ nông dân nhảy tự do, giơ chân múa tay rất thông khoái. Báo liếp số 1 đã lên khung.

Gần tối, Bác đột kích vào hội trường, ngồi dãy ghế dài không ai biết. Bác báo tin có anh em công nhân xưởng X sắp đến thăm Đại hội, đề nghị cử ba chiến sĩ công nông binh chuẩn bị ý kiến cám ơn anh em. Rồi Bác dẫn đầu đoàn người ra đón khách, y như một chính trị viên đại đội. Đoàn khách vào hội trường. Các em thiếu nhi áo quần xanh lơ, mũ calô xanh lơ, vẫy quốc kỳ và cờ các nước bạn, giơ cao biểu ngữ mừng ngày 1 tháng 5 và chân dung Hồ Chủ tịch. Trong khi các đại biểu nói, Bác ngồi thụp xuống ôm lấy các cháu thiếu nhi, như ông bế cháu trong nhà. Cuối cùng, Bác thay mặt cả chủ và khách cám ơn lẫn nhau, rồi Bác đứng ở giữa, ra hiệu cho hai đoàn quay đằng sau, từ biệt. Cả hai đoàn đều ngoái lại nhìn Bác, ai cũng vui sướng, nghẹn ngào. Đồng chí Ngô Đình Đàn (E 148), người thấp nhỏ, âu yếm quạt cho Bác và cố sức bước theo Bác.

Tối, thư ký đoàn đọc điện mừng ngày 1-5 của Tổng công đoàn Nhật Bản. Nghe nói sẽ có phim, nên bọn mình đều lên "chuồng gà", gặp cả Thanh Hương trên đó. Anh Ngô Gia Khảm và anh Thường, chiến sĩ cầu đường báo cáo. Bác luôn chủ động, mời "các văn nghệ sĩ ra hiến nghệ". Anh Tú Mỡ hát chèo. Bọn mình cũng phải hát "tốp ca" vài bài. Thật ngượng.

Phim màu rất đẹp: *Ngày 1-5-1950 ở Liên Xô.* Tan phim, Bác nói: "Chúng ta cố gắng, kháng chiến thắng lợi, rồi sẽ có ngày mùng 1 tháng 5 cũng vui như thế". Bác nhắc các đại biểu "để cho các cháu bé ra trước, không có đông người chúng nó lạc".

2-5-1952: Sớm, Bác đột ngột vào lán bọn mình. Bác hỏi: "Ai ở đây?". Anh Vũ Cao thưa: "Thưa Bác, mấy anh em phục vụ ạ". Bác bảo: "Ai mà chẳng phục vụ". Rồi Bác đi sâu vào góc lán, nhìn quanh. Bọn mình hốt quá, vì trật tự nội vụ chưa được tốt. Phải ngăn nắp hơn nữa! May mà Bác không phê bình.

Bác luôn luôn chủ động, tự tay cầm đèn soi cho báo cáo viên khi điện yếu. Từ sáu rưỡi đến tám rưỡi sáng, các anh Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Cao Viết Bảo báo cáo. Chiến sĩ Phạm Văn Tham ra sức hò xen vào, những câu ca dao phần lớn do anh em văn nghệ viết.

Trưa, xem triển lãm, có tranh tứ bình (nỗi khổ của nông dân) của Tạ Thúc Bình. Chiều, tranh thủ hỏi Giáp Văn Khương được một đoạn về thời thơ ấu của anh.

Tối, La Văn Cầu và Quốc Trị báo cáo. Bác điều khiển Đại hội. Bác mặc quân phục màu vàng sáng, có thắt lưng cẩn thận. Về sau, nóng, Bác bỏ áo ra ngoài quần. Da mặt Bác hồng thắm, thật đẹp. Quốc Trị trở sơ đồ trận đánh, nói nhanh, dáng điệu hoạt bát như trong phim ảnh. La Văn Cầu chậm rãi, hiền lành.

Sau giờ giải lao, Bác gọi các vị Chủ tịch đoàn lên ghế. Bác kêu: "Cô Chiên đâu?". Chiên từ ngoài đồi chạy vào: "Thưa Bác cháu đây ạ".

Chiên ngồi lên ghế Chủ tịch đoàn, oằn mình. Có lúc chị rút khăn lau mồ hôi trán. Ngồi trên cao, mình và Mai Văn Hiến nhìn rõ. Mình bảo Hiến xuống báo cho đồng chí Tài, trong Ban tổ chức. Tài lần ra sau lưng Chủ tịch đoàn, khẽ báo cáo với Bác. Bác vội đứng dậy tới bên Chiên, cúi xuống hỏi. Chiên bối rối lắc đầu, tỏ ý không đau. Rồi chị cố gắng cười,

vỗ tay. Nhưng sau đó Bác thấy có lúc Chiên khẽ nhăn mặt, Bác buộc Chiên phải về nghỉ. Bác biết Chiên yếu nhiều vì những đòn tra tấn dã man của giặc.

3-5-1952: Sáng, chị Chiên và Giáp Văn Khương báo cáo, kết quả khá. Tiếc là chị Chiên quên nói về đoạn địch tra tấn dụ dỗ, do đó thiếu chi tiết hơn ở Đại hội toàn quân. Bác thưởng ngay cho Chiên một khẩu súng ngắn.

Sau khi chị Chiên báo cáo, Bác đập mạnh tay xuống bàn, nói: "Báo động! Có máy bay địch tới". Cả Đại hội chạy ra hầm, nhanh và trật tự. Trở vào, Bác tuyên bố là tập báo động thôi, và nhận xét về công tác phòng không, cần phải chu đáo, chớ chủ quan.

Chiều. Nghỉ. Các chiến sĩ chuyện trò, trao đổi. Ngô Gia Khảm nhắc lại với Nguyễn Phú Vị về nỗi khổ khi làm thợ ở nhà máy xe lửa Gia Lâm thời Pháp thuộc. Nguyên, chiến sĩ trẻ bộ đội, tâm sự với Cao Viết Bảo, người bạn công nhân trẻ. Anh Trần Đại Nghĩa hỏi Ngô Quang Sen, Giáp Văn Khương về súng và đạn cối 60 ly sử dụng ở chiến trường ra sao. Chị Tám đi tắm về, tóc xoã, nói chuyện với em gái Thanh, chiến sĩ công nhân xeo giấy. Chị Chiên ngồi bên bãi cỏ, để Vũ Cao hỏi chuyện và Dương Bích Liên vẽ. Chị luôn xách khẩu súng ngắn (Bác cho) bên mình - cả lúc đi ăn cơm. Chị đùa vui, đứng tì súng vào khuỷu tay trái, nhắm bắn. Có chiến sĩ nông nghiệp già - đã có hai con đi bộ đội - thường xuyên đến quạt cho các chiến sĩ quân đội. Họ đứng, ngồi, từng nhóm. Thật là một đại gia đình cách mạng, đầm ấm và trẻ khoẻ.

Tối phim *Đánh chiếm Béclanh.* Phim màu rất đẹp. Mình ngồi "chuồng chim" chếch trước mặt Hương. Thỉnh thoảng Hương quạt cho mình, rót nước uống chung cái cốc bằng ống bương.

4-5-1952: Nghe tin Văn công đoàn đã tới, chừng 20 người. Hiếu, Hoà, Xương duyệt mấy bài nhạc mới sáng tác, nói chung chưa vừa lòng.

Nghe báo cáo của đồng chí Bái, chiến sĩ nông nghiệp, anh Nga người Mường chiến sĩ diệt dốt, em Hợi học sinh và chị Thành dân công, Bác Tôn Đức Thắng ôm Hợi hôn, và gọi em là "tương lai của Việt Nam".

6-5-1952: Sớm, thông qua điện văn, đọc thành tích các chiến sĩ thi đua toàn quốc. Hoàng Đình Kỳ nói: "Chúng tôi không sợ bị bớt thành tích đi, chỉ sợ tô vẽ thêm ra, về đơn vị mất đoàn kết, chúng tôi sẽ không làm được việc...".

Chiều, đón các chiến sĩ. Cờ biển, ký giao ước thi đua, nhà thơ Tú Mỡ đại diện cho văn nghệ. Quay phim, chụp ảnh.

Tối, lễ tuyên dương và bế mạc. Văn công. Phim của ta quay về Festival Berlin. Mình lại ngồi trên "lầu", sau lưng Hương. Liên hoan vui mãi tới hai giờ khuya. Hương phải chuẩn bị cho chị Ái gặp gỡ các chiến sĩ nữ.

Thế là hết Đại hội. Sớm mai, anh Trường Chinh triệu tập Văn công đoàn để phê bình, rút kinh nghiệm qua hai tối biểu diễn. Chiều qua, anh đã gặp anh chị em văn nghệ báo chí dự Đại hội, để góp ý kiến về công việc. Ai cũng lo viết sao cho tốt, cho xứng đáng với cuộc đời của các chiến sĩ.

BA LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC

HỒ PHƯƠNG

Vào Bắc Bộ phủ tháng 12 năm 1946

Vẫn còn nhớ vào khoảng đầu đông năm 1946 Cách mạng tháng Tám chưa được tròn một năm, tôi còn đang học ở Chu Văn An và được sớm quen anh Tô Hoài qua những bài viết nho nhỏ cùng một giải thưởng truyện ngắn của tôi trên tờ *Thiếu sinh* (truyện *Tiếng kèn trại lính)*. Khi đó anh Tô Hoài đang phụ trách phần văn hoá của báo *Cứu quốc,* trong đó có trang thiếu nhi hàng tuần. Anh đã cho tôi làm cộng tác viên chuyên viết bài cho trang này. Thời gian đó, trong Nam bọn Pháp đã dựa quân Anh nổ súng đánh ta quyết liệt nhằm lập lại ách thống trị cũ của chúng. Theo lời kêu gọi của Bác Hồ và Đảng, quân dân Nam Bộ chủ yếu chỉ với gậy tầm vông, đã chiến đấu vô cùng oanh liệt. Báo chí Hà Nội không ngày nào không có những dòng tin lớn về cuộc kháng chiến anh hùng của đồng bào trong đó…

Một buổi, tôi bỗng được nhắn tới gặp anh Tô Hoài. Anh ân cần cho biết: có một phái đoàn miền Nam ra Hà Nội báo cáo với Bác và Trung ương về tình hình chiến sự. Trong đoàn, nghe nói có cả một chú thiếu sinh bị Pháp bắn cụt tay cũng được đưa ra thăm Bác để tố cáo tội ác của bọn Pháp. Anh Tô Hoài bảo tôi phải tới ngay Bắc Bộ phủ sáng hôm sau khi đoàn miền Nam vào gặp Bác, để đưa tin. Anh nhấn mạnh: Chú ý tới Bác là hàng đầu rồi, đoàn miền Nam cũng rất quan trọng, nhưng chớ quên em bé, để đưa tin lên báo *Cứu quốc* càng sớm càng tốt, nếu ký hoạ được thì càng hay. (Hồi đó máy ảnh còn cực hiếm, báo *Cứu quốc* khi ấy cũng còn quá nghèo).

Hôm sau theo lời anh Tô Hoài tôi mạnh dạn đến ngay Bắc Bộ phủ. Chẳng có giấy tờ gì hết, tôi mau lẹ lẻn qua cổng, lẫn vào mọi người, cùng đi thẳng vào phòng khách lớn. Mấy chú bảo vệ có lẽ tưởng tôi đi theo một trong những đoàn khách nào đó nên chỉ hỏi cặn kẽ mấy ông trưởng đoàn. Tôi thầm mừng và khoái quá. Khách đã khá đông, tôi không khỏi bàng hoàng xúc động. Phần lớn khách đứng thành vòng ở phía ngoài, vòng trong là khách quan trọng hơn ngồi trên các ghế xếp. Bên trong nữa, chính giữa, là một ghế sôpha. Bác đang ngồi ở đó, và ngay cạnh Bác là chú thiếu niên trạc tuổi tôi, trắng trẻo thông minh nhưng có vẻ yếu lắm. Cánh tay phải của chú băng vẫn còn trắng đầy. Bác đang vòng tay ôm lấy chú bé. Đôi mắt sáng ngời của Bác tràn đầy thương xót... Bác của tôi, của cả nước, của tất cả mọi người Việt Nam và của cả mọi dân nô lệ lầm than trên thế giới này, đang ngồi đó... Lần đầu tiên trong đời, tận mắt mình tôi vô cùng sung sướng và vinh dự được chiêm ngưỡng Bác. Đúng như mọi sách báo đã nói: Đôi mắt Bác là một đôi mắt thần, sáng láng đến lạ lùng, đôi mắt ấy dường như đang thầm rớm lệ mỗi khi cúi xuống nhìn chú bé thương binh... Và vầng trán mênh mông trí tuệ nữa, như cả một vòm trời bao la trên khuôn mặt hao gầy mà cực kỳ tao nhã với một chòm râu thông thái rất đẹp, rất Việt Nam. Tất cả đã tạo nên dung nhan một nhà hiền triết lớn, một anh hùng Việt Nam thời đại mới, không thể nào lẫn được với bất cứ một trí giả, một anh hùng nào khác, dù đó là Lý Công Uẩn, Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, hay Phan Bội Châu...

Tôi vẫn không sao rời mắt khỏi Bác, và liếc thấy tất cả mọi người đều như vậy cả. Nhưng giữa lúc chưa bắt đầu cuộc trò chuyện chính thức, tôi cùng mọi người vẫn còn như ngây ngất ngắm nhìn Bác, thì bỗng một bàn tay mạnh mẽ nào chộp lấy vai tôi kéo giật lại. Như choàng tỉnh, tôi ngoái đầu và nhận ra một anh bảo vệ cao lớn. Anh khe khẽ hỏi, nhưng vô cùng quyết liệt: - Ai cho em vào đây? Lẻn vào hả? Ra ngay!

Cũng phải tự khen mình không đến nỗi quá nhút nhát, và cũng khen cả cho "ông thần khẩu" của mình, tôi đáp rất nhanh, không hề quá lo sợ:

- Thưa anh em được báo *Cứu quốc* phái tới để đưa tin...

- Láo! Báo nào? Giấy đâu?

- Thưa anh, em đi vội.

- Vội gì! Có ra ngay không thì bảo?

Giữa lúc "lâm nguy" ấy, có lẽ nghe thấy lao xao, Bác quay lại phía chúng tôi và cất tiếng ôn tồn hỏi:

- Cái gì vậy, các chú?

Cũng lại càng khen cho "ông thần khẩu" của mình lần nữa, rất nhanh tôi tranh thủ thưa ngay khi anh bảo vệ chưa kịp báo cáo:

- Thưa Bác, cháu là phóng viên trang *Thiếu niên* của báo *Cứu quốc* được cử tới để đưa tin ạ...

Cũng may sao, ở đó có một phóng viên nhiếp ảnh của *Cứu quốc* đã biết tôi, rất nhanh đã ra tay "cứu nguy đồng đội":

- Dạ, thưa Bác chú này nói đúng đấy ạ.

Một nụ cười hé nở trên môi Bác. Tôi thấy như cả bầu trời bật sáng loà. Bác không những lại cất tiếng mà còn đưa tay ra vẫy trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người:

- Vậy hả? Vậy vào đây! Báo chí dù lớn, bé thì cũng phải vào gần mới tác nghiệp được chứ nhỉ! Tốt thôi! Trên thế giới này cũng có người như cháu viết văn, làm báo đấy, mà làm báo giỏi, viết văn giỏi nữa cơ!

Trời ơi, tôi chỉ còn thiếu reo lên rồi chạy oà tới mà ôm lấy chân Bác để khóc lên vì quá mừng, quá sung sướng. Đúng là tôi đã được vào gần Bác, gần hơn cả mọi khách quý, chỉ vì như Bác đã nói cần được vào gần mới tác nghiệp được... Quả là một đứa trẻ vô danh như tôi không thể nào ngờ mình lại có được may mắn và diễm phúc đến như thế... Thế rồi, đúng như ý của anh Tô Hoài, ngay hôm sau, trên trang *Văn hoá* của báo *Cứu quốc* đã có ngay một bài nhỏ với ký hoạ (dù còn rất sơ sài) hình Bác ngồi

quàng tay ôm lấy vai chú bé thương binh Nam Bộ... (Có lẽ trong Thư viện quốc gia nay vẫn còn số báo ấy). Đây là diễm phúc đầu tiên trong nghề viết của tôi, chứ không phải giải thưởng truyện ngắn "*Tiếng kèn trại lính*". Anh Tô Hoài đã nói: "Bác là như thế đấy! Không ai hiểu và yêu quý giới văn học nghệ thuật, báo chí... được như Bác đâu!".

Bác vẫn còn nhớ...

Chiến dịch Biên giới năm 1950 là chiến dịch tấn công lớn đầu tiên của quân ta trong kháng chiến chống Pháp. Chiến dịch này Bác trực tiếp cùng ra trận. Từ đài quan sát Bác đã chỉ đạo quân đội ta chiến đấu như vũ bão và đã thắng rất lớn, giải phóng toàn bộ miền biên giới giáp Trung Quốc.

Sau chiến dịch ấy Đại đoàn 308 vinh dự được đón Bác tới thăm. Tôi vẫn còn nhớ địa điểm là một tràn ruộng khá lớn bên quốc lộ số 4, gần Thất Khê. Ấy là buổi chiều mùa đông nhưng khô ráo và sáng sủa. Những đơn vị được cử đón Bác xếp thành những hàng dài hết sức ngay ngắn, khá đẹp trên tràn ruộng lớn ấy. Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ oai phong với bộ quân phục mới đi đi lại lại trước ba quân để xem xét lại trang phục và tư thế các chiến sĩ. Rất may mắn, tôi cũng được có mặt trong khối cán bộ Phòng Chính trị đứng ở hàng thứ hai. Một lúc sau, Bác đến cùng một đoàn tuỳ tùng rất nhỏ trên một chiếc xe Gip chiến lợi phẩm.

Bác từ trên quốc lộ đi xuống tràn ruộng. Vẫn vô cùng giản dị với bộ quần áo hàng ngày, nay mùa đông chỉ thêm một chiếc áo bông khoác ngoài cùng một chiếc mũ cát két vải... Bác vẫn đi dép lốp y như lính. Bác duyệt các hàng quân, trước khi nói chuyện và chỉ thị. Đứng trong đội ngũ, tôi hết sức hồi hộp và sung sướng. Thật lạ lùng, đây không phải lần đầu tôi vinh dự được gặp Bác...

Bác bước những bước hết sức quen thuộc, mềm mại nhưng cũng có thể thấy được cả sự mạnh mẽ và cả quyết. Bác tới gần. Ngước nhìn ra, tôi lại gặp đôi mắt thần thuở nọ - đôi mắt nhìn ai

như chiếm lĩnh, thu phục ngay tất cả mọi người với sự thông tuệ đến lạ lùng, cũng như sự thương yêu thật nồng nàn, sâu sắc. Cũng lại thấy được chòm râu thông thái, hiền triết quá đẹp cùng vầng trán mênh mông...

Tôi còn đang say sưa ngắm nhìn, thì Bác đã tới ngay trước chỗ tôi, và dừng lại. Quả thật không ngờ, không sao tưởng tượng được nổi - Bác ngó nhìn vào hàng thứ hai, chăm chú nhìn tôi. Rồi Bác cất tiếng ân cần vui vẻ hỏi:

- Này, chú đấy à?

Ôi, không sao hiểu nổi nữa. Đã hơn ba năm, mà Bác vẫn còn nhớ được chú phóng viên khi xưa sao? Tôi còn đang cuống lên chưa kịp trả lời, Bác đã hỏi tiếp:

- Chú cũng đã trở thành bộ đội rồi cơ đấy à? Ừ, tốt lắm!...

Cũng như lần trước ở Bắc Bộ phủ, tôi chỉ còn thiếu chạy oà ra mà ôm lấy chân Bác, khóc lên vì mừng vì quá hạnh phúc. Quả thật, không thể nào hiểu nổi trí nhớ của Bác lại bao la đến thế...

Ừ, chú vẽ giống lắm...

Năm 1951, chiến dịch đánh địch ở trung du. Cũng là một chiến dịch rất lớn và thắng lợi. Gần Tết thì chiến dịch kết thúc. Đại đoàn 308 lại được chuẩn bị đón Bác tới thăm. Cơ quan Đại đoàn đóng ở một khu rừng tre nứa bao la vùng Bờ Rạ - sông Công. Khi đó tôi đang phụ trách báo của 308 (năm sau 1952 mới lại được trở về đơn vị chiến đấu).

Vừa để đón Bác vừa đón Tết, Bộ Tư lệnh 308 chủ trương làm một ban thờ Tổ quốc ở phòng khánh tiết (cũng toàn bằng tre nứa). Hoa tươi đã kiếm khá đủ. Khẩu hiệu cũng đã cắt dán và trang hoàng khá rực rỡ. Nhưng chỉ còn thiếu một thứ. Đồng chí Kiên - Ké Kiên - Trưởng phòng Chính trị nói với mọi người:

- Chỉ còn thiếu một chân dung Bác. Không biết kiếm đâu ra bây giờ.

Mọi người cũng băn khoăn. Nhưng rồi đồng chí Hoàng Xuân Tuỳ, Phó phòng Chính trị sực nhớ ra:

- Hồ Phương vẽ được đấy. Thử xem sao.

Tôi mạnh dạn nhận lời và chỉ sau có một buổi với mực tầu và giấy bản, đã vẽ được chân dung Bác qua trí nhớ. Tự bản thân thấy chưa được tốt lắm nhưng cũng hao hao với Bác... Mọi người cũng dễ dãi và tuyên bố: "Được rồi đấy!"

Thế rồi đúng ngày mùng một Tết Bác tới. Cả Đại đoàn vui như hội. Bác được mời tới phòng khánh tiết. Trước ban thờ Tổ quốc và tấm chân dung của mình, Bác chăm chú ngắm nhìn. Tôi - tác giả của bức hình ấy không khỏi vô cùng hồi hộp. Mọi người cũng theo dõi từng cử chỉ, lời nói của Bác. Thế rồi Bác mỉm cười, gật đầu:

- Giống! Giống đấy!

Tôi chỉ còn thiếu bay lên vì sung sướng. Mọi người cũng đều đổ dồn mắt về phía tôi với những nụ cười rất tươi để chia sẻ niềm vinh dự.

Vẫn ngắm bức chân dung, Bác gật gù tiếp:

- Giống! Ừ, giống lắm! Giống y như... đồng chí Hồ Tùng Mậu vậy!

Ngạc nhiên và hết sức bất ngờ, nhưng rồi tiếng cười lập tức vỡ oà khắp phòng khánh tiết. Mặt tôi nóng bừng. Ôi, Bác hóm quá, vui tính quá. Bác Hồ Tùng Mậu là ai, mọi người ai đều biết cả. Đó là một đồng chí Trung ương khi ấy, cũng trạc tuổi Bác và cũng để râu y như Bác... Bác quả là bậc thầy *humour* (hài hước). Nhưng rồi Bác kéo tay tôi lại gần, ân cần:

- Dẫu sao, thế cũng là tốt rồi! Phải không nào? Bác cám ơn chú đấy!

Mọi người lại vỗ tay ran, lần này còn to và kéo dài hơn cả lần trước...

Tháng 3 năm 2010

HỒ CHỦ TỊCH VỚI SINH HOẠT LẨY KIỀU Ở CHIẾN KHU VIỆT BẮC

PHAN ANH *kể*

Nhiều tập hồi ký viết về Hồ Chủ tịch đã kể lại rằng, vốn hiểu biết văn học của Hồ Chủ tịch thật là sâu rộng. Đối với những áng cổ văn tuyệt tác như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn (dịch giả là Đoàn Thị Điểm), Người không những thuộc lòng, mà còn vận dụng một cách linh hoạt và tinh tế vào cuộc sống.

Trong câu chuyện kể với chúng tôi, luật sư Phan Anh đặc biệt thích thú với sinh hoạt lẩy Kiều mà Bác Hồ là người khởi xướng, ngay cả trong lúc khó khăn gian khổ và bận rộn nhất.

"Lần đầu tiên tôi lẩy Kiều với Bác là vào ngày 19-5-1946, ngày Chính phủ ta tổ chức mừng sinh nhật của Người". Giọng luật sư rành rọt, như đọc ra từ trí nhớ của mình. "Biết Bác Hồ rất thích lẩy Kiều, nên trước khi đến chúc thọ Người, tối 18-5, tôi đã nghĩ ra mấy câu. Sáng hôm sau, khi đến Bắc Bộ phủ, có cả cụ Huỳnh Thúc Kháng ở đó. Bác Hồ bảo tôi: - Chú Anh, chú có việc đặc biệt! Tôi nói: - Thưa Bác, tôi đã chuẩn bị được mấy câu lẩy Kiều. Bác bảo: - Chú giao mấy câu lẩy Kiều ấy cho cụ Huỳnh, còn chú, có công việc đặc biệt! Chú được giao nhiệm vụ Bộ trưởng Quốc phòng. Trước tình huống ấy, tôi ứng khẩu đọc bốn câu sau đây để bộc bạch tâm sự với Bác:

Từ khi đá biết tuổi vàng,
Mỗi dây mỗi buộc, ai giằng cho ra.
Mong sao muôn dặm một nhà,
Tương tri nhường ấy, mới là tương tri".

Luật sư Phan Anh kể tiếp:

- Ngày Bác lên đường đi Pháp dự hội nghị Phông-ten-nơ-blô, Bác giao quyền Chủ tịch nước cho cụ Huỳnh Thúc Kháng, và đồng chí Võ Nguyên Giáp là người điều hành chính các công việc lúc bấy giờ. Trước khi máy bay cất cánh tại sân bay Bạch Mai, Bác nói với tôi: - Chú có câu Kiều gì tả cảnh này? Tôi đọc:

Trời mây đường dặm xa khơi,
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.

Nghe xong, Bác nói: Có chú Giáp với cụ Huỳnh ở nhà thì trong sẽ ấm đấy!

Luật sư Phan Anh nhìn về phía vườn cây trước nhà, hồi tưởng về những năm tháng sống và làm việc ở chiến khu Việt Bắc:

- Tôi coi Việt Bắc là quê hương thứ hai (tôi là người Hà Tĩnh). Thời kháng chiến chống Pháp, ở Việt Bắc, có lúc ta bị địch bao vây tứ bề. Lực lượng của ta khi ấy còn mỏng, vũ khí ít. Đó là giai đoạn hiểm nghèo nhất. Đời sống vật chất thì cực kỳ khó khăn. Thiếu lương thực và gay go nhất là thiếu muối. Nhiệm vụ của chúng tôi là tiếp tế lương thực, thực phẩm và mua súng đạn (hồi ấy tôi làm Bộ trưởng Bộ Công thương). Tuy rất khó khăn gian khổ, nhưng công việc lại rất chạy. Anh em cán bộ thương yêu nhau, coi nhau như ruột thịt. Chúng tôi sống thật vô tư. Xe đạp, ô-tô làm gì đã có nhiều. Tốt lắm là đi ngựa. Mọi người hào hứng, phấn khởi làm việc. Một cuộc sống rất nên thơ! Cảm xúc thơ của tôi lúc ấy dạt dào hơn bao giờ hết. Chính trong hoàn cảnh đó, Bác Hồ rất coi trọng việc sáng tác thơ ca của quần chúng và sinh hoạt lấy Kiều.

Tôi nhớ Đại hội thi đua toàn quốc lần đầu tiên, khi sắp kết thúc, Bác bảo tôi: - Chú Anh có mấy câu thơ lấy Kiều chứ?

- Thưa Bác, trong Kiều không có nói về thi đua ạ!

- Thế thì tuỳ chú! Chú phải nói sao cho hợp với kiểu Việt Nam chứ!

Thế là tôi lại huy động trí nhớ của mình về *Truyện Kiều*. Cuối cùng, tôi lại lấy được một đoạn tương đối sát với nội dung của đại hội thi đua.

Nhớ lời thệ hải minh san,
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua.
Người đánh giặc, kẻ tăng gia,
Cùng nhau mở hội đèn hoa sum vầy.
Hơn trăm chiến sĩ năm nay,
Hơn ngàn chiến sĩ ngày rày sang năm.
Đã nguyền hai chữ đồng tâm,
Anh em xứng đáng tình thâm Bác Hồ!

Tôi đọc câu chót và dừng lại. Câu cuối cùng là lời hứa của cả đại đội đối với Bác Hồ. Nhưng Bác liền nói:

- Chưa hết, còn một câu nữa!

Một phút ngạc nhiên đối với tôi và với mọi người trong đại hội. Bác đọc:

Toàn dân ra sức thi đua!

Câu thơ như một lời kêu gọi, thúc giục, rất hợp với bối cảnh của Đại hội thi đua.

Ngừng một lúc, luật sư kể tiếp:

- Vào đầu năm 1950, trong một phiên họp Hội đồng Chính phủ, tôi được chỉ định trình bày bản báo cáo về tình hình quốc tế. Sau khi đọc xong báo cáo, tôi kết thúc bằng hai câu chữ Hán:

Văn đạo Pa-ri tự dịch kỳ
Bách niên thế sự bất thăng bi.
(Nghe nói Pa-ri giống như bàn cờ
Trăm năm thế sự thật là bi thảm).

Nghe xong hai câu chữ Hán đó, Bác bảo:

- Chú dùng chữ Hán, sao chú không lấy Kiều? Hãy lấy hai câu sau này để tả Pháp từ mạnh sang thua có được không?

Những điều trông thấy mà lòng...
Mỗi trang lịch sử mỗi trùng bể dâu.

Người kể chuyện giải thích: Những điều trông thấy mà lòng... có nghĩa là lòng vui. Nhưng ở đây lại bỏ lửng. Điều này rất biện chứng, vì rằng thắng không kiêu, bại không nản. Lịch sử có bao nhiêu trang thì mỗi trang là một trùng bể dâu (biến đổi lớn).

Nhân đây, luật sư Phan Anh cho chúng tôi biết: ở chiến khu Việt Bắc, khi họp Hội đồng Chính phủ, hình thức sinh hoạt có ý vị đậm đà là đọc thơ hoặc lấy Kiều. Bác Hồ làm thơ không phải để làm thơ, càng không phải để ngâm, Bác muốn dùng thơ ca để động viên, thôi thúc quần chúng sản xuất và chiến đấu. Cuộc họp Hội đồng Chính phủ có khoảng năm mươi người (kể cả anh chị em phục vụ). Những cuộc họp có các đại biểu Liên khu về dự, hoặc Đại hội thi đua, thì đông đến vài trăm người. Ví như Đại hội thi đua toàn quốc năm 1951, họp ở Chiêm Hoá (Tuyên Quang), thật là vui! Anh chị em cán bộ, kể cả thành viên của Hội đồng Chính phủ cũng "tự biên, tự diễn". Ai có khả năng gì thì "diễn" nấy (chẳng hạn như đồng chí Lê Văn Hiến biết hát bội, thì hát bội. Còn luật sư Phan Anh thì thường đọc thơ và lấy Kiều).

Theo luật sư kể lại, tinh thần dân tộc biểu hiện rất sâu sắc trong việc thưởng thức thơ ca của Bác Hồ. Bác thích *Truyện Kiều* vì trong đó Nguyễn Du mô tả mọi tâm trạng, mọi số phận và mọi hoàn cảnh của con người Việt Nam. Đại bộ phận người dân Việt Nam, kể cả những người mù chữ cũng thuộc *Truyện Kiều*, vì vậy hình thức lấy Kiều rất phù hợp với tâm lý của quần chúng.

Trong một cuộc hội nghị toàn quốc, vào năm 1953, để chuẩn bị cho giai đoạn tổng phản công, việc chuẩn bị chiến trường được đề ra rất cấp thiết, vấn đề chính vẫn là lương thực. Muốn có lương thực thì phải thu thuế thật tốt và thật nhanh. Được Bác khích lệ, luật sư Phan Anh đã đọc trước hội nghị mấy câu lấy Kiều:

Con cò lặn lội bờ sông,
Thóc thuế gánh gồng tiếng hát vi von.
Nhớ lời Bác dạy sắt son,
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua.
Diệt thù giải phóng quê nhà,
Ấy là nghĩa nặng, ấy là tình sâu.

Luật sư đọc câu cuối cùng vừa xong, Bác tiếp luôn:

Đành lòng, chờ đợi ít lâu,
Chày ra là một năm sau, vội gì!

Đọc xong hai câu thơ đó, Bác vừa cầm lấy chiếc áo, vừa đi, vừa đọc tiếp:

Nói rồi, xách áo ra đi!

Mấy câu đọc thêm của Bác hoá ra là một lời tiên tri: Đúng một năm sau đã diễn ra chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp toàn thắng!"...

Tháng 4-1988
NGUYỄN HUY QUÁT *và* VŨ CHÂU QUÁN *ghi*

BỨC CHÂN DUNG ĐẦU TIÊN CỦA VỊ CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

DƯƠNG TUẤN HOA

Trong ngày lịch sử vĩ đại 2-9-1945, lần đầu tiên giới nhiếp ảnh Việt Nam được chụp ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trịnh trọng đọc *Tuyên ngôn Độc lập,* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tấm ảnh đó là kỷ niệm vô giá về giờ phút trọng đại mà lịch sử và dân tộc giao phó.

Song, cũng vì không lên được lễ đài và không có ống kính chụp xa, hôm đó không một nhà nhiếp ảnh nào có được bức ảnh cận cảnh đặc tả về vị Chủ tịch đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ tại Quảng trường Ba Đình mùa thu lịch sử. Dẫu sao trên những bức ảnh toàn cảnh về lễ đài, nhân dân ta và bạn bè khắp năm châu lần đầu đã nhận ra hình dáng vị lãnh tụ tối cao.

Sau sự kiện đó không lâu, do yêu cầu của cách mạng, một số nhà nhiếp ảnh đang hoạt động tại Thủ đô Hà Nội được cử vào Phủ Chủ tịch chụp chân dung Người.

Vũ Năng An, tác giả bức ảnh chân dung được chọn và phổ biến rộng rãi, kể lại:

"Anh Trần Kim Xuyến, phụ trách Nha Tuyên truyền Việt Nam đã triệu tập 32 đại diện của các hiệu ảnh Hà Nội về họp tại trụ sở của Nha ở phố Đinh Lễ. Trong không khí cởi mở, anh

Trần Kim Xuyến nói rằng, việc chụp ảnh chân dung của vị Chủ tịch nước được tiến hành một cách dân chủ, nghĩa là 32 đại diện sẽ cử ra 6 người đi chụp, chứ Nha Tuyên truyền không "độc quyền" cử đích danh ai đi cả. Các đại biểu bàn bạc khá sôi nổi. Nhiều người rất mong được chụp ảnh vị lãnh tụ tối cao. Nhưng, cũng có người tỏ ra ngần ngại vì sợ chụp không thành công và lại được biết Cụ Hồ cũng từng là thợ ảnh thì rất khó chụp. Sau cùng, có 6 người được cử đi gồm có: Đại diện hiệu Hương Ký, hiệu Khánh Ký, ông Hựu, tôi (Vũ Năng An, làm việc ở hiệu Photo Atơlie tại đầu đường Cột Cờ, nay là đường Điện Biên Phủ của Thủ đô Hà Nội) và hai người nữa.

Đúng 2 giờ chiều của ngày đầu tuần thứ hai trong tháng 9-1945, sáu chúng tôi vào chụp. Ông Trần Văn Lưu, chủ nhân của tôi ngồi xe tay, mang theo dụng cụ để chụp bằng ánh sáng đèn, chứ không thể chụp "flatch". Từ cửa chính, chúng tôi được dẫn lên tầng hai, vào một buồng trống. Những người khác mang máy rất to, khá náo nhiệt. Tôi mang nhẹ, nhưng nghĩ rằng phải chủ động về ánh sáng. Chừng năm phút sau, Bác Hồ xuất hiện. Tôi còn nhớ như in: Người mặc quần soóc, áo kaki đơn sơ, trong có áo sơ mi cài cúc và đi giày vải màu chàm. Mọi người đều ngạc nhiên khi nhìn thấy vị Chủ tịch nước bình dị như một lão nông. Tôi đã từng nghe về lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ Hồ Chí Minh, song không tài nào hình dung ra hình ảnh Người. Giờ đây, nhà cách mạng vĩ đại mà thế hệ chúng ta từng ngưỡng mộ uy danh gắn với những truyền thuyết khá đẹp về chiến khu của Mặt trận Việt Minh do Người lãnh đạo đang đứng trước mặt tôi đây. Ấn tượng thị giác của tôi: đã rõ nét khuôn mặt của Bác có vầng trán rộng với những đường gân hằn rõ sang hai bên thái dương, có bộ râu thưa, đặc biệt là đôi mắt sáng lạ thường trên hai gò má gày, với phong độ giản dị nhưng rất đỗi tự nhiên của Người, không chỉ ở bộ quần áo kaki và đôi giày vải màu chàm".

Chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1945

Ảnh: Vũ Năng An

Nhà nhiếp ảnh lão thành Vũ Năng An, trong giờ phút ấy, điều khiển máy và đèn chụp - với sự giúp đỡ nhiệt tình của ông Trần Văn Lưu - đã cố gắng nhìn thật tinh những nét nhân hậu và quắc thước tượng hình ở gương mặt của Người. Ông An kể rằng khi bước ra, Bác tươi cười nói:

- Chào các chú, cảm ơn các chú! Thế nào, làm ăn có tốt không?

Cũng như mọi người, ông An chỉ *vâng dạ* một cách lễ phép, trong lòng đang lo không biết chụp Bác có đạt yêu cầu không. Bác Hồ nói tiếp:

- Các chú có cả thảy 6 người. Bác đề nghị thế này: mỗi chú chụp 5 phút, 6 người hết nửa tiếng. Bác chỉ có chừng ấy thời gian.

Ai cũng đòi chụp trước. Ông An bình tĩnh chụp sau, vì còn để nghiên cứu cho kỹ. Ông nghĩ: 5 phút không nhiều, phải cố chụp được 3 ảnh. Những người khác chụp xong còn đứng lại xem ông chụp. Khi ông An chuẩn bị ánh sáng, họ xô vào, rất ảnh hưởng đến công việc của ông. Ông Trần Văn Lưu bực quá nói to:

- Sao các anh lại làm ăn thế?

Rồi ông nhìn ông An mỉm cười như khích lệ.

Ông An nói với mọi người:

- Thôi nhé, các anh chụp xong rồi, đứng sang bên bây giờ để tôi chụp!

Ông An chụp đúng 3 kiểu. Ông nghĩ: nếu xin Bác một kiểu nữa thì chắc Bác cũng cho thôi, song ông không muốn lợi dụng lòng tốt của Người. Ông nhỏ nhẹ thưa với Bác:

- Chúng cháu đã chụp xong, xin cảm ơn Bác!

Bác gật đầu, có vẻ hài lòng:

- Thôi, về làm cho tốt nhé!

Trở về hiệu ảnh, ông An tráng phim ngay. Được hai kiểu, còn một kiểu bị rung. Ông Lưu an ủi:

- Thôi đừng buồn phiền gì, thế là đạt yêu cầu rồi.

Chỉ có vài người mang ảnh lên nộp cho Nha Tuyên truyền. Hiệu Hương Ký không thấy ảnh. Cả hai kiểu do ông Vũ Năng An chụp đều được chấp nhận. Tấm ảnh nhìn thẳng, có hai con ngươi, được phóng to để Bác gửi tặng các bạn người Pháp, người Nga và các bạn quốc tế khác. Chính ông An được vinh dự đưa ảnh lên để Bác đề tặng cho các bạn của Người; ông nhớ phía sau ảnh tặng các đồng chí Mô-rít Tô-rê, Ca-sanh, Cu-tuy-ri-ê, Đuy-clô..., Người ghi: *"Với tất cả trái tim"* và ký tên.

Tấm ảnh này được in ra, phổ biến rất nhanh, thực sự đáp ứng lòng mong ước của toàn dân tộc khi nhìn thấy vị lãnh tụ kính yêu. Ở bức chân dung này, tóc Người chưa bạc lắm, đôi mắt sáng ngời, có cái nhìn không phi thường nhưng vẫn khác người, chòm râu đen thân thương trên gương mặt gày, vầng trán rộng mênh mông...

Từ giờ phút ấy, hình ảnh Người đã đem đến cho đồng bào cả nước ta niềm tin yêu phấn khởi, sự tôn kính sâu xa. Đối với nhân dân nước ngoài cũng vậy. Có những bà mẹ Lào, Cam-pu-chia đã trân trọng cất giữ bức chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh như một báu vật trong nhà. Báo *Quân đội nhân dân*, số ra ngày 24-8-1995 có đăng bài *Chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh trên cao nguyên Phiêng Sa* kể lại một mẩu chuyện về tình cảm của nhân dân Lào đối với vị lãnh tụ kính yêu khi họ được nhận và chiêm ngưỡng bức ảnh chân dung Hồ Chủ tịch chụp sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ông thống lý ở Phiêng Sa rất tự hào vì bức ảnh của Người được treo trên tường nhà ông. Ông đã "phát hiện" mắt của Hồ Chủ tịch có hai con ngươi. Ông nói: *"Mắt Hồ Chủ tịch có hai con ngươi, khác người thường. Người hiểu thấu khát vọng của mọi người dân, bất kể người đó là dân tộc nào, đó là lòng nhân nghĩa cao cả của Người"*.

Câu chuyện về *"Mắt Bác Hồ có hai con ngươi"* cũng từng lưu truyền nhiều năm trong nhân dân ta. Người ta tin rằng Người

là một ông thánh. Nhưng, đúng như lời cựu Thủ tướng Phạm Văn Đồng: *"Làm gì có chuyện hoang đường như thế! Mắt Hồ Chủ tịch cũng như mắt mọi người, sáng hơn mắt mọi người nhiều lần đã đành, nhưng sáng hơn vì Người biết nhìn, nên nhìn thấy: hiện tại, tương lai, cái nhỏ, cái to".*

Tác giả tấm ảnh này, ông Vũ Năng An, đã giải thích rằng trên đôi mắt Người có hai điểm sáng là do ảnh chiếu tạo hình của hai cái đèn tụ quang tăng điện thế.

CHỤP ẢNH BÁC HỒ

VŨ NĂNG AN

Lần đầu tôi được chụp ảnh chân dung Bác là sau khi tôi đã ghi một số ảnh lịch sử có hình Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội - thành phố vừa mới trở thành Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tôi đã chụp Người, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc mà trước đây, tôi thầm ngưỡng mộ gắn với những truyền thuyết về chiến khu của Mặt trận Việt Minh. Ấn tượng thị giác của tôi, đã rõ nét một khuôn mặt lão ông có vầng trán rộng với những đường gân hằn rõ hai bên thái dương trên hai gò má gầy, có vóc dáng mảnh mai mà nhanh nhẹn với phong độ giản dị rất đỗi tự nhiên không chỉ ở bộ áo ka-ki và đôi giày vải màu chàm.

Hôm ấy, điều khiển máy chụp và đèn chụp, tôi gắng nhìn thật tinh những nét nhân hậu và quắc thước tượng hình ở gương mặt của Người - mới trước đây không lâu, trên kỳ đài Ba Đình, khi đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* đến nửa chừng Người đã ân cần hỏi: "Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?". Và tôi đã tức thời hoà giọng vào tiếng đáp đồng thanh của hàng triệu con người tại cuộc mít-tinh. "Có!". Bức ảnh đầu tiên này tôi chụp Người đã được lịch sử chấp nhận và nhanh chóng đáp ứng lòng mong đợi của đồng bào ta ở khắp nơi.

"... Xem một đôi bức ảnh Hồ Chủ tịch, có người nói: mắt Người có hai con ngươi, và tin rằng vì chỗ đó Người là một ông Thánh. Làm gì có chuyện hoang đường như thế! Mắt Hồ Chủ tịch cũng như mắt mọi người, sáng hơn mắt mọi người nhiều lắm

đã đành, nhưng sáng hơn vì người biết nhìn, nên nhìn thấy: hiện tại, tương lai, cái nhỏ, cái to" (*Hồ Chủ tịch hình ảnh dân tộc* - Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1969). Tôi hình dung lại, qua những bức ảnh, hình tượng Bác trong bối cảnh cực kỳ khẩn trương: "Việc Đảng việc nước bề bộn, lo giải quyết giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Lo đối phó ở miền Bắc, lo kháng chiến ở miền Nam. Lo việc nội trợ, lo việc ngoại giao." *(Võ Nguyên Giáp: Những năm tháng không thể nào quên* – Nxb. Quân đội Nhân dân, 1974).

Mỗi dịp được chụp ảnh Bác, đối với tôi là thời cơ tự mở mang nhận thức về Đảng về Lãnh tụ mà tôi bắt đầu có vinh dự tiếp cận. Đối với tôi những điều Bác nói, Bác viết, Bác sáng tác nhằm đấu tranh cách mạng, dựng nước và giữ nước chẳng khác chi dòng sữa thiêng của Mẹ hiền Tổ quốc, nuôi dưỡng tôi suốt chặng đường dài nghề nghiệp. Những trang tiểu sử và những mẩu chuyện về đời hoạt động của nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh - Bác Hồ của chúng ta, đối với tôi là nguồn sáng cho tư duy nhiếp ảnh.

Nhận rõ sự ấu trĩ trong nhận thức và thể nghiệm một loạt ảnh chân dung văn nghệ sĩ trưng bầy trước đây ba năm, tôi tự yêu cầu tu dưỡng tư tưởng để làm tốt chức năng mà ngày nay, một nhà thơ lớn gọi là "*Nhìn thấy cho đời*".

Với ước vọng "*Nhìn thấy cho đời*", người nghệ sĩ đã hướng ống kính tới những con người đang xây dựng xã hội mới, trước tiên là Bác Hồ mà Quốc hội khoá một nhất trí đề nghị của đại biểu Nam Bộ, đã tín nhiệm suy tôn là Người công dân thứ nhất.

Ngày 19 tháng 5 năm 1946, ở Thủ đô, lần đầu tiên nhân dân ta kỷ niệm ngày sinh của Bác Hồ. Tại Bắc Bộ phủ, sau khi các đồng chí trong Thường vụ và Chính phủ chúc thọ Bác, mười cháu phần lớn là con em nhân dân lao động, thay mặt cho thiếu

nhi nội ngoại thành và các anh, chị thay mặt cho miền Nam đang chiến đấu vào chúc thọ Bác... Đến lượt các đại biểu Ban vận động đời sống mới Trung ương đề nghị Bác nêu ra một khẩu hiệu cho cuộc vận động.

Bác nói: "Các chú muốn có một khẩu hiệu ư? *Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.* Một đại biểu thưa với Bác khẩu hiệu này đã quen thuộc, xin Bác một khẩu hiệu mới cho hợp với cuộc vận động đời sống mới.

Bác cười rồi nói: "Hàng ngày ta phải ăn cơm, uống nước, phải thở khí trời để mà sống. Những việc đó, ngày xưa ông cha ta phải làm, bây giờ chúng ta phải làm, con cháu chúng ta sau này phải làm. Vậy ăn cơm, uống nước và thở khí trời để đem lại cuộc sống cho con người thì đó là những việc không khi nào trở thành cũ cả. *Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư* đối với Đời sống mới cũng vậy".

Bức ảnh chụp lúc ấy nay cũng là một tư liệu lịch sử. Còn khẩu hiệu nói trên, trải qua 40 năm hiện thực Đời sống mới, chẳng những không hề cũ, mà ngày nay càng không thể thiếu trong cuộc chuyển hoá xã hội ở nước ta.

Chỉ trong mười mấy tháng trời dồn dập sôi động, biết bao nhiêu tác phẩm có giá trị nghệ thuật và thông tin thẩm mỹ đã giúp cho tôi cái mà tôi khao khát: đó là sự cảm thụ về hình tượng Bác.

Sau này, mỗi khi xem lại ở đây đó một vài tác phẩm hoặc ấn phẩm nói trên, tôi chưa hết bồi hồi mường tượng về cái đã hấp dẫn tôi.

Tôi đã chụp ảnh Bác lúc Bác xúc động tiếp nhận bức tranh do một đoàn đại biểu miền Nam vượt đường Trường Sơn mang ra biếu Bác cùng bức thư của hoạ sĩ Diệp Minh Châu...

Sau bức thư trên, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: "Ở Việt Nam ngày nay, ai biết có bao nhiêu Diệp Minh Châu trong các ngành hoạt động?".

Bác Hồ ở mặt trận Đông Khê (1950)

Ảnh: Vũ Năng An

Cảm thụ sâu sắc hình tượng trong tranh, lời thư và lời văn đầy tâm huyết, tôi càng hào hứng đeo đuổi những bức chân dung mong ước.

Một chiều hè kháng chiến, tôi lên trình Bác xem một số ảnh tôi mới phóng to, trong đó có một bức chân dung mà tôi rất thích thú. Bác xem ảnh. Tôi kính cẩn ngắm Bác. Hôm nay, vẫn khung cảnh như trong bức ảnh. Bác đang xem: nắng biếc xuyên qua những tầu lá cọ tươi xanh, toả sáng mái tóc và chòm râu bạc, vờn một đường viền hào quang trên vầng trán và gương mặt ánh lên nét vui ở cặp mắt nhìn thấu suốt. Khói thuốc lá lung linh vẽ thành những đường cong gợi tả.

Vẫn như khi chụp bức ảnh này, Bác đã đứng ở đây, đàm đạo với một vài đồng chí tại bản doanh của bộ não kháng chiến - kiến quốc. Tôi khấp khởi hy vọng khi thấy Bác mỉm cười hỏi: - "Chú thấy ảnh thế nào?".

Tôi đáp: - "Thưa Bác, vừa rồi cháu nhìn lại, thấy đúng như ảnh đã ghi được...".

Bỗng nhiên tôi rụt rè trong lời nói. Bác nhẹ nhàng nhắc: - "Chú thấy sao?".

- "Ảnh đã chụp Bác giống như một ông tiên". Tôi đánh bạo nói vậy. Dứt lời tôi chú ý ngay cái nhìn và nụ cười của Bác, liền ngập ngừng nói tiếp:

- "Ảnh muốn khắc hoạ một phong thái tiên cốt...".

- "Ảnh ông tiên thì không phải là ảnh Bác. Ảnh người trước hết phải thực". Bác ôn tồn nói vậy và thong thả xem những ảnh khác. Lời nói của Bác đã trở thành bài học lớn đối với tôi sau này. Có một bức ảnh Bác được chú ý nhiều. Bức ảnh miêu tả dung mạo của ba thanh niên Vệ quốc quân giữa một hàng ngũ đang chỉnh đốn đội hình. Cây súng trường đã cũ kỹ, bộ quân phục rõ mụn vá... không làm giảm khí thế tiến công ở những

gương mặt chân chất của bộ đội ta trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp.

Tôi thành tâm cảm nhận... như cũng được chia sẻ sự quan tâm của Bác đối với những người trong ảnh. Tôi nghiêm túc tiếp thụ lời dạy của Bác vào giữa lúc tôi đang rung động vì một bóng dáng chân dung Bác qua thơ Bác năm ấy:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Cảnh khuya)

Lại có một lần, tôi được thưa chuyện với Bác về việc theo học nghề nhiếp ảnh và điện ảnh ở Sài Gòn và đã làm công trên tầu A-ra-mis chạy đường hàng hải Pháp - Nhật Bản. Được Bác vui vẻ hỏi han thêm, tôi có kể về một vài nghệ sĩ nhiếp ảnh mà tôi đã ngưỡng mộ tác phẩm và lý luận nghiệp vụ, như Nađar, Laure Albin Guillot (Pháp), Da Silva (Tây Ban Nha)... Bác cho biết: ở bảo tàng tại Pháp, có bày một số ảnh danh nhân mà Nađar đã chụp vào giữa thế kỷ trước. Người ta kể rằng: trong số ảnh này, bức chân dung Charles Baudelaire đã nổi tiếng nhất về nghệ thuật ảnh chân dung. Tuy nhà thơ này và một số nhà thẩm mỹ học thời ấy chưa đánh giá đúng triển vọng của các công trình phát minh nhiếp ảnh và điện ảnh.

Nhớ lại khoảnh khắc trên, tôi tưởng như đã được tiếp cận tầm nhìn của Người thợ ảnh trọ tại gác nhỏ ngõ Công-poanh trên đường lớn cuộc hành trình cứu nước.

Tháng 9 năm 1950, tại chiến dịch Cao-Bắc-Lạng, hôm ấy trên mặt trận Đông Khê, Bác đi lên đài quan sát đặt trên một điểm. Được cử đi trước, tôi leo theo vách đá chênh vênh có những đoạn dốc đứng. Lên tới mỏm núi, sau khi hội ý với đồng chí chỉ huy, tôi trở xuống báo cáo về đoạn đường cheo leo. Vì

trách nhiệm đối với sức khoẻ của Bác tôi đề nghị Bác cho phép sử dụng vị trí ở vách núi thấp hơn, tại đây vẫn nhìn thấy những cứ điểm địch. Bác liền nói: "Đừng ngại lên tận nơi. Nếu không cần thiết, thì đơn vị quân báo đã không cất công lên đó, tạo điểm thích hợp để quan sát rõ những mục tiêu".

Với tuổi 60, Bác trèo khoảng một nghìn bậc ở vách núi này. Tấm áo bộ đội Bác mặc, cái khăn tay Bác cầm đều ướt đẫm mồ hôi. Lên tới đài quan sát Bác không để lộ mệt nhọc. Bác thăm hỏi các chiến sĩ, nghe đồng chí Thước, tổ trưởng đơn vị, báo cáo tình hình. Bác dùng ống nhòm quan sát trận tuyến. Bác trao đổi ý kiến với đồng chí Định người Tày - một trong 8 chiến sĩ của đội cận vệ đã được Bác đặt cho những biệt danh: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi.

Trên đỉnh Phia X., tôi hướng máy ảnh xuống những toàn cảnh cần chụp. Và tôi không bỏ lỡ thời cơ đã đến với bức ảnh chân dung mong đợi.

Bình dị như các chiến sĩ đang cần mẫn hoạt động xung quanh Người, gọn gàng quân phục Vệ quốc, bao quát tầm nhìn bát ngát thế trận. Vị Tổng Tư lệnh tối cao hiển hiện trước ống kính với cặp mắt sáng ngời.

Với tốc độ nhậy cảm của thị giác, tôi điều khiển ống kính máy chụp và tiếp cận để chụp chân dung Người.

Năm 1985, nhân dịp tham gia chương trình khảo sát của Ban quản lý di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Cao Bằng, tôi có dịp mang ống kính hành hương trở lại những nơi mà trước kia tôi đã chụp ảnh Bác. Chúng tôi lại trèo lên ngọn Phia X., nay là một điểm tựa tiền tiêu giáp biên. Trên chốt đá ngang lưng trời, tưởng như vẫn vang vọng âm hưởng thơ Bác từ 35 năm trước:

Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đỗ, vạn trùng mây
Quân ta khí mạnh nuốt ngưu đẩu
Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy.

Là một trong 5 bức ảnh truyền thống, bức *"Chủ tịch Hồ Chí Minh tại mặt trận Đông Khê"* đã được bày tại triển lãm ảnh nghệ thuật "*Người chiến sĩ các lực lượng vũ trang trong cuộc sống và chiến đấu*" do Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam và Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam tổ chức nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và sau đó, tại Triển lãm *40 năm Nghệ thuật Nhiếp ảnh Việt Nam.*

HÌNH ẢNH BÁC - HÌNH ẢNH DÂN TỘC

ĐINH ĐĂNG ĐỊNH *kể*

Nước nhà mới tuyên bố độc lập được ít ngày, thì tôi được đoàn thể giao cho lên Bắc Bộ phủ chụp ảnh Bác Hồ, điều đó làm tôi thật bồn chồn. Khuya rồi mà tôi cứ loay hoay mãi. Hết lau chùi sửa soạn chiếc máy ảnh, lại ra ra vào vào. Đêm như dài mãi. Thế là ngày mai tôi được gặp Bác Hồ, được chụp ảnh Bác - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

Vừa mới chợp mắt, tôi bừng tỉnh dậy. Trời đã sáng rồi! Tôi vội vàng thay quần áo. Lát sau tôi đứng trước gương ngắm mình mãi. Tôi cứ phân vân, ăn mặc thế này đã chững chạc chưa. Có bao giờ tôi dám nghĩ rằng, đời tôi - một người mới vào nghề chụp ảnh mà lại được chụp ảnh một vị Chủ tịch nước!

Tôi nhớ hôm đó vào đầu tháng 10. Trời nắng đẹp. Hà Nội vẫn còn bừng bừng khí thế của những ngày cướp chính quyền. Phố xá sạch sẽ. Tuần lễ vàng hồi tháng 9 thu được kết quả không ngờ. Trên đường phố dán nhiều khẩu hiệu, áp phích ủng hộ đồng bào miền Nam đánh Pháp.

Đúng giờ hẹn, tôi đến Bắc Bộ phủ, nơi Bác ở và làm việc. Tưởng có một mình tôi đến chụp ảnh Bác, không ngờ đến đây tôi gặp cả anh Vũ Năng An. Hai anh em đang nói chuyện ríu rít thì thấy có một người mặc bộ quần áo tây trắng, đầu đội mũ phớt, đi vào cổng. Theo sau người ấy là một chiếc xe bò, chở đầy đồ đạc. Hoá ra là nhà ảnh Khánh Ký. Chiếc xe bò kia là toàn bộ đèn, pha

đèn, máy móc trong phòng ảnh của cửa hiệu của ông, được tháo ra chở đến đây.

Nhìn lại thấy mình đơn giản quá. Chỉ có chiếc máy ảnh Vôlăngđe tòn teng khoác vai. Hôm đó may tôi lại cầm theo cái chân máy ảnh, nên còn ra dáng anh thợ ảnh một tí.

Phải khiêng mãi mới hết đồ đạc của nhà ảnh Khánh Ký vào phòng. Tôi lại làm một chân giúp họ mắc đèn đặt máy... Chúng tôi chuẩn bị xong đâu đấy thì Bác ra.

Tôi thật không ngờ cái phút gặp Chủ tịch nước lại diễn ra thân mật và ấm cúng như vậy. Khi thấy Bác ra tất cả chúng tôi đều đứng dậy. Vũ Năng An cứ đứng thẳng ngây, còn tôi thì không dám nhìn vào Bác. Nếu Bác không nói thì có lẽ chúng tôi cứ đứng ngây như thế mãi.

- Các chú làm gì thế này?

Vũ Năng An liếc nhìn tôi, không ai dám trả lời.

Bác hiền hoà hỏi lại:

- Thế nào?

- Dạ thưa Cụ (thấy Bác đã già, tôi nghĩ phải gọi cho thật kính trọng) chúng cháu đến để xin chụp ảnh Cụ ạ.

Nói rồi người tôi cứ run bắn. Trước khi đi các anh ấy đã dặn tôi: Bác hỏi gì cứ bình tĩnh trả lời, nhưng sao tôi vẫn cứ không tự chủ được.

- Các chú chụp ảnh mình để làm gì?

Nghe Bác xưng là "mình", tôi thấy không khí trong phòng ấm áp hẳn lên. Bình tĩnh trở lại, tôi mạnh dạn trả lời:

- Dạ thưa Cụ, chúng cháu xin được chụp ảnh Cụ để mọi người cùng được biết ạ.

Bác im lặng một lát như phân vân rồi nói:

- Thế, bây giờ mình phải làm gì đây?

- Dạ thưa, Cụ cứ ngồi ở ghế ạ. - Tôi nhanh nhẩu nói.

Khi Bác vừa ngồi xuống ghế, chúng tôi mới cuống cuồng nghĩ đến nhiệm vụ. Bác ngồi lấy vẻ, ngoẹo đầu bên nọ, ngoẹo đầu bên kia. Mỗi lần như thế lại nói:

- Ngồi thế này được không?

Chúng tôi cười ầm lên, không khí trong phòng trở nên thân mật hẳn.

Pha đèn từ các phía bật lên chói rọi, làm gương mặt Bác thêm toả sáng. Những ngày sống gian khổ ở chiến khu làm Bác hơi gầy, nhưng đôi mắt thì quắc thước lạ thường. Càng nhìn tôi càng thấy đôi mắt Bác càng kỳ lạ, lung linh sáng toả, nhân hậu ấm áp. Tôi liền vụt nghĩ phải làm thế nào thu ghi được cả tấm lòng cao cả của Bác trong ánh mắt ngời sáng đó. Những góc độ tốt nhất thì nhà ảnh Khánh Ký với chiếc máy đồ sộ đã chiếm mất rồi. Một bên là Vũ Năng An, một bên là tôi. Thấy nhà ảnh Khánh Ký gần như chui vào máy, lại trùm tấm vải đen kín người. Bác đùa:

- Chú chui vào làm gì đấy?

Tôi quen chụp tự do, nên thấy nếu cứ lệ thuộc vào chân máy cố định thì sẽ không thể hiện được những suy nghĩ của mình. Tôi bỏ chân máy, chỉ cầm máy không, đứng len lỏi chụp ở nhiều góc độ...

Tôi có tham gia Hội Ái hữu thợ ảnh từ trước cách mạng. Hội này do anh Phan Trọng Tuệ làm Hội trưởng. Khi kháng chiến bùng nổ, tôi ở lại chiến đấu trong đội thanh niên cứu quốc khu Hoàng Diệu. Sau những ngày cầm cự ở Thủ đô, chúng tôi rút ra làm việc ở khu 10. Năm đó tôi có một triển lãm ảnh nhỏ. Gọi là triển lãm thôi, chứ thực ra phòng bày ảnh chỉ vẻn vẹn trong một gian nhà. Hơn 50 bức ảnh được trình bày. Ảnh đủ các cỡ, từ 6 x 9 đến 24 x 36. Thế mà người xem cứ nườm nượp. Anh

Lê Văn Lương bấy giờ đi công tác qua cũng đã vào xem. Anh Lương không ngờ đó là ảnh triển lãm của tôi. Anh em gặp nhau tay bắt mặt mừng. Rồi anh Lê Văn Lương đưa tôi về làm việc bên Trung ương.

Có một điều, mỗi lần nghĩ, tôi lại thấy ân hận. Anh Lê Văn Lương bảo tôi lên cơ quan Trung ương làm việc, nhưng tôi cứ trùng trình mãi. Hôm lên đến nơi, tôi thật không ngờ các đồng chí ở Trung ương lại quan tâm đến những người làm công tác nghệ thuật đặc biệt như vậy. Các đồng chí đã làm cho tôi một ngôi nhà ở riêng, lại cho mang cả vợ con đến.

Cơ quan đóng ở giữa rừng, nhưng Phủ Chủ tịch vẫn rất đàng hoàng. Một ngôi nhà bốn mái lợp ngói bằng cỏ tranh giản dị, đẹp. Ở giữa làm phòng họp. Bên phải là nhà làm việc của Hội đồng Chính phủ. Bên trái là nhà tiếp khách. Phòng làm việc của các nhân viên cao cấp xa xa xung quanh.

Có thể nói địa thế nơi đóng của Phủ Chủ tịch rất đẹp. Có núi, có đồi, có suối nước bốn mùa trong vắt. Mùa đông kín gió, mùa hè gió nồm nam thổi lộng. Lại có một khoảng đất rộng đủ tăng gia, chơi bóng. Ai vào cũng có cảm giác Phủ Chủ tịch ở một đồng bằng thơ mộng.

Một hôm anh Lê Văn Lương bảo tôi đi với anh có việc. Tôi chuẩn bị lên đường. Chúng tôi đi men theo con suối nhỏ, rồi trèo qua mấy quả đồi. Đi sâu mãi vào trong, tôi thấy có một ngôi nhà nhỏ. Tôi đang ngạc nhiên nghĩ tại sao lại có nhà của dân ở sâu trong này. Mà nhà dân, sao lại bé thế, hay chòi canh rẫy? Tôi nhìn quanh thì không thấy một tí hoa màu nào cả. Anh Lê Văn Lương bảo tôi:

- Ta vào ngôi nhà này nhé!

Tôi rẽ theo anh Lương, đến cách ngôi nhà vài chục thước, tôi thấy anh Lương đứng lại đằng hắng. Trên nhà sàn bỗng có tiếng động. Rồi anh Lương lại đi vào. Chúng tôi leo lên bậc

thang ngôi nhà sàn. Lên đến nơi tôi thấy một ông cụ mặc quần nâu, áo chàm, đang ngồi làm việc, liền đứng dậy đón chúng tôi. Tôi đang ngờ ngợ thì đã nghe anh Lương chào "Bác ạ".

- Bác Hồ! - Tôi mừng quá reo lên, rồi hai tay nắm chặt lấy bàn tay Bác.

Mới có ít lâu mà trông Bác già đi nhiều. Tóc Bác đã lốm đốm bạc. Bác kéo tôi ngồi xuống ghế, hỏi chúng tôi rồi dặn:

- Bây giờ lên đây làm việc với Bác, phải chịu đựng gian khổ cùng với cuộc sống của cán bộ ở đây, phải ra sức học tập để hoàn thành nhiệm vụ. Chú làm nghề ảnh, phải hiểu nghề ảnh cũng là một loại hình nghệ thuật như những nghệ thuật khác, là phải phản ảnh chân thật cuộc sống của quân và dân ta. Muốn làm được điều đó phải đi vào đời sống của các tầng lớp nhân dân đang quyết tâm kháng chiến cứu nước.

Tôi chăm chú nghe lời Bác dặn và nhập tâm lấy từng lời. Đây chính là những lời Bác huấn thị đầu tiên cho tôi về nghề ảnh, về công việc của người làm nghề chụp ảnh.

Sau đó anh Lương ngồi làm việc với Bác. Còn tôi ngồi nhìn những đồ vật trong nhà Bác ở.

Cái bàn làm việc mộc mạc. Thợ nào còn đóng nguyên cả vết cưa. Trên bàn làm việc của Bác, một bên là một chồng sách, một bên là một chồng báo và một cái máy chữ. Một cái thước kẻ, một cái bút chì, một lọ mực. Một lọ đựng tăm. Một lọ đựng chất nước gì trong trong. Tôi tưởng Bác dùng lọ đựng cồn dán. Sau này tôi mới biết Bác đựng cồn 90 độ để mỗi khi Bác bị muỗi đốt, Bác dùng cồn chấm ngay vào chỗ bị đốt. Một chiếc băng kê sát vách dùng để tài liệu. Phía trong là giường Bác nằm, có một chiếc gối, một vỏ chăn mỏng để trên... Từ đó tôi được sang ở hẳn cùng khu với Bác.

Những lúc rỗi rãi tôi thường đi quanh ngôi nhà Bác ở. Trèo lên cả ngọn núi trước mặt, để ngắm nhìn bao quát ngôi nhà Bác.

Ngôi nhà nằm gọn trong hẻm núi, trước mặt một đám đất phẳng, không khí thoáng mát, có đất tăng gia, chỗ tập thể dục, chơi bóng, con suối nhỏ chảy lững lờ.

Tôi vẫn thầm chờ dịp, để ghi lại bức ảnh toàn khu nhà Bác ở.

Dịp chờ đợi đã đến. Mấy hôm đó tin chiến thắng dồn dập khắp các nơi bay về, thật náo nức lòng người! Mới sáng đã bừng nắng. Những đám mây bông sau bao ngày bao phủ đã kéo đi để lại một mảng trời xanh ngắt. Nắng ấm xênh xang chiếu rọi cả khu rừng. Lòng tôi cảm thấy rạo rực. Tôi trèo lên đỉnh cao đưa máy ảnh ngắm bao quát cả khu nhà Bác ở. Với trình độ nhiếp ảnh non kém lúc bấy giờ, tôi đã ghi được khu nhà Bác ở trong những tia nắng lung linh chiếu xuyên rừng già, chiếu rọi vào nhà Bác, rực sáng như những tin chiến thắng của quân và dân ta từ khắp miền đất nước bay về, quấn quýt bên Bác, sưởi ấm lòng Bác...

Đầu năm 1950, để thực hiện tất cả cho tiền tuyến tất cả cho chiến thắng, Chính phủ đã động viên mọi lực lượng cho mặt trận. Thanh niên khắp nơi náo nức lên đường nhập ngũ. Khí thế thắng giặc bừng bừng ở khắp nơi.

Ở Việt Bắc tập trung lực lượng giải phóng biên giới.

Bác đi bộ một ngày một đêm từ Tuyên Quang về khu rừng Đoan Hùng. Bộ đội ta chuẩn bị giải phóng biên giới đang tập trung ở đấy.

Trong một khu rừng già thoáng rộng, thấy Bác đến, bộ đội reo hò, rồi xúm xít quây quanh Bác. Sau phút gặp gỡ thân mật, những hàng quân liền đội ngũ chỉnh tề. Bác bước lên lễ đài nói chuyện với anh em. Biết Bác đến, buổi sáng bộ đội đã làm sẵn lễ đài để Bác đứng nói chuyện. Lễ đài làm thật khéo toàn bằng cây tươi ghép lại, có bậc cho Bác đi lên. Xung quanh lễ đài là những lá xanh buộc ghép, Bác đứng nói chuyện tay vịn vào lễ đài.

Hôm đó trời hơi rét, lại mưa bay. Bên trong Bác mặc áo bông, bên ngoài Bác khoác chiếc áo mưa. Bác nói chuyện vui lắm, cởi mở.

Bác hỏi:

- Các chú có biết, các chú sắp được nhận nhiệm vụ mới không?

Tất cả đồng thanh:

- Có ạ.

- Kế hoạch thế nào, chiến đấu ở đâu đã có Bộ Tổng tư lệnh. Bác chỉ hỏi các chú đã sẵn sàng chưa?

- Sẵn sàng ạ. - Tất cả lại đồng thanh đáp lời Bác.

- Thế thì tốt, Bác chỉ dặn, phải hết sức giữ bí mật và tôn trọng kỷ luật. Bộ đội của dân phải vì dân mà chiến đấu. Muốn đánh thắng giặc không chỉ có tinh thần dũng cảm, mà phải mưu trí, không được liều lĩnh... Cán bộ và chiến sĩ phải bàn bạc dân chủ. Đã quyết là đánh, đã đánh là thắng... Đồng bào ở các vùng tạm bị chiếm đang chờ các chú về giải phóng. Các chú có làm được không?

- Chúng cháu làm được ạ!

- Bác chờ tin chiến thắng của các chú.

Trong lúc Bác nói chuyện với bộ đội, tôi đã giơ máy chụp được mấy kiểu, nhưng tiếc quá hôm đó mưa phùn, trời trong rừng lại tối, nên phim tráng ra đều mờ cả.

Chiến dịch Biên giới mở màn. Bác đã đi chiến dịch cùng với Ban chỉ huy quan sát trận địa. Chuyến đó anh Vũ Năng An đi theo Bác, anh đã chụp được bức ảnh Bác ngồi, quần xắn cao, đang tập trung tinh lực quan sát mặt trận. Toàn bộ trí tuệ của dân tộc như đang đọng lại trong đầu Bác. Đó là bức ảnh lịch sử mà toàn dân ta ai cũng yêu thích.

Sau chiến dịch Biên giới tôi lại có lần được theo Bác đi công tác. Ở chiến dịch Biên giới, ta có thu được một ít ô tô quân sự của

địch. Bộ Tổng Tư lệnh đã đưa một xe đến để Bác đi công tác. Đây là lần đầu tiên trong kháng chiến Bác đi công tác bằng xe ôtô. Để tránh máy bay địch, cứ chập chiều ô tô mới chạy.

Lái xe là một đồng chí bộ đội trẻ, tính vui nhộn.

Đi công tác, Bác và anh em chúng tôi đều ăn chung với nhau. Một hôm đồng chí cấp dưỡng tìm được con chim rất béo, đem quay để phần Bác. Lúc ăn Bác lại đem chia đều cho tất cả mọi người và chỉ nhận cho mình một phần bằng những người khác. Xong, Bác gắp cái đầu cho đồng chí bác sĩ:

- Chú suy nghĩ nhiều cho cái đầu.

Bác gắp đôi cánh cho đồng chí vận tải:

- Chú mang vác nhiều cho đôi cánh.

Bác gắp cho đồng chí lái xe:

- Chú chạy nhiều cho cái "giò".

Hôm sau, trên đường tô tô bị hỏng. Đồng chí lái xe luống cuống lo lắng.

Bác xuống xe, bảo đồng chí bộ đội lái xe:

- Chú cứ bình tĩnh sửa chữa.

Thấy đồng chí lái xe loay hoay mãi, Bác hỏi:

- Xe hỏng bộ phận nào?

Đồng chí lái xe đáp, rồi tay chỉ vào bộ phận hỏng. Lát sau chỗ hỏng được chữa. Bác bảo đồng chí lái xe ngồi vào lái. Bác quay động cơ cho. Nói rồi Bác lấy ngay chiếc ma-ni-ven, móc vào đầu máy quay mạnh một vòng nữa, chiếc xe nổ máy giòn tan. Như một phản ứng tự nhiên, tôi liền đưa máy lên chụp Bác.

Khi về tráng phim tôi rất mừng. Hình ảnh Bác quay động cơ ô tô giúp đồng chí lái xe, đã được ghi lại. Bác cui cúi, hai chân vững chãi, cánh tay rắn khoẻ, chiếc khăn quàng một bên buông xuống gương mặt Bác chăm chú gần gũi...

Bác Hồ trong bộ quân phục chiến sĩ
Quân đội nhân dân Việt Nam (1954) - *Ảnh: Đinh Đăng Định*

Sau đó các chiến dịch đánh Pháp mở ra khắp trong nước, rồi đến chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong lúc Bác làm việc với Bộ Chính trị chuẩn bị mở chiến dịch Điện Biên Phủ, tôi đã chụp được tấm ảnh Bác cùng với các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đang bàn bạc thảo luận trên tấm bản đồ chiến dịch.

Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác đi mặt trận, nhưng tôi không được đi theo Bác, bấy giờ tôi đi theo một đơn vị quân đội.

Một chuyến đi mà tôi muốn kể tiếp là Bác đến thăm đơn vị bộ đội dưới chân đền Hùng.

Hiệp định Giơnevơ được ký kết, hoà bình lập lại ở Đông Dương, một số đơn vị chuẩn bị về tiếp quản Thủ đô đã tập trung ở đền Hùng.

Bác đến thăm bộ đội vào một buổi sáng. Hôm đó trời trong, gió nhẹ đưa hương lúa từ các cánh đồng bay toả. Hương lúa dịu quện vào hương hoa ngọc lan trên đền làm cho không khí đền Hùng thơm ngát. Bác vào đền Hạ, đền Hạ có rất nhiều tượng. Bác xem kỹ từng pho tượng. Bác ra khỏi nhà sảnh lên đền Trung. Trước khi vào đền, Bác đứng nhìn bao quát những làng xóm, những cánh đồng dàn trải xa xa phía dưới, Bác chỉ tay nói:

- Các chú có thấy gì không? Những quả đồi kia là những con voi phục. Nhân dân đã truyền tụng rằng, đó là những con voi đã cùng với vua Hùng đánh giặc giữ nước về chầu quanh mộ tổ.

Bác vừa đi vừa kể những truyền thuyết anh hùng, về những con voi chiến. Tôi bồi hồi theo Bác vào đền Trung. Đền Trung cũng có rất nhiều tượng. Rồi Bác lên đền Thượng. Đền Thượng là nơi thờ vua Hùng. Bác đã đứng lặng trước bàn thờ vua Hùng tưởng niệm người anh hùng dân tộc xưa.

Sau Bác vòng xuống đền Giếng. Đền Giếng vốn là cái giếng hứng nước ở trên chảy xuống. Nước giếng trong mát, nhân

dân đã xây một đền thờ trên bệ và có kể rằng: Các cô công chúa con vua Hùng thường ra đấy tắm và lấy nước về dùng. Bác cúi xuống vốc tay vào làn nước mát, nước trong lung linh hình Bác.

Bộ đội tập trung ngay dưới chân đền. Thấy Bác, bộ đội reo hò vang dội. Trong niềm xúc động, Bác vẫy tay đáp, rồi cho bộ đội ngồi xuống. Bác cũng ngồi xuống bậc đền. Bác nói chuyện với bộ đội. Bác dặn bộ đội khi về Thủ đô phải bảo vệ và giúp đỡ nhân dân, chống mọi âm mưu của địch.

Bác dừng lại một lát. Trời thu nắng nhẹ bỗng bừng lên, chiếu toả gương mặt Bác hồn hậu, không gian im lặng, chỉ có hương đồng toả thơm.

Bác xúc động nói:

- Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước.

Trong niềm cảm xúc tôi đã chụp được bức ảnh Bác nói chuyện với bộ đội dưới chân đền Hùng lúc Bác nói câu nói lịch sử đó.

Ngày nay nhân dân đền Hùng đã ghi lại câu nói của Bác bằng chữ to đặt trân trọng giữa đền.

Ngày 1 tháng Giêng năm 1955, tại vườn hoa Ba Đình nắng toả, nhân dân Thủ đô lại đón Bác về. Bác tươi cười trên lễ đài. Những đơn vị quân đội Bác đã đến thăm lại đội ngũ chỉnh tề diễu qua lễ đài hướng về Bác.

Những ngày chụp ảnh bên Bác là những ngày vinh dự lớn trong đời hoạt động nghệ thuật nhiếp ảnh của tôi. Bác bận trăm công nghìn việc, nhưng luôn luôn quan tâm đến công việc nhiếp ảnh.

Từ những ngày đầu làm việc bên Bác, tôi đã được nghe những lời dạy bảo "nhiếp ảnh cũng như các loại hình nghệ thuật khác, phải phản ánh chân thực cuộc sống của quân và dân ta. Muốn làm được điều đó phải đi vào đời sống của các tầng lớp

nhân dân đang quyết tâm kháng chiến cứu nước". Đó chính là lời dạy soi sáng suốt cuộc đời công tác của tôi. Nhiều lần đi công tác tôi chụp ảnh Bác, Bác đều nói "chụp Bác làm gì, quay máy ra ngoài mà chụp nhân dân". Mỗi lần tôi đi chụp ảnh về, có dịp xem ảnh, cái nào được Bác khen, cái nào chưa được, Bác chỉ bảo cặn kẽ.

Trong công tác Bác luôn luôn tạo điều kiện cho anh em nhiếp ảnh làm việc. Tôi nhớ một lần Bác về dự Hội nghị thuỷ lợi ở Hải Hưng, giờ nghỉ Bác xuống nói chuyện với các kiện tướng thuỷ lợi. Thấy thế mọi người liền vây kín để được gần Bác. Anh em nhiếp ảnh cũng muốn ghi lại hình ảnh thân mật này, nhưng vì bị vây chặt không thể làm nhiệm vụ được. Biết vậy, Bác liền nói:

- Các cô các chú đứng ra hai bên để các chú nhiếp ảnh làm việc chứ. - Lát sau Bác quay sang các đồng chí lãnh đạo của tỉnh, như dặn dò:

- Ta phải tạo điều kiện cho các chú ấy làm công tác tuyên truyền. Công việc đó cần thiết lắm...

Những ngày ở Hà Nội, trong Phủ Chủ tịch, Bác thường có những cuộc họp, tiếp khách, hoặc liên hoan chiêu đãi, nhân ngày lễ lớn. Những lần đó anh em phóng viên nhiếp ảnh, quay phim cùng đến làm việc rất đông. Bác thường dành cho anh em nhiếp ảnh những niềm vui bất ngờ. Nhiều phóng viên đã được Bác cho thuốc lá, cho kẹo, rót rượu cho uống hay Bác cho hoa. Một vinh dự lớn với anh em nhiếp ảnh là thỉnh thoảng Bác cho cùng chụp chung ảnh với Bác. Những lần đó Bác cũng không bao giờ quên để người được chụp rồi, ra bấm máy thay, để tất cả cùng được chụp chung với Bác.

Ngày 15-3-1953 Bác đã ký sắc lệnh thành lập Ngành nhiếp ảnh Việt Nam. Từ đó Bác luôn quan tâm đến hoạt động của ngành. Năm 1962, Ban liên lạc nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức triển lãm ảnh nghệ thuật lần thứ 4 tại Hà Nội.

Bác đã dành thì giờ đến xem triển lãm. Bác xem rất kỹ và đã huấn thị nhiều ý kiến cho các nghệ sĩ nhiếp ảnh và cho cả Ngành nhiếp ảnh Việt Nam.

Trong lúc nói chuyện với anh em nhiếp ảnh, Bác đã nhắc lại những ngày Bác làm ảnh ở Pari để lấy tiền hoạt động cách mạng. Rồi Bác nói về tính dân tộc và tính hiện thực trong ảnh Việt Nam. Trước khi ra về Bác đã ghi vào sổ vàng của Ban liên lạc nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam dòng chữ dặn dò: *"Các cô các chú phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa - Chào thân ái - Bác Hồ"*.

Bác đã khai sinh ra Ngành nhiếp ảnh Việt Nam, lại luôn quan tâm dìu dắt từng bước tiến của ngành. Riêng đối với tôi, những ngày ở bên Bác, được vinh dự chụp ảnh Bác, là những ngày vinh hạnh của đời mình. Bác đã trực tiếp dìu dắt từng bước đi của tôi. Hình ảnh Bác là hình ảnh cả dân tộc toả sáng suốt cả cuộc đời nghệ thuật nhiếp ảnh của tôi. Tôi nguyện vững vàng đi trên con đường đó.

ĐẶNG TRUNG *ghi*

BÁC HỒ DẠY TÔI CHỤP ẢNH *

KIM CÔN *kể*

Đêm qua gần như thức trắng để phóng xong bộ ảnh, kịp gửi đến các cơ quan và các đơn vị bộ đội. Trời vừa hửng sáng, tôi vớt mẻ ảnh vừa phóng đưa ra thác Rẩy** xả nước. Tôi cảm thấy buồn vì trong số ảnh vừa rọi, có những chiếc phủ một màu xám xịt. Đang mải mê suy nghĩ, lỗi ở khâu nào? Bỗng nghe tiếng động có chân người bước đến, tôi vội nhìn lên. Hồi hộp, miệng lắp bắp:

- Chào Bác ạ!

Rõ ràng, sau khi tập thể dục xong, biết tôi đang xả nước ảnh, Bác đã lặng lẽ đến xem. Như hiểu được nỗi băn khoăn của tôi, Bác mỉm cười, rồi chỉ vào bức ảnh xám nói:

- Tấm ảnh này bị gờ-ri (gris: xám), là tại chú rọi non sáng quá đấy mà. Phải răng-phoóc-xê (renforser: do phóng non sáng, ảnh phải ngâm lâu trong thuốc hiện).

Từ nhận xét của Bác, tôi nghiệm ra một điều là khi phóng ảnh bằng ánh sáng trời (do không có điện), cần đặt buồng tối ở nơi có nguồn sáng mạnh và mỗi lần rọi một kiểu phim phải liên tục phóng thử vì ánh sáng trời luôn luôn thay đổi. Nhưng khổ một nỗi, để tránh máy bay địch săm soi, buồng tối phải đặt dưới tán rừng, nên ánh sáng yếu và thay đổi luôn.

---

* Đầu đề do biên tập đặt.

** Dòng thác ở Việt Bắc nơi Văn phòng Chính phủ đặt trụ sở.

Rút kinh nghiệm, khi rọi, tôi nhìn xuống bàn phóng thấy ánh sáng ổn định phải nhanh chóng phóng thử. Nếu hiện hình thấy được và cường độ ánh sáng vẫn còn ổn định phải gấp rút phóng chính thức luôn và cho tấm ảnh vào bao đen. Sau đó tiếp tục phóng thử và phóng chính thức, lại cho ảnh vào bao đen. Cứ thế rọi tiếp cho tới khi xong bộ ảnh cần phóng. Sau đó đưa toàn bộ số ảnh đã rọi vào hiện hình cùng một lúc.

Giờ đây tôi đã hiểu nguyên nhân của những tấm ảnh xám là do phóng theo thời gian lộ sáng của mẫu thử, nhưng trong khi phóng chính thức, đã có một đám mây bay qua che khuất ánh sáng, hoặc do một luồng gió làm lay động tán lá rừng đã che nguồn sáng, làm giảm ánh sáng chiếu vào máy phóng. Cường độ ánh sáng lúc phóng chính thức đã giảm không giống như ánh sáng lúc phóng mẫu thử.

Trớ trêu thay, nếu biết được điều này, tôi sẽ kéo dài thời gian lộ sáng so với mẫu thử. Nhưng do chưa có kinh nghiệm phóng ảnh bằng ánh sáng trời nên bức ảnh bị thiếu sáng. Nên muốn hình ảnh lên hết phải răng-phoóc-xê (ngâm lâu trong thuốc hiện). Do đó xảy ra hiện tượng ảnh xám.

Sáng hôm sau, tôi đang ngồi chấm sửa ảnh, thì Vũ Đình Huỳnh, bí thư của Bác xuống phòng ảnh, thấy tấm ảnh xám, anh cười, hỏi:

- Tấm ảnh này bị gờ-ri à?

Tôi thật thà thuật lại đầu đuôi câu chuyện cho anh nghe và nêu thắc mắc:

- Sao Bác thông thạo nghề ảnh đến vậy?

Anh cười hóm hỉnh và bật mí cho tôi hay:

- Thế chú không biết ư?

Năm xưa, khi tới Paris ở tại số nhà 9 ngõ Công-poanh, Bác kiếm sống bằng nghề ảnh để hoạt động cách mạng.

Anh Vũ Đình Huỳnh tay chống cằm, đôi mắt đăm đăm như nhìn về một nơi nào đó, xa vời vợi. Rồi anh chậm rãi kể:

- Ngày 31-5-1946, tôi cùng Tướng Sa-lăng tháp tùng Bác sang thăm nước Cộng hoà Pháp theo lời mời của Chính phủ Pháp. Ngày 25-6-1946, Bác và đoàn tuỳ tùng đã đến viếng mộ ông Khánh Ký, một nhiếp ảnh gia hàng đầu, một nhà yêu nước. Đứng trước mộ ông, Bác không cầm được nước mắt. Bác kể về những kỷ niệm không thể nào quên, khi cụ Phan Chu Trinh dẫn Bác đến học nghề ảnh với ông Khánh Ký và được ông tận tình hướng dẫn cặn kẽ. Nhờ thế, chẳng bao lâu Bác đã làm thành thạo, từ khâu chụp, buồng tối đến chấm sửa phim, ảnh. Bác tâm sự:

- Những ngày đầu đến Paris, nếu không có sự cưu mang, đùm bọc, giúp đỡ của cụ Phan Chu Trinh và ông Khánh Ký cùng bà con Việt kiều, chắc chắn Bác còn gặp nhiều khó khăn.

Bác nói tiếp:

- Ông Khánh Ký là một nhà nhiếp ảnh có tiếng ở Pháp, một người tâm huyết với đất nước. Tháng trước (6-1946) ông có viết thư cho Bác. Trong thư ông ngỏ ý muốn được về nước phụng sự quốc dân. Bác định nhân chuyến đi này, sẽ đón ông về luôn. Nhưng không may ông đã qua đời trước mấy ngày khi đoàn ta đến Paris.

Bác khóc ông Khánh Ký là khóc về một ân nhân chưa có dịp báo ân. Bác khóc ông Khánh Ký là khóc một cánh đại bàng không kịp bay về xứ sở. Đột nhiên anh Vũ Đình Huỳnh quay sang tôi và hỏi:

- Chú có biết ông Daguèrre là ai không?

- Thưa anh! Em còn bé quá đến cụ Khánh Ký nhà ta mà em chưa biết, nói chi đến ông Daguèrre bên trời Tây.

Anh giải thích:

- Thiên hạ nhiều người tài thật. Ông Daguèrre là một hoạ sĩ thường thường bậc trung, người đã phát minh ra kỹ thuật nhiếp ảnh vào năm 1839. Tác phẩm "Nhìn về đại lộ Nhà Thờ" là một trong những bức ảnh đầu tiên của nhân loại, do ông chụp với thời gian lộ sáng 16 phút.

Để ghi nhớ công lao người phát minh ra kỹ thuật nhiếp ảnh, Hội Mỹ thuật Pháp đã thành lập ra Hội Daguèrre. Ngày 15-7-1946, vợ chồng hoạ sĩ Pôn-đet (Poldes) đã trân trọng mời Bác Hồ về quê mình chơi, cách Thủ đô Paris khoảng 30 kilômét. Khi đoàn đến làng của ông Daguèrre, đã thấy các cụ ra nghênh đón để cảm ơn Bác Hồ đã nhận làm Chủ tịch danh dự Hội Daguèrre, khiến quê hương ông càng thêm danh giá.

Đầu năm 1951, tôi được đi chụp Hội nghị "Kháng chiến, Hành chính toàn quốc" họp tại chiến khu Việt Bắc. Người phụ trách xây dựng hội trường là anh Lưu Bá Đăng. Để có ánh sáng cho việc chụp ảnh, tôi đề nghị anh Đăng cho dỡ mỗi bên mái hội trường hai hàng lá lợp. Anh Đăng đang do dự, cùng lúc đó, Bác đi kiểm tra hội trường, anh Đăng báo cáo với Bác về đề nghị của tôi. Tôi đang hồi hộp lo lắng, không ngờ Bác bảo:

- Chú ấy nói đúng đấy, phải có luy-mi-e (ánh sáng) mới chụp và quay phim được.

Sau ngày hoà bình lập lại, năm 1954, Bác về lại Thủ đô. Nhiều phái đoàn các nước anh em đến thăm Việt Nam ngày một nhiều. Mỗi lần như vậy, ba anh em chúng tôi trong bộ phận ảnh của Phủ Chủ tịch thay nhau làm việc suốt ngày đêm. Tôi còn nhớ vào một ngày cuối năm, anh Vũ Kỳ, thư ký của Bác dặn chúng tôi phải hoàn thành sớm bộ ảnh, để sáng mai Bác tặng phái đoàn, nên khoảng 3 giờ sáng, tôi và anh Nguyễn Đăng Thọ vẫn thức sấy ảnh, bỗng nghe tiếng gõ cửa. Tôi nói vọng ra:

- Mời vào!

Anh Tạ Quang Chiến đưa cho 3 quả cam và nói:

- Bác thấy phòng ảnh còn đèn sáng, Bác bảo:

- Sao không tắt đèn cho đỡ tốn điện?

Anh Chiến trả lời:

- Thưa Bác! Các đồng chí nhiếp ảnh đang làm việc đêm.

- Các đồng chí ấy làm việc đêm thì khát và háo nước lắm đấy. Bác gửi cho mỗi chú một quả cam, Bác vừa hái lúc ban chiều để các chú đó bồi dưỡng.

Cầm 3 quả cam, tôi bồi hồi xúc động nghĩ: Hàng ngày Bác bận trăm công nghìn việc, ngay đêm nay Bác vẫn còn thức hoàn thành mọi việc để ngày mai ký tuyên bố chung cùng đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ một nước anh em, mà Bác còn để tâm đến anh em chúng tôi như một người cha, người ông đối với con cháu.

Vào một buổi chiều cuối đông năm 1959, sau giờ làm việc, anh Vũ Kỳ thông báo cho tôi biết, ngày mai 2-12-1959, Bác đi thăm đồng bào công giáo thôn Thạch Bích, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội), chú chuẩn bị đi theo Bác.

Đến địa điểm, tôi đã tìm được vị trí đặt máy vừa thấy rõ hình Bác đang nói chuyện với đông đảo đồng bào, vừa có cả bối cảnh là ngôi nhà thờ với tháp chuông, trên cao lừng lững ngôi thánh giá. Về đến cơ quan, tôi rửa ngay bức ảnh, gửi lên xin ý kiến Bác. Chiều hôm ấy, anh Vũ Kỳ đưa lại cho tôi tấm ảnh để phát báo và chuyển lời khen của Bác.

- Cái chú bé ấy thế mà chụp tốt! (vì tôi nhỏ con nên Bác vẫn gọi chú bé).

Khi về học ở Trường Điện ảnh, qua bài giảng của chuyên gia tôi mới hiểu ra rằng: "Bối cảnh chính là dòng thuyết minh có tính thuyết phục về chủ đề ảnh".

Thông thường mỗi lần đi chụp, sau khi làm xong ảnh, tôi sắp xếp ảnh theo thứ tự diễn biến của sự kiện và đưa lên trình

Bác. Lần đó tôi chụp đồng chí Vô-rô-si-lốp, Chủ tịch Đoàn Xô-viết Tối cao Liên Xô sang thăm. Làm xong ảnh, đưa lên Bác duyệt, tôi hết sức ngạc nhiên. Bác đảo thứ tự ảnh. Bác chọn bức ảnh đặc tả Bác bắt tay Chủ tịch Vô-rô-si-lốp đưa lên đầu tiên, sau đó xếp các ảnh quan trọng khác theo dòng sự kiện.

Sau này, được các chuyên gia Liên Xô giảng về phóng sự ảnh, tôi vỡ lẽ ra rằng, từ một tập ảnh sự kiện Bác đã biên tập thành một phóng sự ảnh có sức cuốn hút người xem. Bởi phóng sự ảnh ấy mang đến cho công chúng thấy được cái ẩn ý đằng sau sự kiện. Từ cái bắt tay nồng nàn ấy của hai vị nguyên thủ quốc gia nói lên đầy đủ sức mạnh đoàn kết giúp đỡ của Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa anh em đối với sự nghiệp giải phóng đất nước của nhân dân ta.

MẠNH THƯỜNG *ghi*

NHỚ MÃI LẦN GẶP BÁC CÁCH ĐÂY NỬA THẾ KỶ

TRẦN ĐƯƠNG

Trong đời mình, tôi đã vinh hạnh được nhiều lần gặp Bác. Cuộc gặp đầu tiên cách đây vừa đúng nửa thế kỷ - vào một ngày đầu tháng 9 năm 1955. Ngày ấy, tôi cùng ngót 200 bạn là con em cán bộ từ khắp các miền của đất nước đang tập trung ở trường Chu Văn An (Hà Nội) để chuẩn bị lên đường sang Cộng hoà Dân chủ Đức học tập. Cuối cùng, có 149 em được chính thức sang Đức, một số ít sang Trung Quốc, số còn lại tiếp tục học trong nước.

Trong một tháng ở trường Chu Văn An, chúng tôi được chuẩn bị ít nhiều về mặt tri thức, tức là hiểu rõ hơn mục đích của việc sang nước bạn học tập, những điều tối thiểu cần biết khi ra nước ngoài, như địa lý, lịch sử Việt Nam và Đức, những nét khái quát về Liên Xô, Trung Quốc và Ba Lan là những nước mà chúng tôi sẽ đi qua. Lần đầu tiên, chúng tôi được nghe đến tên tuổi của các nhà cách mạng Đức như: Erust Thaelmann, Wilhelm Pieck... mà sau này tôi được biết đều là những bạn chiến đấu thân thiết của Bác Hồ. Đó cũng là dịp đầu tiên chúng tôi được học một số từ Đức để tiếp xúc trong sinh hoạt.

Ngoài học tập, ban tổ chức đã cho đi tham quan các danh lam thắng cảnh của Hà Nội, đi xem phim ở các rạp và học hát, múa... Nhiều vị lãnh đạo của Bộ Giáo dục, trong đó có Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên, nhiều lần đến thăm. Thứ trưởng Nguyễn Khánh Toàn gửi thư, căn dặn chúng tôi sang Đức phải

đoàn kết sum vầy bên nhau làm nên "một xã hội Việt Nam nho nhỏ". Một số cán bộ, nhân viên của Đại sứ quán Cộng hoà Dân chủ Đức cũng đã đến thăm, cho bánh kẹo và hoa quả. Đó là lần đầu tiên chúng tôi tiếp xúc với người Đức, tuy ngôn ngữ có bất đồng nhưng đã cảm nhận được phần nào tình cảm của những người con từ quê hương Karl Marx...

Một buổi tối, chúng tôi rất bất ngờ được bác Hoàng Quốc Việt đến thăm. Lúc đó, bác là Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Bác mặc áo sơ mi trắng dài tay, cài cả cúc cổ. Chân bác không đi bình thường vì bị tật, do thực dân Pháp tra tấn trong nhà tù hồi trước cách mạng. Bác nói đôi điều về tình hình nước nhà, nhắc nhở chúng tôi cố gắng để mai kia về nước trở thành những người thợ, những cán bộ kỹ thuật giỏi, góp phần xây dựng đất nước. Cuối cùng, bác Việt hỏi chúng tôi:

- Trước khi lên đường, các cháu chuẩn bị đã tốt chưa? Các cháu có nguyện vọng gì không?

Không ai bảo ai, chúng tôi đều mong muốn đạt được điều quý báu nhất: đi thăm Bác Hồ. Một bạn đứng dậy thưa với bác Hoàng Quốc Việt rằng "chúng cháu rất tha thiết được gặp Bác Hồ kính yêu". Bác Việt tươi cười nói: "Tôi sẽ báo cáo với Bác Hồ. Có điều là, Bác vừa ở nước ngoài về, Bác rất bận, không biết Bác có thu xếp được thời giờ cho các cháu vào thăm không...".

Thật may mắn, tối hôm sau, khi thầy trò chúng tôi đang xem kịch ở rạp Hồng Hà thì một cán bộ của Bộ Giáo dục đến báo tin là 7 giờ sáng hôm sau các thầy, các em và cán bộ, công nhân viên được vào Phủ Chủ tịch thăm Bác Hồ. Ngay tối đó, sau khi xem kịch về các thầy đã dạy chúng tôi một bài hát mới. Lời bài hát có những câu như:

"Bác Hồ ơi, Bác Hồ ơi...
Chúng cháu sướng vui là nhớ Bác Hồ...".

Chúng tôi hát say sưa, mong sao Bác hài lòng. Sau buổi tập hát chúng tôi nghe các thầy dặn, về tổ chức chuẩn bị quần áo thật đẹp, sạch sẽ, khăn quàng đỏ, giày dép, rửa ráy, đi ngủ. Mọi lần, chúng tôi còn tán chuyện, chơi *tú-lơ-khơ* đến tận khuya, nhưng hôm nay ai cũng mắc màn đi ngủ đúng giờ. Tuy vậy, lòng chúng tôi không tránh khỏi hồi hộp vì mơ ước lớn nhất của đời mình sẽ thành hiện thực vào sáng ngày mai.

Từ trường Chu Văn An, chúng tôi đi tắt sang vườn Bách Thảo, sửa lại quần áo, khăn quàng thật chỉnh tề và đi theo hàng hai vào Phủ Chủ tịch. Tôi thấy đoàn chúng tôi chưa bao giờ đẹp và trật tự như vậy. Trong tháng qua, chúng tôi cũng đi hàng đôi, tay nắm tay, qua các phố phường, nhưng có phần tự do, thoải mái, lộn xộn hơn. Những gương mặt trẻ thơ hôm nay có vẻ trang nghiêm hơn do sự kiện trọng đại sắp đến.

Chúng tôi được đưa vào phòng lớn, ngồi đợi Bác kính yêu, lòng rạo rực không sao tả xiết. Chỉ 5 phút sau, cửa chính mở, Bác xuất hiện, chúng tôi sung sướng quá, bật đứng dậy, reo to: *"Bác Hồ muôn năm! Bác Hồ muôn năm!"* - Bác vẫy tay, rồi ra hiệu cho phép ngồi xuống, nhưng chúng tôi vẫn vỗ tay vang dội và hát vang bài ca: *"Bác Hồ ơi, Bác Hồ ơi, chúng cháu vui mừng vui..."*.

Có đến 10 phút sau mới yên lặng. Bác ngồi bên một bàn lớn ở giữa phòng, cách hàng thứ nhất của chúng tôi độ 2 mét. Trong giờ phút ấy, một ý nghĩ vụt qua đầu tôi: tôi nhớ đến các bạn ở quê nhà, nhớ đến lời các bạn là ra Hà Nội thế nào tôi cũng được đến thăm Bác Hồ. Một ngày kia, trở về quê hương, tôi sẽ kể cho các bạn nghe những gì diễn ra trong sáng nay.

Bác trìu mến, nhìn chúng tôi suốt lượt, rồi thong thả nói:

- Chú Hoàng Quốc Việt đã đến thăm các cháu và căn dặn các cháu nhiều rồi. Bây giờ, các cháu sắp lên đường sang nước bạn học tập, Bác muốn nhắc kỹ các cháu một điều: các cháu phải

nhớ rằng, các cháu đi học như thế này là một dịp may mắn, một vinh dự đặc biệt. Có đúng không?

Tất cả chúng tôi đồng thanh đáp lại Bác: "Vâng ạ!".

Bác lại hỏi: "Vậy là nhờ đâu?". Lần này, Bác không đợi câu trả lời mà nói luôn: "Đó là nhờ nhân dân ta anh dũng đánh giặc ngoại xâm, được nhân dân các nước anh em bầu bạn yêu mến. Nhân dân Đức anh em thương yêu thiếu nhi Việt Nam, muốn giúp nhân dân ta nuôi dưỡng các cháu ăn học thật tốt để sau này phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân! Các cháu không bao giờ được quên công ơn to lớn đó của nhân dân ta, của nhân dân nước bạn... Các cháu nghe lời Bác dặn chứ?".

- "Vâng ạ!". Lại một tiếng đồng thanh đáp vang cả căn phòng lớn. Bác nói tiếp:

- Miền Bắc nước ta vừa mới được giải phóng hơn một năm. Công cuộc khôi phục lại đất nước còn rất nhiều khó khăn, gian khổ. Đời sống nhân dân thiếu thốn trăm bề. Các cháu cần luôn luôn nhớ rằng: các bạn ở nhà còn vất vả lắm, không được may mắn như các cháu. Được như vậy, các cháu càng phải chăm chỉ học tập, tu dưỡng đạo đức cho tốt để khỏi phụ lòng nhân dân và các bạn ở nhà...

Bác dừng lại một lúc, rồi nhìn chúng tôi, Bác hỏi:

- Bác được biết, trong số các cháu có nhiều cháu là người miền Nam. Nào, cháu nào là miền Nam thì giơ tay Bác xem nào... - Các bạn miền Nam lần lượt đứng dậy: "Thưa Bác, cháu ạ... cháu ạ!".

Bác vui vẻ gật đầu:

- Có đến gần một nửa, nhỉ! Tốt lắm. Các cháu phải luôn luôn nghĩ đến quê hương miền Nam mà học cho giỏi để mai kia trở về xây dựng quê hương miền Nam yêu quý của chúng ta. Theo Hiệp định Giơnevơ, một năm nữa sẽ tiến hành tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà. Nhưng các thế lực đế quốc và

tay sai đang ra sức phá hoại các Hiệp định ấy. Cho nên, việc học tập tốt của các cháu cũng là góp phần đấu tranh thống nhất nước nhà. Ngoài các cháu, Nhà nước sẽ gửi tới 500 cháu miền Nam cho đi học ở các nước anh em để đào tạo nhân tài cho nửa nước thân yêu...

Như một người ông vô cùng kính yêu trong nhà, với giọng nói ấm áp, ôn tồn. Bác căn dặn rất tỉ mỉ, từ việc ăn uống trên tàu, đến việc tiếp xúc, xử sự với người nước bạn... Bác nói:

- Nhớ là phải ăn uống điều độ, biết lượng sức mình. Sang Trung Quốc, Liên Xô, các món ăn bắt đầu khác, có thể lúc đầu chưa thích hợp với các cháu. Không cẩn thận *Tào Tháo đuổi* đấy (chúng tôi đều cười). Các cháu có hiểu ý Bác nói không? (Chúng tôi thưa: "Vâng ạ!"). Với các bạn, các bác, các cô, các chú của nước bạn, phải tỏ ra lịch sự, ngoan ngoãn, thân ái, vì các cháu đã trở thành đại diện của thiếu nhi Việt Nam, của nhân dân Việt Nam vừa đánh thắng quân giặc Pháp, vừa làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ...

Bác căn dặn tiếp:

- Các cháu hãy thi đua với nhau, thi đua giữa tổ này với tổ khác, giữa lớp này với lớp khác, giữa cháu này với cháu khác. Bác gửi cho đoàn 20 huy hiệu của Bác. Cháu nào gương mẫu nhất trên suốt chuyến sẽ được thưởng huy hiệu của Bác. Số còn lại để làm công tác đối ngoại, nghĩa là tặng một số giáo viên nước bạn.

Cả phòng vỗ tay sung sướng, tưởng như bạn nào cũng muốn được thưởng huy hiệu Bác. Bác đứng dậy đến hàng thứ nhất, xoa đầu những bạn nhỏ nhất. Bác lại nhìn cả gian phòng, nói:

- Các cháu lên đường, sẽ xa Bác, xa gia đình, cha mẹ, họ hàng thân thích, xa bạn bè, nhưng đừng lo, Bác và nhân dân cùng gia đình các cháu luôn luôn bên cạnh các cháu. Các thầy,

cô, các cán bộ, nhân viên Đức sẽ coi các cháu như con em trong nhà và giúp các cháu học tập tốt!

Bác còn nói đến một số nét về lịch sử, văn hoá và phong tục, tập quán ở Đức. Lúc đó, tôi còn bé, không biết rằng Bác đã từng nhiều lần bôn ba hoạt động cả ở Đức, đã kết thân với nhiều chiến sĩ cách mạng Đức. Sau này, khi trở thành nhà báo, làm công tác thông tấn ở Berlin, tôi có điều kiện đi sâu vào tìm hiểu mối quan hệ giữa Bác và các bầu bạn Đức, từ các lãnh tụ đến những kỹ sư, bác sĩ, công nhân người Đức. Một phần tư liệu đó, tôi đã phản ánh trong tập *"Bác Hồ như chúng tôi đã biết"* do Nhà xuất bản Thanh niên ấn hành năm 1985.

Trước khi chia tay, Bác đã cho mỗi cháu một khăn quàng len và gói kẹo. Chúng tôi sung sướng nhận quà của Bác. Nhiều bạn ăn kẹo, nhưng vẫn giữ lại giấy gói, ép vào các sổ sinh hoạt đội.

Tiếp đó, Bác còn chụp ảnh chung để kỷ niệm trước cửa Phủ Chủ tịch. Nếu tôi nhớ không nhầm thì người chụp là nhà nhiếp ảnh Đinh Đăng Định. Bác ngồi giữa, còn tất cả chúng tôi ngồi quây quần xung quanh Người ở các bậc thang phía trước Phủ Chủ tịch. Tôi đã được nhìn thấy tấm ảnh quý giá này, hiện đang lưu trong kho ảnh tư liệu của Bảo tàng Hồ Chí Minh.

GIÂY PHÚT CHỤP ẢNH BÁC HỒ VỚI ĐẠI BIỂU MIỀN NAM

NGỌC KHANH

Hôm đó, sau khi đón tiếp Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam do bác sĩ Phùng Văn Cung dẫn đầu tại nhà khách của Chính phủ, chúng tôi được báo là Bác sẽ tiếp ngay Đoàn tại Phủ Chủ tịch.

Anh chị em phóng viên ảnh chúng tôi không kịp ăn cơm chiều, lập tức đi ngay.

Thời gian này, bọn cuồng chiến Giôn-xơn đánh phá ác liệt Thủ đô Hà Nội, cho nên buổi tiếp đã diễn ra trong một gian phòng nhỏ, nhưng thật là ấm cúng.

Chúng tôi vào tới nơi đã thấy Bác và các đồng chí lãnh đạo khác ngồi chờ Đoàn đến.

Nhìn mái tóc bạc phơ trên vừng trán cao rộng, hai mắt trong sáng, trông Bác đẹp như một vị tiên. Lúc này Bác không được khoẻ lắm.

Bác quay sang bên cạnh hỏi:

- Đoàn đến có khoẻ mạnh cả không?

- Dạ, thưa Bác khoẻ mạnh cả ạ. - Mọi người đồng thanh trả lời.

Bác cười sung sướng.

- Thưa Bác, Đoàn đã đến.

Bác toan đứng dậy đi ra phía cửa trước đón Đoàn thì vừa lúc Đoàn đã tới.

Bác sĩ Phùng Văn Cung vừa bước vào đang lúng túng vì xúc động thì Bác đã giang hai tay ôm lấy đồng chí Cung như ôm lấy tất cả đồng bào miền Nam ruột thịt sau bao năm ròng xa cách.

Hình ảnh vô cùng thắm thiết ấy tôi đã kịp thời thu vào ống kính.

Nữ đồng chí Nguyễn Thị Ráo - một uỷ viên trong Đoàn chạy lại lắm lấy hai tay Bác nghẹn ngào vì quá xúc động. Cả gian phòng im lặng, lúc đó chỉ còn nghe tiếng máy ảnh, máy quay phim sè sè, lách cách. Thấy vậy, Bác vội nói: "Kìa các cô, các chú vui lên chứ, gặp Bác thấy Bác khoẻ mạnh thì phải vui mừng chứ, sao lại khóc?".

Thật ra, lúc đó Bác nói thế thôi, đôi mắt của Bác cũng đỏ hoe.

Hai hàng nước mắt tôi cũng chảy ròng ròng, từ lúc nào mà không hay biết, nhìn vào gương máy ảnh thấy mờ đi.

Để phá tan bầu không khí trầm lặng, Bác hỏi Đoàn: "Thế bao giờ các cô, các chú, và các cháu đón Bác vào thăm đồng bào miền Nam nào? - "Thưa Bác chúng cháu quyết tâm đánh mạnh, thắng to, thực hiện lời của Bác là: Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào, lúc đó đồng bào miền Nam sẽ đón Bác vào thăm ạ".

Tất cả mọi người trong gian phòng vui hẳn lên. Bác cháu quây quần bên nhau, đầm ấm biết bao!

Giờ gặp gỡ sao trôi nhanh thế? Sợ Bác mệt, vả lại lúc này Bác còn đang bận nhiều việc, nên Đoàn đã xin phép Bác ra về.

Giờ phút tạm biệt hôm ấy không ngờ lại là giờ phút vĩnh biệt Bác. Bác đi không trở lại, nhưng hình ảnh Bác vẫn còn sống

mãi trong lòng nhân dân Việt Nam. Tư tưởng và tình cảm của Người đã khắc sâu vào trí óc và trái tim của mỗi người chúng ta.

Thực hiện di chúc của Bác, cùng với quân dân cả nước, hàng ngũ phóng viên nhiếp ảnh đã lên đường ra tiền tuyến. Nghĩa Dũng, Vũ Tín, Đoàn Công Tính, Minh Trường, Vũ Tạo, Triệu Hùng, Hồng Thụ, Xuân Lâm, Văn Bang, Minh Điển, Công Bí, Hải Nam, Đoàn Tý... đã cầm chắc ống kính của mình, để tiêu diệt kẻ thù bằng những hình ảnh chiến đấu kiên cường của quân dân miền Nam và những hình ảnh thất bại thảm hại của giặc Mỹ.

Tấm ảnh mới nhất của Đoàn Công Tính chụp ngày 16-8 tại thành cổ Quảng Trị, đã ghi lại cuộc chiến đấu dũng cảm phi thường của các chiến sĩ giải phóng từ trong chiến hào đổ nát, vượt ra truy kích địch với khí thế vô cùng dũng mãnh.

Những tấm ảnh đó đã được ghi vào lịch sử như những nốt nhạc trong bản anh hùng ca thời đại.

BÁC HỒ VỚI HOẠ SĨ NGUYỄN PHAN CHÁNH

NGUYỆT TÚ - NGUYỄN PHAN CẢNH

Sáng sớm ngày 26 tháng 11 năm 1962, hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh từ nhà đi bộ lên Nhà hát lớn thành phố dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba.

Tối hôm trước gió về, nên buổi sáng hôm ấy mưa rơi lắc rắc như sớm đưa mùa xuân về Thủ đô. Từ các ngả đường đổ về Quảng trường Nhà hát lớn, hơn 600 đại biểu, người đi bộ, kẻ đi xe đạp, đi ô tô đến gặp nhau ở đây, đon đả chào mừng. Không khí nhộn nhịp, đầy tiếng nói, tiếng cười. Cụ Chánh cảm thấy mình còn "trẻ", khoẻ. Sáu ngày hội nghị gần trăm bản tham luận, cụ Chánh vẫn theo dõi đầy đủ không muốn bỏ sót ngày nào.

Ngày 1-12, cùng với các văn nghệ sĩ đón mừng đồng chí Trường Chinh, cụ Chánh nghe đồng chí phân tích ý nghĩa trọng đại của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà: "Nhiệm vụ quan trọng nhất và vẻ vang nhất của văn nghệ ta hiện nay là tích cực góp phần giáo dục và bồi dưỡng những con người xã hội chủ nghĩa ở nước ta".

Những ý kiến phát biểu của đồng chí Trường Chinh giúp hoạ sĩ hiểu thêm tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng và nội dung thư của Trung ương Đảng gửi Đại hội Văn nghệ.

Giờ nghỉ, các đại biểu đang mải nói chuyện, đứng chật cả mấy vòng bao lơn Nhà hát. Bỗng tiếng chuông rung gọi mọi người vào phòng họp. Cụ Chánh vừa ngồi vào chỗ thì thấy một

Bác Hồ thăm hỏi hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ 3 (1962) - *Ảnh: TTXVN*

đồng chí đến ghé tai nói nhỏ điều gì với đồng chí Trường Chinh. Đồng chí Trường Chinh nhanh nhẹn đứng dậy, đi ra phía cầu thang bên cạnh dãy bàn Chủ tịch đoàn, một tiếng reo khẽ:

- Bác đến! Bác đến!

Cả đại hội náo nức. Mọi người đứng dậy, hướng về phía cửa. Hồ Chủ tịch đi vào, bước chân nhanh nhanh. Bác vẫn mặc bộ quần áo ka ki, đi đôi dép lốp cao su đen. Hai tay Người giơ lên vẫy vẫy, ra hiệu cho mọi người ngồi xuống. Tiếng reo vang lên không ngớt:

- Hồ Chủ tịch muôn năm!

- Hồ Chủ tịch muôn năm!

Đại hội sôi lên một niềm vui không bờ bến. Hồ Chủ tịch vừa chợt nhìn thấy mấy đại biểu trong Chủ tịch đoàn ôm mấy bó hoa tươi đến:

- Tặng hoa à? Tặng hoa thì phải đi nhanh lên chứ!

Tiếng nói còn giữ giọng Nghệ An của Người nghe ấm áp, thân thiết như người trong nhà. Cụ Chánh cảm thấy không còn là không khí đón tiếp một lãnh tụ tối cao mà là cuộc gặp gỡ của một người cha, một người anh cả trong gia đình thường thấy ở quê mình.

Hồ Chủ tịch ngồi xuống, bên cạnh Người là đồng chí Trường Chinh và đồng chí Đặng Thai Mai. Tiếng reo dần lắng xuống, Hồ Chủ tịch bắt đầu nói.

Cả hội trường im phăng phắc. Những đôi mắt sáng ngời hướng về Chủ tịch đoàn. Hoạ sĩ Chánh ngồi ở dãy ghế đầu. Lần đầu tiên được thấy Hồ Chủ tịch gần như vậy, hoạ sĩ Chánh chăm chú nhìn Người như muốn ghi sâu từng cử chỉ, dáng điệu, lời nói... vào ký ức mình. Lời nói của Bác sao mà gần gũi, giản dị đến thế.

- Không mấy khi gặp anh em đông đủ thế này, Bác muốn bắt tay tất cả, nhưng không đủ thì giờ. Vậy Bác bắt tay đại biểu thôi. Đại biểu nào cao tuổi nhất nào?

Cả hội trường xôn xao. Một tiếng đáp:

- Thưa Bác, hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh ạ.

Mấy tiếng nói dồn vào một lúc:

- Bác Chánh lên đi!

- Bác Chánh lên đi!

Không ngờ rằng mình được vinh dự lớn lao ấy, hoạ sĩ Chánh đứng dậy ngập ngừng một lát.

Hồ Chủ tịch lại nói:

- Bác nói cao tuổi nhất, không nói già đâu nhé!

Tiếng cười lại reo vang cả hội trường. Hoạ sĩ bước lên, nắm chặt bàn tay Người, xúc động. Được các vị đại biểu bầu vào Ban chấp hành mới của Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật, cụ Chánh càng cảm thấy tự hào và lý thú về câu nói của Hồ Chủ tịch "Bác nói cao tuổi nhất, không nói già đâu nhé". Cụ Chánh còn muốn đi nhiều, vẽ nhiều và cảm thấy ngòi bút của mình mỗi mùa xuân đến càng thêm sắc xuân.

BA LẦN VẼ BÁC HỒ

TÔ NGỌC THÀNH

Năm 1946, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, cha tôi - Tô Ngọc Vân cùng hoạ sĩ Nguyễn Đỗ Cung và nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim được Hội Văn hoá cứu quốc cử vào Bắc Bộ phủ xin vẽ Bác. Bác đồng ý. Cha tôi vừa mừng vừa lo. Cha tôi nghĩ Bác bận nhiều việc quan trọng, công tác cách mạng cần tiến nhanh. Còn cha tôi vẽ vời lại rất chậm chạp, chỉ cần vẽ một đoá hoa sen mà cũng mất công "tìm hiểu" mấy tuần lễ nữa là... Những buổi gặp gỡ đầu tiên với Bác đã cho cha tôi yên lòng. Bác ân cần dặn dò: "Các chú cứ ở trong này mà vẽ cho tiện. Bác cứ làm việc Bác. Các chú cứ làm việc của các chú. Ai làm việc nấy. Các chú có bằng lòng như thế không?". Cha tôi thưa lại: "Xin Bác cho chúng cháu được qua lại tự do trong phòng và mở cửa sổ bên này, bên kia để ánh nắng ở ngoài chiếu vào...". Bác cười: "Được. Việc gì thấy cần thì các chú cứ làm". Thế rồi cha tôi bắt tay vào việc dồn hết tâm lực để nghiên cứu từng cử chỉ, từng nét mặt của Bác. Bác thường hiện lên hiền từ như một người cha, nhưng cũng nhiều lần trông Bác trang nghiêm đúng như một vị Chủ tịch nước. Cái khó là làm sao phối hợp hai hình ảnh ấy, chan hoà thành một. Bác thì cứ ngồi yên lặng sau bàn giấy làm việc. Cha tôi thì đóng cửa này, mở cửa kia, ngồi góc này, đứng góc kia, ghi ký hoạ, vẽ phác hoạ loay hoay suốt ba ngày liền mà chưa làm được gì. Giữa lúc ấy có mấy nhà nhiếp ảnh, mấy nhà báo chuyên vẽ ký hoạ ngoại quốc cũng được Bác cho vào chụp ảnh, ghi hình Bác. Họ làm việc rất nhanh, chỉ trong mấy phút là xong. Trước việc làm mau chóng của họ, cha tôi tự

nhiên băn khoăn, không rõ Bác có suy nghĩ, có phiền lòng trước việc làm rề rà của mình không? Chiều hôm đó, thừa lúc Bác dừng viết rót nước uống, cha tôi liền tiến lại gần bàn giấy nói nhỏ: "Thưa Bác, cháu thì không làm được nhanh như mấy ông vừa rồi! Cháu xin Bác không phải ba ngày mà ba tuần liền được gần Bác mới mong làm được việc". Bác đứng dậy rót một chén nước chè nóng mời cha tôi uống, rồi ôn tồn nói: "Chú cứ yên tâm. Ba tháng cũng thấy là phải, chứ nói gì ba tuần".

Thật là một câu nói ngắn gọn sâu xa biết bao! Cha tôi rất cảm phục lời nói, đúng ra là lời dạy quý hoá của Bác. Bác là một nhà lãnh tụ cách mạng nhưng lại rất hiểu nghệ thuật. Nghệ thuật muốn tốt phải có thời gian. Một cuộc đời như Bác đã chịu bao tháng năm tù ngục, bôn ba nhiều nước, xa quê hương trên 30 năm nhưng lòng Bác lại khăng khít gắn liền với Tổ quốc. Một tâm hồn phong phú như thế, quật cường như thế thì biết vẽ thế nào trong ba tuần được. Nghĩ lại, cha tôi cảm thấy dẫu được ba năm cũng không vẽ nổi... Cha tôi nghĩ như thế vì có phải vẽ hình ảnh bên ngoài đâu mà phải thể hiện qua bức tranh một cuộc sống vĩ đại của lãnh tụ mình, của dân tộc mình. Đêm ấy cha tôi cứ nghĩ lan man như vậy. Cha tôi không tài nào ngủ được. Sau khi cha tôi vẽ xong bức tranh *"Bác Hồ làm việc ở Bắc Bộ phủ"*, Bác đột nhiên hỏi cha tôi: "Cô chú được mấy cô cậu?".

"Dạ thưa Bác cháu được bốn ạ".

Bác Hồ mở ngăn kéo lấy một gói nhỏ đưa cho cha tôi. Khi chúng tôi mở ra thì đó là bốn cái kẹo bột của Chủ tịch nước tặng các con của hoạ sĩ. Không phải là loại kẹo ngon và đẹp mà là loại kẹo do dân tộc làm ra. Điều đó lại làm cho cha tôi suy nghĩ mãi.

Năm 1951, nhân Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc, cha tôi thay mặt anh chị em hoạ sĩ viết giấy mời Bác Hồ đến dự khai mạc triển lãm. Nhưng Bác bận không đến được. Bác có ghi mấy câu bên cạnh lá thư đó: "Chú Lành (tức nhà thơ Tố Hữu), chú nói với chú Vân, Bác bận không đến được". Ký bên dưới Bác Hồ.

Bác Hồ làm việc ở Bắc Bộ phủ (1946)
Tranh chì than của Tô Ngọc Vân

1952, ngày 3-3 cha tôi lại được vào thăm Bác và vẽ Bác. Bác mặc áo bông, tay để xuống bàn, bức tranh màu nước khổ rất to (50 x 70cm), bàn màu đỏ, dựa vào một bức ký hoạ chì: Bác đang nói chuyện trước hội nghị. Bức tranh đó ở trong kho của Trường Mỹ thuật, sau đó được chuyển về Bảo tàng Mỹ thuật. Năm ấy cha tôi được nhận thư khen của Bác Hồ (bức thư chính tay Bác đánh máy và ký tên Hồ Chí Minh), hiện lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

1954, vào mùa xuân. Cha tôi đi công tác về. Chúng tôi thấy cha tôi mặc chiếc áo màu chàm. Cha cho chúng tôi hay: chiếc áo này là của Bác Hồ tặng. Hôm ấy cha tôi bị ho. Bác đã cởi áo tặng và còn dặn: "Chú cố gắng giữ gìn sức khoẻ để còn phục vụ nhân dân chứ!". Cha tôi đã cởi chiếc áo cho chúng tôi xem dòng chữ đỏ chỉ thêu trên cổ áo: "Đồng bào Mèo kính dâng vị cha già dân tộc Chủ tịch Hồ Chí Minh". Chiếc áo của Bác cha tôi mặc trên đường đi vẽ ở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong chiếc ba lô và cặp vẽ gửi trả lại gia đình, khi cha tôi hy sinh sau trận ném bom oanh tạc của địch ở bên kia đèo Lũng Lô, vẫn còn chiếc áo của Bác. Một bức tranh cha tôi vẽ Bác đang nói chuyện trước hội nghị, với chiếc áo đó, vẫn còn lưu giữ đến ngày nay. "Đó là chiếc áo ấm của Bác". Cha tôi bảo thế để như Bác nói "Có tín tâm, quyết tâm là tất thắng". Cha tôi hy sinh như một người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, đúng như lời dặn của Bác Hồ kính yêu của chúng ta.

TÔI VẼ BÁC HỒ

DIỆP MINH CHÂU *kể*

Đến Việt Bắc đã mấy hôm, nhưng tôi vẫn chưa được gặp Bác vì từ chỗ tôi đến hội trường Đại hội Đảng (lần thứ hai, 1951) cũng khá xa. Biết rằng đến Việt Bắc lần này thế nào cũng có dịp gặp Bác nên tôi đã chuẩn bị khá nhiều dụng cụ và chất liệu (bút, màu, than, sơn dầu, v.v..) để vẽ Bác. Tôi tranh thủ lúc còn chờ đợi, làm một ít ký hoạ về núi rừng Việt Bắc, những cảnh mới lạ đối với một người từ Nam Bộ mới ra như tôi.

Một hôm, một đồng chí đến trạm liên lạc gọi tôi:

- Anh Châu, chuẩn bị đi, Bác cho gọi anh đấy!

Các bạn, các bạn có thể tưởng tượng là tôi vui sướng như thế nào không? Bác gọi tôi! Thật là một điều tôi chưa dám mong đợi. (Sau này đến phục vụ Đại hội, tôi được biết là không riêng gì tôi mà từng đồng chí đại biểu, Bác cũng biết rõ, và nếu thấy đồng chí nào vắng mặt là Bác hỏi ngay). Tôi vác ba lô, đồ vẽ theo đồng chí dẫn đường mà lòng nửa mừng, nửa lo: phải cố gắng tranh thủ dịp này để vẽ chân dung Bác, vẽ Đại hội lịch sử này cho thật nhiều, thật tốt mới được! Tôi biết rằng đây là một dịp rất hiếm có trong đời một nghệ sĩ. Tôi cũng hiểu rằng mình được vinh dự này không phải vì bản thân có thành tích gì đặc biệt mà vì Bác thương đồng bào miền Nam gian khổ và anh dũng. Tôi bỗng thấy trách nhiệm của mình thật là nặng nề mà khả năng thì ít quá.

Lúc còn ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật, tôi rất khâm phục Phan Đình Phùng, Phan Chu Trinh, những người thiết tha yêu nước, có chí khí. Thỉnh thoảng tôi được nghe nhắc đến một cái tên với thái độ rất trân trọng: đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Một đồng chí cộng sản ở Bến Tre, quê hương tôi, cũng có nói đến đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Tôi muốn được biết nhiều về con người đó, nhưng không thể biết được gì hơn rằng, đó là một lãnh tụ cách mạng xuất sắc, một người đã hiến cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Sau Cách mạng tháng Tám, anh em cho tôi biết thêm rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh, người lãnh đạo cách mạng thành công, chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Tôi rất mừng và rất hy vọng có ngày được gặp.

Tuy vậy, lúc đó tôi hiểu biết về Bác còn rất ít, đến hình dáng thế nào cũng không biết. Tôi cố tìm cho được một tấm ảnh Bác. Một hôm, tôi may mắn nhận được một bưu ảnh có chân dung Bác. Tôi mừng quá, giữ ảnh đó rất kỹ, đi đâu cũng mang theo. Trong ảnh, Bác rất gầy, chòm râu và mái tóc còn đen nhưng lơ thơ, nổi bật nhất là đôi mắt sáng mở to, trông hiền lành nhưng cương nghị lạ thường. Chỉ tấm ảnh đó cũng xác nhận những suy nghĩ của tôi về Bác: một con người bình dị, quên mình vì nước vì dân.

Tuy chưa biết Bác, nhưng tôi được biết và khâm phục đạo đức của những cán bộ Đảng trong bộ máy lãnh đạo cuộc kháng chiến Nam Bộ và nghĩ một cách đơn giản: những người học trò của Bác còn tốt như vậy thì Bác phải tốt đến mức nào nữa...

Cùng với niềm vui sướng được chiến đấu dưới cờ một lãnh tụ vĩ đại như vậy, trong tôi lại nảy nở một ước ao mới: vẽ Bác hay nặn tượng Bác. Tôi nghĩ rằng ngành chuyên môn của tôi, ngành điêu khắc, có nhiều khả năng để thể hiện những nhân vật lịch sử vĩ đại, nhưng hoàn cảnh kháng chiến lúc bấy giờ không cho phép tôi làm việc đó, nên tôi chỉ có thể vẽ Bác. Tôi dựa vào bức ảnh duy nhất nói trên để vẽ, vẽ rất nhiều, vẽ đến thuộc lòng,

không cần phải xem ảnh nữa. Tôi vẽ hình Bác để tặng những người chiến sĩ đang hành quân, tặng những người sản xuất hậu phương và nhất là tặng những bà má chiến sĩ rất đáng yêu trong kháng chiến. Ai nhận được cũng xem là một tặng phẩm rất quý báu.

Nhưng có một điều làm tôi chưa thoả mãn là do hoàn cảnh kháng chiến, không làm sao tìm ra được một bức ảnh khác, trước sau tôi chỉ vẽ được có một kiểu. Bức tranh Bác tôi chích máu ở cánh tay ra vẽ sau buổi lễ kỷ niệm Độc lập 2-9-1947 ở Đồng Tháp Mười, cũng theo kiểu đó. Khi gửi bức tranh này tặng Bác, tôi có viết một bức thư để nói lên lòng thương mến vô hạn của tôi đối với Bác.

"Kính gửi cha già Hồ Chí Minh

Kính Cha,

Từ hai năm nay, tin Cha, vâng theo tiếng gọi của Cha, con đã đưa nghệ thuật của con nhảy vào hàng ngũ Vệ quốc đoàn khu Tám. Cách mạng tháng Tám mà Cha già lãnh đạo đã giải phóng cho nghệ thuật của con. Hôm nay, trong cảnh vĩ đại của ngày lễ Độc lập chưa từng có ở Nam Bộ, sau khi nghe lời "Tuyên ngôn Độc lập" của Cha, lời kêu gọi thống thiết hùng mạnh của Cha, và lời ca Hồ Chí Minh muôn năm của đoàn thiếu sinh Nam Bộ, con đã cảm xúc vô cùng và vừa khóc, con vừa cắt lấy dòng máu trong cánh tay niên thiếu của con để vẽ hình Cha và hình ba em nhỏ Trung Nam Bắc đương xúm đầu lại dưới chòm râu của Cha, trên nền lụa mà quân đội ta đã đánh tan quân địch đã chiếm lấy ở trận Giồng Dừa hồi tháng 4-1947.

Thấy máu con chảy mọi người hoảng hốt băng bó, lo ngại. Con trả lời: Máu con là máu của Cha truyền cho, máu của con là máu của dân tộc, con có dám làm gì hao phí máu con đâu! Tất cả thân con, đời con là của Cha rồi.

Con trân trọng gửi bức hoạ bằng máu của con đây lên Cha già để tỏ lòng biết ơn Cha đã giải phóng cho nghệ thuật của con,

để tạo cho thể xác và linh hồn con thành lợi khí đấu tranh cho cuộc cách mạng phát triển dân tộc.

Kính chào Cha

Khu Tám, 2-9-1947"

Hai năm sau (tức là năm 1949), đồng chí Lê Đức Thọ dẫn đầu một phái đoàn của Trung ương vào Nam Bộ, có cho người tìm tôi. Gặp tôi, đồng chí Thọ tỏ ra mừng rỡ:

- Tôi tìm anh mãi. Trước khi lên đường vào Nam, Bác có dặn tôi tìm gặp cho được anh và chuyển lời Bác cám ơn anh về bức vẽ tặng Bác... Thế là nhiệm vụ của tôi đã hoàn thành đấy nhé!

Nghe đồng chí Thọ, tôi vui sướng đến chảy nước mắt. Từ đó, cái ao ước được gặp Bác để trực tiếp vẽ Bác luôn luôn bám chặt lấy tâm hồn tôi. Đó là hoài bão cao nhất trong cuộc đời hoạt động nghệ thuật của tôi đối với lãnh tụ. Ước ao vậy chứ tôi cũng thấy khó mà thực hiện được, nhất là đối với những người ở xa Trung ương như Nam Bộ chúng tôi. Tôi có ngờ đâu chỉ hai năm sau (1951), trong lúc toàn dân còn đang chiến đấu quyết liệt với quân thù, vinh dự đó đã đến với tôi. Và tôi nghĩ rằng chính vì tôi là một trong những đứa con ở xa nên mới được vinh dự đó.

Hôm ấy, tại hội trường, Đại hội sắp khai mạc, anh Phạm Văn Đồng thân dẫn tôi đến chào Bác. Bác thân mật hỏi:

- Chú Châu đã đến đấy à?

Rồi Bác bắt tay. Bằng giọng ấm áp, Bác hỏi thăm sức khoẻ, công việc của tôi. Bác hỏi đến đâu tôi chỉ biết vâng vâng dạ dạ đến đấy vì xúc động quá.

Bác lại hỏi:

- Chú đã vẽ được gì chưa?

- Dạ thưa Bác, cháu mới vẽ được ít thôi...

Tôi đưa Bác xem mấy ký hoạ tôi vẽ trong lúc chờ đợi, Bác động viên:

- Chú cố vẽ đi nhé! Nhưng phải nhớ học tập chính trị và rèn luyện tư tưởng cho tốt. Có tư tưởng chính trị tốt thì vẽ mới chóng tiến bộ được.

Tiếng Bác ấm cúng lạ thường. Tôi cứ đứng nhìn Bác mãi, bàn tay cầm lấy bức ký hoạ run run. Tôi nhìn Bác rất kỹ nhưng lòng xao xuyến quá.

Tôi dự định sẽ vẽ Bác hôm khai mạc Đại hội, lúc Bác đọc diễn văn. Hôm đó, Bác vừa bước vào, cả hội trường đã đứng dậy vỗ tay vang dội rất lâu. Mấy lần Bác ra hiệu nhưng tiếng vỗ tay vẫn không ngừng lại. Trước mắt tôi là con người bấy lâu mong gặp, con người mà tôi đã vẽ đến thuộc lòng, thế mà lòng tôi không thể nào giữ được bình thản, bàn tay tôi cứ run lên. Tôi chỉ kịp ghi nhanh mấy nét chính để giữ lại không khí hôm ấy, mong sau đó sẽ dựng lại với bố cục lớn.

Mấy hôm sau, nhân đi thăm các đại biểu, Bác đến xem tranh tôi vẽ Đại hội. Tôi đánh bạo:

- Thưa Bác, cháu muốn Bác phê bình tranh vẽ của cháu ạ.

Bác xem tranh, lại nhìn sang anh Trường Chinh và anh Phạm Văn Đồng rồi cười nói:

- Chú Châu vẽ có cái lạ... không đề tên cũng nhận được người.

Tất cả chúng tôi đều cười vui vẻ trước câu nói dí dỏm của Bác. Được Bác động viên, tôi rất phấn khởi và thêm mạnh dạn trong ý định xin ở gần Bác để vẽ Bác.

Một hôm, Bác gọi cho tôi điếu thuốc thơm:

- Chú vào buồng bảo chú Chiến đưa cho nhé!

Tôi cảm ơn Bác và đi vào lấy thuốc. Một lát sau, Bác vào ngả lưng trên chiếc giường con.

Tôi mạnh dạn nói:

- Thưa Bác, từ miền Nam ra đây, cháu rất mong được gặp Bác, được vẽ Bác thật nhiều, để sau này cháu mang về Nam cho

đồng bào được thấy chân dung Bác. Cháu xin Bác cho cháu được ở gần Bác ít lâu để vẽ...

Tôi hồi hộp chờ đợi ý kiến của Bác. Tôi biết Bác rất thương anh em miền Nam, nhưng nói xong, tôi vẫn lo, không biết nguyện vọng tha thiết của mình có được chấp nhận không.

Nghe Bác nói đồng ý, tôi vui mừng khôn xiết. Vô cùng cảm ơn Bác! Vô cùng cảm ơn đồng bào miền Nam đã cho tôi hạnh phúc có một không hai này!

Bác bảo anh Chiến:

- Sau Đại hội, chú nhớ đưa chú Châu về chỗ Bác nhé!

*

* *

... Đã biết ngôi nhà cất dành riêng cho Bác trong thời gian Đại hội, trên đường đi, tôi càng hình dung ra ngôi nhà Bác ở và nghĩ chắc phải to lớn, đặc biệt lắm; tới nơi mới thấy nhà Bác đơn sơ một cách lạ lùng. Ấy là một ngôi nhà sàn có sáu chân cột, đứng dưới đất có thể với tay tới. Khi lên thang, phải lom khom mới vào nhà được. Sàn nhà chỉ rộng bằng hai bộ phản, vừa đủ chỗ mắc màn, dưới sàn là một bếp lửa. Ngoài hàng hiên, kê một chiếc bàn nhỏ - thấp và nhỏ, như bàn của các hàng nước, đã cũ - còn in nhiều dấu vết mối mọt gặm nhấm từ lâu. Bác vẫn ngày ngày ngồi xếp bằng làm việc trên chiếc bàn đó. Sau lưng vách chỗ Bác ngồi, có mắc những ống tre để giắt công văn các nơi gửi đến.

Khán thư sơn điểu thê song hãn,
Phê trát xuân hoa chiếu nghiễn trì.
Tiệp báo tần lai lao dịch mã,
Tư công tức cảnh tặng tân thi[*].

---

[*] Dịch thơ: *Xem sách, chim rừng vào cửa đậu,*
Phê văn, hoa núi ghé nghiên soi.
Tin vui thắng trận dồn chân ngựa.
Nhớ cụ thơ xuân tặng một bài.
(Bài thơ *Tặng Bùi công* được Bác viết tặng cụ Bùi Bằng Đoàn).

Hồi còn ở Nam Bộ, tôi đã thuộc lòng bài thơ này. Trên đường ra Việt Bắc, tôi vẫn ngâm nga thích thú như thích thú một áng thơ Đường. Tưởng những nghiên mực, ngựa đổ mồ hôi... là Bác mượn các hình ảnh xưa cho thích hợp với phong cách một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt, không ngờ tới đây, thấy quả thật đúng như vậy. Chim rừng vẫn đậu trên rào ngoài cửa sổ, và cây rừng che phủ mái nhà nở đầy hoa đang nghiêng bóng xuống nghiên mực. (Bác khi viết bút máy, khi viết bút nho; thường vẫn viết và ghi bằng chữ Hán - có lẽ để bảo đảm được bí mật trong chừng mực nào đó). Nơi Bác dùng cơm là một ngôi nhà nhỏ, cách chỗ Bác ở chừng sáu bảy thước. Tôi ngủ trong nhà đó với các anh em phục vụ, bảo vệ Bác.

Đó là lần đầu tiên cũng là lần tôi được sống lâu nhất cạnh Bác. Khoảng gần sáu tháng. Thời gian đó là thời gian sung sướng nhất trong đời tôi. Sống gần Bác, điều làm tôi ngạc nhiên trước tiên là tính giản dị của Bác.

Khi thấy tôi vẽ cái bàn làm việc của Bác trong một bức tranh, các đồng chí phục vụ Bác hỏi tôi:

- Anh biết chuyện cái bàn này chưa?

- Chưa.

- Khi trước chưa có cái bàn này Bác vẫn phải ngồi xếp bằng, làm việc trước một cái bàn con. Nhìn Bác già yếu mà phải khom lưng mãi thế, thương quá, chúng tôi mới bàn nhau kiếm cái bàn này. Bác đi công tác về, thấy cái bàn, Bác bảo: làm việc với cái bàn con trên nhà đấy đủ rồi, các chú phải nhọc công tìm kiếm làm gì?

Có lần, anh Định, người nấu ăn cho Bác thấy Bác làm việc nhiều, nghe người ta nói rượu ba ba uống bổ lắm, anh tìm mua một con ba ba, lấy tiết pha rượu dâng Bác. Thấy cốc rượu, Bác hỏi:

- Gì đấy chú?

- Thưa Bác, rượu ba ba.

- Ở đâu vậy. Chú mua đấy à?

Anh Định sợ quá phải nói dối:

- Dạ, con ba ba cháu bắt được. Nghe đồng bào nói rượu huyết ba ba người lớn tuổi uống khoẻ ra. Cháu làm để Bác dùng.

- Thôi, Bác không uống đâu. Bác cho chú đấy.

Lúc đó là sáng sớm. Anh Định ấp úng không biết nói sao, đành phải mang xuống nhưng lòng áy náy không yên. Khoảng chín giờ, anh lại bưng cốc rượu lên. Bác lại hỏi:

- Gì đấy chú?

- Dạ, cháu nghe rượu ba ba bổ lắm, Bác mệt...

- Bác đã nói là Bác không uống đâu.

Anh Định đành mang xuống lần thứ hai. Trưa đến lúc Bác ngồi ăn cơm, lại thấy cốc rượu ban sáng trên bàn. Bác nhìn anh Định mỉm cười rồi cầm cốc rượu uống. Nhưng Bác chỉ uống một nửa, còn một nửa, Bác đưa lại:

- Bác uống thế đủ rồi. Phần này Bác cho chú đấy!

Mỗi bữa Bác chỉ ăn hai bát cơm. Tôi ái ngại, hỏi Bác:

- Cháu thấy Bác ăn ít quá, sức khoẻ có kém không?

- Bác ăn thế, thấy sức khoẻ cũng bình thường.

Tôi bày anh Định làm thêm nhiều món, biết đâu lạ miệng Bác ăn được nhiều chăng? (Mà nào có gì đâu, chỉ là rau rừng, đọt bí, măng nứa vậy thôi). Nhìn cơm, nhìn thức ăn, Bác nói với anh em:

- Hôm nay các chú làm cơm cho Bác nhiều quá. Bác ăn còn thừa, đổ đi cũng không ai biết, nhưng Bác không nỡ. Đồng bào mình còn đang thiếu thốn...

Một cái bàn, một vài bát cơm, một hai đĩa con rau có gì là nhiều? Nhưng Bác vẫn không muốn nhận cho mình bất kỳ một

cái gì nhiều hơn người khác, tuy rằng công việc của Bác nặng nề, to lớn hơn bất kỳ người nào khác.

Một hôm thấy Bác thay áo ra, có đồng chí phục vụ vội cầm xuống suối giặt. Anh vừa ngồi xuống tảng đá, thì có tiếng người gọi, anh vội bỏ áo đấy chạy đi. Một lát sau, trở lại không thấy cái áo đâu. Anh lo quá, cứ men theo suối đi tìm. Tìm mãi vẫn không thấy, anh đành về thưa thật với Bác, Bác cười nói:

- Bác xuống suối thấy áo, Bác đã giặt và phơi kia rồi. Lần sau chú đừng bỏ như thế nhỡ nước lũ trôi mất, lãng phí...

Có lần Bác đưa tôi lên nhà. Đúng như cảnh "nhà sàn đơn sơ" mà anh Tố Hữu đã tả trong bài thơ *Sáng tháng Năm:*

Bác kêu con đến bên bàn
Bác ngồi Bác viết nhà sàn đơn sơ
Con bồ câu trắng ngây thơ
Nó đi tìm thóc quanh bồ công văn
... Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị
Màu quê hương bền bỉ đậm đà...

Ngoài chiếc máy đánh chữ, tất cả đồ dùng cá nhân, Bác cho vào một cái bị nhỏ. Bác nói:

- Khi cần đi, Bác chỉ cần mang cái bị là xong ngay - Vừa nói, Bác vừa khoác bị lên vai một cách rất gọn gàng. Bác thật là một bài học sống cho chúng tôi về tác phong quân sự hoá trong kháng chiến. Bây giờ ai cũng biết tấm ảnh chụp quang cảnh Bác đang xắn quần lội qua suối. Sự thật thì không phải Bác xắn quần đâu. Bác dùng một sợi dây luồn vào trong, treo ống quần lên thắt lưng, đi đường xa dốc núi không bao giờ quần bị sổ ra mà hai tay lại rảnh rang.

Bác không hề đòi hỏi gì cho bản thân, nhưng đối với người khác thì Bác lại chăm sóc từng li từng tí, mặc dù Bác rất bận. Mỗi lần Bác đi công tác về, thật như mang cả một luồng ánh sáng vào nhà, làm rộn lên cả cái tập thể nhỏ bé của chúng tôi.

Những lúc nghỉ việc, Bác hay đến xem tôi vẽ. Có lần, xem một bức tranh, Bác nói:

- Bác có ý kiến, chú đồng ý không?

- Cháu xin Bác cho ý kiến...

Bác chỉ vào tranh:

- Chú vẽ nhà Bác chỗ này còn trống quá. Chú cho thêm con chó nhỏ của Bác vào đây nhé. Thường ngày nó vẫn nằm đây. Có người có vật cho nó vui... Để Bác giữ nó lại cho chú vẽ nhé...

Nói xong, Bác vuốt ve con chó để nó nằm yên xuống cho tôi vẽ. Sợ mất thì giờ của Bác, tôi chỉ chấm màu vẽ qua một vòng tròn làm dấu để vẽ kỹ sau.

- Thưa Bác xong rồi ạ!

- Không, chú cứ vẽ nữa đi, để Bác ngồi giữ nó lại đây cho...

Theo lời anh Định kể, tôi được biết lai lịch của con chó lai này. Mẹ nó vốn là một con béc-giê chính cống. Đêm nào hai mẹ con cũng nằm ngoài cửa hang canh cho Bác ngủ. Một đêm hổ mò tới. Con chó mẹ lao ra sủa váng lên. Nhưng hổ quá to, vồ mất chó mẹ tha đi. Con con hãi quá chạy trốn vào rừng. Sáng hôm sau không thấy nó về. Thì ra nó cứ quanh quẩn đi khắp rừng tìm mẹ. Mấy tháng sau, nó mò về hang cũ, to lớn, nhanh nhẹn, khoẻ hơn trước rất nhiều. Nó lại nằm canh cho Bác. Anh em thấy cọp đêm hay mò tới hang, nguy hiểm, đề nghị cất cho Bác ngôi nhà này. Nhân nói con chó, cũng nhớ con khỉ và con mèo của Bác. Thông thường thì ba loài giống đó vốn chẳng ưa nhau. Không biết Bác dạy thế nào mà chúng nó rất thương yêu nhau, thường đùa giỡn nhau, không hề trêu chọc hay cắn đánh nhau bao giờ. Mỗi lần dời nhà đi có khi phải đi hai ngày hai đêm mới tới, lúc lên đường bao giờ con khỉ cũng nhảy phóc ngồi lên lưng con chó. Hễ con chó đi chậm, con khỉ nắm hai tai chó giật giật. Con chó chạy sải, thì khỉ gò lưng như người phi ngựa, chó chạy tế, khỉ buông thõng hai tay ngồi ngúc nga ngúc ngắc, khi lội qua

suối nước ngập lưng chó, thì khỉ ta trèo ngồi lên đỉnh đầu chó. Ai trông cũng phải cười. Con mèo đen vá trắng ngao ngao... lững thững chạy theo.

Cứ một tuần lễ thì Bác lại qua rước mấy cháu bên anh Đồng về chơi, ngủ với Bác. Hôm nọ vào lúc chiều tối, có một em nhớ nhà đòi về. Tôi nhìn em bé đi mà chạnh lòng thương Bác quá. Bác nói rất hiền lành dịu dàng: "Cháu nó chưa quen, còn nhớ mẹ. Thôi để cho nó về với mẹ nó". Một lần có máy bay địch lượn gần nhà. Mọi người đều xuống hầm. Thấy tôi chưa có hầm (vì tôi hay chạy xuống suối nấp), Bác chỉ hầm của Bác bảo tôi:

- Chú xuống đi...

- Thưa Bác, Bác xuống hầm, cháu nấp đằng này cũng được.

- Không, chú cứ ngồi hầm của Bác.

Ôi đồng bào, đồng chí ta, ai cũng sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình để bảo vệ Bác khi cần thiết, thế mà Bác, Bác Hồ của chúng ta lại sẵn sàng nhường hầm của Bác cho tôi. Dù có tan thây làm trăm mảnh ở ngoài, tôi cũng vui, có đâu dám xuống hầm của Bác. Giữa khi đó thì Bác cười:

- Thôi, máy bay đã đi mất rồi...

Anh Phạm Văn Đồng, anh Trường Chinh qua chơi, thấy Bác thương tôi, đều bảo: "Bác thương anh lắm đấy, coi anh như con cháu trong nhà. Anh cứ hỏi về cuộc đời của Bác đi. Rồi ghi lấy! Anh hỏi dễ hơn. Chúng tôi hỏi, Bác không nói".

Được các anh khích lệ, tôi cứ hỏi tới. Chuyện gì cũng hỏi. Nhưng về tình yêu... ngày xưa Bác có yêu ai chăng, thì tôi không dám hỏi Bác. Có lần, tôi thưa:

- Tiểu sử Bác, cháu hay đọc lắm. Bác xem cái nào viết đúng nhất?

- Không có cái nào đúng cả!

Tôi hỏi lung tung, đủ thứ chuyện. Nhất là chuyện trong tù.

- Thưa Bác, những ngày dài như thế Bác làm gì?

- Phải tìm cách đừng để tâm trí rỗi rãi. Chẳng hạn như: Bác đếm trên nóc nhà giam mỗi hàng lợp mấy tấm ngói. Cả mái bao nhiêu tấm. Tích cực hơn thì Bác ngồi tìm bắt từng con rệp một. Trong tù ăn kém, Bác bị phù rồi liệt cả hai chân, Bác phải dùng hết sức cố gắng, tới lúc đau nặng quá, không lúc lắc hai chân được... Kể đến đây, Bác nhìn xuống hai bàn chân cười: "Lúc ấy mình bí quá!"... Bác mới bò đến ôm cột đứng dậy, được một tí thôi. Mỗi ngày một tí, dần dần Bác đứng thẳng được. Bác tập đi một bước, một bước rưỡi... Mình làm cách mạng không có hai chân thì làm sao đi hoạt động quần chúng được. Rồi Bác tập đi lần vách...

Thỉnh thoảng Bác sang bên chỗ anh Phạm Văn Đồng, anh Trường Chinh. Thường vào lúc chín mười giờ tối, Bác mới về. Đường nhiều vắt lắm. Khi nào vắt bám ít thì Bác tự bắt lấy. Có hôm vắt đeo nhiều quá, tôi đang ngồi nghe ra-đi-ô bên cạnh vội vàng đến vạch từng chỗ bắt tiếp với Bác.

Một hôm, giữa bữa cơm tôi thưa Bác:

- Hồi trước cháu học ở Hà Nội. Cháu nghèo lắm, từ trong Nam ra một mình vì mê nghề, muốn tìm học tập nghệ thuật. Lúc nhỏ cháu đi vẽ cho các gánh hát, họ hát xong mới lấy chỗ rạp trống, bày đồ ra vẽ, đêm chỉ ngủ một vài giờ mà ăn thì chẳng bữa nào no...

Bác cười:

- Bây giờ chú giàu lắm à? "Mình" chẳng bao giờ giàu đâu! Rồi Bác cười to hơn.

Ở núi rừng Việt Bắc thường mọi người đều bị sốt rét. Bác cũng bị sốt rét. Cứ cách hai ba hôm, Bác lại uống ngừa ba viên ký-ninh vàng. Lần nào uống thuốc, Bác cũng gọi phát đều cho chúng tôi mỗi người ba viên. Một buổi tối, Bác đi công tác về thì lên cơn sốt rét. Bác ngồi ôm cột, tay run run. Hồi lâu, Bác sờ trán thấy mồ hôi ra, Bác nói:

- Bây giờ đỡ rồi!

Tôi thương Bác quá. Hận mình không có phép gì để chuyển cơn sốt của Bác sang tôi, cho Bác đỡ đau. Tôi chỉ còn biết nói:

- Thưa Bác, Bác nằm nghỉ đi!

Bác lắc đầu:

- Công việc nhiều lắm. Không nằm được. Nằm xuống sẽ không ngồi dậy nổi!

"Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà".

Đúng như câu thơ anh Tố Hữu viết sau này, từ lâu, đã rất lâu, Bác hằng lo nghĩ, luôn luôn nhắc nhở đến miền Nam. Hôm Đại hội Việt Minh - Liên Việt, anh Nguyễn Văn Trân có lên kể những mẩu chuyện nhỏ của đồng bào miền Nam đấu tranh chống giặc Pháp, anh Hoàng Quốc Việt nghe cứ ngồi khóc nức nở, tôi nhìn lên thấy Bác nghiêng đầu nhìn xuống hội trường, hai giọt lệ long lanh đọng bên khoé mắt từ từ lăn ra. Bác Tôn cũng khóc và nói: "Mặc dầu tôi có tuổi rồi, nhưng bao nhiêu giờ phút còn lại của đời tôi, tôi nguyện phục vụ cho nhân dân, cho Đảng đến hơi thở cuối cùng!". Cả hội trường đã khóc. Lúc dời về chỗ ngôi nhà thứ hai, một buổi sáng tôi đang cắm cúi vẽ quang cảnh "nhà mới" thì nghe Bác gọi: "Chú Châu!". Bác từ trên cao, bước chân nhanh nhẹn thoăn thoắt, bước xuống các bậc thang xếp bằng đá, tay Bác cầm xấp công văn, miệng Bác tươi cười:

- Có tin mừng! Ta vừa thắng to ở đèo Hải Vân, diệt được 35 xe...

Bác gọi anh Định, gọi tất cả anh em phục vụ để truyền tin chiến thắng mới của miền Nam. Bữa trưa hôm đó, Bác cười đùa vui vẻ, và Bác ăn thêm được nửa bát cơm.

Một bữa, đang ngồi ăn cơm, Bác hỏi về công tác của anh em văn nghệ miền Nam, nhân đó tôi thưa:

- Cháu biết anh T., một hoạ sĩ tài năng vào bậc nhất của Việt Nam, trong giới hội hoạ ai cũng quý trọng. Không biết tại sao anh ở Hà Nội, không theo kháng chiến. Cháu tiếc quá.

Bác Hồ xem bức chân dung của Người được vẽ bằng máu của hoạ sĩ Diệp Minh Châu - *Ảnh: TTXVN*

Hồi lâu Bác nói:

- Ờ, Bác cũng tiếc... Dù có tài năng, nhưng đã là nghệ sĩ thì phải chọn đường đi cho đúng. Không thì phí cả cuộc đời mình.

Dù bận nhiều việc lớn, nhưng Bác rất quan tâm tới công tác văn nghệ. Bác dạy chúng tôi, một cách hết sức nhẹ nhàng. Tưởng Bác đùa, nhưng càng ngẫm càng thấy ý nghĩa sâu sắc vô cùng trong mỗi câu nói vui, bình thường của Bác. Có một dạo, anh Đinh Đăng Định theo Bác đi công tác. Về rồi, một hôm Bác gọi anh sang ăn cơm và nói:

- Hôm trước chú chụp khá nhiều đấy. Bây giờ rửa ảnh ra xem cái nào dùng được, đưa qua Bác coi. Còn thì cất đi. Rồi Bác cười với chúng tôi: "Cái gì cũng đưa ra hết sao!".

Các bài báo của Bác, nghĩ đến đâu Bác đánh máy đến đấy. Bác không viết trước, Bác đánh từ từ, chậm rãi, đánh mổ cò bằng hai ngón tay. Anh Đinh Đăng Định đến xin chụp ảnh Bác, vừa đưa máy ảnh ngắm, Bác vội khoát tay:

- Không, Bác đánh mổ cò thế này... để Bác sửa lại đã. Không thì người ta cười cho!

Chẳng những Bác dạy chúng tôi đừng có tự nhiên chủ nghĩa trong nghệ thuật, phải có một kiến thức rộng rãi, mà còn phải lắng nghe ý kiến quần chúng.

Ở Việt Bắc, tôi thấy như ở gần ánh sáng. Núi rừng Việt Bắc tiết tháng hai, tháng ba thường bị mây mù che phủ, tôi không thể quan niệm rằng một bức tranh vẽ Bác lại có thể dùng toàn màu sắc âm u. Tôi đã đợi chờ đến lúc, và tôi đã vẽ một quang cảnh núi rừng chỗ Bác làm việc: một dốc núi rêu xanh, một chiếc cầu nhỏ bắc qua con suối chảy lấp loáng như bạc, những tia nắng rực rỡ chiếu xuyên qua kẽ lá dày đặc tuôn vàng lên nền đá dốc và Bác đang đi qua cầu. Xem bức tranh này, Bác ngâm:

Rừng thông chen chúc cành lau
Bên cầu thấp thoáng người đâu đi về.

Bác hỏi tôi:

- Chú biết hai câu thơ đó ở đâu không?

Tôi thưa là tôi chỉ nhớ hai câu thơ đó trong một tác phẩm văn học cổ điển, nhưng không nhớ rõ tác phẩm nào.

- Trong *Chinh phụ ngâm* đấy. Bác sửa đi một ít. Nguyên câu của nó là:

Ngàn thông chen chúc chòm lau
Cách duềnh thấp thoáng người đâu đi về.

Có một lần khác, tôi hỏi Bác:

- Thưa Bác, Bác thấy tranh cháu thế nào?

Bác không trả lời thẳng cho tôi, mà gọi anh em đến xem, và hỏi:

- Các chú thấy tranh của chú Châu thế nào?

Anh em mến tôi nên ủng hộ ngay:

- Vẽ giống lắm ạ!

Bác cười:

- Đấy, ý kiến quần chúng khen được. Thế là được.

Có thể nói rằng Bác là một nhà nghệ thuật lớn, có một tâm hồn lớn về nghệ thuật mang đầy tính chất nhà thơ Á Đông. Không những Bác chú ý đến việc vẽ của tôi, phê bình, góp ý kiến... mà trong cuộc sống Bác rất chú ý đến cái đẹp. Trong việc tìm nơi ở, ngoài việc bảo đảm an toàn, Bác còn chú ý đến vẻ đẹp thiên nhiên, tìm hang, lợp mái, Bác thích nơi có tre trúc rủ trước nhà, trông xa mây vờn lưng núi, suối khe róc rách gần bên (tôi theo Bác đi tìm mấy chục hang Bác chỉ chọn có ba hang) và trên đường đi, chỗ nào có cảnh đẹp Bác thường dừng lại giây lát để thưởng thức... Lần đầu tiên được theo Bác đi tìm một địa điểm mới, trong khi đang lội qua suối, Bác dừng lại chỉ tay ra phía trước: "Chú Châu, chú thấy có đẹp không?". Tôi nhìn theo tay Bác trỏ, thấy giữa dòng suối có một hòn đá, nước suối chảy

mạnh đập vào tung toé, bụi nước tung lên như ánh bạc. Có một đêm hai Bác cháu đang nghe đài phát thanh, bỗng Bác gọi:

- Chú Châu, qua đây!

Tôi đến ngồi cạnh Bác. Bác kéo đầu tôi ghé cạnh Bác, trỏ ra khung cửa sổ. Một mảnh trăng liềm vừa nhô ra khỏi núi, toả sắc xanh huyền ảo xuống những dãy rừng xa. Bác nói:

- Của chú đấy!

"Cái gì đẹp, thơ mộng thì Bác cũng cho là của nghệ sĩ. Chính thật ra là của Bác. Bác đã tạo ra một sắc thái mới cho trời đất núi sông, cây cỏ và cả dân tộc này... ". Lúc bấy giờ tôi nghĩ thế, và bây giờ tôi cũng nghĩ như thế.

Tôi ở với Bác không đầy sáu tháng, nhưng cũng nhiều lần dời nhà. Trước khi đi khỏi ngôi nhà thứ hai, Bác lúi húi trồng một cây quýt, tôi luẩn quẩn theo Bác, giúp Bác xới đất cắm cọc xung quanh cây quýt nhỏ. Tôi nói:

- Thưa Bác, mai ta dời đi rồi. Bác còn trồng làm gì? Bác đứng dậy ngắm nghía cây quýt mới trồng một lúc, như chợt nhớ câu tôi vừa hỏi, Bác quay lại nói:

- À, mình đi thì trồng để mai sau ai qua ngang đây gặp ăn cũng được...

Nơi nào Bác ở cũng lưu lại trong tâm hồn chúng tôi những hình ảnh và không khí đầm ấm. Nhớ khi dời khỏi ngôi nhà thứ nhất, nghe anh em phục vụ Bác bảo nhà này phải đốt đi để giữ bí mật, tôi đau lòng quá. Tôi xin Bác: "Thưa Bác, Bác cho cháu ở lại một ngày để vẽ rồi hãy đốt". Bác đồng ý và để anh Định, người chịu trách nhiệm đốt, ở lại với tôi. Mờ sáng hôm sau tôi vội thức dậy để vẽ, say sưa vẽ lại chỗ Bác ngồi, nơi Bác ăn, Bác ngủ. Tôi sờ từng cây cột, nấc thang, tấm bìa lịch hàng ngày Bác bóc, đốt đi như cháy lòng tôi. Cả những tấm lá cọ, cả những tàu chuối đung đưa... tôi đều ghi chép tỉ mỉ. Tôi muốn giữ lại cho mai sau, dù là những cái gì nhỏ nhất, đã được sống gần và mang hơi ấm của Bác.

Bác còn là một tấm gương sáng về sự giữ gìn và rèn luyện sức khoẻ. Bất kỳ thời tiết nào, dù việc nhiều việc bận đến đâu, sáng nào Bác cũng tập thể dục. Có lần tôi được thấy Bác tập võ. Giữa cảnh núi rừng hùng vĩ, nhìn Bác phất phơ chòm râu bạc, đi một đường quyền uyển chuyển nhẹ nhàng, tôi có cái cảm giác như đang lạc vào một cảnh tiên, gặp một ông tiên nào đó. Bác cũng thường nhân những lúc nghỉ, ra ngồi câu cá bên bờ suối. Nhất là những đêm trăng sáng, Bác hay gọi chúng tôi đến kể cho chúng tôi nghe những mẩu chuyện trong đời hoạt động của Bác. Và chúng tôi như những đứa cháu nhỏ quây quần chung quanh ông nội, nghe ông kể chuyện. Thật là những giờ phút suốt đời tôi không bao giờ quên được.

Từ khi ra Việt Bắc, trong thời gian cùng anh em hoạ sĩ miền Bắc phục vụ Đại hội và những ngày được sống bên cạnh Bác, tôi đã cố gắng vẽ sao cho nhiều, cho tốt. Nhưng trình độ nghệ thuật của tôi có hạn. Được cử đi học nước ngoài để nâng cao nghiệp vụ, đó là nguyện ước lúc nào cũng canh cánh bên lòng tôi. Anh Trường Chinh rất thấu hiểu điều đó. Một hôm anh bảo tôi đem tranh qua nhà cho anh xem. Cùng xem với anh hôm đó có Bác Tôn, anh Hoàng Quốc Việt, anh Nguyễn Đình Thi... Sau đó, Trung ương quyết định cho tôi đi dự Hội nghị liên hoan thanh niên sinh vên quốc tế và cho tôi được ở nước ngoài học. Trước hôm lên đường mấy hôm, anh Trường Chinh gọi đoàn đại biểu đến, có anh Nguyễn Đình Thi, anh Lưu Hữu Phước, một số anh em khác và tôi. Anh dặn dò chúng tôi nhiều việc về cách xử thế, về đường lối cách mạng, đường lối ngoại giao rồi anh nói: *"Kính già mến trẻ, vui vẻ với mọi người*. Phải nhớ điều đó. Có tình cảm chân thành, thật sự như thế, chứ không phải đó là thủ đoạn bề ngoài...". Mãi đến giờ tôi vẫn nhớ những lời dạy dỗ ấy, và lấy đó làm phương châm sống, xử thế trong cuộc đời.

Tôi trở về thưa với Bác:

- Nay cháu được đi ra ngoài, chưa có kinh nghiệm, xin Bác dạy bảo cho cháu.

Bác nói:

- Chú Trường Chinh đã bảo ban các chú đầy đủ rồi. Bác chỉ nói kinh nghiệm của Bác là: đến nước nào, mỗi ngày phải học mười tiếng của nước ấy. Học cho thuộc. Ngày sau lại học mười tiếng nữa. Không được quên. Cũng không quá cao hứng, học quá mười tiếng đó rồi có ngày lại không học một tiếng nào. Ba ngày được ba mươi tiếng. Lâu dần sẽ học được nhiều...

Tôi biết rằng chuyến này mình sẽ đi lâu đây. Học xong, trở về Bác sẽ không còn ở đây nữa. Tôi quyết vẽ cho xong quang cảnh nhà Bác, để mang theo. Thời gian trước mắt chỉ còn ba ngày, mà trời đất thì sớm chiều vẫn âm u. Chỉ vào khoảng giữa trưa, mặt trời mới chiếu rọi vài tia nắng xuống rừng. Tôi không nghỉ trưa, mỗi ngày chờ đúng giờ đó, nắng đó để vẽ cho xong.

Tôi lên đường, ôm bức tranh theo. Bác bảo:

- Tranh còn ướt mà chú mang đi, nó hỏng thì thế nào?

Tôi thưa:

- Dạ cháu biết chiều nay đi, cháu đã pha nhiều étxăng vào thuốc vẽ, cầm đi đường gió một ngày sẽ khô.

- Ừ, thế thì được!

Tôi cúi đầu chào Bác, ra đi mang theo hình ảnh ngôi nhà Bác ở, thận trọng lách từng cành cây, chiếc lá sợ bị quẹt hư...

1970

ĐOÀN GIỎI *ghi*

NGƯỜI HOẠ SĨ MỘT ĐỜI VẼ BÁC HỒ

VĂN CÔNG HÙNG

Cho đến bây giờ, khi đã về cõi Giàng được mấy năm rồi thì ông vẫn được coi là cánh chim đầu đàn của nền Mỹ thuật Tây Nguyên. Điều đặc biệt là, gần như bức tranh nào của ông cũng đều có bóng dáng Bác Hồ, có thể là trực tiếp hay gián tiếp. Hình tượng Bác Hồ trong tranh ông vô cùng tự nhiên, như nó phải thế, như là Bác luôn thường trực trong tâm tưởng ông, trong cảm xúc của ông và trong đời sống thường nhật của người Tây Nguyên, dù Bác chưa một lần đặt chân đến nơi này. Bút tích duy nhất của Bác là bức thư gửi Đại hội đoàn kết các dân tộc Tây Nguyên được khắc bằng đá cẩm thạch đặt trong khuôn viên Tỉnh ủy Gia Lai hiện nay.

Hoạ sĩ Xu Man tên thật là Siu Yơng, hội viên Hội Mỹ Thuật Việt Nam (ông tham gia đến hai khoá Ban chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam), sinh năm 1925 tại Plei Bông, huyện Mang Yang, Gia Lai. Đây là một ngôi làng Tây Nguyên điển hình rất đẹp với những cây đa cổ thụ, những giọt nước (bến nước), nhà sàn chênh vênh nghiêng trong gió, những cô gái áo thổ cẩm da nâu, mắt nâu, vai trần tròn lẳn, những đàn bò đủng đỉnh gặm cỏ trong rười rượi nắng chiều, khói lam lững lờ dìu dịu mắt sơn nữ, và nhà rông vút cao khát vọng... Từ rất trẻ ông đã rời làng tham gia hoạt động cách mạng. Đến năm 1954 được ra miền Bắc học tại Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội. Tốt nghiệp chương trình Cao đẳng khi đất nước vẫn còn bị chia cắt hai miền, quê hương vẫn còn sống dưới gót giày ngoại xâm, ông lại xung

Bác Hồ với Tây Nguyên - *Tranh sơn dầu của hoạ sĩ Xu Man*

phong trở về miền Nam, về quê hương hoạt động, vừa trực tiếp cầm súng chiến đấu như một người lính thực thụ, vừa vẽ cả tranh nghệ thuật lẫn tranh tuyên truyền cổ động với tư cách nghệ sĩ vẽ để phục vụ cán bộ, nhân dân, bộ đội. Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, ông lại ra miền Bắc học tiếp, hoàn thành chương trình Đại học Mỹ thuật hệ chính quy. Sau đó về công tác tại Ty Văn hoá Thông tin Gia Lai Kon Tum...

Có lẽ phải nói trước điều này, ấy là Xu Man rất giỏi vẽ phong cảnh, giỏi sử dụng màu nguyên, giỏi trang trí... nhưng ông lại yếu về chân dung, về khắc hoạ nhân vật. Ông rất giỏi vẽ những đám đông người Bơhnar trong tranh, không thể lẫn, nhìn vào là thấy ngay chất Bơhnar. Điều ấy làm nên cá tính của tranh ông. Song khi cần ký hoạ một nhân vật cụ thể thì ông lại lúng túng, bởi ông ít chú ý tới môn giải phẫu học, nhân chủng học... Thế mà, Bác Hồ được ông miêu tả trong không dưới 100 tác phẩm, từ những bức khổ lớn hoành tráng như *"Bác Hồ với nhân dân Tây Nguyên", "Nhân dân Tây Nguyên với Bác Hồ", "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng", "Đón Bác về Tây Nguyên", "Mừng chiến thắng"*... với hình tượng Bác Hồ là trung tâm, đến những bức nhỏ miêu tả cảnh sinh hoạt như *"Đi học", "Đi nhà trẻ", "Lễ đâm trâu quê tôi", "Máy bay về Pleiku"*... đều có hình ảnh Bác Hồ được miêu tả gián tiếp, thông qua những bức ảnh Bác treo ở những nơi trang trọng. Ông tâm sự rằng, với các hoạ sĩ khác, vẽ Bác Hồ khó một thì với ông lại khó mười vì ông rất yếu trong việc cân đong tỉ lệ hình thể. Thế nhưng khi vẽ bất cứ một bức tranh nào thì có ngay hai hình ảnh lập tức hiện ra trong óc ông, như một sự lay động của tiềm thức, như thường trực trong tâm khảm, ấy là nhân dân quê ông và Bác Hồ. Người ta thường nói, ông nhắm mắt vẽ cũng ra người Bơhnar. Cũng như tôi đã chứng kiến hoạ sĩ thương binh hỏng mắt Lê Duy Ứng vẽ theo bản năng ngay trước đám đông một chân dung Bác Hồ rất đẹp. Nhưng ông vẽ Bác Hồ là một cuộc vật lộn. Thú thực là, nếu cân đo đong đếm, thì Bác Hồ trong tranh ông hoàn

toàn chưa được chuẩn. Mặt không giống lắm, tỉ lệ tay chân chưa chính xác... Nhưng bù lại, một cảm xúc chân thành và kính cẩn hiện lên trong tác phẩm khiến người ta bỏ qua tất cả để thấy một Bác Hồ đang sống động hiện hữu trong tranh ông - một Bác Hồ gần gũi thân thương giữa cộng đồng nhân dân Tây Nguyên. Tôi đã có lần hỏi ông rằng ông có biết là Bác Hồ trong tranh ông không giống không? Ông đã trả lời rằng: biết, nhưng đó là Bác Hồ của Xu Man. Ông thấy và cảm nhận Bác Hồ như thế thì ông vẽ như thế. Và ai cũng nhận ra đấy là Bác Hồ. Thì chắc là lý luận nghệ thuật cũng dạy đến thế là cùng. Té ra là ông có một cách riêng để thể hiện Bác, để nói được tấm lòng ông, tấm lòng nhân dân Tây Nguyên đối với Bác. Bác Hồ trong tranh ông, trong cảm nhận của ông không khác gì một người Bơhnar nhân từ, hiền hậu. Hồi ông đã khá yếu, tay chân đã rất run, mà trong những bức tranh cuối đời ấy, vẫn tràn trề tình yêu đối với Bác thông qua hình tượng Bác trong tranh...

Tôi vào Tây Nguyên đầu những năm 80 của thế kỷ trước, và việc đầu tiên là... đi tìm cây kơ nia. Người đầu tiên chỉ cho tôi thấy cây kơ nia là ông hoạ sĩ Xu Man. Hôm ấy hai chú cháu tôi đạp xe về làng ông, gần năm chục cây số dưới cái nắng gay gắt. Ông bảo ráng đi, đến gốc cây kơ nia ngồi nghỉ. Từ xa thấy một cái cây đơn độc cao vút lên, có tán hình trứng. Kơ nia đấy. Ông Xu Man bảo tôi rồi rút từ cái túi vải treo lủng lẳng trên ghi đông xe đạp ra một chai rượu. Chúng tôi uống rượu dưới gốc cây kơ nia lồng lộng gió một cách vô cùng hào hứng, ít nhất là tôi, thấy mình "hoành tráng" hẳn lên. Đập hạt kơ nia làm mồi, tôi mới phát hiện rằng trên cõi đời này lại có một thứ hạt làm mồi dẫn rượu thú vị và ngon đến thế. Tự nhiên mọi nỗi mệt mỏi tan biến đâu mất, tôi cảm thấy như vừa được tiếp thêm một nguồn năng lượng từ một cõi vô biên nào đó, vừa rõ rệt, vừa mù mờ. Tối ấy, dưới lập loè lửa xà nu, tôi hí húi ghi đến mấy trang về cảm xúc của mình khi lần đầu tiên nhìn thấy cây kơ nia, và lại còn được uống rượu dưới gốc nó,

với một người, cũng xứng đáng là... kơ nia, thậm chí là kơ nia cổ thụ, là hoạ sĩ Xu Man. Ông Xu Man bảo: cây kơ nia không mọc lung tung bao giờ, không mọc lẫn trong các loại cây khác. Nó mọc rất đều ở các khoảng đất trống, ở giữa đồng, khoảng cách là... để cho người đi bộ mệt thì lại có một cây. Ta đang ngồi ở gốc cây này, nếu đi bộ, bao giờ thấy mệt quá, nóng quá, thì lại sẽ có một cây kơ nia nữa hiện ra cho ta bóng mát ngồi nghỉ. Ấy là ông hoạ sĩ lão thành người Bơhnar nói, tôi chưa kiểm chứng, nhưng có lẽ là... đúng. Mà nếu đúng thì nó không chỉ là một loại cây bình thường, nó chính là đặc ân của trời thả xuống ban cho con người, giúp con người vượt qua khổ cực trong hành trình ngàn vạn năm đi về phía sáng, vất vả khổ đau đi tìm khát vọng hạnh phúc. Nhưng té ra cái chuyện cứ bao giờ mệt hoặc đói thì có một cây kơ nia hiện ra là có nguyên do của nó. Ấy là hạt của cây kơ nia ăn được, người ta có thể ăn thay cơm, không chỉ người Tây Nguyên, mà rất nhiều cán bộ người Kinh, ở thời điểm đói nhất trong chiến tranh và ở thời bao cấp, đã sống nhờ hạt kơ nia. Người dân bỏ hạt kơ nia trong gùi, xuất phát từ nhà hoặc rẫy, nơi đều có các cây kơ nia và đi, bao giờ đói thì ngồi lại đập hạt kơ nia ăn. Những hạt rơi vãi hoặc khi đập bị văng ra mọc thành cây. Cứ thế, nó trở thành khoảng cách chuẩn của cái đói và cơn mệt để chở che cho con người...

Tên thật của ông là Siu Yơng, lúc trở về Nam chiến đấu, tổ chức yêu cầu lấy bí danh, ông bèn lấy là Xu Man, và nó trở thành bút danh cho đến bây giờ. Có lần chúng tôi đã hỏi ông rằng tại sao ông lại lấy là Xu Man, nó có ý nghĩa gì với ông, sao lại giống với tên nhạc sĩ Schumann thế? Ông giải thích rằng: Xu Man tiếng Bơhnar là Hoạ sĩ của cách mạng. Vô cùng đơn giản nhưng cũng vô cùng quyết liệt và chung thuỷ. Có lẽ vì thế chăng mà tranh của ông luôn luôn có hình ảnh Bác Hồ, bao dung và nhân ái, Bác hoà lẫn vào với đồng bào Tây Nguyên. Hai đối tượng thẩm mỹ là người Bơhnar quê ông và Bác Hồ

đã ngấm vào máu ông, đến nỗi có cảm tưởng ông nhắm mắt lại cũng vẽ được.

Lại chợt nhớ một câu thơ Tố Hữu: *Người là cha là bác là anh/ Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ.* Mỗi người, từ góc nhìn của mình, từ niềm yêu kính của mình, thấy Bác ở một phương vị gần gũi nhất, thân thương nhất. Và, vị Cha già dân tộc ấy mãi hiển hiện trong chúng ta, qua lăng kính người nghệ sĩ. Và như thế, Bác trong tranh Xu Man như là một cách để người hoạ sĩ tài hoa này thể hiện tình yêu của mình đối với Người.

ĐƯỢC VẼ VÀ NẶN TƯỢNG BÁC

TRẦN VĂN CẨN

Từ cách mạng đến nay, tôi may mắn được gặp Bác nhiều lần; lần nào cũng để lại trong tôi nhiều kỷ niệm sâu sắc. Vào những ngày đau thương chung của dân tộc ta hôm nay, làm sao trong phút chốc tôi có thể nhớ hết, nói hết tất cả những gì tôi đã được thấy, được nghe về Bác kính yêu.

Tôi xin kể lại một vài mẩu chuyện nhỏ:

Năm 1958, chúng tôi xin được gặp Bác để vẽ và nặn tượng Bác. Mãi chúng tôi mới được tin lên chỗ Bác ở. Hôm ấy quả là một ngày vui đáng ghi nhớ.

Cùng đi với chúng tôi có anh Diệp Minh Châu, anh Trần Văn Lắm và một nhà điêu khắc người Đức. Từ một đất nước xa xôi sang, anh bạn đồng nghiệp của chúng tôi chỉ mong mỏi được gặp và trực tiếp nặn tượng Bác.

Được toại nguyện, anh bạn người Đức và cả chúng tôi xiết bao mừng rỡ.

Có điều hôm đầu, Bác ngồi thấp mà anh bạn của chúng ta vừa cao lớn lại vừa đứng nặn theo tư thế và công việc của một nhà điêu khắc. Vì vậy, anh bạn luôn phải khom người.

Sau buổi hôm đó, chúng tôi nghĩ ra một cách để giải quyết "cái khó khăn nghề nghiệp" của anh bạn. Chúng tôi mang bục gỗ và đặt bàn làm việc của Bác lên đấy. Ngắm nghía thấy vừa tầm nặn, chúng tôi thích thú lắm, nhất là anh bạn người Đức.

Sáng hôm sau, chúng tôi đến thực sớm nhưng khi bước vào, chúng tôi thấy Bác đã ở đấy rồi. Một chân Bác đứng dưới đất, còn chân kia đặt lên bục. Vừa trông thấy chúng tôi Bác đã vui vẻ hỏi:

- Các chú có biết ngày xưa người ta xưng với vua như thế nào không?

Bị hỏi bất ngờ, chúng tôi bỗng nhiên lúng túng nhìn nhau, nhưng rồi cũng mạnh dạn trả lời:

- Thưa Bác, người ta xưng là "tâu bệ hạ" ạ!

Bác bèn trỏ vào cái bục, châm biếm:

- Thế các chú muốn Bác "làm vua" hay sao mà lại mang "cái bệ" này đến?

Biết Bác đùa, chúng tôi ai nấy đều im, Bác lại nói tiếp:

- Các chú nên nhớ rằng Bác làm Chủ tịch, Chủ tịch cũng là đầy tớ của nhân dân, phải phục vụ nhân dân vô điều kiện.

Chúng tôi đang lo Bác không lên bục, ngồi vào bàn làm việc. Nhưng đoán được tâm trạng đó, Bác vui vẻ bảo:

- Nói thế thôi chứ bây giờ Bác cũng "thượng bệ" cho các chú vui lòng.

Trông thấy Bác, nhất là lúc Bác nói chuyện, chúng tôi cứ nhớ mãi bốn câu thơ của Bác làm năm 1953:

Nhân vị ngũ tuần thường thán lão,
Ngã kim thất cửu chính khang cường.
Tự cung thanh đạm tinh thần sảng,
Tố sự thung dung nhật nguyệt trường.

Chưa năm mươi đã kêu già,
Sáu ba, mình nghĩ vẫn là đương trai.
Sống quen thanh đạm nhẹ người,
Việc làm tháng rộng ngày dài ung dung.

(Bài dịch của Xuân Thuỷ)

Đúng là Bác Hồ kính yêu của chúng ta lúc nào cũng thanh thản, ung dung. Vẽ và nặn tượng Bác cho được cái thần thái ấy quả là không phải dễ. Cho đến nay chúng tôi cảm thấy tranh mình chưa thể hiện và lột tả được hết những nét riêng đáng quý đó của Bác, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.

Lúc Bác còn sống, Bác thường đến thăm các cuộc triển lãm nghệ thuật. Lúc không đi được thì Bác có thư. Thư Bác gửi cho giới hoạ sĩ chúng tôi năm 1951 là một văn kiện lịch sử quan trọng, là kim chỉ nam hành động quý báu và thiết thực cho giới chúng tôi nói riêng, cho ngành văn nghệ nói chung, vì đến nay tôi đọc lại bức thư ấy, chúng tôi càng thấy đúng và trong sáng, vẫn thấy phải cố gắng rất nhiều nữa mới mong có thể đạt được phần nào lời khuyên dạy của Người.

Năm 1963, Bác có đến thăm triển lãm nghệ thuật tạo hình trưng bầy ở phố Tràng Tiền. Sau khi xem Bác có nhận xét:

- Các chú làm việc tốt đấy. Tranh, tượng thế là có tình người.

Sau đó Bác hỏi chúng tôi về phong trào mỹ thuật, về đội ngũ sáng tác mỹ thuật (có bao nhiêu nữ, bao nhiêu anh chị em người dân tộc, bao nhiêu anh chị em trẻ...), rồi Bác bảo:

- Các chú là lớp người đi trước, nên dìu dắt anh chị em lớp trẻ; có kinh nghiệm gì thì phải tận tình bày vẽ cho anh chị em. Nhưng cũng phải cẩn thận, chú ý đừng để mất khiếu sáng tạo của họ.

Xem tranh sơn mài, Bác khuyên chúng tôi nên nghiên cứu sao cho chất liệu này giữ được bền hơn nữa. Về nghệ thuật khảm trai, Bác cũng có ý kiến:

- Các chú cần cố gắng duy trì loại này. Nó quý lắm. Nó là cái vốn nghệ thuật cổ truyền của cha ông ta xưa, phải phát triển nó lên.

Trước khi rời khỏi phòng triển lãm, Bác nhắc nhở chúng tôi phải cố gắng làm tốt hơn, phải đem nghệ thuật phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc.

Lời khuyên dạy của Bác thật là đầm ấm, mãi mãi còn in sâu trong lòng chúng ta. Chúng ta nguyện suốt đời ghi nhớ và làm theo lời dạy bảo của Người để xứng đáng với Người, với công ơn và sự quan tâm to lớn của Người.

Tháng 9-1969

NGƯỜI ĐẦU TIÊN NẶN TƯỢNG BÁC

CAM LY

Những ngày tháng 12 năm 1946. Cả thành phố Hà Nội bốc lên mùi khét lẹt của một cuộc chiến tranh sắp nổ ra.

Hồi ấy tôi đang công tác ở báo *Sự thật*, trụ sở đóng tại phố Nguyễn Thái Học bây giờ. Một hôm, Chủ nhiệm Phạm Văn Khoa gọi tôi ra nói nhỏ: "Sắp đánh nhau to rồi. Tôi giao cho cậu đem pho tượng Bác Hồ đi sơ tán. Đi đâu tôi sẽ nói sau nhưng cậu phải tuyệt đối giữ bí mật". Được anh Khoa tín nhiệm giao cho một việc "quan trọng" như thế, tôi rất vui và hãnh diện.

Đúng 8 giờ tối, một chiếc xe xích lô chở tôi và pho tượng đồng nặng 17 ki lô chạy ngoằn ngoèo qua nhiều phố rồi dừng lại trước số nhà 114 phố Bạch Mai. Cửa mở đã thấy anh Phạm Văn Đôn và chị Nguyễn Thị Kim ngồi đó rồi. Chúng tôi khuân pho tượng vào nhà. Anh chị tiếp tôi với những nụ cười cởi mở, hiền lành. Lần đầu tiên tôi được tiếp xúc với anh chị.

Nhiều năm sau, đôi khi tôi chợt nhớ đến pho tượng nhưng chẳng biết hỏi ai về lý lịch và số phận của nó trong hai cuộc chiến tranh ác liệt. Một hôm, trong câu chuyện với nhà văn Sơn Tùng chuyên viết về Bác Hồ, tôi mới biết anh Đôn, chị Kim có công lớn trong việc cất giữ pho tượng và chị Kim chính là người nghệ sĩ đầu tiên đã nặn tượng Bác. Hỏi thăm mãi, tôi mới tìm được địa chỉ của chị.

Cuộc gặp gỡ sắp tới giữa hai chị em hẳn là rất xúc động vì đã xa nhau hơn nửa thế kỷ. Muốn được chị kể cho nghe về những ngày nặn tượng Bác nhưng lại cứ lo lo là sẽ gặp một bà

già gần 90 tuổi, lạ lẫm, chân tay lẩy bẩy, bước từng bước chậm chạp và nói năng khó khăn. Thực tế hoàn toàn không giống với những điều tôi nghĩ.

Sau mấy phút ngỡ ngàng, chị bồi hồi kể lại những điều chị nhớ: Hồi Cách mạng tháng Tám mới thành công, mỗi ngày là một ngày hội. Chúng tôi tập hợp nhau ở Trường Mỹ thuật để học hát bài *Tiến quân ca* của anh Văn Cao và vẽ những tấm áp phích cỡ lớn đem treo ở đầu phố Hàng Đào, nơi nhiều người qua lại. Một buổi sớm tháng 12-1946, anh Nguyễn Đình Thi hối hả đạp xe đến nhà tôi báo một tin vui là ban lãnh đạo Hội Văn hoá cứu quốc đã quyết định chọn anh Tô Ngọc Vân, anh Nguyễn Đỗ Cung và tôi đến gặp Ông Cụ để vẽ và nặn tượng Cụ, chuẩn bị cho cuộc triển lãm toàn quốc lần thứ nhất.

Ngày hôm sau, chúng tôi đến Bắc Bộ phủ. Sau lời giới thiệu của anh Thi, Ông Cụ mời chúng tôi uống nước, ăn bánh rồi vào ngay câu chuyện:

- Hai chú và cô định vẽ, nặn thế nào? "Người mẫu" phải ngồi như thế nào?

- Thưa Cụ, Cụ cứ ngồi làm việc bình thường, còn chúng cháu đứng chung quanh vẽ.

- Chừng mấy ngày thì xong?

- Thưa Cụ, độ mươi ngày. - Anh Vân và anh Cung không dám nói nhiều, cũng không nói ít.

- Vậy thì ngay ngày mai ta bắt đầu vào công việc cỏ được không? Mỗi hôm hai tiếng, bắt đầu từ 6 giờ. Đến 8 giờ tôi phải làm việc rồi.

Ngày hôm sau, chúng tôi có mặt từ rất sớm. Tôi mang theo một thùng đất sét. Anh Vân, anh Cung chỉ có giá vẽ nên dễ dàng chuyển dịch trong phòng, còn tôi, tôi phải đứng miết tại chỗ trước cái bàn rất lớn của Cụ. Thấy tôi cứ loay hoay và rụt rè. Cụ hỏi:

- Cô cần gì, muốn gì, cứ nói!

- Thưa Cụ, sàn nhà sạch bóng như thế này, cháu lo cháu đứng nặn làm bẩn hết.

Ông cụ gọi anh cần vụ lấy chiếu trải ra để tôi đặt thùng đất và giá tượng lên trên. Giá tượng vừa to vừa nặng.

- Thưa Cụ, xin Cụ cứ tự nhiên.

Những ngày đầu, chúng tôi vẫn kính cẩn xưng hô "cháu", "chúng cháu" với "Cụ" nhưng để ý thấy các anh Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Hữu Nam... đều gọi Cụ là Bác. Một hôm, Cụ bảo chúng tôi: "Từ nay, hai chú và cô Kim đừng gọi tôi là "Cụ" nữa nhé! Cứ gọi tôi là "Bác" thôi! Gọi "Cụ" nghe già lắm!". Cụ vừa nói vừa cười khà khà. Từ hôm ấy, vâng lời Cụ, chúng tôi đổi cách xưng hô.

Trên bàn giấy có một xấp báo và hai cây bút chì xanh, đỏ. Bác vừa hút thuốc vừa xem báo, thỉnh thoảng lại lúi húi đánh dấu hoặc ghi chép.

Ở Trường Mỹ thuật, chúng tôi được đào tạo theo kiểu "hàn lâm" phải đo đạc cẩn thận lắm chứ không thể áng chừng như mấy cậu hoạ sĩ trẻ ngày nay. Lần đầu tiên tôi được vinh dự nặn tượng một Cụ Chủ tịch nước nên lo lắm, trống ngực cứ đánh thình thình. Phải nặn cho giống, cho đẹp và có thần. Vì thế, không thể không dùng đến côm-pa và quả dọi. Nhưng đưa côm-pa lên mặt, lên mũi để đo trong lúc Bác đang đọc báo thì bất tiện quá. Tôi cứ lúng túng mãi, chiếc côm-pa trên tay cứ rung lên bần bật. Tôi muốn bước lên gần Bác mà không dám. Dường như đọc được nỗi băn khoăn thầm kín của tôi, Bác bảo: "Việc gì cần làm cô cứ làm, không nên do dự mà hỏng việc. Cô cần đo thì cô cứ đo!". Bác vừa nói vừa cười.

Ngày nào, trước khi chúng tôi ra về. Bác cũng dành ít phút ngắm tranh, tượng của chúng tôi và góp ý. Bác nói vui: "Tai tôi có một bên không bình thường. Hồi bé đi câu cá, có lần tôi giật mạnh cần câu, lưỡi câu móc vào tai nên tai bị rách. Còn chuyện râu, cô có thấy nặn râu khó không? Khó đấy chứ! Người Châu

Âu râu nhiều, người Châu Á, người Việt Nam rất ít nên khó nặn. Cô phải xem và học cách thể hiện của người Ai Cập".

Thường thì vào lúc 8 giờ sáng, các anh Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Hoàng Hữu Nam... lục tục đến làm việc với Bác nhưng cũng có hôm các anh ấy đến muộn. Chúng tôi vờ như không biết để tranh thủ thời gian. Một lần Bác nói vui: "Hôm nay, "người mẫu" ngồi quá giờ rồi, hai chú và cô Kim phải trả thêm tiền thù lao đấy nhé!". Mấy bác cháu cùng cười xoà.

Để xoá đi cái khoảng cách giữa Cụ Chủ tịch nước với mấy nghệ sĩ thuộc hàng con cháu, thỉnh thoảng Bác lại có một cử chỉ thân mật hoặc một câu nói dí dỏm. Một hôm, thấy anh Cung đem theo một lọ ét-xăng để vẽ sơn dầu, Bác bảo anh rót cho xin một ít vào chiếc bật lửa của Bác. Có hôm oi bức quá, Bác xin phép cởi áo ngoài cho mát. Một lần, cụ Huỳnh Thúc Kháng đến gặp Bác để bàn công việc, khi hai cụ bước ra, Bác bảo tôi: "Khi nào cô Kim nặn xong, cô nặn cho cụ Huỳnh nữa nhé!". Cụ Huỳnh giãy nảy lên: "Ấy, chớ chớ!".

Hơn chục ngày đã trôi qua thì đến ngày kỷ niệm sinh nhật Bác. Bác đề nghị nghỉ một buổi để Bác tiếp khách. Căn phòng của Bác rộng thế mà khách đông nghìn nghịt. Đoàn Văn hoá cứu quốc đến mừng Bác có hơn chục người. Nhìn thấy ba chúng tôi từ xa, Bác đã nheo mắt gật gật đầu. Sáng hôm sau, anh Vũ Kỳ mời chúng tôi ra ngoài hành lang ăn bánh - bánh của Bác để phần cho chúng tôi. Mấy đĩa bánh to, ăn làm sao cho hết! Ăn không hết thì gói đem về nhà. Bác "tâm lý" quá, ngoài bánh Bác còn bảo dọn sẵn cả giấy gói nữa. Bác lo cho mọi người hết sức chu đáo nhưng cuộc sống vật chất của riêng Bác thì lại quá đạm bạc. Bữa ăn sáng của Bác đặt trong lồng bàn chỉ vẻn vẹn có mấy vắt xôi lạc, mấy miếng đậu kho và một bát cháo hoa.

Rồi một ngày cuối tháng 5, anh Vũ Đình Huỳnh, người Bí thư tin yêu của Bác thông báo cho chúng tôi là Bác sắp đi vắng

một thời gian tương đối lâu, các anh chị phải mau mau kết thúc công việc. Sáng ngày 30 tháng 5, sau hai giờ "ngồi mẫu", Bác đến khu Việt Nam học xá để chào tạm biệt đồng bào trước khi đi Pháp dự Hội nghị Phông-ten-nơ-bơ-lô.

Pho tượng bằng đất sét được đổ thạch cao để làm khuôn đúc đồng. Ban biên tập báo *Sự thật* nhận trách nhiệm liên hệ với cụ Hội, một nghệ nhân đúc đồng nổi tiếng ở làng Mọc để mời cụ đúc tượng Bác...

Pho tượng ấy chính là pho tượng tôi đưa đi sơ tán cách đây 57 năm. Số nhà 114 phố Bạch Mai là ngôi nhà thờ họ của gia đình hoạ sĩ Phạm Văn Đôn. Anh Đôn và người anh ruột là anh Phạm Văn Bình đã đào một cái hầm dưới gầm bàn thờ ông bà để cất giấu pho tượng. Sự việc này không ai được biết, kể cả con cháu trong nhà. Suốt 8 năm ẩn mình trong lòng đất Thủ đô bị tạm chiếm, pho tượng Bác không bị địch phát hiện. Trong thời gian ấy, chị Kim đã hai lần bí mật về thăm nhà. Chị rất vui khi biết pho tượng vẫn an toàn. Kháng chiến chống Pháp thành công trở về Hà Nội, chị đã đem tượng Bác tặng Viện bảo tàng Cách mạng mới thành lập để đồng bào cùng chiêm ngưỡng.

Trong câu chuyện dài gần hai tiếng đồng hồ, tôi còn được chị kể cho nghe nhiều mẩu chuyện cảm động về tấm lòng ưu ái của Bác đối với gia đình chị. Như khi biết tin anh chị và các con đã chuyển từ Việt Bắc về khu Bốn cũ, Bác đã cử anh Hoài Thanh vượt qua một chặng đường dài đầy bom đạn và chết chóc để tìm anh chị trao món quà "nghèo" của Bác: một gói kẹo, một cuộn giấy vẽ và số tiền 500 đồng.

Trước giây phút tạm biệt, tôi có hỏi chị vì sao chị và anh Phạm Văn Đôn - người chồng yêu quý của chị - đã trọn đời đi theo con đường của Bác Hồ mặc dầu anh chị biết trước con đường ấy vô cùng nhọc nhằn, gian khổ và nhiều khi cay đắng nữa. Người nghệ sĩ lớn ấy đã cho tôi một lời giải đáp hết sức

rõ ràng và dứt khoát: "Từ ngày được gặp Bác, cuộc đời chúng tôi và nhiều trí thức văn nghệ sĩ đã thay đổi hẳn. Quả tim Bác lớn lắm và rất mực bao dung, mở rộng để đón nhận và che chở, ủ ấp bất cứ ai thật sự có lòng báo quốc, ơn dân, dù người ấy thuộc dân tộc nào, giai tầng xã hội nào, tôn giáo nào, có quá khứ, hiện tại và chính kiến ra sao. Trước một quả tim lớn như thế, bao dung như thế, chúng tôi nguyện suốt đời đi theo con đường của Bác".

VẼ CHÂN DUNG BÁC HỒ Ở CHIẾN KHU VIỆT BẮC

PHAN KẾ AN *kể*

Giữa năm 1948, tôi đang công tác ở Trung ương Hội Văn hoá cứu quốc khi đó đóng ở Bắc Kạn thì có công văn của Tổng Bí thư Trường Chinh điều động tôi về Trung ương công tác tại báo *Sự thật* (tiền thân của báo *Nhân dân* ngày nay) do đồng chí Trường Chinh trực tiếp chỉ đạo. Tôi được phân công trình bày, vẽ minh hoạ và chủ yếu là vẽ tranh biếm họa chính trị cho báo.

Một hôm, vào quý IV năm 1948, đồng chí Trường Chinh nhắn tôi đến chỗ làm việc của anh và nói: "Ngày mai anh đến chỗ Cụ (danh từ chỉ Bác Hồ hồi đó), ở đấy và vẽ Cụ. Anh ở bao lâu tuỳ anh, có thể vẽ Cụ ở mọi tư thế bằng mọi chất liệu, nhưng thế nào cũng có một bức để in trên số báo tới. Tôi đã tin sang bên chỗ làm việc của Cụ rồi". Anh còn chỉ cặn kẽ cho tôi lối đi đến trạm liên lạc của Hồ Chủ tịch. Về toà soạn cơ quan báo, anh Xuân Trường đã nói với cậu giám mã chuẩn bị cho tôi con ngựa quen thuộc. Tôi chỉ còn thu xếp mang theo chiếc ba lô, chăn, màn, quần áo đồ dùng thường ngày và các loại giấy, cặp vẽ và vật liệu nghề nghiệp gọn nhẹ. Thế là hôm sau tôi lên ngựa theo đường mòn lên đèo Gie. Đến trạm, tôi gửi ngựa lại, ba lô trên lưng, tôi đi dọc đường mòn theo lời chỉ dẫn của anh đến chỗ Bác ở, chỉ cách đấy chừng 300 mét. Đi bộ được chừng nửa đường, tôi đã thấy Bác mặc bộ đồ nâu, một mình đi ra đón tôi, bắt tay, ôm lấy vai tôi, thân mật hỏi thăm sức khoẻ và chuyện đi đường. Tôi vô cùng cảm động vì khi ấy mình mới là một thanh niên trên 20 tuổi, đến công tác với Bác mà được Bác Hồ đối xử trân trọng và thân tình đến vậy, điều này tôi chưa từng thấy khi tiếp xúc với

các lãnh tụ khác. Vừa đi vừa hỏi chuyện, Bác dẫn tôi đến một cái lán to bằng tre nứa lá dưới tán những cây cổ thụ. Bác cho tôi biết đây là chỗ ở và làm việc của cán bộ và nhân viên trong cơ quan. Bác giới thiệu với tôi các anh Kỳ, Kháng, Chiến, chị Mai và các đồng chí khác, cả với các đồng chí phụ trách nhà bếp, cảnh vệ, giao thông. Tôi đặt ba lô lên chiếc chiếu được đồng chí Kháng chỉ cho trên một chiếc giường dài tập thể bằng nứa đan, rồi theo Bác men theo một dốc nhỏ bên một mỏm đồi cao hơn, ngay gần đấy. Dọc lối đi là các bụi nứa, có nhiều cây đã được chặt để lại những gốc nhọn hoắt, đến nhà sàn của Bác. Nói là nhà sàn cũng đúng vì lán này làm bằng tranh tre, nứa lá, nhưng cao hơn mặt đất, chừng non một mét có các cột tre chống đỡ một cầu thang tre dăm bậc dẫn lên. Lán có một gian chính, rộng chỉ vừa đủ trải hai chiếc chiếu cá nhân và một ngách có một bàn ghế tre, trên có chiếc máy chữ nhỏ, một chồng giấy, một chiếc quạt nan, một hộp thuốc lá "Carven - A". Trên cột treo một chiếc phích nước, một khăn mặt vắt trên dây, dưới sàn một sọt đựng giấy bằng nứa, trên cao một giá dài bằng nứa cả cây để vài bộ quần áo xếp gọn ghẽ và ít sách, giấy má. Chỗ ở của vị Chủ tịch nước chỉ có vậy.

Đến chiều, anh Chiến dẫn tôi đến một cái bàn vuông ở ngoài trời gần nhà, cũng bằng tre nứa trồng thẳng xuống đất, dưới tán cây, trên là bữa cơm giản dị nhưng là cơm không trộn khoai, sắn. Bác Hồ đã đứng ở đó chờ tôi. Cùng ngồi vào bàn ăn chỉ có hai bác cháu. Bác cầm chai rượu thuốc rót cho tôi một chén hạt mít nhỏ và Bác cũng một chén nhỏ. Cụng ly với Bác, tôi tợp một ngụm nhỏ rồi để xuống bàn ăn, Bác lại rót cho tôi thêm một chén nữa. Vừa uống rượu, ăn cơm, vừa nói chuyện. Tôi đang tuổi ăn, tuổi ngủ, nên ăn cũng khoẻ, uống cũng khoẻ, hết chén rượu này Bác lại rót cho chén khác, tôi cũng uống hết. Ăn cơm xong, Bác mở hộp thuốc lá ngoại, mời tôi hút, châm diêm cho tôi, vừa hút thuốc vừa uống chè xanh. Bác nói: "Uống chè xanh này tốt cho sức khoẻ lắm". Vào tháng 11 dương lịch năm ấy trời mát, se se lạnh, sương đã trắng dưới đồi, Bác đứng dậy lên nhà sàn làm việc, còn tôi về nhà tập thể nghỉ ngơi và trò

chuyện với anh chị em trong cơ quan. Trước khi về đi ngủ, nhìn qua vách nứa thưa, thấy ngọn đèn dầu le lói trên nhà sàn Bác và nghe lách cách tiếng máy chữ, tôi nghĩ có thể Bác sẽ còn làm việc đến đêm khuya, rồi tôi ngủ lúc nào không hay.

Sáng sớm hôm sau, anh em trong cơ quan gọi nhau dậy tập thể dục, rồi rửa mặt, ăn sáng. Xong xuôi, tôi vác đồ lề lên lán của Bác, thấy Bác đang đánh máy chữ. Tôi chào Bác, và được Bác nói luôn: "An cứ làm việc thoải mái như Bác đã dặn". Thế là Bác cứ làm việc, tôi cứ vẽ. Một chốc Bác đứng dậy thu xếp mọi đồ vật trên bàn, cầm mấy tờ báo, giấy tờ và chiếc bút chì xanh đỏ bước xuống thang đi đến một hòn đá xa nhà một chút, ngồi đọc báo, thỉnh thoảng lại lấy bút chì đỏ gạch dưới mấy chữ hoặc viết mấy dòng bên cạnh tờ báo. Một lúc Bác lại di chuyển sang chỗ khác, không ngồi yên một chỗ nào.

Ngoài những bức tốc hoạ, tôi còn giở một tờ giấy to, đặt lên ván gỗ cố vẽ một bức thâm hoạ bằng chì than trong hoàn cảnh Bác không ngồi yên, lại luôn di động. Mỗi lần Bác mở hộp thuốc lá, Bác lại mời tôi một điếu, có lần tôi hút ngay, có lần tôi để thuốc vào túi ngực, chưa hút vì dở vẽ. Nhiều lần như vậy, tôi đã có một số điếu thuốc cất vào ba lô, bụng bảo dạ sẽ đem về làm quà cho anh em ở cơ quan. Trong những bữa cơm cùng ăn với Bác, thấy Bác đã uống hết chén rượu thuốc, tôi cầm chai định rót mời Bác thì Bác lấy tay che miệng cốc nói: "Bác chỉ uống một chén mỗi bữa thôi. Uống rượu ít thì tốt, nếu uống nhiều thì không hay đâu". Tôi chột dạ, vì lần nào Bác rót thêm cho, tôi đều uống hết. Từ bữa ấy, tôi đã biết từ chối không để Bác rót thêm chén rượu thứ hai nữa. Bác hay kể một số chuyện khi Bác bôn ba ở nước ngoài trước đây. Bác kể cho tôi nghe chuyện một hoạ sĩ ở Pháp vẽ trên báo, mỗi số đều có một chuyện bằng tranh về cuộc phiêu lưu của hai chú bé đi khắp nước Pháp và khắp thế giới, mỗi nơi các chú đều gặp những chuyện bất bình hoặc chuyện vui, thể hiện được tình hình của các địa phương mà các chú đi qua, nói lên tinh thần đấu tranh chống cái ác, rất hấp dẫn. Bác cũng hay dồn người đối thoại vào thế bị động, lúng

túng mỗi khi mình nói không chuẩn mực. Một lần Bác hỏi tuổi tôi. Theo thói quen từ hồi còn đi học, tôi nói: "Thưa Cụ, tuổi tây thì tôi 25, tuổi ta thì 26". Bác hỏi luôn: "Tuổi tây là gì? Tuổi ta là gì?" Tôi thấy mình đã nhiễm thói quen cũ nên trả lời hớ, thế là bị động với Bác rồi. Ngay sau đó Bác chuyển qua chuyện khác ngay, không để tôi bị ngớ ra lâu. Bác cũng hay nói về *Truyện Kiều*, về *Chinh phụ ngâm*, giải thích cho tôi nghe những câu, đoạn mà Bác tâm đắc.

Trong lần vẽ cuối, lúc Bác ngồi đánh máy công văn, Bác mở hộp thuốc, mời tôi một điếu, tôi chưa hút còn cầm mãi rồi bỏ vào túi, Bác liền hỏi tôi: "Cháu đã tích trữ được bao nhiêu điếu rồi?". Tôi chột dạ, thôi chết rồi, thì ra ông Cụ tinh ý đã biết cả việc mình để dành thuốc lá. Tôi liền lên tiếng: "Thưa Cụ, ở cơ quan tôi có nhiều thanh niên và cả các đồng chí hoạt động cách mạng lâu năm mà chưa được gặp Cụ, tôi định dành một số điếu thuốc của Cụ cho, đem về làm quà cho anh em trong cơ quan, chắc họ mừng lắm". Bác hỏi: "Thế cơ quan có bao nhiêu người?". Tôi nhẩm tính và nói: "Cả cán bộ, giám mã, cấp dưỡng, liên lạc... khoảng ba chục người ạ" - "Thế cháu đã để dành được bao nhiêu điếu?" - "Thưa Cụ, tôi đã để dành được 13 điếu ạ". Bác liền mở hộp thuốc lá, chọn lấy ra đếm đủ 17 điếu, rồi trao cho tôi và nói: "Cháu đem về cho anh em nhé. Còn điếu mình vừa mời, cháu cứ hút đi".

Tôi được ở bên Bác Hồ và vẽ Bác Hồ hơn 2 tuần lễ, vẽ được trên 20 bức tốc hoạ và một bức thâm hoạ. Tôi nghĩ đến số báo *Sự thật* tới cần có tranh chân dung Bác, nên tôi xin về cơ quan. Bác bảo tôi treo tất cả tranh đã vẽ lên tấm liếp ở nhà tập thể và mời tất cả anh chị em trong cơ quan đến xem. Thế là một cuộc triển lãm rồi. Cuối cùng, Bác chỉ vào một bức ký hoạ vẽ đơn sơ mấy nét bằng bút sắt, mực đen. Bác nói: "Nếu in báo thì lấy bức này, vẽ giản dị và có thần". Trước khi tôi tạm biệt Bác và anh chị em trong cơ quan để ra về. Bác còn đưa cho tôi một ống nứa có nắp đậy và niêm phong, dặn đem về đưa cho anh Trường Chinh. Trong bộ quần áo nâu giản dị, Bác còn ân cần đi tiễn tôi một đoạn đường khá

xa, rồi bắt tay, ôm chặt vai tôi, sau mới để cho tôi đi. Đi được mấy bước, tôi quay lại vẫn còn thấy Bác đứng đó vẫy tay tạm biệt. Tôi về gặp lại anh Trường Chinh, đưa anh xem các bức tranh tôi đã vẽ về Bác Hồ và bức tranh do chính Bác chọn để in báo. Anh tỏ ý rất hài lòng về công việc của tôi trong thời gian làm việc bên Bác Hồ. Anh dặn là cần khắc cho thật chính xác và in thành phụ bản nguyên khổ đóng ngay tiếp trang bìa. Về đến cơ quan, tôi chia thuốc lá của Bác cho mọi người, rồi đưa các bức vẽ ra cho các anh chị em và kể chuyện không dứt về Bác.

Sau khi trao đổi với anh em trong toà soạn, tôi lại lên ngựa đem bức chân dung đó đến nhà in, cách cơ quan cũng khá xa. Tôi gặp anh Tăng, một thợ khắc giỏi, đã khắc nhiều tranh khắc của tôi in trên bìa các số báo trước đây. Tôi ở lại cơ quan ấn loát cho đến lúc anh em thợ in đã hoàn thành. Tuy in bằng máy "Mi-néc" đạp chân thô sơ nhưng anh Tăng khắc rất giỏi, thể hiện được cả những nét to, nhỏ, thừa, thiếu, hay ngập ngừng ở bản vẽ chính, do vậy bản khắc gỗ giống hệt như bản chính. Tôi mang tờ báo in xong về toà soạn, được các bạn đón nhận nhiệt tình, hân hoan. Số báo này in với số lượng lớn để phát hành khắp các chiến khu trong toàn quốc.

Chuyến đi vẽ Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc năm 1948 của tôi đến nay đã qua hơn nửa thế kỷ. Nay Bác đã đi xa, nhiều bức vẽ tôi gửi lại ở một số cơ quan trong thời gian kháng chiến chống Pháp đã bị thất lạc, chỉ còn lại số ít. Trước khi được sống gần Bác Hồ một thời gian ngắn năm 1948, tôi cũng chỉ biết sơ qua về Hồ Chủ tịch, nhưng từ những ngày làm việc ngắn ngủi ấy, tôi hiểu được Bác nhiều hơn. Tôi nhận thức được nhân cách cao đẹp của Bác Hồ một cách sâu sắc và lúc nào cũng tưởng nhớ đến những tháng ngày không thể quên được ấy.

TƯỢNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

YANICH VŨ

Năm mươi hai năm đã trôi qua kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh viếng thăm Paris vào năm 1946. Chính trong khoảng thời gian diễn ra sự kiện lịch sử này, Vũ Cao Đàm - cha tôi, đã hoàn thành việc tạc tượng Người. Hiện nay, cha tôi tuổi đã cao và không thể nhớ được chính xác trong hoàn cảnh nào bức tượng được tiến hành. Mẹ tôi cũng không nhớ là Chủ tịch đã đến nhà. Mặc dầu tôi còn giữ gìn rất lâu một tấm ảnh chụp trên sân thượng nhà chúng tôi và tôi đã ngồi vào lòng ông Phạm Văn Đồng lúc ấy đang tháp tùng Người. Tôi vừa đúng bốn tuổi. Nhiều khả năng là cha tôi đã tạc bức tượng này tại nhà ông bà Aubrac, cả hai đều là những người kháng chiến Pháp vĩ đại, đã đón tiếp Chủ tịch ở tại nhà.

Đối với chúng tôi, những thiếu nhi vào thời bấy giờ, cái gì liên quan đến Việt Nam đều nằm trong một hào quang huyền bí, dũng cảm và quang vinh, và Bác Hồ là hiện thân tuyệt hảo của những phẩm chất cũng như Tổ quốc của Người, đồng thời cũng là Tổ quốc của chúng tôi mà chúng tôi chưa được biết đến.

Các lần thăm viếng của Chủ tịch đều được chuẩn bị công phu, và khi Người xuất hiện, các cuộc nghênh tiếp và lễ hội cứ tiếp diễn không ngớt. Trong một buổi nghênh tiếp trên, tôi được vinh dự hát bài quốc ca Việt Nam. Tôi đã cất tiếng ca mà lòng đầy cảm xúc. Trên người mặc một áo màu đỏ và ngôi sao vàng đội trên đầu. Thực ra tôi đã lấy từ trang trí cây Noel. Trước mắt tôi là một cử toạ bao dung và vị Chủ tịch đích thân ở đó. Michel em trai tôi và tôi đã lên sân khấu như vậy một cách ngắn ngủi, dang rộng lá cờ đỏ Việt Nam giữa hai chúng tôi.

Tôi cũng còn giữ một tấm ảnh tuy có bị phai màu, trong đó Chủ tịch đã chụp ảnh chung với các cháu Pháp - Việt. Tôi không được ở trong vòng tay của Người. Tôi chỉ được nép ở một góc của tấm ảnh, buồn thay rất xa thần tượng của tôi.

Chỉ sau một ít thời gian của cuộc viếng thăm lịch sử này, nhiều sự kiện không hay đã xảy ra với chúng tôi. Bà gác cổng đã đi tố cáo chúng tôi. May mắn là cậu ruột tôi đã báo trước và cha mẹ tôi đã có đủ thời gian để giấu tượng Chủ tịch và cất vào hòm đàn dương cầm một đài phát thanh và cái huy hiệu mang hình ảnh Chủ tịch mà cha tôi đã làm ở sở đúc tiền. Trong lúc nhà chúng tôi bị khám, tôi thấy mẹ tôi rất lo âu đứng bên cạnh đàn dương cầm, bên trên, mẹ tôi đã phủ một khăn san "cachemire" cũ và để một lọ hoa huệ, một loại hoa mà cha tôi rất thích vẽ trên lụa và luôn toả mùi hương thơm ngát. Trẻ nhỏ như chúng tôi không thể hiểu nổi tại sao cha tôi bị dẫn đi mà không thấy trở về nhà. Thời gian càng trôi đi, chúng tôi càng thấm mệt và đói lả. Cuối cùng chúng tôi nằm thiếp đi. Cha tôi đã trở về nhà lúc ba giờ sáng. Bọn thanh tra bỏ đi vì không tìm thấy được gì.

Thời gian sau cha tôi lâm bệnh. Cha tôi thấy ngạt thở và không thể làm việc được. Chúng tôi rời bỏ Paris để đến sinh sống ở tỉnh Hérault, nơi chúng tôi có họ hàng từ Việt Nam qua, họ đem theo hai con gái nhỏ, vài vali và quang cảnh đồng ruộng mà họ không còn trông thấy nữa.

Chính trong thời gian này ở Bézienrs, cha tôi đã tìm đến một người nông dân đảng viên cộng sản để nhờ cất giấu tượng Chủ tịch và tấm huy hiệu của Người. Ít lâu sau, những ngẫu nhiên trong cuộc sống đã đưa chúng tôi đến Saint Paul de Vence, nơi mà chúng tôi cư ngụ cho đến ngày nay. Vào những năm 1950, chúng tôi còn bị khám nhà hai lần nữa. Một lần trong đó, bọn thanh tra đã lấy đi 20 huy hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh mà chúng tôi đã cất giấu trong hầm của phòng tiếp khách.

Mãi về sau năm 1967, cha mẹ tôi quay trở lại Bézienrs để tìm lại tượng Chủ tịch. Sau nhiều lần thăm hỏi công phu, cha mẹ tôi đã tìm lại được địa chỉ của người nông dân năm xưa. Thật không may, ông này đã lâm bệnh nặng. Vợ ông cũng không giúp được gì cho cha mẹ tôi. Ông ta không còn nhớ gì hết và không còn nhận ra ai được nữa. Vợ ông ta không biết chồng bà đã cất giấu tượng ở đâu. Tuy rất nản lòng, cha mẹ tôi vẫn quyết tâm tìm lại được bức tượng. Cha mẹ tôi buồn rầu khi thấy ông ta quá đãng trí và già đi như vậy. Rồi thì như có sự tiếp điện. Ông ta nhìn chằm chằm vào mẹ tôi và một tia sáng loé ra trong đôi mắt của ông già, như có phép lạ ông thốt lên: "Thưa bà! Bà tìm bức tượng Hồ Chí Minh phải không?". Với một dáng điệu ngập ngừng, ông ta đi tìm bức tượng đã được cất giấu dưới lớp rơm trong một căn phòng chỉ có ánh sáng mờ nhạt. Đúng là bức tượng Bác Hồ được cất giấu ở đó bao năm tháng. Thật khó tả niềm vui và lòng biết ơn của cha mẹ tôi. Tiếc thay, tấm huy hiệu làm bằng đất nung đã không thấy đâu.

Năm sau đó, tôi và chồng trước của tôi - hoạ sĩ Domenico Gnoli, có ý định đi thăm Hà Nội làm phóng sự và trao tặng tượng Chủ tịch. Đây đúng vào dịp đang diễn ra cuộc tấn công Tết Mậu Thân (1968), chúng tôi không xin được hộ chiếu và chuyến du lịch năm ấy bị huỷ bỏ.

Ba mươi năm sau, cuối cùng bức tượng đã đến Hà Nội ngày 20-5-1998, ngay sau ngày sinh của Chủ tịch. Bức tượng đã đến điểm hẹn cuối cùng là Bảo tàng mang tên Người. Cha tôi hết sức mừng rỡ. Cho đến giờ phút cuối, cha tôi vẫn không thể tin được vào sự kiện đó...

Đối với tôi, quả thật là một sự êm dịu. Đúng như vậy, bức tượng tạc nên lúc Chủ tịch đến Paris mang theo thông điệp hoà bình, một thông điệp mà người đời phải mất bao nhiêu thời gian mới lĩnh hội được.

Giáo sư bác sĩ BỬU TRIỀU *dịch*

NHỮNG ĐIỀU ÍT BIẾT VỀ NGƯỜI THIẾT KẾ NHÀ SÀN BÁC HỒ

NGUYỄN DUY CHIẾN

Kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh sinh ngày 3-2-1908 tại phố Đông Kinh (thị xã Lạng Sơn) - nơi rộn rã, đầy ắp tiếng Lượn, tiếng Sli trong những ngày chợ phiên xứ Lạng. Bóng áo chàm của chàng trai, cô gái Tày - Nùng thấp thoáng sau những dãy nhà trình tường với mái ngói âm dương cong vút đã in đậm trong tâm trí của Ninh.

Năm 12 tuổi, học xong tiểu học, cậu bé Ninh phải từ biệt người thân xuống miền xuôi học tiếp bậc trung học. Những lần học ở trường Bưởi (Hà Nội) Nguyễn Văn Ninh đã tham gia bãi khoá phản đối sự hà khắc của giặc Pháp. Nguyễn Văn Ninh là người ham học hỏi, chịu khó nên đỗ đầu khoá của Khoa Kiến trúc đầu tiên của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1926 - 1931).

Năm 1932, ông phiêu bạt vào Huế và trở thành kiến trúc sư cung đình. Mười năm ở Huế, kiến trúc sư đã thiết kế, tu bổ và xây dựng nội ngoại thất các công trình trong thành nội, các lăng tẩm, công thự, biệt thự. Trong đó có một công trình "để đời" là nhà nghỉ của Bảo Đại ở Đà Lạt (thiết kế năm 1939, thi công xong năm 1943)...

Là một trí thức yêu nước, có thiện cảm với cách mạng, mùa thu năm 1945 ông tham gia cướp chính quyền ở Đà Lạt và được

bầu làm Uỷ viên Uỷ ban Cách mạng tỉnh Lâm Viên (nay là tỉnh Lâm Đồng). Cuộc kháng chiến nổ ra, Nguyễn Văn Ninh trở về quê hương xứ Lạng. Ông tham gia vào hoạt động chính quyền cách mạng và tranh thủ thiết kế, thi công Hội trường tỉnh bằng tranh, tre, gỗ đủ cho hàng trăm người họp...

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng và chuyên ngành kiến trúc, Nguyễn Văn Ninh đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Nhiều công trình do ông thiết kế đã trở thành di sản quý, lưu truyền cho thế hệ sau.

Khi kháng chiến thành công, trở về Hà Nội, ngay sau khi vừa tiếp quản xong Nha Kiến trúc, kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh được giao nhiệm vụ thiết kế lễ đài Ba Đình để đón Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Chính phủ về Thủ đô ngày 1-1-1955 và Đài liệt sĩ Ba Đình... Nhưng một công trình mà ông tâm huyết, lao tâm khổ tứ để làm, đó là năm 1957, Bác Hồ trực tiếp giao cho ông thiết kế ngôi nhà cho Bác ở. Bác đã ra đề tài vô cùng hắc búa: "Chú Ninh hãy thiết kế một ngôi nhà cho Bác nhưng đó không phải là một ngôi biệt thự!".

Hằng đêm, Nguyễn Văn Ninh trăn trở suy nghĩ để làm sao ngôi nhà phải toát lên sự giản dị, tư tưởng gần dân và đặc biệt phải tiện ích, kết hợp được vốn dân tộc cổ truyền mà không lạc hậu.

Đã hơn nửa tháng suy nghĩ phác thảo, Nguyễn Văn Ninh nhớ lại những năm tháng Bác hoạt động ở chiến khu Việt Bắc, rồi cả những ngày bản thân hoạt động cách mạng ở bản Đao (Tân Văn, Bình Gia, Lạng Sơn) năm 1946. Khi đó Uỷ ban tỉnh ở nhà sàn của dân. Thấy ngôi nhà sàn tiện ích cũng như cách bài trí rất khoa học nên Nguyễn Văn Ninh đã bỏ thời gian rảnh rỗi để nghiên cứu, đo, vẽ và ghi chép tỉ mỉ cách bố cục, kiến trúc của nhà sàn vào trong cuốn sổ tay...

Một hôm đang giữa đêm ông vùng dậy, giở sổ bắt tay vào thiết kế. Việc thiết kế kéo dài liên tục trong hai đêm. Khi xem đồ

án kiến trúc ngôi nhà, Hồ Chủ tịch đã rất hài lòng. Người nói: "Chú làm việc rất đúng ý của Bác!". Một năm sau công trình được đưa vào sử dụng nhân dịp mừng sinh nhật lần thứ 68 của Người...

Ngôi nhà thoáng mát, thanh tao mà ấm cúng. Nhà lợp ngói bẻ gốc, rường cột đều là loại gỗ dổi rất bền. Loại gỗ này có vân, khi đánh bóng lên tạo màu sắc rất đẹp. Gỗ có dầu, mùi thoang thoảng hương thơm rất dễ chịu. Nhưng nó lại không phải là loại gỗ "tứ thiết" quý hiếm như người ta tưởng.

Ngày khánh thành ngôi nhà sàn, Bác mời cơm Nguyễn Văn Ninh cùng đội thi công. Đến 16 giờ, mọi người đã tập trung khá đông đủ, nhưng Nguyễn Văn Ninh chưa vẫn có mặt. Quá giờ hẹn độ hai phút, Bác bảo mọi người ra ngoài vườn chụp ảnh kỷ niệm. Khi người chụp ảnh giương máy lên định chụp thì Nguyễn Văn Ninh chạy tới. Thì ra ông say sưa nghiên cứu nốt một đồ án xây dựng nên đã đến muộn 5 phút. Bác Hồ thấy vậy liền vẫy tay gọi Nguyễn Văn Ninh đến cho ngồi trước mặt vừa thân ái vừa hài hước nói: "Chú đến muộn rồi nhé. Bác đặt tên cho chú là Kiến. Kiến ở đây có nghĩa là kiến trúc sư vừa có nghĩa là kiến bò chậm, đến muộn...!".

Kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh vinh dự được Hồ Chủ tịch tặng huy hiệu 2 lần. Ngoài ra, trong sự nghiệp kiến trúc của mình ông còn có nhiều công trình có giá trị như Tượng đài liệt sĩ Bông Lau - Bố Củng (tỉnh Lạng Sơn). Hình khối đài liệt sĩ này đã một thời được coi là khuôn mẫu để khắp nơi làm theo... Kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh mất ngày 15-4-1975 khi ông chuẩn bị vào Nam. Cơn sốt ác tính đã quật ngã ông ở tuổi 67, nhưng những tác phẩm do ông sáng tạo mãi mãi đi vào lịch sử kiến trúc nước nhà,..

TẤM HUY HIỆU BÁC HỒ

NGUYỄN VĂN THÔNG

Năm 1963, sau khi hoàn thành phim *Con chim vành khuyên* và đi dự Liên hoan phim Quốc tế Cáclôvi Vari (Tiệp Khắc) về, tôi lại được phân công làm ngay bộ phim Vũ kịch *Ngọn lửa Nghệ Tĩnh*. Lúc ấy, tôi đang là đạo diễn của Xưởng phim Quân đội. Để thực hiện bộ phim vũ kịch đầu tiên này, chúng tôi được sự giúp đỡ tận tình của các bạn Trung Quốc. Cả đoàn làm phim đã sang Bắc Kinh, tới xưởng phim Bát Nhất và thực hiện từ khâu quay đến dựng phim, lồng tiếng, làm âm nhạc ở đó.

Sau khi phim hoàn thành mang về nước, một vinh dự to lớn đã đến với chúng tôi. Tôi được mang phim vào Chủ tịch phủ chiếu cho Bác Hồ xem.

Xem phim xong, Bác vẫy chúng tôi lại, cười hỏi:

- Các cô chú đã gửi thư thăm sức khoẻ và cảm ơn các bạn chưa?

Chúng tôi đều đáp:

- Thưa Bác! Có rồi ạ!

Sau đó, Bác tươi cười rút túi lấy ra năm cái huy hiệu của Người, trao cho năm người trong đoàn chúng tôi. Khi ấy, chúng tôi vô cùng xúc động, đến nỗi tới bây giờ, tôi không nhớ được mình đã nói lời cảm ơn với Bác như thế nào!

Năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất. Một ngày đầu tháng 4 tôi đã được trở về thành phố Đà Nẵng quê hương sau gần tròn 30 năm xa cách. Việc đầu tiên là tôi tìm về thăm nhà, xem gia đình tôi ai còn, ai mất. Khi tôi ra đi (1946) gia đình tôi còn ở Sân vận động Thành phố, nhưng khi tôi trở về, gia đình tôi đã chuyển đi nơi nào khác, tôi không rõ. Tôi đeo ba lô tới Ban

quân quản Thành phố, hỏi thăm và được chỉ về một khu nhà ở gần chợ Mới. Lúc bấy giờ gia đình tôi đều đi sơ tán cả, chỉ còn lại cha tôi ở nhà cùng một người cháu. Ông bị ốm khá nặng, nằm thiêm thiếp trên giường đã nhiều ngày. Trên chiếc bàn con đặt cạnh giường ông, có một lá thư ông viết sẵn, để gửi cho tôi. Nội dung vắn tắt thế này thôi: "Trong suốt thời gian anh đi làm cách mạng, cha và gia đình đã nghe lời anh, làm những điều tốt cho dân cho nước". Tôi được biết trong những năm tháng tôi xa nhà, cha tôi đã tham gia công tác bảo vệ cán bộ và du kích địa phương. Sau này cha tôi được Chính phủ khen tặng Huân chương.

Đêm hôm đó, biết tôi về tới nhà, cha tôi nhổm dậy trên giường và người như tỉnh ra. Câu đầu tiên cha tôi hỏi tôi là:

- Anh Đệ đã về đó à? (tên ở nhà của tôi là Đệ). Tôi chỉ kịp cầm lấy tay ông thì ông đã chìm vào một giấc ngủ rất sâu.

Ngày hôm sau, ông tỉnh dậy, khoẻ khoắn như người chưa từng ốm đau trước đó và trò chuyện với tôi. Ông hỏi han tôi rất nhiều chuyện, nhưng nhiều nhất là những chuyện về Bác Hồ. Ông nói:

- Con biết không, Bác Hồ là một vị Bồ Tát đó!

Thấy tôi chưa kịp hiểu, ông nói thêm:

- Những người thiện tâm và quảng đại như Bác đều là Bồ Tát cả đấy! Những năm ra Bắc, anh làm việc ra sao, có được khen thưởng gì không, có được gặp Bác Hồ không?

Nghe cha hỏi vậy, tôi liền nhớ tới tấm huy hiệu mà Bác Hồ đã trao cho tôi từ năm 1963 mà tôi luôn mang theo bên người như một bảo bối suốt những năm kháng chiến. Tôi lấy tấm huy hiệu của Bác Hồ ra và đưa cho cha:

- Con được tặng khá nhiều giải thưởng, nhưng đây là giải thưởng mà con quý nhất.

Cha tôi cầm tấm huy hiệu Bác Hồ ngắm nghía hồi lâu và tôi cảm thấy ông cũng xúc động nghẹn ngào như tôi mấy chục năm về trước. Mãi sau ông mới nói:

- Anh để lại tấm huy hiệu này ở nhà cho cha được không?

- Thưa cha được ạ! Con xin tặng lại cha!

Bây giờ, tấm huy hiệu Bác Hồ vẫn còn nguyên trên bàn thờ cha tôi.

Cũng trong lần gặp gỡ ấy, tôi được biết một chuyện thật cảm động về cha tôi. Trong gia đình tôi khi nào cũng có một bàn thờ Phật vì gia đình tôi theo đạo Phật. Phía sau một bức tranh tượng lớn mang hình Quan Thế Âm Bồ Tát, cha tôi có đặt giấu một tấm ảnh Hồ Chủ tịch. Như vậy trong suốt mấy chục năm kháng chiến, cha tôi có thể vừa tụng kinh niệm Phật, vừa có thể hướng về Bác Hồ mà khấn cầu những điều ông ngưỡng vọng và mong mỏi.

Có thể vì đất nước đã hoà bình thống nhất, có thể vì tôi đã trở về, nhưng cũng rất có thể vì tấm huy hiệu của Bác Hồ luôn đặt trang trọng trên bàn thờ mà cha tôi đã sống thêm được bốn năm sau ngày giải phóng. Cụ mất khi tròn 82 tuổi. Với tôi, cha tôi là một tấm gương về lòng nhân hậu, luôn thương yêu người khó, người nghèo. Về phần tôi, tôi còn nhiều nhược điểm. Tôi muốn học nhiều điều ở ông nhưng không thể nào học hết. Tôi cố gắng học được một điểm, đó là lòng thương người nghèo, người khó. Mỗi lần cầm một số tiền lớn của trên giao làm phim, tôi thường nghĩ ngay tới những bà già nhặt rác, nhặt giấy vụn thường đi ngang qua nhà tôi. Tôi nghĩ, nếu mình làm hoang phí hay tham ô một phần trong số tiền này thì có khác nào mình đi móc túi những người đàn bà nghèo khổ kia. Suốt cuộc đời làm phim, có phim hay phim dở, có thành công và cũng có thất bại, có niềm vui và những nỗi buồn, nhưng tôi dám đảm bảo chắc chắn rằng: tôi chưa hề tham ô đến một đồng xu tiền làm phim của Nhà nước.

Tấm huy hiệu Bác Hồ đã luôn nhắc nhở tôi điều ấy và cả cha tôi cũng luôn nhắc nhở tôi điều ấy.

NHỮNG LỜI BÁC DẠY

PHẠM VĂN KHOA

Tôi có một niềm hạnh phúc rất lớn là được gặp và làm việc bên Bác Hồ vào những ngày đầu Cách mạng tháng Tám và những tháng đầu năm 1950. Những kỷ niệm sâu sắc khi được sống bên Bác không bao giờ tôi quên được.

Hồi đầu Cách mạng tháng Tám, Hà Nội chuẩn bị đón quân Đồng minh vào tiếp thu vũ khí của bọn phát-xít Nhật đầu hàng. Các đồng chí ở Văn hoá cứu quốc trao trách nhiệm cho đồng chí Nguyễn Huy Tưởng và tôi phụ trách các khẩu hiệu treo ở đường phố. Thủ đô Hà Nội trong những ngày ấy rợp màu đỏ của cờ và khẩu hiệu. Các khẩu hiệu trên băng đỏ, chữ vàng chói lọi bằng các thứ tiếng Việt, Nga, Anh, Pháp với nội dung:

"Nước Việt Nam của người Việt Nam!"

"Độc lập hay là chết!"

"Hoan hô những người giải phóng cho chúng ta!"

Một hôm, Nguyễn Huy Tưởng cùng đi với tôi trên các hè phố Hà Nội, anh cười bảo tôi: "Khoa này, những khẩu hiệu và cờ như choàng cho Thủ đô chiếc áo ngày cưới".

Đến tối, chúng tôi được biết Bác Hồ chỉ thị phải bỏ khẩu hiệu: "Hoan hô những người giải phóng cho chúng ta!". Bác bảo: Cách mạng tháng Tám do Đảng ta lãnh đạo chúng ta đấu tranh gian khổ với thực dân Pháp và phát-xít Nhật để giành lại chính quyền, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc, chứ có ai đến giải phóng cho chúng ta đâu mà các chú làm khẩu hiệu "Hoan hô những người giải phóng cho chúng ta".

Nguyễn Huy Tưởng và tôi ngay đêm hôm ấy mượn cái xe cam-nhông của Toà Thị chính Hà Nội để đi các phố gỡ những khẩu hiệu non yếu về chính trị của chúng tôi.

Bác Hồ của chúng cháu! Chúng cháu nhớ mãi kỷ niệm này của đời một người cán bộ cách mạng: Độc lập, Tự do không nhờ ai đem đến cho mình được. Phải có Đảng lãnh đạo, phải đem xương máu của dân tộc mình ra giành lấy và bảo vệ lấy.

Sau đó, tôi được Đảng điều đến làm việc ở văn phòng Bác. Hôm đến làm việc với Bác, một cử chỉ rất thân mật của Bác làm tôi xúc động, nước mắt cứ trào ra. Bác để tay lên vai tôi, và một tay Bác cài chiếc khuy cổ áo sơ-mi cho tôi. Tôi ăn mặc cũng chỉnh tề lắm, nhưng chiếc khuy cổ áo quên không cài. Bác bảo: "Chú làm công tác với các người nước ngoài phải nhớ ăn mặc cho tươm tất". Lời nói của Bác như một người cha dạy đứa con nhỏ. Năm ấy tôi đã ba mươi tuổi và cho đến ngày nay và mãi mãi, mỗi khi nghĩ đến cử chỉ thân mật của Bác Hồ, tôi vẫn giữ niềm vui như một đứa trẻ nhỏ được người cha già chăm nom săn sóc cho từng ly từng tí.

Những ngày đầu Cách mạng tháng Tám, bao nhiêu khó khăn gian khổ: giặc ngoài thù trong giở đủ trò đủ quẻ, ra sức phá hoại cách mạng. Trong những ngày sóng gió như thế, Bác Hồ đã vững tay lái, đưa dân tộc ta qua bao nỗi khó khăn, hiểm nghèo. Tôi nhớ hồi đó, một buổi sáng, đồng chí T. lại đến báo cáo tình hình với Bác. Bọn giặc làm lắm điều ức không thể chịu được. Bọn phản động trong nước cũng ra sức hoành hành. Đồng chí T. gặp nhiều khó khăn quá cũng phải lắc đầu. Bác Hồ bình tĩnh bảo: "Cái đầu của chú trong lúc này không được lắc. Để giành được cái to lớn và quý báu, tạm thời chúng quấy nhiễu đòi hỏi gì cũng phải gật".

Câu nói của Bác đến nay tôi vẫn nhớ như in. Bác đã dạy cho những người yêu nước một nhân sinh quan cách mạng: nếu cứu được nước thì dù bao nhiêu cay đắng cũng phải chịu. Càng

nghĩ đến câu nói ngày ấy của Bác, cháu càng thấy thấm thía lời Bác dạy ngày nay: Không có gì quý hơn Độc lập, Tự do.

Năm 1950, tôi lại có dịp được Đảng giao cho đi công tác bên Bác Hồ. Trong khi đi đường Bác hỏi tôi: Chú Khoa làm công tác văn nghệ có thuộc *Chinh phụ ngâm* không? Tôi trả lời: Thưa Bác, cháu thuộc từng đoạn thôi ạ.

Bác bảo tôi: "Làm công tác văn nghệ mà không tìm hiểu sâu vốn của dân tộc thì không làm được đâu". Và từ hôm ấy trong khi đi đường, mỗi buổi sáng, Bác dạy tôi bốn câu trong *Chinh phụ ngâm,* buổi chiều Bác bảo tôi đọc lại, rồi Bác lại dạy tôi bốn câu tiếp. Cứ thế trong mấy chục ngày đường đi bộ, Bác dạy tôi thuộc lòng cuốn *Chinh phụ ngâm* từ đầu đến cuối.

Thỉnh thoảng Bác lại hỏi tôi xem có hiểu nghĩa câu văn cho thực sâu không, và Bác bảo tôi ngâm những đoạn Bác thích. Thỉnh thoảng Bác động viên tôi: "Giọng chú ngâm cũng khá đấy!". Hai Bác cháu cùng cười. Bác bảo: "Đi đường ngâm nga như thế vừa vui vừa quên cái mệt". Bác đi bộ khoẻ lắm. Có giờ Bác đi tới sáu cây số. Trên những quãng đường vắng của núi rừng Việt Bắc, một ông già mặc bộ quần áo chàm, đầu đội chiếc nón, vai khoác chiếc túi vải xanh trong đựng một cuốn sổ tay, một hộp thuốc lá, một chiếc bật lửa và một chiếc khăn mặt, đó là hình ảnh Hồ Chủ tịch đi bộ hàng chục ngày đường trèo đèo, lội suối để làm việc cho Tổ quốc trong những ngày lịch sử vô cùng trọng đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Bác Hồ đã vĩnh biệt chúng ta! Bác ơi! Ngồi viết lại những dòng hồi ký này trong đêm khuya tĩnh mịch, nước mắt cháu trào ra vì đau thương, vì nhớ Bác. Những ngày cháu được công tác bên Bác, cháu đã được nghe Bác kể chuyện những ngày Bác bị tù trong tay bọn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch. Cả cuộc đời Bác là của giai cấp, của dân tộc, của Tổ quốc. Bác đã dạy dỗ cháu, dắt dìu cháu. Mỗi lần chúng cháu làm xong một phim

và được vinh dự đem vào chiếu để Bác xem, Bác chỉ cho chúng cháu: người làm công tác nghệ thuật phải làm thế nào phục vụ nhân dân được tốt, phải làm gì cho xứng đáng là nghệ sĩ cách mạng.

Chúng cháu nguyện nghe theo lời Bác, cố gắng đấu tranh với bản thân mình, trau dồi đạo đức cách mạng, trau dồi nghệ thuật để xứng đáng đứng trong hàng ngũ những người nghệ sĩ cách mạng, dưới ngọn cờ của Bác.

Đêm 4-9-1969

TÁC GIẢ NHỮNG THƯỚC PHIM VÔ GIÁ VỀ BÁC HỒ Ở CHIẾN KHU VIỆT BẮC

TRẦN HIẾU

Nhà quay phim muốn "ghi lại hình ảnh Bác Hồ để về chiếu cho đồng bào miền Nam" là cụ Nguyễn Thế Đoàn. Năm 2007, cụ đã 97 tuổi, sống trong căn nhà nhỏ trên gác ở góc đường Sương Nguyệt Ánh - Tôn Thất Tùng (Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh).

Sức khoẻ của cụ khá tốt nhưng chân hơi yếu nên đi đứng rất khó khăn. Chị Thu Lan, con gái cụ đỡ cụ đi trên xe vịn tay cho biết: "Nhờ ăn chay trường nên sức khoẻ ba tôi tốt, tinh thần còn sáng suốt, minh mẫn. Sáng nào cũng đọc hai tờ báo *Nhân dân* và *Sài Gòn giải phóng*. Nhưng nhà báo nói chuyện chừng 30 phút thôi, để cụ nghỉ...".

Cụ tên thật là Nguyễn Văn Nghiệp, sinh năm 1911 tại xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, cụ được giao nhiệm vụ phụ trách công an và là Huyện uỷ viên lâm thời Rạch Giá - Kiên Giang và An Biên - Kiên Giang.

Năm 1947, Nguyễn Thế Đoàn (tên mới của cụ) được học lớp huấn luyện chính trị cùng nhiều cán bộ cốt cán như ông Ung Văn Khiêm, Võ Văn Kiệt, Phan Trọng Tuệ...

Học xong, cụ được tổ chức điều về Chắc Băng mở lớp dạy nhiếp ảnh cho bộ đội và các tỉnh trong Quân khu 9.

Cũng thời điểm này, tên tuổi Nguyễn Thế Đoàn, Mai Lộc, Khương Mễ, Lê Minh Hiền, Tô Cương, Nguyễn Hiền, Nguyễn Phụ Cần, Vũ Sơn được ghi nhận là những nhà quay phim đầu tiên của điện ảnh Nam Bộ và điện ảnh cách mạng Việt Nam.

Năm 1951, Trung ương Đảng tổ chức Đại hội Đảng lần II tại chiến khu Việt Bắc, Quân khu 9 quyết định cử nhà quay phim Nguyễn Thế Đoàn cùng hoạ sĩ Lê Minh Hiền ra Việt Bắc ghi lại hình ảnh Bác Hồ mang về miền Nam chiếu cho đồng bào chiến sĩ xem để thoả lòng mong đợi.

Nguyễn Thế Đoàn cùng đi trong đoàn khoảng 20 người, trong đó có đồng chí Võ Văn Kiệt, Ung Văn Khiêm, Phan Trọng Tuệ, hoạ sĩ Diệp Minh Châu và một số cán bộ miền Nam.

Đoàn phải đi bộ ngược qua Campuchia, sang Thái Lan rồi từ đó chia thành hai nhóm đi tàu biển sang Hồng Kông và Hải Nam - Trung Quốc rồi vòng về chiến khu Việt Bắc tham dự đại hội.

Ban tổ chức đã giao Nguyễn Thế Đoàn một máy quay phim hiệu Bell Hoovell và 50 cuộn phim Kodak để ghi hình.

Đại hội Đảng lần thứ II khai mạc ngày 11-2-1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Phải đến ngày thứ ba của Đại hội nhà quay phim Nguyễn Thế Đoàn mới có máy quay nên chỉ quay được từ phiên bế mạc của Đại hội.

Sau đó cụ quay tiếp Đại hội Mặt trận Liên Việt và bắt đầu quay phim về cảnh sinh hoạt đời sống của Bác Hồ ở chiến khu. Các đồng chí lãnh đạo phân công: Nguyễn Thế Đoàn quay phim, Đinh Đăng Định chụp ảnh, Diệp Minh Châu vẽ Bác Hồ.

Cụ nhớ như in lần đầu tiên được đưa đến nhà Bác ở: "Nhà Bác nhỏ như cái chòi đuổi chim ở đồng bằng sông Cửu Long, khi chưa đến tui cứ tưởng Bác ở nhà lớn lắm.

Chừng đến rồi chúng tôi nhìn cái nhà mà nước mắt muốn trào ra. Trước đây, Bác nằm trên gác nhà sàn. Các anh bảo vệ kể

lại: Đêm đến có cọp vào, nên Trung ương mới cho làm hàng rào bảo vệ bằng tre đan chéo cao khoảng 2 mét.

Có lần Bác ngủ, một con rắn to khoanh tròn nằm bên. Bác thức giấc nhìn thấy không đuổi mà bỏ đi qua chỗ khác ngủ. Bác nói với anh em bảo vệ: "Rắn cũng như người, cũng thèm hơi ấm đó mà".

Buổi sáng Bác dậy sớm tập thể dục, Bác đi đường Thái cực quyền và dạy chúng tôi các thế võ.

Bác bảo anh Lê Minh Hiền làm mẫu đóng vai đối phương tấn công. Bác gạt anh Hiền ngã lăn quay mấy lần. Tôi đã quay được những thước phim vô giá này".

Chuyện kể một lần, Nguyễn Thế Đoàn, Lê Minh Hiền, Đinh Đăng Định, Diệp Minh Châu áy náy khi thấy Bác ăn mặc quần áo màu chàm giản dị quá, sợ khi mang về Nam chiếu lên đồng bào cảm thương, xúc động hoặc chê trách người quay phim không biết chọn cảnh...

Khó khăn lắm các anh mới rụt rè đề nghị Bác mặc bộ kaki đại cán để quay hình cho đẹp.

Ai ngờ Bác nói: "Bác như thế nào các chú cứ thế mà quay". Lâu lâu anh em lại xin Bác mặc bộ đại cán, thấy anh em năn nỉ mãi, Bác cũng có đôi lần đồng ý.

Một lần anh em trong tổ làm phim xin phép Bác quay thêm một số cảnh về đời sống hàng ngày của Bác, Bác vui vẻ nói: "Thôi, đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống của nhân dân".

Tổ làm phim của Nguyễn Thế Đoàn theo Bác rất nhiều ngày, quay được nhiều cảnh sinh hoạt, làm việc, công tác của Bác như: Bác đánh máy chữ, Bác vác cuốc ra vườn trồng rau...

Nguyễn Thế Đoàn rơi nước mắt khi thu vào ống kính hình ảnh vị lãnh tụ dân tộc lội suối, tự tay giặt quần áo, rồi phơi trên

cây que để che nắng trên đường về. Bác giải thích với đồng chí cán bộ đi cùng: "Như thế để quần áo chóng khô thôi, cháu ạ".

Những thước phim vô giá về hình ảnh Bác băng rừng, cưỡi ngựa, kiểm tra kho vũ khí, thăm dân công, giảng bài,... đã được Nguyễn Thế Đoàn và Lê Minh Hiền ghi lại, sau đó mang sang Trung Quốc để tráng phim tổng cộng 50 cuốn.

Khi xem những thước phim này, Bác tỏ ý hài lòng và khen: "Chảu quay rất thật, Bác vừa ý lắm". Ngày đoàn cán bộ miền Nam trở về Nam Bộ, Bác ân cần dặn dò nhiều điều và tặng cho Nguyễn Thế Đoàn bức ảnh chân dung có chữ ký của Bác.

Lúc chia tay, Nguyễn Thế Đoàn xin phép được hôn Bác từ biệt để bày tỏ lòng kính yêu, kính trọng nhất với vị lãnh tụ.

Bác xúc động bảo: "Nụ hôn này Bác không chỉ dành riêng cho cháu mà còn dành cho chiến sĩ đồng bào miền Nam đang anh dũng đấu tranh với kẻ thù".

Kể đến việc này, dù đã 56 năm trôi qua, nhưng mắt cụ Đoàn cũng long lanh nước vì xúc động. Cụ ngồi lặng im khá lâu.

Kết thúc những ngày không thể nào quên bên cạnh Bác Hồ tại chiến khu Việt Bắc, Nguyễn Thế Đoàn và Lê Minh Hiền lội bộ ròng rã 18 tháng trời để mang phim về với đồng bào Nam Bộ đang mong chờ nhìn thấy Bác từng ngày.

Lần đầu tiên đồng bào, chiến sĩ Nam Bộ được thấy hình ảnh Bác Hồ kính yêu - vị cha già dân tộc giản dị, gần gũi mà vô cùng thiêng liêng.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Nguyễn Thế Đoàn tham gia Uỷ ban liên hợp đình chiến và tập kết ra Bắc, làm việc tại Hà Nội.

Vốn làm nghề nhiếp ảnh, tại bến Sông Đốc - Cà Mau, cụ còn chụp được một số bức ảnh chia tay ngày tập kết. Đây là một trong những bức ảnh hiếm hoi của thời kỳ lịch sử này.

Sau này cụ được cử đi học về phim ảnh ở Đông Đức, Tiệp Khắc. Đất nước thống nhất, cụ về sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh với hai cô con gái.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác, điện ảnh Việt Nam cho ra đời cuộn phim "Hồ Chí Minh - Chân dung một con người" của đạo diễn - NSND Bùi Đình Hạc.

Bộ phim đã thật sự gây xúc động mạnh với các thế hệ người Việt Nam và bạn bè quốc tế. Trong phim, hầu hết tư liệu về Bác ở chiến khu Việt Bắc là của nhà quay phim Nguyễn Thế Đoàn.

Lần theo dấu lịch sử điện ảnh Việt Nam, chúng tôi gặp những dòng như: "Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, hoạt động điện ảnh được tổ chức đầu tiên tại các chiến khu Nam Bộ.

Năm 1947, điện ảnh Khu 8 bắt đầu hoạt động, tiếp đến là "tổ xi-nê Quân khu 9", điện ảnh Khu 7 cũng được thành lập.

Các nhà điện ảnh đầu tiên như Mai Lộc, Khương Mễ, Nguyễn Thế Đoàn... phải lặn lội lên Sài Gòn mua máy móc, phim nhựa, hoá chất, tổ chức quay phim ngay tại các chiến trường và trong chiến khu.

Dùng guồng tự tạo in tráng phim trong buồng tối đặt trên các ghe xuồng lưu động, dưới hầm sâu hoặc trong những cái lu to".

Những điều này đã được ông Đặng Ngọc Trác (tức Võ Quang Anh) - Nguyên Bí thư Khu uỷ Quân khu 9 và Phó Tư lệnh BTL lực lượng khu miền Tây xác nhận.

Nhà quy phim Nguyễn Thế Đoàn được coi là một trong những người khai sinh ra Điện ảnh Quân khu 9 và là một trong những bậc tiền bối của Điện ảnh Nam Bộ.

Năm 2009, ông được Nhà nước trao Huân chương Độc lập hạng Nhì. Tuy nhiên, ông vẫn thường nói: "Phần tôi, tôi có phần thưởng lớn nhất, quý nhất đời, đó là hai tháng sống bên Bác Hồ và được quay phim về Bác. Chính Bác dạy chúng tôi: Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của mọi người...".

BÁC LÀM VĂN NGHỆ

TRÀ GIANG

Hồi còn nhỏ, ở miền Nam, mỗi khi nghe các cô, các chú hoặc bà tôi kể chuyện Bác Hồ thì dù đang ham chơi hay làm bất cứ việc gì, chúng tôi cũng kêu nhau lại, chạy đến xúm quanh người lớn và chăm chú lắng nghe như nuốt lấy từng lời. Đã có lần, chúng tôi bàn nhau viết một lá thư ra Bắc mời Bác vô thăm miền Nam để chúng tôi được tận mắt thấy Bác, nhưng rồi mong mãi... "Bác ở xa lắm, các con cứ chịu khó chăm học, ngoan ngoãn, nhất định có ngày Bác sẽ vô". Ba tôi nghe chuyện phì cười và dặn chúng tôi như vậy.

Những ngày ra miền Bắc, chưa được gặp Bác nhưng tôi vẫn nhớ lời ba tôi dặn và hy vọng thế nào cũng có ngày đạt được mơ ước đó. Nhưng thật không ngờ, cuối năm 1962, tôi được gặp Bác trong một trường hợp đặc biệt, vượt rất xa mơ ước đó của tôi. Cho đến nay, và mãi mãi về sau này, đó vẫn là niềm vui sướng, vinh dự quá lớn đối với tôi và mỗi lần nhớ lại, tôi không khỏi bồi hồi, xúc động.

Lần ấy, tôi được đi dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba. Được đi dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc, đối với một diễn viên mới bước vào nghề như tôi đã là một điều vô cùng phấn khởi, lại thêm hy vọng sẽ được gặp Bác ở Đại hội, làm tôi cứ náo nức không yên. Ngày 1 tháng 12 là ngày cuối cùng của Đại hội. Bấy giờ vừa sau giờ nghỉ giải lao, chuông đã rung được mấy phút nhưng lẻ tẻ còn có đại biểu chưa vào hết hội trường. Bỗng ngoài hành lang có tiếng xôn xao rồi có tiếng reo "Bác đến! Bác đến!". Chỉ một loáng, cả hội trường ào lên như sóng. Đồng chí

Trường Chinh nhanh nhẹn đứng dậy ra đón Bác ở cầu thang. Tiếng reo mừng, tiếng hoan hô "Bác Hồ muôn năm!" cứ vang lên cho đến lúc Bác giơ cả hai tay ra hiệu chỉ chúng tôi ngồi xuống và ổn định trật tự để Bác nói chuyện. Người tôi nóng bừng lên, chú Võ Hồng Cương cho tôi một bó hoa mà tôi cứ lúng túng không biết làm gì. Nhiều đại biểu được mang hoa lên tặng Bác và cũng lúng túng không kém. Bác nhìn chúng tôi và hỏi:

- Tặng hoa à? Tặng hoa thì phải nhanh lên chứ?

Cả hội trường lại vang lên tiếng cười reo. Câu nói đầu tiên của Bác làm không khí đại hội vui vẻ, đầm ấm hẳn lên. Chúng tôi cũng phấn khởi, lấy lại bình tĩnh ôm hoa chạy về phía Bác, Bác lại hỏi:

- Không mấy khi được gặp đông đủ thế này. Bác muốn bắt tay tất cả, nhưng không đủ thì giờ. Vậy Bác bắt tay đại biểu thôi. Đại biểu nào cao tuổi nhất nào? - Bác cười và nói thêm - Bác nói tuổi cao nhất, không nói già đâu nhé!

Tiếng cười reo lại vang lên, hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh chạy lại.

- Đại biểu nào ít tuổi nhất? - Bác hỏi tiếp.

Tôi giật thót mình, vì trong đại hội, tôi được coi là người ít tuổi nhất. Nhưng lúc ấy hình như tôi vẫn chưa dám tin là được Bác gọi. Chú Bảo Định Giang kéo tay tôi dẫn về phía Bác rồi nói:

- Thưa Bác, cháu Trà Giang đây, người miền Nam - trẻ nhất đại hội đấy ạ!

Tôi dâng hoa lên Bác mà chân cứ run run, Bác hôn lên trán tôi rồi hỏi:

- Phải cháu là người trẻ nhất đại hội không?

- Dạ - Tôi lí nhí đáp vì niềm vui và xúc động nghẹn ngào.

- Trẻ mà có thành tích thì cháu càng phải chăm học và nhất là phải hết sức khiêm tốn.

- Dạ - Tôi chỉ biết đáp vậy, nước mắt muốn trào ra. Trong giây phút đó, lời căn dặn của Bác, tôi thấy thấm thía vô cùng. Tôi nhớ đến nội, đến bà con, cô bác và các bạn tôi đang ở miền Nam. Tôi đã có thành tích gì đáng kể đâu. Bước đầu tuy có chút thành công nhưng nhìn lại, tôi vẫn thấy mình còn yếu nhiều mặt. Thành tích ấy có thấm vào đâu với những hy sinh của bà con, bạn bè, cô bác miền Nam, bao nhiêu năm đấu tranh phá ách kìm kẹp của địch. Thế mà trong đó vẫn chưa ai được thấy Bác Hồ như tôi bây giờ... Lại được nghe Bác nói và được Bác hôn nữa! Trời ôi, lúc này tôi thèm có đôi cánh quá! Tôi sẽ bay vụt về trong đó khoe với chúng bạn, tụi nó sẽ điên lên vì sung sướng cho tôi mất, nhất là con Sáng thân yêu của tôi. Giờ này tụi nó ở đâu? Có được đi học không? Có còn nguyên vẹn cả không? Tôi thấy thương và nhớ chúng nó quá.

Bác lại hỏi và bắt tay lần lượt các đại biểu miền Nam, đại biểu miền núi, đại biểu Hoa kiều. Bác lấy một bó hoa tặng lại cho đại biểu Hoa kiều, đồng chí này cảm động quá cũng chỉ "Dạ" như tôi, không nói được gì.

Sau đó, Bác bắt đầu nói chuyện với đại hội. Bác hỏi:

- Có bao nhiêu người tham luận rồi?

- Thưa Bác, chín mươi chín rồi ạ. Một đồng chí đáp.

Bác cười:

- Thế này là vừa đúng một trăm. Nhưng các cô, các chú đừng sợ, có ba trang thôi! Bác cầm tờ giấy giơ lên trước mặt, cả hội trường lại cười reo vui vẻ.

Bác nói tiếp:

- Bác nêu một kinh nghiệm cũ. Trong thời thanh niên - Bác hạ giọng nói thêm - giờ Bác cũng vẫn còn là thanh niên, Bác hoạt động cho Đảng, Bác phải làm nhiều nghề. Làm ảnh, làm bếp. Đây có ai làm bếp không? Cũng có khi Bác làm văn nghệ. Bác có viết một quyển tiểu thuyết, nói thực là một quyển tiểu

thuyết về cách mạng tháng Mười Nga. Bác viết, đồng chí Hồ Tùng Mậu in. In bằng đất. Rồi phát hành bao nhiêu - Một quyển. Mấy quyển nữa thì cảnh sát Anh tịch thu hết. May nó tịch thu tiểu thuyết mà không tịch thu được người viết; vì hai anh em (Bác và cụ Hồ Tùng Mậu) đi vắng. Vừa mới đây nghe đồng chí Tố Hữu nói có xem quyển ấy. Vậy là một quyển tiểu thuyết phát hành được một quyển, được một người xem! Đó là "thành công" về tiểu thuyết của Bác đấy! Bác lại viết một vở kịch đả kích Khải Định, bù nhìn của thực dân Pháp. Thế mới gan chứ. Điếc không sợ súng mà! Viết xong thì Bác phải đi. Sau này *"Câu lạc bộ ngoại ô"* có đem diễn. Thành công, thất bại thế nào, Bác cũng không biết. Đó là "thành tích" Bác viết kịch. Rồi Bác cũng diễn kịch nữa đấy.

Các đại biểu sân khấu và điện ảnh ồn ào vui vẻ. Tôi bật reo lên: "Bác cũng đã có lúc làm diễn viên!", điều ấy đối với chúng tôi thật là thú vị biết chừng nào!

Bác cũng cười và kể tiếp:

- Ở Pháp có một nhóm văn nghệ sĩ tiến bộ. Họ viết một bản kịch đả kích thực dân. Bác sắm một vai, ra sân khấu không đầy một phút. Diễn xong, anh em bắt tay khen: "Đồng chí diễn khá lắm!". Rồi thù lao một cốc cà-phê!

Cả hội trường rộ vỗ tay. Ngừng một lát, Bác nói tiếp:

- Kinh nghiệm thế nào? Trước cách mạng, muốn sống phải lao động chân tay, chứ làm văn nghệ thì ba lần làm văn nghệ, Bác chỉ được uống một cốc cà-phê thôi!

Bác nói chuyện thật giản dị mà rất dễ nhớ. Tôi nhớ nhất những lời Bác nói về sân khấu và điện ảnh dưới thời đất nước ta còn bị nô lệ:

- ...Nghề múa hát là một thứ tiêu khiển cho bọn "ngồi mát ăn bát vàng". Chúng còn khinh rẻ và gọi những nghệ sĩ múa hát là "xướng ca vô loại". Hồi đó chỉ có chiếu bóng câm, bọn thực dân Pháp dùng chiếu bóng để bôi nhọ dân tộc ta. Thí dụ, trong

hội chợ ở Mác-xây, ngoài những tranh vẽ lũ công khanh Việt Nam đang lúc nhúc lạy quỳ trước vua bù nhìn cùng chó ngao toàn quyền, khâm sứ, ngoài những công nhân trần trụi kéo xe thuê, còn chiếu phim những bà già ăn trầu, răng đen, những công nhân gầy gò rách rưới, những người đóng khố đang leo dừa.. Chúng gọi đó là "Hình ảnh An Nam". Rõ ràng dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải làm cách mạng.

Bác khuyên nhủ và động viên những người làm công tác văn nghệ bây giờ phải cố gắng nhiều vì đã có điều kiện rất thuận lợi để phát triển tài năng. Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta. Những tác phẩm ca tụng chân thật những người mới, việc mới, chẳng những làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay, mà còn để giáo dục con cháu ta đời sau.

... Bác về rồi mà những xúc cảm của giờ phút được gần Bác vẫn dào dạt trong lòng tôi. Những lời dạy bảo ân cần của Bác vẫn âm vang trong tâm trí tôi. Nếu như trước kia, tôi chỉ biết yêu Bác qua những sách báo mà tôi đã đọc, qua những mẩu chuyện ba tôi và các cô, chú đã kể, những tấm ảnh mà tôi đã chăm chú nhìn từng sợi râu của Bác... thì giờ đây, lòng yêu kính của tôi đối với Bác nhân lên gấp bội, sâu sắc hơn, cụ thể hơn. Bác đã trực tiếp dạy tôi "phải hết sức khiêm tốn". Tôi hiểu, ở công tác của tôi không phải dễ dàng thực hiện tốt lời Bác dạy, nhất là khi tuổi đời và tuổi nghề còn non nớt.

Sống giản dị, khiêm tốn, suốt đời cống hiến cho cách mạng, không suy bì tính toán cho cá nhân mình... đấy là bài học rất lớn đối với tôi qua cuộc đời của Bác. Bài học này tôi càng thấm thía hơn khi được gặp Bác lần thứ hai.

Lần ấy, sau Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba khoảng một năm, tôi lại có may mắn lớn là được cùng với một số bạn vào thăm nơi Bác ở. Điều làm chúng tôi yên tâm và mừng nhất

là thấy Bác vẫn khoẻ, da Bác vẫn hồng hào, mọi cử chỉ của Bác đều nhanh nhẹn, dứt khoát.

Khi anh Kỳ giới thiệu đến tôi thì Bác gật đầu bảo nhớ rồi. Bác gọi tên tôi và hỏi:

- Dạo này cháu làm gì?

- Dạ thưa Bác, cháu được đi học lớp lý luận nghiệp vụ ạ.

- Không tự kiêu chứ?

- Dạ thưa Bác, không ạ.

- Thế là tốt!

Bác cười, xốc lại chiếc áo khoác ở vai và dặn tiếp:

- Các cháu còn trẻ, phải chịu khó học và nhất là phải hết sức khiêm tốn học kinh nghiệm tốt của những người đi trước.

- Dạ - Tất cả chúng tôi đều "dạ" và chăm chú nhìn không bỏ sót một cử chỉ nào của Bác. Bác cho chúng tôi kẹo và bảo chúng tôi đi xem phim. Thật sung sướng cho tôi, khi xem phim, tôi được ngồi gần Bác. Suốt buổi chiếu, thật ra tôi chẳng xem được mấy vì phần nhiều là nhìn Bác. Tôi có cảm giác là tuy Bác vẫn khoẻ, nhưng tóc Bác có bạc thêm nhiều. Nhớ lại những lần Bác nhắc đến miền Nam: "Miền Nam ở trong tim tôi", "Ngày nào Tổ quốc chưa thống nhất, Bắc Nam chưa sum họp một nhà thì tôi còn ăn chưa ngon, ngủ chưa yên", lòng tôi cứ nao nao vì thương Bác. Bác vẫn chăm chú ngồi xem, thỉnh thoảng lại hỏi chuyện tôi. Tôi nhớ hôm ấy có chiếu một bộ phim tài liệu của Liên Xô. Khi trên màn ảnh xuất hiện cảnh đại hội ở điện Krem-lanh thì Bác nói với tôi:

- Công trình xây dựng của nhân dân Liên Xô thật vĩ đại, phải không cháu?

- Dạ - Rồi tôi khoe với Bác - mới vừa qua, đi dự Đại hội liên hoan điện ảnh quốc tế ở Mát-xcơ-va, cháu đã được đặt chân đến cung điện lịch sử này.

Bác Hồ tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ 3 (1962)

Ảnh: Đinh Đăng Định

Bác gật đầu hỏi:

- Thế cháu có thích không?

- Dạ thích - Rồi tôi lại nói luôn với Bác cái cảm giác ngỡ ngàng, có phần tự ti của một người mới ra nước ngoài lần đầu, đứng trước đám đông của gần năm mươi nước đến dự lễ khai mạc đại hội. Quả tình đối với tôi lúc đó, cái gì cũng mới lạ, bỡ ngỡ: những công trình kiến trúc đồ sộ, những cảnh bài trí choáng lộn, những kiểu ăn mặc đủ màu sắc mới lạ... Lúc ấy trên màn ảnh cũng hiện ra quang cảnh đại hội, có cả tôi trong đó. Bác hỏi:

- Họ sang hả cháu?

- Dạ thưa Bác, họ sang và diện lắm Bác ạ. Còn mình thì chẳng có gì. Hôm khai mạc đại hội, người đông mà họ mặc sang trọng quá, cháu cứ thấy ngường ngượng thế nào ấy...

Bác trả lời tôi và mắt vẫn không rời màn ảnh:

- Sao lại ngượng? Chúng ta còn nghèo nhưng dân tộc rất đáng tự hào.

Cho mãi đến sau này, mỗi lần nghĩ lại, tôi vẫn còn thấy ân hận không hiểu sao lúc ấy mình lại nói với Bác điều ấy. Đành rằng tôi chỉ thú nhận một tâm trạng có thật, nhưng cái đó đối với tôi cũng chỉ thoáng qua thôi, tại sao phải để Bác bận tâm vì một chuyện như thế? Khi ra về, thấy nét mặt Bác vẫn rất vui, tôi mới hơi yên lòng, nhưng tôi vẫn không thể tha thứ cho mình sự thiếu sót trên. Tôi đặt quyết tâm phải luôn luôn đinh ninh nhớ lời Bác dạy, học tập lối sống giản dị và đạo đức cách mạng lớn lao của Bác. Vì xét cho cùng, ý nghĩ trên của tôi chứng tỏ đã có lúc tôi muốn buông lỏng mình theo những cám dỗ bề ngoài rất không đúng lúc. Lời nhắc nhở của Bác đã cho tôi một bài học vô cùng thấm thía.

Giờ đây, đứng trước sự nghiệp thiêng liêng chống Mỹ, cứu nước của toàn dân tộc, tôi thấy mình còn bao nhiêu việc phải làm. Không được ở quê hương trực tiếp cầm súng cùng bà con,

cô bác bạn bè bắn vào đầu giặc; cũng không được tham gia các công việc phục vụ chiến đấu giải phóng quê hương; nhưng ở vị trí công tác của mình ngoài này, tôi sẽ cố gắng làm thật tốt nhiệm vụ mà Đảng, Bác kính yêu đã giao cho tôi. Tôi hiểu muốn làm một diễn viên tốt thì trước hết phải là một người công dân tốt, phải có đạo đức xã hội chủ nghĩa, có tình cảm cách mạng thật sự và phải luôn học tập, rèn luyện để nâng cao nghiệp vụ.

Khó khăn lớn nhất đối với tôi hiện nay là vốn sống.

Làm sao mỗi nhân vật thể hiện ra đều mang được nhịp đập và hơi thở của thời đại, xứng đáng với miền Nam, với dân tộc ta anh hùng đang làm nên những năm tháng lịch sử này? Những lời căn dặn và sự săn sóc ân cần của Bác, lòng mong mỏi, hy vọng của ba má, của bạn bè... luôn thôi thúc tôi.

Tôi muốn, bằng việc làm thực tế, bằng những nhân vật thể hiện, tôi gởi gắm vào đó tất cả những suy nghĩ nung nấu, lòng căm thù sâu sắc cũng như niềm yêu thương, mong nhớ vô hạn và cả những ước mơ cháy bỏng mà tôi hằng ấp ủ...

Tôi muốn, qua đó thưa với Bác lời hứa quyết tâm và lòng biết ơn chân thành của tôi đến Bác kính yêu.

Tôi muốn qua đó gởi về ba tôi, các bạn, các cô, các chú, anh chị và các bạn tôi đang chiến đấu ở miền Nam tất cả tấm lòng của một đứa con xa nhà, nhưng không lúc nào quên nỗi đau chia cắt, không quên lời hứa lúc ra đi và nguyện làm hết sức mình để xứng đáng với những hy sinh của bà con trong ấy...

BÁC HỒ ĐẾN THĂM TRƯỜNG ĐIỆN ẢNH

NGUYỄN NGỌC TRUNG *kể*

Ngày đó trường điện ảnh còn đặt ở ngôi nhà số 7 Trần Phú, nay là Xưởng phim hoạt hình Việt Nam.

Hơn ba tháng sau khi khai giảng trường, vào ngày 10-2-1960, học sinh lớp đạo diễn, diễn viên đang học múa.

Xe đưa Bác đi thẳng vào sân ngôi nhà số 7 Trần Phú.

Sự xuất hiện của Bác quá đột ngột và vượt quá mơ ước của mọi người. Các học viên chạy ùa ra, đứng quanh xe của Bác, mừng vui đến trào nước mắt: "Bác đến! Bác đến!".

Chờ cho làn sóng vui mừng lắng xuống, Bác đưa mắt trìu mến nhìn khắp một lượt thân mật như người cha ở giữa đàn con. Các diễn viên lúc đó tuổi chỉ chừng mười bảy, mười tám, ríu rít như chim.

Bác hỏi luôn:

- Phi Nga đâu?

Thật khó mà diễn tả được tình cảm của anh chị em lúc đó. Riêng đối với Phi Nga, lấy gì đo được hết nỗi sung sướng của chị khi được Bác ân cần nhắc đến tên. Hồ Chủ tịch, bận trăm công nghìn việc, vẫn nhớ đến tên một diễn viên đóng vai Hoài trong phim *Chung một dòng sông*. Còn sự động viên nào lớn hơn khi được Bác trực tiếp hỏi tới mình.

Lúc đó, Phi Nga đang đứng ở vòng ngoài. Nghe Bác gọi, mọi người nhường lối cho Phi Nga đến gần Bác.

Rồi Bác xem các học viên làm trích đoạn. Bác dừng lại giữa một toán khác đang tập múa ba-lê.

Bác nhìn mọi người, cười hiền hậu và hỏi:

- Các cháu đang tập môn gì?

- Dạ thưa Bác, giờ này chúng cháu đang tập vũ ạ.

Bác cười hóm hỉnh:

- "Vũ" là gì nhỉ?

Biết Bác muốn nhắc mọi người về cách nói năng sao cho dễ hiểu, một đồng chí vội thưa:

- Dạ, thưa Bác là tập múa ạ.

- Ừ, thế sao không gọi là múa cho dễ hiểu? - Rồi Bác lại hỏi:

- Về chuyên môn các cháu học như thế nào? - Xuân Tạc trả lời Bác:

- Thưa Bác, sau phần học lý thuyết, chúng cháu tập "tiểu phẩm" ạ.

- Cháu nói cái gì?

Biết mình lại lỡ lời, Xuân Tạc vội chữa lại:

- Dạ thưa Bác tập những trích đoạn ạ.

Bác lại cười. Không khí đầm ấm, thân mật quá!

Mọi người múa cho Bác xem, chân bước, tay cử động mà tâm trí thì dồn cả vào Bác.

Anh Nguyễn Ngọc Trung, Hiệu phó, báo cáo với Bác về tình hình học tập.

Bác vừa nghe, vừa gật đầu. Sau đó Bác nói:

- Bác đến thăm các cháu. Chúc các cháu học tập có kết quả. Bây giờ Bác về...

Mọi người lại quây lấy Bác, theo Bác ra xe. Ai cũng cảm thấy sung sướng về những giây phút ngắn ngủi được sống bên Bác. Ở Bác toát ra một cái gì làm cho không khí trở lên đầm ấm, thân mật và thoải mái lạ thường.

Kể từ lúc Bác đến thăm đến lúc Bác đi, mọi sự việc chỉ diễn ra trong vòng độ mười lăm phút. Nhưng mười lăm phút quý báu đó Bác đã để lại cho mọi người những kỷ niệm không bao giờ phai nhạt.

TRẦN HẢI *ghi*

BÁC HỒ ĐÓNG PHIM

ĐỨC LƯU *kể*

Tháng 6-1969, tôi và Tuệ Minh được nhóm làm phim của Đảng Cộng sản Nhật Bản mời đóng phim "Việt Nam chống Mỹ". Tôi rất vinh dự và xúc động khi được một đoàn làm phim nước ngoài mời đóng. Tôi càng vinh dự và xúc động hơn vì biết được cùng đóng phim với Bác Hồ kính yêu.

Nhóm làm phim sang ta khi Bác Hồ vừa qua một trận ốm. Hôm tôi gặp Bác, hai mí mắt của Bác đang mọng. Người thở hổn hển, hai tay nắm lại cho khỏi run. Đồng chí Vũ Kỳ nói với chúng tôi là đồng chí đã đề nghị Bác chưa nên đóng phim ngay vì sức khoẻ của Bác còn yếu. Nhưng Bác gạt đi, Bác nói: "Đây là bộ phim của Đảng Cộng sản Nhật quay. Tôi đóng được. Các đồng chí đừng lo".

Tôi và Tuệ Minh cùng một số các cháu thiếu nhi đến gặp Bác ở Phủ Chủ tịch. Bác mặc bộ quần áo đũi màu mỡ gà giản dị. Bác bảo bộ quần áo đó do đồng bào tỉnh Thái Bình gửi tặng. Bác rất thích mặc. Gặp Bác, các cháu thiếu nhi quây quần bên Bác, được Bác vuốt ve âu yếm hỏi chuyện. Bác kể cho chúng tôi nghe bộ phim mà nhóm làm phim của Đảng Cộng sản Nhật chuẩn bị quay. Đảng Cộng sản Nhật khi cử nhóm làm phim sang ta để thực hiện bộ phim, rất nghèo. Do không có tiền để đi làm phim, các đồng chí đó đã bán vé trước để lấy tiền, hẹn ngày chiếu vào một thời gian sau để nhân dân đến xem. Do có thiện cảm và cảm phục nhân dân Việt Nam chống Mỹ, nhân dân Nhật Bản đã mua

vé ngay, không ngần ngại. Nói rồi Bác đưa tặng chúng tôi mỗi người một tấm vé mà nhóm làm phim đã bán trước.

Trong phim, Bác xuất hiện khá nhiều. Vì vậy, phim phải quay "nháp" nhiều. Bác bao giờ cũng chuẩn bị chu đáo, luôn có mặt ở trường quay đúng giờ. Lần nào chúng tôi đến cũng đã thấy Bác ngồi đợi trong bộ quần áo đũi hiền lành giản dị. Bác cứ nhắc lại với chúng tôi: "Các cháu nên nhớ là chúng ta đóng phim cho Đảng Cộng sản Nhật!".

Khi đóng phim, Bác đóng rất có "nghề". Chúng tôi đã là diễn viên, mà khi quay nhiều cảnh phải quay đi quay lại. Nhưng Bác đóng rất tự nhiên, nhập vai tốt hơn các diễn viên. Tôi thật sự cảm phục Bác và học tập được ở Bác rất nhiều trong cách đóng phim.

Duy chỉ có một cảnh quay Bác vui chơi với các cháu thiếu nhi phải quay đi quay lại mấy lần. Bởi vì các cháu thiếu nhi yêu mến Bác, muốn ngắm nhìn "ông Tiên hiền lành", nên khi quay cứ ngắm nhìn Bác mãi, thành thử cảnh quay chưa đạt. Lúc đó, Bác phải đứng ra làm một chân "đạo diễn" để uốn nắn các cháu. Khi đóng xong cảnh này tôi thấy trán Bác lấm tấm mồ hôi, hơi thở dồn dập. Một tình thương trỗi dậy trong lòng tôi khôn xiết.

Quay xong một cảnh, ngồi giải lao. Bác trò chuyện hỏi han chúng tôi chuyện nhà cửa, học hành, công tác. Bác chia kẹo cho mọi người ăn. Chỗ kẹo còn lại khi ra về Bác đem chia đều cho mọi người, Bác bảo mang về làm quà cho người nhà, nói là của Bác Hồ gửi.

Đến hôm chúng tôi chuẩn bị về Thái Bình và một số nơi khác để quay tiếp bộ phim, Bác dặn:

- Các cô, các chú nên nhớ là chúng ta làm phim cho Đảng Cộng sản Nhật. Các cô, các chú đừng đòi hỏi gì.

Nhớ lời dặn của Bác, chúng tôi đã không quản ngại vất vả, gian khổ của chiến tranh để đi đóng từng thước phim cho Đảng Cộng sản Nhật.

Bộ phim làm xong đúng thời hạn. Các đồng chí trong nhóm làm phim rất phấn khởi. Bộ phim thành công nhờ một phần lớn sự đóng góp của Bác, và qua những lời chỉ bảo của Bác, những người đóng phim đã đưa hết khả năng nhiệt tình đóng góp cho sự thành công của nó.

Bộ phim "Việt Nam chống Mỹ" đưa chiếu ở Nhật, được dân chúng rất thích. Sau đó bộ phim này cũng đã được giải cao trong liên hoan phim tài liệu ở Đức.

Tôi không thể ngờ rằng, sau khi đóng phim xong ba tháng thì Bác kính yêu của chúng ta không còn nữa. Khi nghe tin Bác mất, tôi bật khóc như trẻ nhỏ mất cha... Đã nhiều năm trôi qua, tuy Bác đã đi xa nhưng hình ảnh Người và những lời dạy ân cần của Người còn đọng mãi trong tôi.

TRẦN QUANG ĐẠO *ghi*

ĐI QUAY BỘ PHIM "BÁC HỒ CỦA CHÚNG EM"

MA CƯỜNG

Tôi nhớ rất rõ hôm đó là ngày chủ nhật. Đang ăn cơm chiều thì tôi nhận được lệnh đi quay phim ngay. Vốn có tác phong sẵn sàng của thời chiến, nên sau đó 15 phút là tôi đã có mặt với đủ đồ nghề trong tay. Tôi nhẩm tính: máy quay, bình điện, phim nhựa, đèn rọi sáng, đủ cả. Chỉ có điều làm tôi băn khoăn là lần này có lệnh quay phim màu, mà quay phim màu tôi vốn chưa quen lắm.

Xe hơi đưa tôi đi một lát thì rẽ vào chiếc cổng quen thuộc: cổng Phủ Chủ tịch. Tôi bồi hồi, vừa sung sướng vừa lo lắng.

Bước vào phòng khách, tôi thấy ở phòng bên các cháu đang riu rít chuẩn bị, cháu chỉnh đàn, cháu sửa lại quần áo, ai nấy đều tấp nập đón ngày hội lớn của mình, ngày Quốc tế thiếu nhi, nhất là lần này lại được gặp Bác và các đồng chí Trung ương.

Không bỏ phí thời giờ, tôi đi lại trong phòng tìm góc độ quay và đặt ánh sáng. Quay phim màu ở trong phòng đối với tôi là một khó khăn, nhưng tôi quyết tâm ghi bằng được mọi hình ảnh Bác vui với các cháu.

Bảy giờ, rồi bảy giờ hơn. Các cháu đã sẵn sàng đón Bác. Trước giờ phút được gặp Bác, không khí thật trang nghiêm. Tiếng các cô phụ tránh nhắc nhở các cháu se sẽ. Còn chúng tôi thì đi lại, máy cầm tay, thỉnh thoảng lại giơ lên ngắm qua khuôn hình, bấm công tắc cho máy chạy thử. Tiếng máy sè sè làm chúng tôi yên lòng.

Đúng 7 giờ 30, Bác tới, với bộ quần áo nâu giản dị. Các cháu ùa lên đón Bác. Tôi giơ máy ghi ngay phút đầu Bác cháu gặp mặt. Lòng tôi lúc đó rộn lên. Tôi bấm máy cố gắng cho chính xác và nhẹ nhàng, sợ làm ảnh hưởng tới không khí đầm ấm kia. Bác xoa đầu các cháu. Còn các cháu thì hớn hở, ríu rít như đàn chim quanh Bác.

Bác Hồ vui vẻ hỏi:

- Các cháu có biết hôm nay là ngày gì không?

Hôm ấy mới là tối 31-5, nên có nhiều cháu chưa biết trả lời ra sao. Có một cháu gái rất xinh đứng nghiêm báo cáo:

- Thưa Bác hôm nay là ngày hội vui, chúng cháu được gặp Bác và các bác các chú ở Trung ương nhân ngày mùng một tháng sáu ạ.

Bác Hồ ôm hôn cháu:

- Cháu nói đúng lắm.

Bác quay chỉ vào đồng chí Xuân Thuỷ:

- Các cháu có biết ai đây không?

- Thưa Bác có ạ, bác Xuân Thuỷ ạ.

Bác lại chỉ vào đồng chí Tố Hữu:

- Chú Tố Hữu làm gì nhỉ?

- Thưa Bác, làm thơ ạ.

- Đúng, chắc có nhiều bài thơ của chú Tố Hữu các cháu đã được đọc.

Bác khoan thai nhìn các cháu:

- Hôm nay trong gia đình Bác cháu ta, Bác đến để xem tài nghệ các cháu làm sao?

Bác quay lại nhắc đồng chí Phạm Văn Đồng:

- Kìa, Thủ tướng đi phân phát kẹo cho các cháu đi chứ.

Không khí đầm ấm quá. Nét mặt các cháu cứ như cánh hoa nở theo từng câu nói của Bác. Chúng tôi ra sức ghi cho được những hình ảnh về Bác và các cháu, với cảm nghĩ mình như con cháu trong nhà, làm việc giữa tiếng đàn, giữa tiếng hát, giữa tiếng nói của Bác Hồ ấm dịu và tiếng các cháu thanh thanh.

Một cháu lên xin phép Bác để biểu diễn đàn "tam thập lục".

Bác nói:

- Cháu gọi là đàn ba mươi sáu dây cho dễ hiểu nhé.

Cảm động nhất là khi chúng tôi quay cảnh các cháu hát bài "Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng". Mắt các cháu sáng lên cùng với tiếng hát: "Bác chúng em dáng cao cao người thanh thanh, Bác chúng em mắt như sao, râu hơi dài..."

Bác Hồ ngồi nghe, Bác cười rạng rỡ. Ống kính máy quay của chúng tôi xúc động ghi được nét mặt của Bác khi đó với nụ cười, với chòm râu bạc như cước cùng với nét mặt vui tươi của các cháu qua bài hát ca ngợi Bác. Nhìn nét mặt Bác khi đó, tôi như thấy cả tấm lòng của Bác đối với các cháu, như lời thơ của Bác làm tặng các cháu nhân dịp trung thu năm nào:

Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh
Tính các cháu ngoan ngoãn
Mặt các cháu xinh xinh...

Các cháu kết thúc tối vui bằng bài "Giải phóng miền Nam", "Kết đoàn" và bài "Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng". Giọng Bác ấm áp hiền dịu:

- Hôm nay thật là vui vì Bác thấy được sự cố gắng của các cháu. Bác không gặp hết được các cháu, vậy Bác cho mỗi cháu một gói kẹo để chia cho các cháu ở nhà. Các cháu về phải bảo nhau chăm học, ngoan ngoãn, cố gắng nhiều hơn nữa.

Hình ảnh Bác vui với các cháu vào tối 31-5-1969 là những hình ảnh cuối cùng mà ống kính của chúng tôi ghi được về Bác. Tiếng nói ấm dịu của Bác hôm đó cũng là tiếng nói mà chúng tôi được nghe lần cuối. Song hình ảnh đó, tiếng nói đó vẫn vang vọng trong chúng tôi mãi mãi. Bác nhắc nhở các cháu mà như nhắc nhở chúng tôi phải cố gắng, cố gắng nhiều hơn nữa trên con đường mà Bác đã vạch ra.

BÁC XEM PHIM "KIM ĐỒNG"

NÔNG ÍCH ĐẠT

Theo thường lệ, mỗi khi hoàn thành một bộ phim, Xưởng phim truyện Hà Nội lại được vinh dự đem phim vào Phủ Chủ tịch chiếu để Bác xem.

Kỳ này tới lượt phim *Kim Đồng*. Nghe tin này, tôi sung sướng vô hạn. Đây không phải là lần đầu tiên tôi được gặp Bác, nhưng là lần được đưa bộ phim đầu tay của tôi cùng đồng chí Vũ Phạm Từ đạo diễn, vào chiếu để Bác xem. Từ khi làm công tác văn nghệ, tôi chưa lần nào được vinh dự lớn như lần này.

Mừng là thế, nhưng nỗi lo còn lớn hơn, vì Bác đã sống ở Pác Bó. Bác biết rõ Kim Đồng, biết rõ nhân dân địa phương hơn ai hết. Nội dung bộ phim lại nói về đời hoạt động của Kim Đồng trong phong trào quần chúng cứu quốc thời kỳ tiền khởi nghĩa ở vùng Pác Bó. Những thể hiện của chúng tôi trên phim, thiếu đủ, sai sót ra sao sẽ lộ hết ra trước mắt Bác...

Nhưng ngày giờ ấn định đã đến, lo thì lo, tôi vẫn vô cùng phấn khởi theo đoàn đại biểu của Xưởng phim vào Phủ Chủ tịch. Cùng đi với chúng tôi có cả hai cháu Lê Thanh Phương và Kim Phúc là hai diễn viên đóng vai Kim Đồng và Thuỷ Tiên trong phim.

Trước giờ chiếu năm phút, Bác đã tới, cả phòng tràn ngập tiếng chào mừng Bác. Chúng tôi vừa vỗ tay vừa khẽ huých tay vào nhau vì sung sướng. Buổi này, Bác đã cho phép tất cả các cháu nhỏ con em các đồng chí cán bộ, công nhân viên quanh Phủ

Chủ tịch được theo cha mẹ cùng vào xem. Các cháu ríu rít như một bầy chim, làm nhộn nhịp cả phòng chiếu.

Bác hỏi chúng tôi:

- Cháu nào đóng Kim Đồng?

Phương nhanh nhẹn đáp:

- Thưa Bác, cháu ạ.

Bác tiếp:

- Thế thì trước khi xem phim, cháu hãy kể chuyện Kim Đồng cho Bác, cho các cô, các chú, và cả các bạn nhỏ này nghe đã.

Phương khẽ đáp: "Vâng ạ!". Rồi đứng im thin thít, mặt đỏ dần lên. Tôi hoảng quá. Diễn viên đóng vai chính mà không kể được chuyện về nhân vật mình đóng thì rõ ràng là lỗi ở đạo diễn chứ còn ai nữa! Nhất là diễn viên lại không chuyên nghiệp và còn nhỏ tuổi. Một phút trôi qua, xung quanh mọi người chờ đợi cháu nói, không khí yên lặng. Tôi đã toan xin phép Bác được nói thay cho cháu, nhưng bỗng Phương rướn thẳng người tay giơ lên trước trán chào Bác theo kiểu "măng mọc thẳng", rồi nói:

- Thưa Bác, thưa các chú, các cô và các bạn...

Phương kể lưu loát một mạch toàn bộ câu chuyện về Kim Đồng. Đến cuối, Phương còn nói thêm được cả về ý đồ của các đạo diễn trong phim này ra sao nữa. Thật là vượt mức yêu cầu! Phương nói xong, cả phòng vỗ tay khen. Bác cũng khen và cho Phương được ngồi cạnh Bác trong khi xem phim.

Một tiếng rưỡi qua đi, bộ phim đã được chiếu xong, đèn bật sáng trở lại. Bác đứng dậy bước đi vài bước rồi quay lại nói với mọi người:

- Đấy, đồng bào miền núi đối với cách mạng như thế đấy. Từ người già cho đến trẻ em, tất cả mọi người, như ở trong phim ấy, đều một lòng một dạ giúp đỡ ủng hộ và bảo vệ cách mạng,

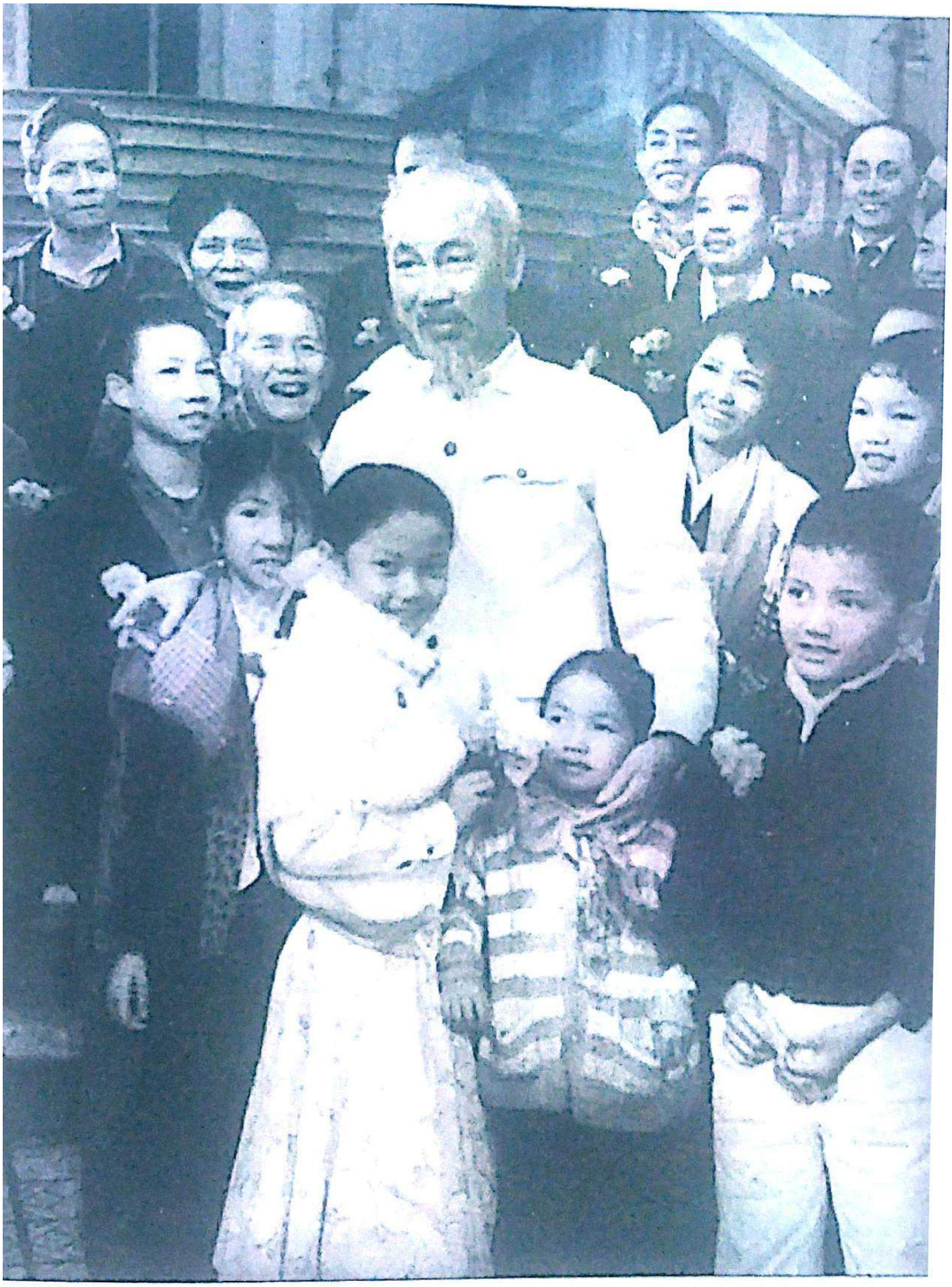

Bác Hồ với thiếu nhi (1960) - *Ảnh: TTXVN*

không hề tiếc công, tiếc của, tiếc sức, cả đến tính mạng của mình cũng không tiếc. Đồng bào tốt thế đấy, các cô các chú nhớ lấy!

Ngừng một giây, Bác nói tiếp:

- Kim Đồng thông minh lắm. Bác nhớ có một lần như thế này: Hồi ấy, đoàn thể có giao cho Kim Đồng một khẩu súng lục "cổ lỗ sĩ" - Bác cười và giải thích: hồi ấy ta còn nghèo lắm - nhưng vẫn còn bắn được. Một hôm, Kim Đồng đi giao thông xong, đang men theo sườn núi trở về gần với lán bí mật thì nghe từ phía dưới chân núi có tiếng xì xồ vọng lên, đó là bọn lính dõng và Tây đồn đang đi lùng sục cách mạng. Vì sương mù còn phủ dày đặc ở phía dưới nên Kim Đồng chỉ nghe thấy tiếng mà không nhìn thấy người. Tiếng bọn địch mỗi lúc một gần, Kim Đồng muốn chạy lên báo cho cán bộ biết, nhưng sợ không kịp và bị lộ, lợi dụng tình thế sương mù còn phủ kín bốn bề, Kim Đồng rút súng ra bắn một phát chỉ thiên. Địch ở bên dưới tưởng có du kích mai phục, vội vàng rủ nhau tháo chạy. Cán bộ ta ở phía trên đỉnh núi nghe tiếng súng cũng rút ngay. Như thế là Kim Đồng vừa đuổi được địch lại vừa báo được cho cán bộ biết có nguy hiểm để tránh.

Nghe xong đoạn này, tôi tiếc ngẩn người, vì giá được nghe Bác kể trước mà đưa vào phim thì lại được thêm một đoạn hay và lý thú, càng nói rõ thêm sự thông minh lanh trí của Kim Đồng.

Lúc này có lẽ những kỷ niệm và hình ảnh của các vùng Pác Bó, Lam Sơn, Cao-Bắc-Lạng đang sống lại trong ký ức Bác, Bác đứng trầm ngâm một lát rồi lại nói tiếp:

- Lính địch ở trong phim cũng còn ít lắm. Hồi đó, lính đi lùng bắt cách mạng rất đông. Có cả thảy bảy, tám thứ lính: lính khố đỏ, khố xanh, khố vàng, lính cơ, lính lệ, lính dõng, lính cúp-phăng và lính lê dương nữa. Thế nhưng chúng không thể làm gì được cách mạng. Bác nhắc lại một lần nữa: Vì tất cả nhân dân, từ các cụ già đến các cháu nhỏ, ai ai cũng ủng hộ và hết sức bảo vệ

cán bộ, bảo vệ cách mạng... Đồng bào miền núi như thế đấy, các cô, các chú hãy nhớ lấy!

Trên đường trở về Xưởng, tôi càng thấy thấm thía về tấm lòng của Bác đối với các dân tộc miền núi chúng tôi. Chính Bác, Đảng đã dẫn dắt chúng tôi ra khỏi vòng đói khổ, lạc hậu và đưa lên con đường ấm no, hạnh phúc, tiến bộ. Công ơn cao hơn núi, rộng hơn biển, vậy mà Bác vẫn nói những lời nặng ân tình ấy đối với nhân dân miền núi chúng tôi. Tôi nghĩ: ân tình ấy là keo sơn đời đời gắn chặt các dân tộc miền núi với Bác, Đảng và Chính phủ.

BÁC HỒ VỚI NGHỆ THUẬT TUỒNG

NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

Với các môn nghệ thuật truyền thống như chèo, dân ca quan họ, dân ca Nghệ Tĩnh, chầu văn..., Bác Hồ đều quan tâm và căn dặn anh chị em hoạt động nghệ thuật phải gắng giữ gìn, phát huy vốn quý của dân tộc. Riêng với tuồng, đặc biệt là tuồng khu V, Bác càng dành tình cảm đặc biệt, bởi đó không chỉ là nghệ thuật mà còn là tình cảm Bác dành cho đồng bào miền Nam ruột thịt nữa.

Năm 1954 khi Đoàn tuồng Liên khu V đã tập kết ra Bắc, đang ở trong nhà của Trường Mỹ thuật (cạnh Nhà hát nhân dân), Bác cho gọi vào Phủ Chủ tịch để Bác thăm hỏi và biểu diễn cho Bác xem. Dạo ấy Đoàn có vở *Chị Ngọ* của tác giả Tống Phước Phổ diễn đã nhiều nên khá nhuyễn. Anh chị em vừa diễn vừa xúc động theo dõi Bác. Nhiều đoạn hay, Bác gật đầu hài lòng. Đến cảnh địch tra tấn đồng chí Tài, chi uỷ viên, cán bộ xã đội, nét mặt Bác đượm buồn. Rồi người đưa khăn lên chấm mắt.

Đoàn diễn xong, Bác lên sân khấu bắt tay từng người, ân cần thăm hỏi sức khoẻ, chế độ ăn uống ra sao. Bác khen anh chị em diễn tốt và tỏ ý rất thích vở này. Nhưng Bác cũng dặn lần sau diễn vai "địch" tra tấn đồng chí ta thì nên nhẹ tay thôi, kẻo diễn viên đau. Sau đó, Bác cho mỗi người 8 kilôgam gạo ngon gọi là để bồi dưỡng.

Mùa đông năm 1955, Đoàn dời xuống khu văn công Mai Dịch (Cầu Giấy). Tuy đã có thêm chăn và quần áo ấm nhưng anh chị em vẫn chưa quen được với cái lạnh xứ Bắc. Trong cơn gió mùa thổi từng cơn nhức buốt, anh chị em ngồi co ro trên giường, trùm chăn lên mà răng vẫn đánh lập cập.

Bỗng cửa mở. Một người mặc bộ kaki đã cũ, tấm khăn bông che gần kín mặt đột ngột vào phòng. Người ấy đến bên ông Văn Bá Anh một nhạc công của Đoàn, hỏi:

- Các đồng chí văn công khu V có lạnh không?

Ông Anh vừa run vừa trả lời:

- Lạnh quá trời ông à. Tụi tôi hết chịu nổi. Ăn xong không muốn rửa chén đũa nữa.

Ông khách gật đầu rồi đi xuống bếp xem xét. Xong lại vào cả nhà tiêu, bể nước. Rồi cũng chẳng ai biết ông khách đi bao giờ, đi lối nào. Một lúc sau mới thấy đồng chí Trưởng đoàn báo cả đoàn chuẩn bị đón Bác Hồ đến thăm. Mọi người quên hết rét lạnh, tíu tít chuẩn bị. Nhưng chờ mãi chả thấy Bác đâu mà chỉ thấy ô tô chở thêm chăn và quần áo ấm đến cho mọi người. Mãi sau mới vỡ lẽ: vị khách vào hỏi ông Văn Bá Anh và đi xem xét mọi nơi ấy chính là Bác Hồ kính yêu. Bác đến và đi đột ngột, chẳng ai kịp biết gì.

Năm 1957, Đoàn nghệ sĩ tuồng khu V gồm 5 người: Tám Danh Trưởng đoàn, Đinh Quả Phó đoàn và các nghệ sĩ Đỗ Ngọc Liên, Nguyễn Phô, Văn Bá Anh được sang Liên Xô biểu diễn. Khi về có ghé qua Bắc Kinh. Lúc này, Bác Hồ và Đoàn đại biểu Chính phủ ta đang thăm Trung Quốc. Nghe tin có tuồng khu V ghé, Bác mời đến Đại sứ quán ta ở Bắc Kinh để gặp gỡ. Bác hỏi thăm:

- Các cô các chú đi biểu diễn tuồng ở Liên Xô có tốt không? Bạn có thích không, có hiểu tuồng ta không?

Nghệ sĩ Đinh Quả thưa:

- Thưa Bác, bạn hiểu và thích lắm ạ. Đi đến đâu, Đoàn chúng cháu cũng được bạn hoan hô nhiệt liệt ạ.

Bác gật đầu:

- Thế thì các chú biểu diễn cho Bác và mọi người xem đi!

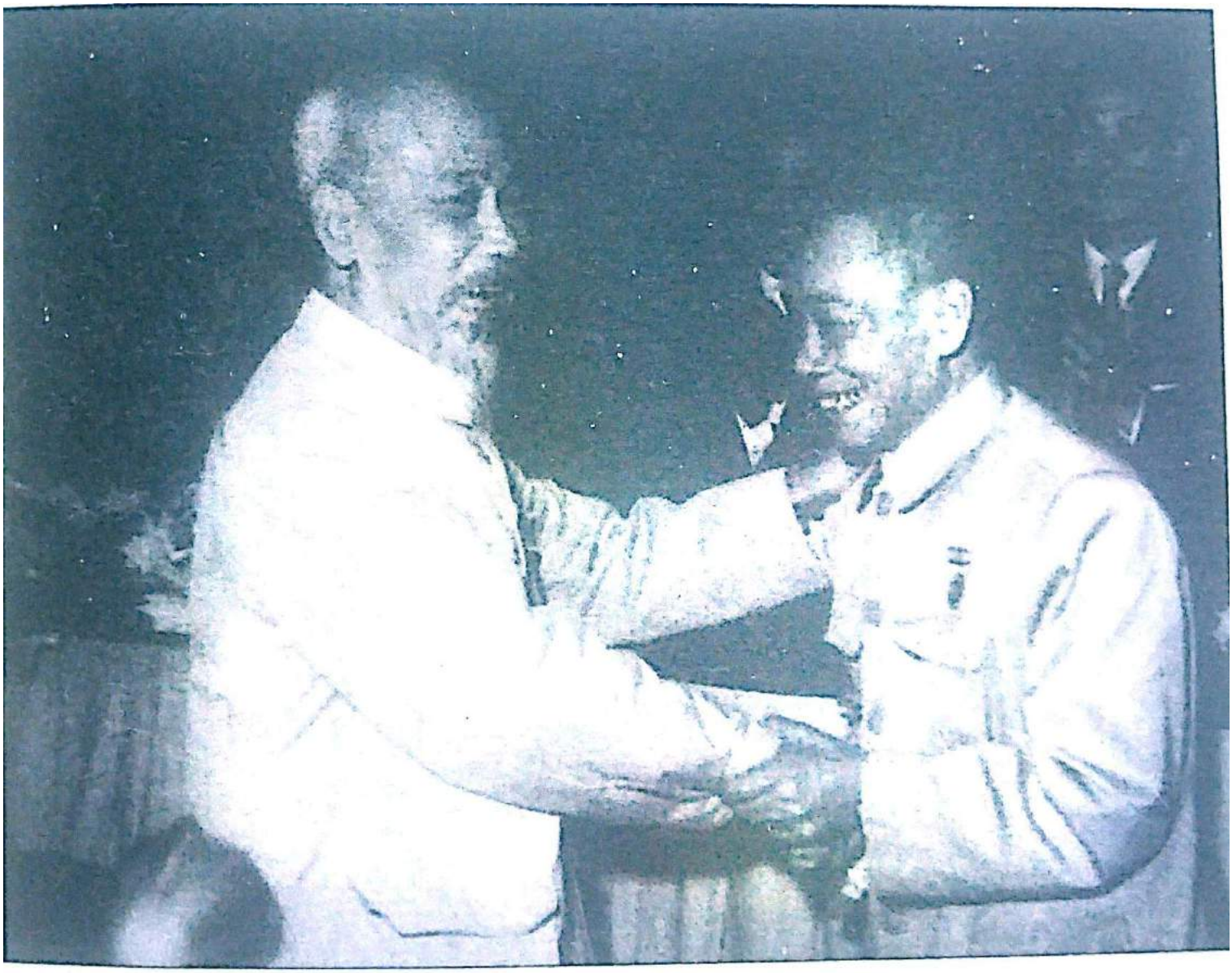

Bác Hồ thăm hỏi nghệ sĩ Nguyễn Phương Danh (Tám Danh)
Đoàn Cải lương Nam Bộ (tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc)
lần thứ 3 (1962) - *Ảnh: TTXVN*

- Thưa Bác! Vì chúng cháu ghé đây thời gian ngắn, nên đạo cụ còn để cả trên máy bay ạ.

- Không có đạo cụ thì biểu diễn "chay" vậy, có được không?

Thế là mấy nghệ sĩ hào hứng biểu diễn để Bác xem. Ông Đinh Quả đánh trống. Ông Văn Bá Anh thổi kèn. Mấy người kia thì kéo nhị, đánh mõ, não bạt, thanh la..., tất nhiên là bằng miệng...

Xem mấy nghệ sĩ biểu diễn, mọi người không nhịn được cười. Bác Hồ rất vui. Ông Tám Danh còn hát thêm bài *Lý ngựa ô* dân ca Nam Bộ nữa. Bác rất hài lòng, lấy túi kẹo chia cho mỗi người mấy cái. Riêng ông Tám Danh được thêm một kẹo nữa. Thấy Bác hiền từ vui vẻ nên ông Văn Bá Anh mạnh dạn hỏi:

- Thưa Bác! Sao anh Tám Danh được hơn một kẹo ạ?

Bác cười:

- Chú không nên ghen tị. Cái kẹo ấy là thưởng cho con ngựa ô của chú Tám đấy.

Câu nói của Bác khiến mọi người thêm thoải mái, gần gũi.

Năm 1958, khi phái đoàn Chính phủ Ấn Độ do Thủ tướng Nê-ru dẫn đầu sang thăm hữu nghị chính thức nước ta, các nghệ sĩ Ái Liên, Ngọc Dậu, Song Kim, Đình Quả được chọn vào biểu diễn phục vụ khách.

Trước khi biểu diễn, Bác cho mời anh chị em nghệ sĩ vào Phủ Chủ tịch ăn cơm. Vừa ăn, Bác vừa kể chuyện rất vui. Rồi Bác căn dặn, đại ý: phải diễn cho hay, cho đẹp, cho gọn. Chỗ nào rườm rà thì cắt bỏ, vì đã dài là dễ dở. Cố gắng chọn tiết mục ngắn gọn, cô đúc nhưng phải thật nghệ thuật cho khách xem.

Ông Đinh Quả biểu diễn võ Tây Sơn 12 trống rất điêu luyện nhuần nhuyễn. Bác Hồ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cùng các vị khách quý Ấn Độ tỏ vẻ rất thích thú tiết mục này, nên nghệ sĩ

Đinh Quả càng diễn càng hay. Nhưng thật bất ngờ, không hiểu do xúc động hay do mồ hôi trơn mà khi nghệ sĩ vung dùi gõ mạnh lên mặt trống thì một chiếc dùi văng ra, tung lên cao.

Nghệ sĩ đang toát mồ hôi vì lo hỏng tiết mục thì may sao, chiếc dùi rơi xuống ngay trước mặt. Nhanh mắt nhanh tay, ông Đinh Quả tóm ngay chiếc dùi và gõ liên hồi lên mặt trống. Tiếng vỗ tay vang lên như sấm. Nghệ sĩ hoàn hồn, bình tĩnh biểu diễn trọn tiết mục. Sau buổi biểu diễn ấy, Bác và Thủ tướng ta rất hài lòng, bởi các vị khách quý Ấn Độ rất thán phục tài nghệ biểu diễn của nghệ sĩ ta, đặc biệt là tiết mục 12 trống.

Ngày mới tập kết ra Bắc, nhiều anh chị em Đoàn tuồng khu V chán nản muốn giải nghệ vì thấy không mấy người hiểu tuồng, thích tuồng. Nhưng qua những lần được gặp Bác, được Bác cho vào biểu diễn phục vụ khách quốc tế, càng thấy Bác quan tâm đến nghệ thuật tuồng. Bất cứ đón một đoàn khách Chính phủ các nước bạn bè nào, Người cũng cho Đoàn tuồng khu V vào biểu diễn và thường là vở *Hai Bà Trưng khởi nghĩa,* kết thúc ở đoạn *Hai Bà đề cờ*. Bác giới thiệu cặn kẽ với khách: đây là nghệ thuật truyền thống độc đáo của dân tộc Việt Nam. Bác cũng ân cần căn dặn các nghệ sĩ tuồng, đại ý: tuồng là vốn quý của cha ông. Các nghệ sĩ phải chăm lo gìn giữ và phát triển vốn quý ấy. Nhưng hãy cẩn thận, chớ có "gieo vừng ra ngô"...

Lời dạy của Bác Hồ thấm sâu vào tâm khảm các nghệ sĩ Đoàn tuồng khu V, nay là Nhà hát tuồng Đào Tấn, tỉnh Bình Định.

BÁC HỒ MUÔN VÀN KÍNH YÊU VỚI NHỮNG KỶ NIỆM MÃI MÃI TRONG TÔI

CHU THUÝ QUỲNH

Ngồi cầm bút ghi lại, những mẩu chuyện về Bác cách đây 55 năm đối với tôi như vẫn còn tươi mới và xúc động.

Tháng 2-1955, tôi được tuyển vào Đoàn Ca múa Nhân dân Trung ương. Cuối năm đó Thủ đô đón Bác Hồ về Hà Nội, đoàn được vào phục vụ Bác. Tôi được vào cùng với đoàn - ước mơ được gặp Bác Hồ của tôi đã thành. Khi Bác từ nhà nghỉ xuống chỗ biểu diễn, Bác đi vào phía sau sàn diễn. Tất cả anh chị em chúng tôi reo hò "Bác Hồ, Bác Hồ". Bác tươi cười vẫy tay, chúng tôi ùa đến vây quanh Bác. Tôi cũng len vào để được gần Bác. NSND Nguyễn Văn Thương - Trưởng đoàn, đứng phía trước. Bác hỏi: "Các cháu đoàn nào?". Nghệ sĩ Nguyễn Văn Thương trả lời: "Chúng cháu là Đoàn Ca vũ Trung ương ạ". "Thế ca là gì?". "Ca là hát ạ!". Bác lại hỏi: "Vũ là gì?". "Vũ là múa ạ". Bác nói: "Thế tại sao lại không gọi là Đoàn Hát múa Trung ương". Về sau này thì Đoàn Ca vũ Trung ương được đổi thành Đoàn Ca múa Nhân dân Trung ương. Bác đã sửa lại tên đoàn rất đơn giản và đúng với ngôn từ tiếng Việt.

Sau đó, Bác lại hỏi tiếp : "Thế cháu nào bé nhất đoàn?". Nghệ sĩ Nguyễn Văn Thương và các anh chị trong đoàn chỉ vào tôi và dắt tôi ra chào Bác : "Thưa Bác, đây là em út Chu Thuý Quỳnh, bé nhất đoàn ạ". Khi đó, tôi mới 14 tuổi, vẫn còn quàng khăn đỏ. Mọi người vui mừng quây quần bên Bác. Tôi quá vui

mừng và xúc động, chẳng biết nói gì hơn mà chỉ ngước mắt ngắm nhìn Bác. Vậy là ước mơ được gặp Bác của tôi đã thành hiện thực. Không những được gặp Bác mà tôi còn được ôm Bác, được Bác vuốt tóc. Bác trong tôi lúc đó giống như là hình ảnh của một ông Tiên vậy. Đó thực sự là một kỷ niệm lớn, sâu sắc trong cuộc đời làm diễn viên của tôi.

Tiếp đến những lần tôi được vào biểu diễn cho Bác xem, biểu diễn khi Bác tiếp đón các đoàn khách nước ngoài, khách của các đoàn thể, của Chính phủ. Trong những cuộc biểu diễn đó bao giờ Bác cũng vào phía sau sân khấu và hỏi xem hôm nay có "tủ gì mới không?". Bởi với Bác, chương trình ca múa nhạc của đoàn như múa Quạt Tây Bắc, múa Nón đồng bằng, múa Nón Thái, múa Sạp... trở nên rất quen thuộc.

Năm 1959, chúng tôi có chuyến đi rất dài ngày tham gia Festival Viên - Áo và biểu diễn ở 12 nước Xã hội chủ nghĩa, Ấn Độ, Miến Điện. Trước khi lên đường Bác gọi đoàn vào dặn dò. Bác căn dặn đồng chí Trưởng đoàn Nguyễn Đức Quỳ - Thứ trưởng Bộ Văn hoá và các diễn viên là đem chuông đi "đánh" nước người đấy, phải "đánh" sao cho thật kêu, xứng đáng với đất nước, với nhân dân. Bác cũng giới thiệu về đặc điểm của từng nước mà chúng tôi sẽ diễn, nhắc nhở mọi người phải chú ý để có chương trình diễn sao cho phù hợp. Khi nói tới Ấn Độ, Bác bảo: "Bé Quỳnh nhớ chuyển lời thăm và hôn Bác Cha Cha Nêru nhé". Chúng tôi vâng lời Bác và hứa sẽ làm tốt lời Bác dạy, biểu diễn thành công. Bác vui vẻ chia tay đoàn.

Sau gần 9 tháng, đoàn trở về. Chúng tôi lại được Bác cho vào báo cáo về kết quả của chuyến đi. Bác vui vẻ: "Các cháu đã diễn ở các nước bạn thành công nhưng không được phồng mũi đâu nhé". Tôi thưa với Bác, cháu đã chuyển lời của Bác tới Bác "Cha Cha Nêru", Bác "Cha Cha Nêru" chuyển lời thăm Bác và rất nhớ Bác. Bác cho chúng tôi ăn kẹo, hoa quả và nói với đồng chí Thứ trưởng Bộ Văn hoá thưởng cho chúng tôi nghỉ phép một tháng.

Sau những lần được cùng đoàn vào biểu diễn phục vụ Bác, tôi còn được vinh dự vào thăm Bác, ăn cơm cùng Bác, đọc báo cho Bác, kể chuyện luyện tập chuyên môn và công tác của tôi. Bác dạy tôi phải kiên trì, chăm chỉ và hàng ngày hãy nhớ luyện tập động tác nhảy cao. Bác hướng dẫn tôi cách để luyện tập động tác nhảy cao đó: "Cháu hãy đào một cái hố, cho đất vào ống quần, buộc chặt lại, đứng bên dưới hố và nhảy lên. Khi cháu thấy việc nhảy lên dễ dàng hơn thì hãy đào hố sâu thêm một tẹo. Hố càng sâu thì khả năng bật nhảy của cháu sẽ càng cao hơn". Mới nghe tôi thấy hơi lạ song tôi hiểu ngay. Bác dạy cho tôi lòng quyết tâm và sự kiên trì, có kiên trì thì sẽ thành công. Từ lời dạy rất đơn giản và sâu xa của Bác tôi đã có thêm nghị lực và ý chí để chăm chỉ luyện tập. Bản thân tôi là diễn viên, tuy có chút năng khiếu nhưng còn rất nhiều nhược điểm, đặc biệt, múa ba lê cần có độ mở của chân và dẻo toàn thân.

Theo lời dạy của Bác tôi phải cố gắng và khổ luyện các kỹ năng múa rất nhiều. Nó giúp tôi phần nào giải quyết những nhược điểm để tiếp thu các yêu cầu cơ bản của múa ba lê với những kỹ xảo khó như quay, nhảy cao, xa, khống chế trên không, tôi tiến bộ nhanh hơn.

Nhiều lần tôi được giao lưu, học tập với các đoàn nước ngoài như Liên Xô, Triều Tiên, Trung Quốc. Tôi đã múa cùng Vân Quyên điệu múa "Anh chàng cắt cỏ và cô gái hái rau rừng". Phái đoàn Triều Tiên xem xong đã nói với Bác là chúng tôi múa rất hay, rất giống Triều Tiên. Đến năm 1962, tôi và nghệ sĩ ưu tú Anh Nghiêm đã được học điệu "Múa cung" - trích Vũ kịch hội Tiểu Đao của Trung Quốc. Điệu múa đã được diễn phục vụ các phái đoàn Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ, Thủ tướng Chu Ân Lai tại Phủ Chủ tịch. Với những kỹ thuật, kỹ xảo khó của múa cổ điển Trung Quốc như: bê lên cao, quay lật nghiêng, chúng tôi đã diễn tốt và được Thủ tướng Chu Ân Lai khen ngợi. Ông hỏi tôi học múa Trung Quốc ở đâu và lâu chưa. Chúng tôi thưa với Bác và Thủ tướng là chúng tôi mới học của các nghệ sĩ múa Trung Quốc

tại Bắc Kinh. Thủ tướng nói với Bác Hồ, các diễn viên không chỉ múa tốt mà còn rất hay, thể hiện được phong cách, tâm hồn Trung Quốc. Bác rất vui và động viên chúng tôi. Nhớ đêm diễn phục vụ phái đoàn của đồng chí Vôrosilop, phái đoàn của Nhà du hành vũ trụ German Titôp, tôi đã cùng các anh trong đội múa biểu diễn điệu múa Nga "Những anh chàng không may". Tôi múa vai cô gái. Điệu múa đã được đồng chí Vôrosilop, nhà du hành vũ trụ Titôp rất hoan nghênh. Bác khen các cháu biểu diễn tốt lắm.

Trong những năm 60-69, Đoàn Ca múa Trung ương đi giao lưu biểu diễn ở nhiều nước, chuyến đi sang Cu Ba là chuyến đi rất xa, sang bên kia bán cầu và cũng là lần đầu tiên Đoàn Nghệ thuật Việt Nam đến đất nước anh hùng ở Châu Mỹ La-tinh. Nhân dân Cu Ba, khán giả Cu Ba đã đón tiếp chúng tôi như những người anh em. Đến buổi biểu diễn khán giả hô to: "Viva Việt Nam, Viva Hồ Chí Minh!" (Việt Nam muôn năm, Hồ Chí Minh muôn năm!). Về nước, nhà thơ Cù Huy Cận, Trưởng đoàn đã báo cáo với Bác về những kết quả của đoàn tại Cu Ba. Bác nói: "Các cô chú, các cháu đã đại diện cho nhân dân ta, đất nước ta, Bác rất vui và tuyên dương các cô, các chú, các cháu đã biểu diễn thành công tại nước bạn".

Lần đầu tiên, năm 1968, suốt hai tháng ở Nhật Bản chúng tôi đi khắp các tỉnh, thành phố từ Tokyo, Kyoto, Kawazaki đến Hirosima, Ôkinawoa... Đi đến đâu, chúng tôi cũng được đón tiếp nồng nhiệt. Điều đặc biệt là khán giả Nhật Bản bao giờ cũng đến nhà hát rất sớm để cùng hát bài hát Việt Nam: *"Vì nhân dân quên mình", "Kết đoàn"*. Những bài hát được khán giả hát đồng ca sôi động và những tiết mục biểu diễn của đoàn được khán giả vỗ tay theo nhất là: *Hò kéo pháo, Bà má miền Nam, Múa Sạp*... Có khi cả hội trường đứng lên nối tay nhau cùng hô to Việt Nam Hồ Chí Minh, chúng ta cùng cố gắng lên "Gambalo". Kết thúc buổi diễn khán giả ra cửa đứng hai bên tiễn chúng tôi lên xe rồi vẫy tay cho đến khi xe đi xa...

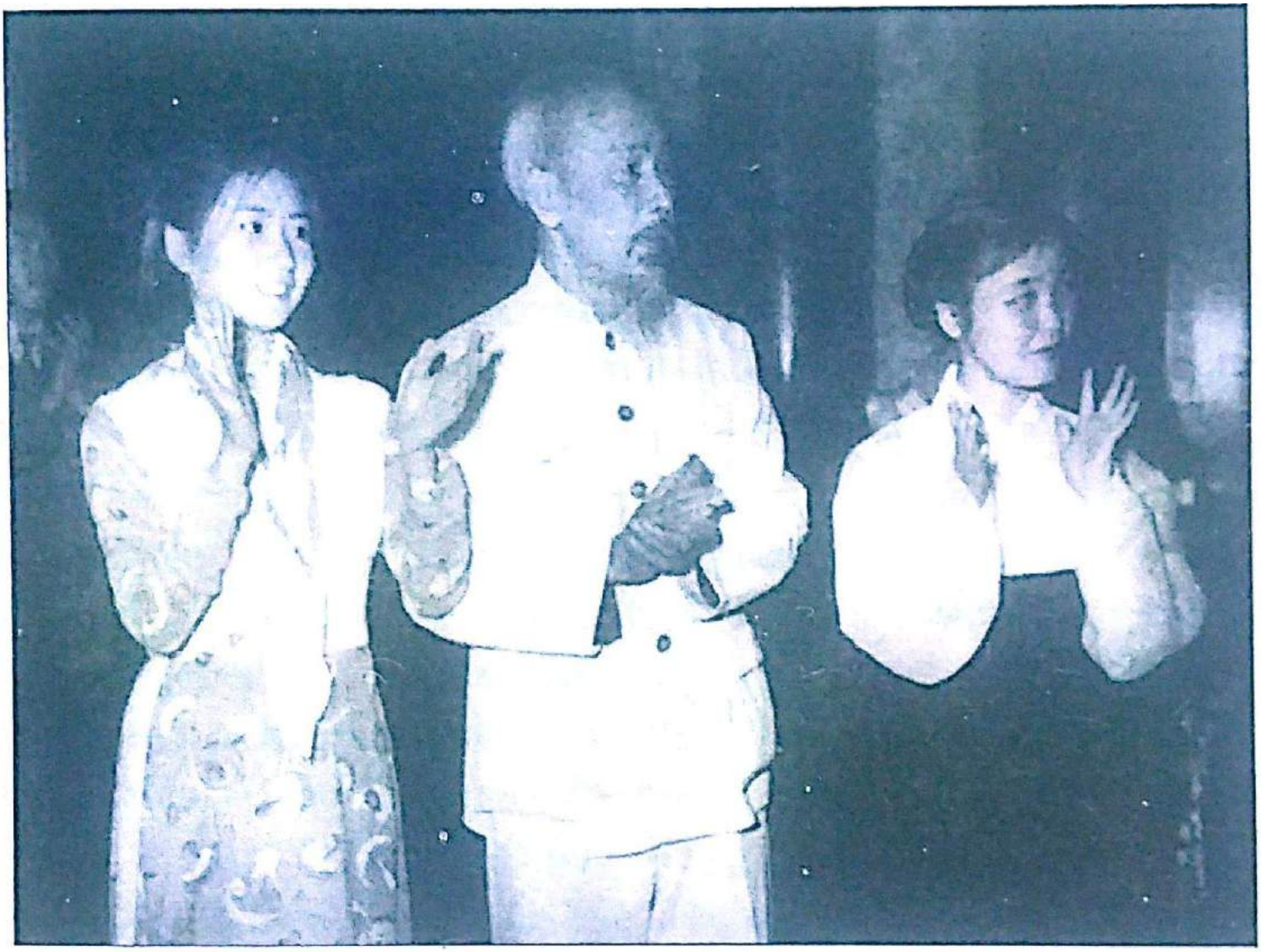

Chủ tịch Hồ Chí Minh và các diễn viên (người ngoài cùng bên trái là nghệ sĩ múa Chu Thuý Quỳnh) - *Ảnh: Đinh Đăng Định*

Lần đi Pháp, Ý và Angiêri, Bác giao trách nhiệm cho nhà thơ Cù Huy Cận - Thứ trưởng Bộ Văn hoá làm Trưởng đoàn, đồng chí Mai Vu - Vụ trưởng Vụ Nghệ thuật và Chu Thuý Quỳnh làm Phó đoàn. Bác nói: "Lần trước Bác ra đi phải lẩn trốn vì là người mất nước, ngày nay các cháu sang các nước với tư thế của người chiến thắng, của những chiến sĩ, nghệ sĩ của đất nước độc lập, tự do. Phải nói lên bằng văn hoá, văn nghệ của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Mong các cháu đi biểu diễn thành công". Chúng tôi mang theo lời dặn dò của Bác đi biểu diễn tại Paris, Marseille, Toulouse, Bordeaux, Rome, Algie. Ở tất cả mọi nơi chúng tôi đến đều được đón nhận và hoan nghênh. Các bà, các mẹ, các anh chị Việt kiều xa Tổ quốc lâu năm đã đón tiếp và chăm sóc chúng tôi từ bữa ăn đến giấc ngủ để chúng tôi biểu diễn thật tốt. Chúng tôi đã đến nơi Bác đã ở và làm việc bí mật trong thời kỳ tiền cách mạng, gặp các đồng chí chiến sĩ cộng sản cùng Bác thời tìm đường cứu nước. Mọi người đều nhắc đến Bác với tình cảm kính trọng, yêu quý người cộng sản cách mạng Việt Nam.

Trong mỗi tiết mục biểu diễn khán giả đều đứng dậy vỗ tay, vẫy cờ Việt Nam và hô vang "Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh". Sau buổi diễn khán giả đứng vẫy chào lưu luyến mãi. Có khán giả lái xe theo đoàn về chỗ ở, hô vang "Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ - Võ Nguyên Giáp - Hồ Chí Minh". Thật xúc động. Hình ảnh ấy mãi mãi là những ấn tượng sâu sắc, niềm tự hào đối với mỗi người chúng tôi trong đời nghệ sĩ.

Tôi may mắn là người có nhiều lần gặp Bác. Bác thường hỏi về tình hình học tập của tôi, tình hình của đoàn. Có bữa vào ngày chủ nhật, tôi lại được vào ăn cơm với Bác, tôi thấy Bác dùng bữa với những thức ăn rất đạm bạc: đậu phụ, rau muống chấm tương.

Tôi hỏi Bác: "Thưa Bác, sao Bác không dùng nước mắm?". Bác nói Bác thích chấm tương. Tôi thưa: "Sao các

đồng chí phục vụ không làm nước mắm riêng để Bác dùng ạ?". Bác lại nói: "Bác có phải là vua đâu mà làm nước mắm riêng". Rồi Bác cười vui. Có một kỷ niệm thật hạnh phúc đối với tôi sau khi tôi đã xây dựng gia đình năm 1966. Thường vào sau các bữa ăn bao giờ Bác cũng cho ăn quả. Hôm ấy, sau khi ăn cơm xong Bác cho tôi thêm một quả táo. Bác nói: "Cháu ăn đi, Bác cho quả này để cháu mang về cho "cái nhà biết đi" của cháu nhé". Tôi ngượng nhưng trong lòng thì âm ỉ một niềm vui sướng.

Nhớ lại một lần năm 1956 trong lúc ngồi đọc báo cho Bác nghe, tôi hỏi Bác: "Thưa Bác, sao Bác không xây dựng gia đình để có con ạ?". Bác vỗ vai tôi và để tay lên đầu tôi: "Bác đã có con đây rồi thôi". Tôi cảm động quá, được Bác coi là con, tôi nghẹn ngào gật đầu mà trong lòng rưng rưng muốn khóc. Đây là lời nói đầy thân thương của Bác mà bây giờ tôi mới viết ra. Vào năm 1958 Bác tiếp Đoàn ca múa của Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên, Bác cho tôi và diễn viên bé nhất đoàn Triều Tiên ngồi hai bên Bác. Lúc đó Bác còn hút thuốc lá, Bác có cái hộp đựng thuốc lá đã hết thuốc. Đây là chiếc hộp sắt có bông lúa bên ngoài. Đang định đưa cho tôi hay đưa cho bạn Triều Tiên tên là Đoàn Nhật Ngọc, thì Bác nói: Hôm nay cháu nhường bạn Triều Tiên nhé! Tôi vâng và không dám nghĩ về món quà ấy.

Bỗng một lần, anh Vũ Kỳ, thư ký của Bác đưa tôi chiếc hộp, dặn Bác cho Quỳnh để đựng kim chỉ. Tôi vô cùng cảm động vì một chi tiết nhỏ mà Bác vẫn nhớ. Chiếc hộp đã theo tôi đi khắp mọi nơi, nhất là thời kỳ đi biểu diễn phục vụ bộ đội, thời chống Mỹ. Thỉnh thoảng tôi mang hộp kim chỉ ra vá áo cho bộ đội và thương binh.

Bác tuy bận trăm công nghìn việc nhưng vẫn luôn dành tất cả tình cảm cho nhân dân, từ cụ già đến em bé, tới các chiến sĩ bộ đội, thanh niên xung phong và thanh thiếu niên, trong đó có tôi.

Tôi còn nhớ mãi Tết Nguyên đán 1961 tôi được vào ăn Tết với Bác, hôm đó có cả đồng chí Nguyễn Lương Bằng. Tết 1965-1966, có bác Phạm Văn Đồng và con trai của bác là Sơn Dương (hiện tại Sơn Dương đã là một vị tướng trong Quân đội nhân dân Việt Nam). Những bữa ăn, những ngày Tết thật ấm cúng không khí gia đình và tràn đầy tình thương yêu, hạnh phúc.

Nhớ nhất là sau chuyến đi Pháp, Ý, Angiêri... về, thấy Bác rất mệt, gầy và tay mọc nhiều rôm. Tôi đã khóc. Bác hỏi: "Gặp Bác phải vui, sao cháu lại khóc". Tôi thưa: "Cháu thấy Bác gầy và nóng phát ban, tay Bác nhiều rôm quá ạ!". Bác cười: "Bác không sao đâu, chỉ em bé mới có nhiều rôm chứ người lớn làm gì có rôm nào". Bác an ủi tôi như thế. Ra về tôi cứ thấy buồn mãi. Tôi nhìn Bác cười mà thấy lo, linh cảm điều gì đó không rõ rệt sẽ đến. Đây cũng là lần cuối cùng tôi được gặp Bác. Điều linh cảm đó đã đến thật rồi. Đầu thu năm 1969 nghe tin Bác mệt nặng, tôi lúc này cũng đang nằm bệnh viện. Tôi lo lắng vô cùng và rất muốn được thăm Bác lần nữa nhưng các đồng chí Vũ Kỳ, Cù Văn Chước cũng rất bận chăm sóc Bác. Tôi không thể liên hệ được.

Đến ngày 2-9 Bác đã ra đi. Toàn dân thương tiếc Bác, nhớ Bác, khóc Bác thật nhiều. Tôi xin ra viện để được tiễn đưa Bác. Hoà cùng dòng người lặng lẽ đi quanh Bác, tôi vừa khóc, vừa nhìn Bác như vị tiên đang ngủ. Tôi tự nhủ: Xin Bác yên lòng, con mãi mãi nhớ lời dạy của Bác và làm theo lời Bác.

Bây giờ nhớ lại những lần vinh dự được gặp Bác, được Bác ưu ái dạy dỗ, tim tôi vẫn trào lên niềm thương nhớ, kính yêu và tự hào về một người cha, một vị lãnh tụ có tâm hồn dung dị mà nhân ái, hết lòng vì đất nước, dù là một chi tiết nhỏ giữa đời thường.

Tháng 3-2010

SIU PHÍCH VÀ NHỮNG KỶ NIỆM VỀ BÁC HỒ

TRƯƠNG LỆ HẰNG

Cho tới cuối cuộc đời mình, Siu Phích vẫn không thể quên cảm xúc của những lần gặp Bác, chúng luôn mới rợi như vừa diễn ra, dù hơn nửa thế kỷ đã qua và rất nhiều điều đã mờ chìm trong ký ức.

Lần đầu gặp Bác là lúc Siu Phích đang học ở Trường học sinh miền Nam, đóng tại Gia Lâm, Hà Nội. Hôm đó, nghe Bác Hồ sẽ đến thăm, thầy và trò cả trường đều hồi hộp, náo nức. Siu Phích càng rạo rực mong chờ. Hồi còn ở nhà, người làng Chơ Glong, An Khê - bây giờ là Kon Chro - vẫn truyền tai bảo rằng Bác Hồ ở dưới biển, mỗi khi đất nước có việc quan trọng, Bác Hồ lại hiện lên để bày cho mọi người những điều tốt. Trong tưởng tượng của Phích, Bác Hồ là một Yang, một vị thần như trong những câu chuyện già làng hay kể. Khi lên đường ra Bắc, điều khát khao lớn nhất của Phích là có một ngày được gặp vị Yang ấy. Cả đêm thao thức không ngủ, sáng sớm Siu Phích đã cùng các thầy cô, bạn bè đứng dọc từ cổng trường vào lớp học để chờ Bác đến. Không chỉ ngóng ra cổng, Phích còn nheo mắt ngó lên trời vì biết đâu Bác sẽ từ trên trời bay xuống. Chờ mãi mà chưa thấy Bác hiện ra, Siu Phích bắt đầu nóng ruột thì nghe xôn xao ở một góc trường. Thì ra Bác không vào theo cửa chính treo đèn kết hoa mà Bác đi lối sau, kiểm tra tận mắt nơi ăn ở, vệ sinh của các cháu! Và Bác kia rồi! Ô, Bác Hồ, Bác giản dị, hiền hậu và gần gũi như một già làng trong buôn của mình thôi. Phích muốn đến sờ vào tay Bác nhưng người đông quá, chỉ đứng từ xa

mà ngắm Bác không chán mắt, ngắm thật kỹ để sau này về kể với mọi người. Bác ân cần hỏi thăm, dặn dò các cháu học sinh miền Nam phải cố gắng học thành người để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, sau này thống nhất về miền Nam phục vụ quê hương. Niềm hạnh phúc được nhìn thấy Bác khiến mấy ngày sau Phích còn thấy lâng lâng.

Siu Phích không ngờ mình còn được gặp Bác lần nữa, và lần này còn xúc động hơn cả lần đầu. Đó là hôm Bác tiếp khách quốc tế - vợ chồng luật sư Lôđoby, người đã cứu Bác năm xưa. Siu Phích lúc này đang là diễn viên Đoàn Ca múa Tây Nguyên. Bác Võ Hồng Cương đến chọn vài tiết mục vào biểu diễn trong Phủ Chủ tịch. Thế là được múa hát cho Bác Hồ xem rồi! Niềm rạo rực hân hoan của Phích và các bạn không thể nói bằng lời! Đến nơi Bác làm việc rồi, trước lúc vào diễn, Bác gặp riêng dặn dò: Khách của Bác là người Anh nhưng là người Anh cộng sản, là bạn bè của Việt Nam, các cháu đừng coi họ là bọn tư bản, đừng căm thù mà hãy vui vẻ nhé! Hôm đó, Siu Phích cùng nhóm múa bài *Đi săn* do chuyên gia Triều Tiên biên đạo, cùng xem còn có cả Bác Tôn, Bác Đồng. Diễn xong, Bác vỗ tay khen ngợi rồi dẫn sang phòng bên mời ăn bánh kẹo. Bác hỏi: Các cháu ra đây có vui không? Mọi người đồng thanh: Có ạ! Có tập luyện thường xuyên không? Có ạ! Có nhớ quê không? Có ạ! Bác thân mật đứng bên, hai tay đặt lên vai Siu Phích: Cháu có người thân ở đây không? Thưa Bác không ạ! Bố mẹ cháu đâu? Thưa Bác cháu mồ côi cha mẹ ạ! Thế cháu sống với ai? Cháu sống với bác ruột cháu! Cháu có buồn không? Có nhớ buôn làng không? Thưa Bác có buồn, có nhớ ạ! Siu Phích thật thà trả lời nhưng nhìn qua anh Trưởng đoàn, thoáng thấy nét mặt anh không vừa ý. Chết rồi, sao lại nói là có buồn, có nhớ nhà! Được sống ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa này, được học hành này, phải nói là vui chớ, nói buồn Bác phê bình mấy anh lãnh đạo chết! Nhưng không ngờ Bác khen: Cháu rất thật thà, xa người thân, xa cha mẹ buôn làng của mình thì phải nhớ, phải buồn chứ. Thật thà như thế là rất tốt.

Nhưng buồn nhớ thì cũng phải hoàn thành nhiệm vụ là cố gắng học tập để sau này trở lại quê hương phục vụ đồng bào. Các cháu đừng khách khí, ăn bánh kẹo đi, ăn không hết các cháu mang về cho các bạn...

Lời khen của Bác, sự ấm áp từ đôi bàn tay Bác đã thành báu vật cả cuộc đời của Siu Phích. Hơn nửa thế kỷ sau, kể lại cho tôi nghe câu chuyện ấy, giọng Siu Phích vẫn còn bồi hồi cảm động: Mình là thằng bé ở tận rừng núi đâu đâu, ở tít dưới bùn, đã được cán bộ Bác Hồ đưa ra Bắc học hành chăm sóc nên người, lại còn được chính Bác đặt tay lên vai ân cần thăm hỏi, lại còn được Bác khen, toàn những điều nằm mơ cũng chẳng thể thấy. Mấy năm sau lần biểu diễn cho Bác xem, Siu Phích đang du học ở Trung Quốc thì xảy ra cách mạng văn hoá, Bác cho gọi hết lưu học sinh Việt Nam về nước. Bác lo lắng cho từng người với tấm lòng của một người cha, bù đắp cho cậu bé người Thượng mồ côi bao nhiêu tình cảm. Và trọn cuộc đời mình, Siu Phích đã cố gắng sống cho xứng đáng với tình cảm ấy.

Từ một diễn viên múa, Siu Phích được nhạc sĩ Lưu Hữu Phước phát hiện và chuyển sang học thanh nhạc, được ca sĩ Trần Hiếu hết lòng dạy bảo, yêu thương. Rời Đoàn Văn công Tây Nguyên, Siu Phích về Đoàn Ca múa Quân giải phóng miền Nam – đoàn nghệ thuật được thành lập theo chỉ thị của Bác và được Bác theo dõi từng đường đi nước bước. Anh đã cùng đoàn đi biểu diễn hầu khắp các nước xã hội chủ nghĩa: Liên Xô, Anbani, Cộng hoà dân chủ Đức, Bungari, Rumani, Triều Tiên, Cu Ba... Đến đâu, đoàn cũng được hoan nghênh nhiệt liệt, đặc biệt khi đến Cu Ba, đoàn được đón tiếp như nguyên thủ quốc gia, đích thân Phiden Caxtơrô đã đến xem, choàng vai Siu Phích khen ngợi. Đó là những năm tháng cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ đang bước vào giai đoạn ác liệt nhất. Những chuyến biểu diễn của đoàn không chỉ giới thiệu với bạn bè quốc tế tài năng và văn hoá Việt Nam mà quan trọng hơn, những người nghệ sĩ còn thực hiện một sứ mệnh chính trị cao cả: để cho cả thế giới thấy

được sức mạnh tinh thần của người Việt Nam, tiếng hát át tiếng bom, giữa chiến tranh khốc liệt, người Việt Nam vẫn kiên cường, yêu đời với một sức sống bất diệt. Xen giữa những chuyến lưu diễn nước ngoài, Siu Phích còn hăng hái phục vụ đồng bào trong nước. Khắp nơi trên miền Bắc đã in dấu chân Siu Phích và đồng nghiệp. Kỷ niệm khó quên của anh là lần đi biểu diễn ở Vĩnh Linh năm 1962, đúng dịp 2-9, Siu Phích cất tiếng bên bờ bắc sông Bến Hải, giọng hát ngân vang qua loa phóng thanh, một người lính ngụy bên bờ Nam cũng đứng nhịp chân theo...

Sau ngày miền Nam giải phóng, mặc dù có điều kiện ở lại miền Bắc nhưng Siu Phích quyết định trở về quê nhà, công tác tại Đoàn Ca múa Đam San. Anh lại đem điệu múa, lời ca đến với đồng bào Kinh - Thượng ngay trên mảnh đất ông bà, như lời dặn dò của Bác năm xưa...

Ngẫm lại cuộc đời Siu Phích, có người so sánh ông với người này người khác, tiếc cho ông vì cả cuộc đời cống hiến, đến lúc nghỉ hưu vẫn chẳng có một danh hiệu nào như một sự ghi nhận công lao. Tôi hỏi ông: Bao nhiêu công lao thế, ngay cả danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú cũng không có, chú có chút buồn nào không? Ông cười điềm đạm: Tôi có may mắn là cha mẹ sinh ra đủ tay đủ chân, lại may mắn được Đảng, Bác Hồ nuôi dạy từ lúc 14 tuổi, được ca múa cho đồng bào mình xem, thế là quá tốt rồi, không cần những thứ đó đâu. Tôi biết lời ông nói là suy nghĩ thành thực, không một chút vẩn gợn. Thành thực và trong sáng cả khi tôi vô tình hỏi ông được kết nạp Đảng năm nào, ông nói đùa: "Cả đời tôi chỉ là cộng sản ngoài rìa thôi cháu ạ". Ông lấy cho tôi xem mảnh vải đen để tang Bác Hồ ông cất giữ hơn bốn chục năm nay, không giấu niềm tự hào: "Nhưng tôi đã cố gắng sống theo gương những người cộng sản, theo gương Bác Hồ mình, theo những lời dặn dò của Bác ". Tôi nhìn miếng vải, hình dung biết đâu sẽ có lúc nó trở thành hiện vật trong Bảo tàng Hồ Chí Minh, như một minh chứng cho lòng kính yêu của những người con Tây Nguyên với vị cha già dân tộc.

Tôi ngắm ông, một gương mặt Bơhnar ngoại thất tuần, tai vẫn còn dấu đeo khuyên, dáng ngồi co gối trên ghế như già làng ngồi bên bếp lửa. Ông kể chuyện cho tôi nghe bằng giọng trầm ấm của một ca sĩ hát giọng bass còn pha nhiều âm sắc dân tộc và một trí nhớ minh mẫn, một phong cách giản dị mà lịch thiệp. Tôi nhìn ông đón đứa cháu ngoại từ tay bà, cảm nhận được niềm hạnh phúc thanh thản của một người già mà không phải ai cũng có thể tìm thấy.

BÁC HỒ VỚI NGHỆ THUẬT XIẾC

LÊ ANH

Bác Hồ rất quan tâm đến các loại hình nghệ thuật sân khấu của Việt Nam, trong đó có nghệ thuật xiếc. Với xiếc, kể từ ngày xiếc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ra đời (16-1-1956) cho đến ngày Bác Hồ đi xa (2-9-1969), trong khoảng 13 năm ấy, dù vô cùng bận với công việc lãnh đạo đất nước sản xuất và chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược và phá hoại nước ta, Bác vẫn dành không ít thời gian quan tâm đến sự nghiệp phát triển của xiếc; Người còn dành cả tình thương bao la cho diễn viên nữa.

Một hôm, vào lúc khoảng hơn 10 giờ ngày 10-1-1960, Bác đến thăm Đoàn xiếc Trung ương trong lúc anh em Đoàn đang hạ rạp bạt tại hồ Bảy Mẫu, Hà Nội. Thấy Bác vào cửa khu rạp xiếc, diễn viên Phi Hùng mừng rỡ reo lên: Bác Hồ, Bác Hồ đến...! Mọi người vô cùng sung sướng dừng công việc hạ rạp lại. Nghệ sĩ Tạ Duy Hiển, Trưởng đoàn xiếc ra đón Bác và đưa Bác đi thăm khu rạp: nhà ăn, nhà tập, cả nhà để thú nữa, tất cả đều mới dựng bằng tranh tre, vách liếp. Xem xong, Bác bảo anh em quây quần bên Bác. Bác hỏi:

- Các cháu hạ rạp, chuyển rạp đi đâu?

- Dạ, thưa Bác, chuyển rạp đi diễn ở Hải Phòng, Thái Bình... (Nghệ sĩ Tạ Duy Hiển thưa).

- Đoàn đã diễn ở đây được bao nhiêu buổi và có đông người xem không?

- Thưa Bác, đã diễn được hai tháng mười ngày với 65 buổi diễn, buổi nào cũng rất đông người xem.

- Bác biết, nhân dân ta rất thích xiếc và Bác cũng rất thích xiếc.

Bác nói tiếp:

- Các cháu biểu diễn xiếc thì các cháu phải biết xiếc Việt Nam có từ lâu đời. Vậy Đoàn xiếc phải xây dựng được nhiều tiết mục đúng là xiếc Việt Nam mà không lẫn với xiếc ngoại.

Thời gian Bác đến với xiếc chỉ khoảng hai mươi phút, nhưng hai mươi phút ấy chính là nguồn lực vô cùng quý giá, không chỉ cổ vũ lòng yêu nghề của những người nghệ sĩ xiếc mà Người còn chỉ ra đường hướng phát triển của xiếc Việt Nam.

Một lần nữa giữa năm 1963, Bác lại đến thăm Đoàn xiếc Trung ương tại khu văn công Trung ương Mai Dịch đúng vào thời điểm Đoàn mới chuyển từ khu Thanh Xuân về đây tập huấn. Sau khi Bác đến thăm các đoàn nghệ thuật ở đây, Bác đến Đoàn xiếc cũng là đoàn cuối cùng nhưng Bác lại dành cho Đoàn này nhiều thời gian hơn. Bác thăm nơi ăn, ở của anh em rồi vào sân tập trong lúc diễn viên đang luyện tiết mục. Bác bảo các cháu ngồi xuống, cùng ngồi với Bác trên tấm thảm tập. Bác cho Lý lùn (diễn viên) ngồi lòng Bác, anh vô cùng cảm động và sung sướng được vuốt râu Bác! Bác hỏi:

- Đoàn xiếc đã đi biểu diễn ở tỉnh nào?

- Thưa Bác, kể từ ngày Bác đến thăm Đoàn chúng cháu lần trước (10-1-1960), đến nay đã qua bốn mùa biểu diễn, Đoàn đã đi diễn được ở khắp các tỉnh miền Bắc.

Bác vui vẻ hỏi tiếp:

- Tập xiếc vất vả lắm, vậy bữa ăn các cháu có ăn no không?

- Thưa Bác, chúng cháu ăn còn đói! (Nữ diễn viên Tạ Dung mạnh dạn thưa).

- Có đúng không?

Mọi người cùng thưa Bác:

- Đúng ạ!

Hồi ấy lương thực còn thiếu thốn lắm. Nhưng chỉ sau ít ngày Bác đến, diễn viên xiếc đang tiêu chuẩn từ 14 cân lên 22 cân.

Bác vẫn quan tâm đến xiếc, nhất là mỗi khi Đoàn xiếc đi biểu diễn hữu nghị ở nước ngoài. Sau chuyến đi biểu diễn ở ba nước Trung, Triều, Mông, tháng 9-1967, Đoàn lại đi diễn ở bảy nước Đông Âu. Trước ngày đi, Bác gọi vào Phủ Chủ tịch, diễn từng tiết mục để Bác xem, có tiết mục Bác còn chỉ cho rõ thêm cả ý dồ và kỹ thuật diễn nữa như tiết mục "Trò khéo trên chân" của nữ diễn viên Cao Oanh. Rồi Bác căn dặn: "Các cháu đi biểu diễn ở các nước đó cho tốt. Việt Nam chiến đấu anh hùng, thì xiếc Việt Nam cũng phải diễn cho hay, thể hiện được tinh thần đó". Khi Đoàn về nước, Bác cũng gọi Đoàn vào báo cáo Bác nghe kết quả của chuyến đi này. Ngô Ngọc Yêng, Trưởng đoàn thưa với Bác: "Chuyến đi này ba tháng, chúng cháu diễn ở 43 thành phố của 7 nước, gồm 108 buổi diễn, với tổng số 173.200 lượt người xem, trong đó diễn ở Liên Xô 36 buổi, có 52 lượt người xem. Nhân dân các nước đó khen xiếc Việt Nam và cổ vũ rất nhiệt tình trong các buổi diễn". Bác vui vẻ, gật đầu. Sau đó Bác chụp ảnh với anh em trong Đoàn đi này.

Cũng vì chăm lo cho xiếc, một hôm xiếc diễn buổi tối ngoài trời (22-12-1962) tại Nhà hát Nhân dân (khu Đấu Xảo cũ, Hà Nội), Bác Hồ cũng đến xem, có cả bác Tôn Đức Thắng cùng đi xem với Bác. Trước khi về, Bác còn gửi lại gói kẹo gôm để phát cho diễn viên.

Hồi ấy, xiếc được coi là *mũi nhọn* của ngành sân khấu, bởi xiếc được đông đảo nhân dân rất hâm mộ. Do vậy, những buổi tiếp khách quốc tế trong Phủ Chủ tịch hoặc chiêu đãi ở Hội trường Ba Đình (có tới hàng chục buổi), Bác thường cho mời xiếc vào biểu diễn phục vụ, Bác cùng xem với khách. Có lần diễn cả chương trình hoặc một số tiết mục. Những tiết mục luôn được vào đây diễn là: *Uốn dẻo, Tung hứng, Cô hàng giải khát, Hình tượng, Đế trụ, Luồn thang, Thang đưa, Nhào lộn, Ảo thuật,*

Hề... Những buổi diễn đó, diễn viên rất vinh dự nên đã thể hiện hết mình với tất cả sự điêu luyện và tâm hồn của người nghệ sĩ xiếc, các tiết mục đó đều có sức truyền cảm mạnh mẽ, sôi động, cuốn hút người xem. Phòng diễn, mỗi khi diễn chỉ có trên dưới mươi người xem mà những tràng vỗ tay cứ liên tiếp vang lên như pháo nổ. Một hôm, Giang Kim Thanh diễn xong tiết mục *Uốn dẻo*, Bác vẫy Thanh đến bên, Bác xoa đầu cô diễn viên trẻ, cho Thanh kẹo và hỏi:

- Cháu diễn như thế, có mệt không?

- Dạ, thưa Bác... (Thanh cảm động quá, nói chẳng nên lời...!).

- Bác biết, diễn xiếc vất vả lắm, diễn uốn dẻo còn mệt hơn, mệt lắm!

Thanh vô cùng cảm động, sung sướng quá! Bác rất hiểu giá trị của những tiết mục xiếc nói chung và thông cảm với nỗi vất vả khổ luyện của mình. Ôi, tình thương của Bác bao la thế! Hình ảnh của Bác, Thanh không bao giờ quên. Bác đã thôi thúc những người nghệ sĩ xiếc càng say mê gắn bó với xiếc hơn.

Tình thương bao la của Bác còn luôn luôn hoà quyện rất cụ thể với diễn viên xiếc, nhất là với những diễn viên, chị em đã tự nguyện thể hiện một hình thức nghệ thuật ngược với cơ chế sinh lý của mình nên Bác rất quý lớp diễn viên này. Một hôm, Bác cho đồng chí Vũ Kỳ ra tận Đoàn xiếc đón Thuý Hằng, Thuý Hương, Cao Oanh và Lý Vân vào Dinh Chủ tịch, Bác cho ăn bữa sáng với Bác. Ăn xôi muối vừng, có thêm ruốc thịt nữa. Trong bữa ăn, Bác hỏi từng diễn viên, rồi hỏi đến Lý Vân:

- Bố mẹ cháu ở đâu?

- Thưa Bác, bố mẹ cháu là người Hoa, nay đang làm ở nông trường Tân Việt Hoa (Đại Từ, Thái Nguyên).

- Vậy cháu có thuộc bài hát nào của Trung Quốc, cháu hát cho Bác nghe?

Bác Hồ thăm Đoàn xiếc Nhân dân Trung ương (người mặc áo dài đen là ông Tạ Duy Hiển, Trưởng đoàn) - *Ảnh: Đinh Đăng Định*

- Vâng, cháu hát bài *Công xã là hoa hướng dương.*

Lý Vân hát... Bác vỗ nhịp trên bàn ăn.

Một hôm khác, Bác cho gọi Tạ Nhẫn, Tạ Hùng, Tạ Thuý Ngọc (con cháu Tạ Duy Hiển) vào, cho ăn bữa cơm trưa với vài ba món thanh đạm. Nhưng trưa hôm đó Bác bận việc, Bác bảo Thủ tướng Phạm Văn Đồng ăn cơm với các cháu. Vinh dự hơn cả là Lưu Kim Oanh, cô diễn viên trẻ này đã được Bác trực tiếp gặp tới bốn lần. Một lần giữa buổi trưa hè năm 1960, Oanh đi diễn ở công trường thuỷ lợi Bắc Hưng Hải, vừa về tới Đoàn, Bác cho người ra gọi Oanh vào cùng ăn bữa cơm trưa với Bác. Đặc biệt, với nghệ sĩ xiếc lão thành Tạ Duy Hiển, Bác rất quý tài năng nghệ thuật của ông. Ngày ông qua đời (3-10-1966), Bác viết thư, ký Hồ Chí Minh dưới những dòng chữ: *Được biết cụ Tạ Duy Hiển qua đời, Bác rất thương tiếc. Bác thân ái gửi lời chia buồn đến gia quyến cụ Tạ và Đoàn xiếc Nhân dân Trung ương.*

Với xiếc, sự quan tâm của Bác không chỉ dành riêng cho xiếc Việt Nam mà Người còn quan tâm cổ vũ nhiều cho xiếc của bạn. Ngày Đoàn xiếc Tề Tề Cáp Nhĩ (Trung Quốc) sang Việt Nam cuối năm 1961 và Đoàn xiếc Đức sang năm 1964, trước ngày về, Đoàn nào cũng được Bác mời vào Phủ Chủ tịch, Bác cám ơn, khen ngợi xiếc của bạn và chụp ảnh với các nghệ sĩ trong đoàn. Hai buổi gặp mặt này, có cả diễn viên đoàn xiếc của ta. Buổi gặp nào Bác cũng tạo cơ hội cho diễn viên xiếc của hai nước gần gũi nhau. Bác bảo diễn viên ta ngồi xen kẽ với diễn viên bạn. Bác còn đưa gói kẹo cho hề Tuấn Nhật, bảo Tuấn Nhật tặng gói kẹo này cho nghệ sĩ Vương Triệu Kỳ - một vai hề xiếc nổi tiếng của Trung Quốc hồi ấy. Ngày Bác sang Cộng hoà Dân chủ Đức (1957), sau sáu ngày làm việc liên tục, dù rất bận, Bác vẫn dành thời gian đi xem xiếc... Chiều 30 tháng 7, Bác về nghỉ ở nhà khách dành cho các nguyên thủ quốc gia tại Phăng-cô. Người phụ trách lễ tân lễ phép bước vào phòng nghỉ của Bác trân trọng mời Bác đi xem Đoàn xiếc Aêrox biểu diễn tối ngay tại rạp xiếc Berlin. Đáp lời mời Bác tươi cười nói:

- Cám ơn đồng chí! Tôi rất vui lòng...

Rồi Người nói với đặc phái viên Phritxơlăngnghê:

- Đi xem xiếc thì còn gì bằng! Từ ngày tôi còn trai trẻ, tôi đã thích hình thức nghệ thuật rất kỳ diệu này. Với xiếc, con người chứng tỏ những kỳ tích của mình, thực sự vượt lên trên cái bản ngã tự nhiên của chính mình.

Người còn cho đặc phái viên biết: cách đây một năm rưỡi, ở Việt Nam cũng đã cho ra đời Đoàn xiếc Trung ương, coi đó là một sự kiện trong đời sống văn hoá, nghệ thuật của nước nhà. Trước giờ đi xem xiếc. Người nói với những người có mặt, trong đó có Bộ trưởng Bộ Văn hoá Hoàng Minh Giám:

- Xiếc Đức có từ lâu đời, có lẽ cũng như ở Việt Nam ta vậy. Có điều, ở Việt Nam dưới thời phong kiến, nghệ thuật xiếc không phát triển được, phần lớn chỉ là những gánh xiếc rong mà thôi... Đi xem xiếc của bạn, chúng ta sẽ học được nhiều điều. Đấy cũng là một cách đến với văn hoá Đức. Rồi đây giữa hai tổ chức xiếc Việt Nam và Đức nên có sự giao lưu hợp tác, học hỏi lẫn nhau.

Những người Đức có mặt trong buổi diễn đêm đó đều kể rằng: Bác Hồ đã xem xiếc với một niềm hứng thú lớn lao. Người chăm chú theo dõi những động tác thuần thục và tài hoa của các nghệ sĩ. Những con vật như ngựa vằn, hổ, gấu, khỉ,... cũng đem lại những tiết mục hấp dẫn, thú vị. Người vui cười vỗ tay mỗi khi các nghệ sĩ trình diễn xong một tiết mục, nhất là những tiết mục đặc sắc, đáng khen ngợi. Sau khi tiễn các quan chức lãnh đạo của nước bạn về, Bác còn ngồi lại trò chuyện lâu với các thành viên trong đoàn và những người giúp việc. Nhắc lại những trò như *Thăng bằng trên dây, Nhào lộn, Xiếc động vật...* của Liên đoàn xiếc Aêrôx.

Thực hiện lời căn dặn của Bác, kể từ 1960 trở đi, giữa hai Đoàn xiếc Việt Nam và Đoàn xiếc Đức đã có quan hệ hợp tác

với nhau cả về trao đổi kinh nghiệm và biểu diễn xiếc. Đặc biệt, năm 1960 ngành xiếc Đức tặng Đoàn xiếc nhân dân Việt Nam một đôi thú quý (sư tử); năm 1970, đào tạo diễn viên và xây dựng cho ta một tiết mục sư tử tại Đức, tương đối lớn và hiện đại. Ba năm sau, diễn viên Phương Hảo đưa tiết mục này về nước, biểu diễn liên tục trên sân khấu xiếc Hà Nội và rất hấp dẫn người xem hồi ấy.

Tư tưởng của Bác Hồ với nghệ thuật xiếc, và tình thương bao la của Người dành cho diễn viên xiếc là những gì vô cùng quý giá, đọng lại mãi trong ký ức những người nghệ sĩ xiếc Việt Nam.

BIỂU DIỄN XIẾC CHO BÁC XEM

DUY NAM

Năm 1961, NSND Tâm Chính mới về Đoàn xiếc Nhân dân Trung ương công tác, nhưng đến năm 1963, chị đã được gặp Bác Hồ. Hôm đó Bác Hồ đến thăm Đoàn trong lúc anh chị em đang dựng rạp chuẩn bị đêm diễn. Tất cả các anh chị em chạy đến chào đón Bác. Bác ân cần hỏi thăm anh chị em diễn viên, chỉ cho các anh chị đang lao động cách buộc thật chặt các nút dây.

Năm 1966, với tiết mục *Cô hàng giải khát* thành công, Tâm Chính được vào Phủ Chủ tịch, biểu diễn cho Bác và các vị khách quốc tế cùng xem. Trước khi diễn, Bác nhắc diễn viên, tiết mục khó đấy, các cháu cứ bình tĩnh mà diễn, Bác cũng là khán giả xem thôi. Sau buổi diễn, Bác hỏi Tâm Chính: "Cháu tập tiết mục này lâu chưa?". Tâm Chính vội đáp: "Thưa Bác, Đoàn xiếc mới phân công cháu tập ạ!". Bác nhẹ nhàng căn dặn: "Cháu cố gắng tập cho tốt hơn nữa, phải tập cho nhiều người cùng biết, cùng diễn, để thay nhau biểu diễn phục vụ nhân dân nhiều hơn, tốt hơn...".

Một lần khác, Bác đến thăm các đoàn văn công tại khu Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội. Các đoàn đứng chờ đón Bác rất đông, Bác đến và trìu mến hỏi:" Cháu nào ở xiếc?". Tâm Chính bước ra chào Bác, Bác cười rất tươi: "A! *Cô hàng giải khát*, cho Bác xin một cốc...". Tháng 6-1966, Tâm Chính cùng Đoàn đi biểu diễn tại Trung Quốc, Mông Cổ và Triều Tiên, được khán giả nước bạn khen ngợi, Đoàn xiếc Trung Quốc đã cử diễn viên đi theo Đoàn xiếc Việt Nam, học tiết mục *"Cô hàng giải khát"* của chị, cho đến khi làm được tiết mục này mới thôi.

Năm 1967, Đoàn xiếc Trung ương vinh dự được vào biểu diễn báo cáo với Bác Hồ, đồng chí Trường Chinh và Thủ tướng

Phạm Văn Đồng về các tiết mục xiếc, chuẩn bị đi diễn tại Trung Quốc và các nước bạn - Đông Âu (Liên Xô, Tiệp Khắc, Ba Lan, CHDC Đức, Rumani, Bulgarri...). Bác Hồ xem từ đầu đến cuối, khi kết thúc chương trình, Bác góp ý kiến cho từng tiết mục. Tiết mục *Cô hàng giải khát*, Bác nhắc nhở: "Tiết mục của cháu cần phải làm sao đưa được sức sống thêm vào. Nếu chỉ diễn mấy chiếc ghế, mấy cái cốc thì tài giỏi mấy cũng không thể đem đến cảm thụ hay cho người xem được. Theo Bác, nội dung tiết mục của cháu là phục vụ nhân dân, cháu phải thể hiện được tốt điều đó".

Làm theo lời Bác dạy, tiết mục của Tâm Chính diễn trước đó chỉ trồng được ba khay, trượt bập bênh, chạy trên một con lăn, sau này dần dần chị nâng lên trồng được bảy khay cốc, cùng chạy trượt trên con lăn. Hệ thống khay cốc và con lăn lại chạy trên bàn nhỏ kê trên bốn chiếc chai lên trên chiếc bàn bốn chân. Tâm Chính nhảy dần lên từng khay, đứng trên cái khay trên cùng, tay vừa tung hứng, vừa điều khiển đung đưa hệ thống các khay cốc di chuyển, chạy nhẹ nhàng, bồng bềnh như sóng biển, nhịp nhàng trượt trên và theo con lăn quay tròn. Trong vai diễn *Cô hàng giải khát*, Tâm Chính là cô mậu dịch viên bán hàng với nụ cười tươi tắn trên môi, đã thu hút được tất cả người xem.

Các anh chị em nghệ sĩ xiếc còn nhớ mãi kỷ niệm, một lần biểu diễn ở Hội trường Ba Đình, Bác vào tận hậu đài sân khấu, thăm hỏi, động viên mọi người. Đột nhiên, Bác quay sang hỏi đồng chí phụ trách tổ chức đêm diễn hôm đó: "Chú đã chuẩn bị bồi dưỡng cho các cháu sau buổi diễn chưa?"."Thưa Bác, chúng cháu đã chuẩn bị ạ!". "Thế chú định bồi dưỡng cho các cháu món gì?". "Dạ thưa Bác, bánh mì patê và nước chanh ạ!". Nghe vậy, Bác tỏ vẻ không vui, Bác nói: "Xiếc là môn lao động nghệ thuật rất nặng nhọc, nếu là chú sau khi làm việc mệt nhọc, chú có muốn ăn bánh mì không? Bác đề nghị chú cho các cháu ăn món ăn có nước...".

Những lần gặp Bác là kỷ niệm ấm lòng với các nghệ sĩ xiếc Việt Nam.

VÀO ĐỜI

ĐINH NGỌC LIÊN

... Ngày 19-8 - Hà Nội đã rầm rập khí thế cách mạng. Lính tráng chả dám ló mặt ra phố.

Sáng 19-8, nghe quân cách mạng đã chiếm phủ Khâm sai (Bắc Bộ phủ) mấy viên đội tập trung lại xin ý kiến tôi - bấy giờ là cấp to nhất trong trại xem phải làm gì. Tôi trả lời: "Tôi chỉ biết kèn, tôi không biết súng" và tôi vẫn ngồi trong phòng riêng. Ngoài kia, binh lính đã mở toang cửa đón quần chúng cách mạng vào như sóng vỗ bờ. Anh em, trong đó có nhiều người lính kèn của tôi hăm hở chỉ đường cho quân cách mạng chiếm lĩnh kho súng, quân trang.

Tôi lo lắng ngồi trong phòng đợi. Tôi đang hình dung những người cách mạng hùng hổ vác súng vào áp giải tôi... thì cửa phòng mở. Trước mặt tôi là bốn cô tiểu thư quần trắng áo dài bước vào phòng (tôi chỉ còn nhớ có tên cô Minh và cô Thi). Tôi bàng hoàng cả người. Xưa nay trong trại lính chả bao giờ có bóng đàn bà con gái. Mà lại là con gái "cành vàng lá ngọc" như thế này. Tôi lịch sự kéo ghế mời. Các cô, cô nào cũng ánh mắt sáng ngời, vui vẻ kể chuyện chiếm lĩnh phủ Khâm sai cho tôi nghe, hỏi thăm tình hình trong trại. Trong chốc lát, nỗi lo lắng của tôi tiêu tan: "Cách mạng thân mật như thế này sao?".

Lúc đó đã quá 11 giờ trưa, người cần vụ, theo lệ thường vẫn bê suất cơm lên cho quan quản. Tôi nhìn suất cơm quen thuộc có liễn cơm tám, có đĩa thịt kho, có bát canh thịt... Tôi nhìn bốn cô gái trẻ, lúng túng hỏi:

Bác bắt nhịp bài ca Kết đoàn - *Ảnh: TTXVN*

- Các cô đã xơi cơm chưa?

- Tụi em đi từ đêm, chưa ăn uống gì, đói rồi.

Tôi thành thật mời bốn cô xơi suất cơm của tôi, chỉ lấy thêm cơm. Các cô đồng ý.

Tôi bảo anh lính bê suất cơm của tôi xuống nhà ăn. Tôi biết tôi không thể nào ăn được trong lúc này. Không ăn mà không hề cảm thấy đói.

Thấy các cô vui vẻ, tôi mạnh dạn hỏi:

- Người đứng đầu các cô là ai?

- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Một trong bốn cô nhanh nhảu trả lời.

Nguyễn Ái Quốc, lần đầu tiên tôi được nghe tên đó - Bước đường đi với cách mạng của tôi bắt đầu.

Ngay ngày hôm sau, quân cách mạng đã ổn định trật tự trong doanh trại.

...Tiếp đó là những ngày "Ban nhạc Vệ quốc quân" chúng tôi làm việc không kể giờ giấc. Nhiều việc lắm. Phục vụ các cuộc mít tinh, các buổi lễ, những buổi hoà nhạc ở vườn hoa Chí Linh, Bách Thảo, một tuần luôn 4, 5 tối ở Nhà hát lớn... rồi chiều thứ sáu dạy hát ở trụ sở Phụ nữ cứu quốc (Trường Ngô Sĩ Liên ngày nay), tối thứ sáu biểu diễn ở Đài phát thanh (số 2 Phạm Ngũ Lão), chiều thứ bảy dạy hát ở Toà thị chính, dạy các bài ca cách mạng cho bất cứ ai muốn học.

Các khu phố hội họp gì mà mời, Ban âm nhạc cũng đi. Thậm chí có lần đội nhi đồng phố nọ mời, chúng tôi cũng không từ chối.

Trong dịp này, qua những đợt biểu tình, diễu hành v.v., tôi nhận thấy bà con mình đi trong hàng ngũ cứ như người đi chợ, tôi bèn nghĩ phải làm cách nào để bà con đi đúng nhịp cho nó có khí thế mới được. Thế là tôi sáng tác bài "Hành khúc trong Vệ

quốc đoàn" với 16 nhịp trống giản dị, cử anh em trong ban nhạc đi phổ biến cho các đội trống nhi đồng của các khu phố. Các em gọi ngay là "trống ếch".

Nhịp trống ếch phổ cập dễ dàng, nhanh chóng lan đi khắp miền đất nước. Mỗi lần nhịp trống nổi lên, hàng ngũ rập đều khí thế. Sau này đi kháng chiến, nghe nhịp trống ếch ở những ngõ hẻm hang cùng, tôi rất vui với sự đóng góp nho nhỏ của mình. Sẽ là thiếu sót nếu không nhắc đến công lao to lớn của các đồng chí: Đỗ Thiên, Thanh Sơn, Chí Hiếu, Đình Thiêm v.v. trong tổ chuyên đi hướng dẫn các bài ca cách mạng, và các đồng chí Huỳnh - An - Hưng - Đĩa v.v. trong tổ hướng dẫn trống ếch cho các đội trống thiếu niên, nhi đồng khắp Thủ đô. Có nhiều lần toàn đội "Âm nhạc Vệ quốc quân" đến để phối hợp đối với phong trào lúc này.

Rồi cái ngày mong đợi nhất đã đến, ngày mồng 2 tháng 9 lịch sử. Ngày Tuyên ngôn Độc lập nơi quảng trường Ba Đình. Ban âm nhạc Vệ quốc quân đã cố vốn liếng khá phong phú các bài ca cách mạng. Trước đó, bài "Tiến quân ca" của Văn Cao cũng chỉ được tấu, hát như mọi bài khác, như "Diệt phát xít", "Chiến sĩ ca", "Du kích ca"... thôi. Mãi hôm đó chúng tôi mới được lệnh tấu như Quốc thiều. Và cũng từ ngày đó bắt đầu lịch sử bản Quốc ca Việt Nam.

Tôi đứng trước đoàn quân nhạc, hướng thẳng vào lễ đài lòng nôn nao chờ đợi để được thấy ông Nguyễn Ái Quốc. Đến khi nghe giới thiệu là Cụ Hồ Chí Minh thì đâm hoang mang. Tôi vẫn hình dung người lãnh đạo phải là người oai vệ như kiểu Nguyễn Thái Học. Còn bây giờ, trước mắt tôi là một cụ già xương xương với bộ kaki đã sờn, với bộ râu thưa, với dáng vẻ đôn hậu, từ tốn bước lên lễ đài... Và Cụ trang trọng đọc bản Tuyên ngôn.

Tôi ở trong đội kèn đã lâu năm, đi đón các loại vua chúa, quan quyền đã nhiều, mỗi khi họ nói đều lên gân, cao giọng,

hách dịch làm cho người nghe phát sợ. Còn đây, giọng Cụ khoan thai, dõng dạc, sang sảng mà ấm cúng làm sao! Chúng tôi nuốt từng lời và nghẹn ngào đến trào nước mắt. Khi Cụ dừng lại giữa chừng và tha thiết hỏi: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?". Câu hỏi đã đi vào lịch sử cùng với bản Tuyên ngôn vang dội. Câu hỏi như một chất keo vô hình đã gắn khối quần chúng cách mạng với lãnh tụ của mình. Tôi sung sướng biết bao được là một đồng bào của Cụ. Ai đó đã nói rất hay rằng: "Cách mạng là ngày hội của quần chúng!". Quả thật, những ngày đầu cách mạng, đối với chúng tôi, mỗi ngày vui như hội. Lúc nào cũng thấy ở phía trước bao nhiêu công việc chờ đợi mình. Ngót nửa năm sau ngày Tổng khởi nghĩa, ngày 6-1-1946 Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Hà Nội, một lần nữa rực rỡ trong màu đỏ của cờ, màu đỏ của hoa. Ban âm nhạc Vệ quốc quân bắt đầu một ngày từ 5 giờ sáng tới 5 giờ chiều. Chúng tôi đem kèn trống đi phục vụ các thùng phiếu Thủ đô, sang tới Gia Lâm, xuống tận Thanh Trì, toàn là đi bộ. Chiều hôm đó trở về đến doanh trại, tôi chấn chỉnh đội ngũ để nhận xét công tác trong ngày, động viên anh em như thường lệ, tôi đương định giải tán thì anh Phan Mỹ đưa cho một cái thư, tôi tưởng là công văn chỉ thị như mọi khi, định bỏ vào túi, đọc sau, mệt quá rồi, ai cũng chỉ mong chóng được trút bỏ bộ quần áo ra mà thở thì anh Phan Mỹ lại giục: "Đọc đi, đọc cho anh em nghe". Tôi giở thư ra, trời ơi! Thư của Hồ Chủ tịch, còn tươi nét mực đây này. Tôi tỉnh người, lập cập đọc to cho anh em nghe. Cho đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ nguyên từng lời từng chữ và có thể chép ra đây mà không cần lục giở chút nào.

Thư Bác, góc trái in tiêu đề "Bộ Ngoại giao", Bác viết:

"Thân gửi Ban âm nhạc Vệ quốc quân.

Hôm nay 6-1 ngày Tổng tuyển cử, anh em đã nô nức đi cổ động khắp Thủ đô từ sáng sớm đến chiều làm cho ngày Tổng tuyển cử được tưng bừng vui vẻ và kết quả.

Bác thay mặt những ứng cử viên của Thủ đô Hà Nội cảm ơn và khen ngợi anh em.

Chào thân ái
HỒ CHÍ MINH"

Tôi đọc đến chữ "Bác thay mặt" thì nghẹn lại, không thể nào đọc tiếp được. Anh em xúm lại vồ lấy thư, xuýt xoa chuyền thay nhau đọc. Tôi lấy thế chỉ huy, độc quyền giữ bức thư Bác, lúc nào cũng để trong người, chỉ sợ mất.

Ngày hôm sau, gặp anh Trần Lâm (Giám đốc Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam) tôi đem khoe, anh Lâm lấy ngay và tự mình đọc trước máy trên đài. Nhạy thế.

Ba hôm sau, Bác đến Trường Kỹ nghệ thực hành khai mạc lớp học Quân chính (hồi này Bác luôn luôn tới các lớp học để huấn thị, Bác đi như thế, bao giờ Ban Âm nhạc chúng tôi cũng được đi theo phục vụ). Bác vào lớp, chúng tôi đứng ngoài đợi khi Bác ra thì thổi kèn tiễn. Lúc ra, Bác tới ngay chỗ tôi đứng, thân mật hỏi: "Hôm mình gửi cho anh em Ban Âm nhạc cái thư, nhận được chưa?". Tôi cảm động quá ấp úng: "Thưa Bác, chúng cháu xin cảm ơn Bác!". Bác huých khuỷu tay vui vẻ gạt đi.. Tôi cứ bần thần suy nghĩ: "Bác bận trăm công nghìn việc, gửi lá thư nhỏ đi rồi, Bác còn nhớ để kiểm tra lại". Bài học đầu tiên về tác phong tỉ mỉ sâu sát của Bác, tôi nhận được từ hôm ấy.

... Năm 1946, Ban Âm nhạc Vệ quốc quân đi phục vụ dịp Bác khai mạc lớp học Quân chính ở khu Đông kinh nghĩa thục (gần chợ Đồng Xuân). Sau khi thổi kèn nghiêm, kèn chào và Quốc thiều xong, Bác vào lớp học... Chúng tôi được lệnh lên xe ca, gấp rút lên Tông (Sơn Tây) để phục vụ lễ khai mạc Trường võ bị khoá I Trần Quốc Tuấn. Tổ chức quy mô lắm, toàn học sinh trí thức, quân phục mới toanh, đội ngũ uy nghiêm, chỗ nào cũng mũi tên chỉ đường đi lối lại đâu ra đấy. Chúng tôi đứng nghiêm chỉnh vào đúng vị trí dành cho mình, chờ đợi. Khoảng gần 11 giờ, Bác tới. Kèn nghiêm,

tiếng hô bồng súng chào, kèn chào nổi lên. Đáng lẽ Bác đến thẳng trước lá Quân kỳ như mũi tên đã chỉ dẫn để làm lễ thì Bác lại xăm xăm rẽ vào chỗ quân nhạc, tươi cười Bác nói:-"Ở xa, Bác nghĩ là đội nhạc khác, đến gần, té ra vẫn Bác cháu mình!". Mọi người gần đấy cười theo, làm cho không khí vui vẻ hẳn lên. Bác dặn tiếp: "Các cháu phải ra sức đào tạo thêm nhiều vào, quân đội ta ngày càng trưởng thành, càng cần nhiều quân nhạc".

Tôi đinh ninh lời dạy của Bác. Đi đâu, ở chỗ nào cũng nhớ nhiệm vụ đào tạo Bác trao.

Lớp nhạc sinh quân đầu tiên, chúng tôi tuyển được 12 em từ 12 đến 14 tuổi, trong đó có Huy Thục, Trọng Mai, Tú Ngọc... những nghệ sĩ quen biết sau này. Hiện nay số lớn nhạc sinh quân này đương đảm nhiệm những cương vị công tác quan trọng trong văn học nghệ thuật của đất nước.

Thâm tâm tôi còn muốn đào tạo cả nữ nhạc sinh quân nữa. Từ 1938, tôi đã thấy một ban nhạc hơi người Nga toàn là nữ, biểu diễn rất thành công. Nữ có lợi thế lưỡi mỏng và nhọn, môi mỏng, răng đều v.v. rất thuận lợi cho việc thổi kèn. Con gái thổi kèn búp trông cứ như đang cười tươi, thật đẹp (trong kháng chiến tôi cũng đã chú ý đào tạo nữ nhạc binh, nhưng vì hoàn cảnh chiến tranh nên chưa thành công).

Khi tướng Lư Hán còn ở Hà Nội, chúng ta cần tranh thủ, nên tôi cũng chú ý hoà âm phối khí một số bài hát của quân đội Tưởng, đã mấy lần trình diễn ở Nhà hát lớn. Tôi nhớ mấy lần đoàn văn công của Tàu Tưởng sang biểu diễn, họ mời quân nhạc ta đến phối hợp. Khi chúng tôi đi, anh Trần Độ dặn: "Họ sẽ đưa tiền đấy, tìm cách từ chối, đừng lấy". Quả nhiên, biểu diễn xong, họ khen lấy khen để và đưa cho tôi một bó tiền Quan kim to bằng cái gối bông lớn, tôi tìm cách từ chối khéo. Anh em trong đoàn thấy tôi không lấy tiền của Tàu thì vui ra mặt. "Phải cho họ biết thế nào là Quân nhạc Việt Nam độc lập chứ!", anh em bảo thế, tôi cũng nghĩ như vậy.

Chúng tôi vẫn lấy các bài ca cách mạng làm nội dung chính của các chương trình biểu diễn, với ý thức phổ cập tới quần chúng rộng rãi. Các đồng chí Hoàng Văn Thái, Đàm Quang Trung, Phan Mỹ luôn luôn trao đổi cách soạn chương trình với tôi. Các anh đều nói: "Tìm những bài nhẹ nhàng hơn cho chương trình thêm màu sắc phong phú, phải vừa phổ cập, vừa nâng cao. Có thể chọn thêm những bài cổ điển chẳng hạn!". Được lời như cởi tấm lòng, tôi đưa một số bài cận kim nổi tiếng vào chương trình. Nó vốn là sở trường của Quân nhạc mà. Bên cạnh những bài ca cách mạng sôi nổi, hừng hực khí thế, các buổi trình diễn của Quân nhạc còn đem đến cho Người Hà Nội những "Phiên chợ Ba Tư", "Dòng sông Đa Nuýp xanh", "Kỵ binh nhẹ", "Thi sĩ và nông dân", "Con đầm Bích", "Lêcôngtơ-Đoócman", "Cácmen" bất hủ.

Có người Việt Nam nào được sống những ngày sau Cách mạng tháng Tám mà quên được không khí dạt dào lòng yêu nước trong "Tuần lễ vàng" lịch sử. Tuần lễ Bác Hồ kêu gọi quyên vàng mua súng đạn, nuôi quân đánh đuổi xâm lược, giữ gìn nền Độc lập non trẻ vừa giành được. Những tấm lòng hằng tâm hằng sản dốc lòng cho đất nước. Tuần lễ vàng ngày ấy với đầy đủ ý nghĩa cả vật chất lẫn tinh thần. Anh em Quân nhạc chúng tôi chẳng có tí vàng nào góp quyên cả, nhưng đã đóng góp những tấm lòng vàng. Quả thế, suốt một tuần lễ chúng tôi phục vụ không ngơi nghỉ. Đem kèn trống đến các hòm quyên khắp nội ngoại thành Hà Nội: Thanh Trì, Bưởi, Gia Lâm. Bài "Diệt phát xít" của Nguyễn Đình Thi với sức kêu gọi mãnh liệt của nó trở thành cái đinh trong tuần lễ vàng. Cứ đồng bào quyên từ một lạng trở lên là Quân nhạc tặng một bài. Cũng có trường hợp một vài chỉ vàng nhưng là cả tấm lòng dốc túi của cụ ông, cụ bà nào đấy chúng tôi cũng thổi tặng...

BÁC VỚI NGƯỜI NGHỆ SĨ

TRẦN VƯỢNG

Những ngày đầu tháng 2-1951, tôi dẫn một đơn vị văn công đi bộ năm ngày đường, từ vùng rừng Bình Ca lên Đầm Hồng, Chiêm Hoá tỉnh Tuyên Quang, để phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương. Thật ra, trên đường đi, ngay cả những người đảng viên trong đoàn cũng không thể đoán biết được rằng Đại hội lịch sử lần này sẽ đưa ra một quyết định cực kỳ quan trọng là đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam và ra hoạt động công khai nhằm tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến toàn thắng! Nhưng chỉ một ý nghĩ rằng đây là dịp may hiếm có để chúng tôi có thể được gặp Bác Hồ cũng đã đủ làm chúng tôi quên hết vất vả dọc đường.

Chúng tôi được phân đến ở những nhà sàn trong một bản của đồng bào dân tộc. Để giữ đúng nguyên tắc bảo mật phòng gian, chúng tôi tránh đi sang khu vực của các đại biểu Đại hội, cũng không la cà đến những lán của các bộ phận khác phục vụ Đại hội. Hôm ấy, một mình tôi đến hội trường chính ở trên một quả đồi có nhiều cây to rợp bóng, để nhận chỗ ngồi cho cả đoàn và để biết chúng tôi sẽ phải làm gì trong buổi lễ trọng thể khai mạc Đại hội vào sáng hôm sau. Công việc của chúng tôi sẽ rất ngắn gọn nhưng đòi hỏi một xúc cảm thiêng liêng và một tư thế thích hợp với cảnh tượng tôn nghiêm của buổi lễ: Chúng tôi sẽ cử bài *Quốc ca*, bài *Quốc tế ca* và bài *Lãnh tụ ca*. Sau đó chúng tôi được nghỉ, và đến giờ các đại biểu giải lao thì chúng tôi sẽ hoà nhạc ngoài trời dưới những vòm cây. Chợt tôi thấy một ông

già như một ông Tiên đang bước qua chỗ nước nông săm sắp bàn chân để sang bờ suối bên tôi. Tôi đứng ngây ra... Cho đến bây giờ, tôi chỉ được nhìn gương mặt Bác trong những khung ảnh. Ngay cả ngày Bác đọc Tuyên ngôn Độc lập ở vườn hoa Ba Đình, vì đứng tít tận đằng xa, tôi cũng chỉ nhìn thấy vóc dáng Bác bằng sự hỗ trợ của trí tưởng tượng nhiều hơn là bằng khả năng thực sự của con mắt. Vậy mà hôm nay tôi biết ngay ông già đang bước qua suối kia chính là Bác Hồ. Bấy giờ râu và tóc Bác vẫn chưa bạc hết. Gương mặt Bác hơi gầy làm cho vầng trán càng cao thêm. Bác đi dép râu lốp cao su đen, vận quần nâu và khoác chiếc áo dạ màu cỏ úa, một loại chiến lợi phẩm nổi tiếng thời bấy giờ - chiến lợi phẩm của chiến dịch Biên giới. Đã xúc động mạnh vì gặp Bác lần đầu, tôi càng thêm hồi hộp vì chỉ có một mình, mà Bác đang đi tới cũng chỉ có một mình, không thấy có đồng chí cần vụ nào đi theo cả. Tôi cuống lên, đứng sang một bên để nhường lối và nghiêng mình ấp úng:

- Bác ạ...

Chắc là trên mặt tôi lúc đó có một nét xúc động rõ lắm và chắc là đã nhiều lần Bác nhận thấy cái nét đó trên gương mặt những người được gặp Bác lần đầu, nên Bác không nỡ đi qua mà không hỏi một câu gì. Tôi cảm thấy râu Bác thực sự đang cười chứ không phải chỉ rung rung vì gió suối:

- Chú chăm học nhỉ... Quyển sách gì đấy?

Tôi không ngờ Bác hỏi một câu như vậy. Cánh tay tôi như bị điện giật. Số là tôi đang cắp dưới nách một quyển sách Nga. Đó là một tuyển tập gồm bốn vở kịch dài của Tsêkhốp, dịch sang tiếng Pháp, do nhà xuất bản ngoại văn Matxcơva ấn hành, và do một đồng chí đi công tác nước ngoài đem về Việt Bắc. Bấy giờ ở A.T.K (tiếng dùng lúc ấy để chỉ an toàn khu) rất hiếm sách, nhất là sách ngoại văn. Phần là thiếu sách để đọc, phần là lần đầu tiên đọc kịch do người Nga viết, phong cách khác hẳn kịch Pháp mà

tôi được đọc lúc còn học trường phổ thông, nên tôi luôn luôn mang theo và đọc đi đọc lại những lúc rảnh rỗi.

- Dạ, thưa Bác, một quyển kịch do Liên Xô xuất bản...

- Chú làm văn nghệ?

- Dạ, thưa Bác, chúng cháu là văn công được gọi đến phục vụ Đại hội.

- À, chú ở đoàn kèn?

Lúc đó chúng tôi chỉ là một bộ phận nhạc hơi gồm mấy chục nhạc công hầu hết cao tuổi, trước phục vụ "toà khâm" và triều đình Huế, sau ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp thì thuộc quyền quản lý của Sở Thông tin tuyên truyền liên khu Bốn và phục vụ nhân dân các tỉnh Bình Trị Thiên và Nghệ Tĩnh, cuối năm 1949 được đưa ra Việt Bắc và nhập vào Đoàn văn công tổng hợp của Nha thông tin tuyên truyền Việt Nam.

- Thưa Bác, đoàn chúng cháu có cả các bộ phận nhạc dây, kịch nói và ca múa; nhưng chỉ có bộ phận nhạc hơi được đến phục vụ...

Từ bộ râu hiền từ của Bác lại ánh lên một nét cười và Bác chỉ vào tập kịch của tôi:

- Vậy là chú không muốn chỉ thổi kèn, mà còn định làm kịch nữa?

Tôi có cảm tưởng giống như ngày còn bé đang đứng trước ông tôi. Ngày ấy, hễ tôi tỏ ra ham muốn nhiều thứ cùng một lúc - chẳng hạn như vừa thích thả diều lại vừa thích đi câu - thì ông tôi cũng nheo mắt cười và bảo tôi bằng những lời thương mến như vậy.

- Thưa Bác, cháu chưa thổi được kèn, mặc dù cháu cũng có tập. Cháu làm công tác quản lý văn công. Ở đoàn chúng cháu bí nhất là kịch. Nhạc thì có những bài cũng tốt rồi, nhưng kịch bản dùng được thì bí quá. Giá mà chúng cháu có được vở *Con rồng tre* của Bác để diễn...

- Ầy... ì...! - Nét nheo trên đuôi mắt Bác tạo thành vẻ hóm của một nụ cười đầy từng trải - *Con rồng tre* ấy thất lạc mất rồi, vả lại hồi đó, Bác cũng là nhà báo viết kịch thôi... - Rồi Bác lại chỉ vào tập kịch, nói tiếp: - Các chú muốn viết kịch, đó là một việc tốt. Nhưng phải chịu khó học tập mới làm được. Ở nước ta, nhiều người làm được thơ, ít người biết viết kịch...

Đúng là tôi uống từng lời của Bác... Nhưng nguồn nước mát đó đột ngột bị chấm dứt bởi sự có mặt của mấy đồng chí "công tác đội" (những người chuyên làm lán và những dịch vụ khác ở A.T.K). Không biết họ từ những góc nào trong rừng mà đã phát hiện ra Bác và ùa đến như những cơn lốc! Và không biết như thế nào mà một ông "phó nháy" cũng đã chạy đến giơ máy ảnh lên. Tôi kịp nhận ra rằng không những tôi hết được nghe riêng những lời Bác dạy mà tôi cũng không còn được đứng gần Bác nữa rồi. Những người khác đã đẩy tôi ra để được đứng sát Bác trong khi máy ảnh loé sáng. Thật ức cho tôi quá, vì Bác dừng bước ở chỗ này là do "công" tôi chứ! Nhưng đúng lúc đó, tôi thấy Bác giơ tay vẫy gọi: "Đưa nó lại đây!". Tôi nhìn theo tay Bác thì thấy một chị cấp dưỡng đang bế con chạy đến. Bác giơ tay qua đầu mấy người đứng gần để đỡ lấy cháu bé và nói: "Chỗ tốt nhất phải là của nó chứ...". Đèn chiếu máy ảnh lại loé sáng, và lúc này thì quanh Bác đã là cả một đám đông như một cuộc mít tinh rồi...

Hôm sau, trong giờ hội nghị giải lao, chúng tôi hoà nhạc ngoài trời. Các vị đại biểu, nhóm năm, nhóm ba, đứng ngồi nghe nhạc hoặc nói chuyện dưới những tàn cây. Bác bận việc, chỉ thấy Bác Tôn và những đồng chí lãnh đạo khác ra ngoài nghỉ giải lao. Bác Tôn là người thính giả rộng lượng và xuề xoà nhất, ngồi lẫn vào chúng tôi, ngay trên cái băng của người nhạc công đánh trống ở cuối dàn nhạc; sợ Bác Tôn choáng tai, tôi vội đi kiếm một chiếc ghế đẩu đặt ở phía trước dàn nhạc để mời Bác ngồi. Bác Tôn cười xoà:

- Tôi không sành nhạc, ngồi chỗ nào tôi cũng thấy vui tai vậy thôi à! - Rồi Bác ghé tai tôi nói thêm - Bác Hồ rất khen ông nhạc trưởng của các đồng chí.

Bây giờ tôi hiểu ra rằng Bác Tôn ngồi cùng với chúng tôi ở phía sau dàn nhạc để hoà mình thân mật với anh em nhạc công và cũng có phần vì thích nhìn ông nhạc trưởng già. Nhạc trưởng Phạm Văn Minh của chúng tôi quả là một bậc tài ba hiếm có trong nghề. Ông vào nghề nhạc từ năm 1919, đã từng đi Pari biểu diễn năm 1931 và đoạt giải thưởng của Pháp. Ông thuộc lòng tất cả những bài nhạc do ông chỉ huy biểu diễn, nhất là những bài nhạc cổ điển phương Tây nổi tiếng; không bao giờ tôi thấy ông phải liếc nhìn vào bài nhạc đặt ở trên giá. Chiếc đũa chỉ huy của ông không phải đánh nhịp hay gõ nhịp mà là múa - một điệu múa ngoạn mục khó tả lại bằng lời. Chỉ nhìn vào chiếc đũa chỉ huy và bàn tay mềm mại của ông, người ta đã hiểu được ý tình ngụ trong từng nét nhạc.

Tối hôm ấy, chúng tôi hoà nhạc ở hội trường. Bác chỉ ra nghe được một lát, rồi lại vào, vì bận tiếp khách quốc tế. Lúc đi ngang qua, Bác bảo tôi:

- Ông *Chef d'orchestre* của các chú cừ lắm - Hình như thấy ai biết thứ ngoại ngữ nào thì lúc nói chuyện Bác thích dùng vài từ ngoại ngữ ấy cho người đó thoải mái. Bác nói thêm: "Bác sẽ mời ông lão ăn cơm riêng, chú chuẩn bị...".

Rồi Bác đi về phía hậu trường.

Tôi không thể tả được nỗi sung sướng và niềm vinh hạnh của nhạc trưởng Phạm Văn Minh sau khi được ăn một bữa cơm với Bác Hồ. Ông cứ nói đi nói lại với tôi một câu: "Bây giờ thì tôi chết được rồi... tôi toại nguyện rồi...". Bây giờ, tôi nghĩ rằng câu nói đó chỉ biểu thị lòng hân hoan tột độ của ông thôi; không ngờ mấy tuần sau, nhạc trưởng khả kính của chúng tôi qua đời thật!

Tất nhiên, không ai nghĩ rằng ông chết vì lời nói gở. Khác xa với ngày nay, ở Việt Bắc thời đó, bệnh sốt rét rừng hoành hành dữ lắm. Bạn hãy hình dung mẩu chuyện tôi sắp kể đây: Một buổi sáng, chúng tôi tổ chức vào rừng lấy củi về cho tổ cấp dưỡng. Vì cơ quan đông, vả lại ai ngờ đâu mà kiểm mặt từng người, cho nên mãi bữa cơm chiều chúng tôi mới nhận ra là thiếu mặt anh Ngộ. Tìm không thấy đâu, chúng tôi đốt đuốc trở vào những góc rừng mà chúng tôi đã lượm củi. Cuối cùng tìm được anh Ngộ như đang nằm ngủ nhưng thực ra anh đã chết rồi. Bác sĩ xác nhận anh đã bỏ mình vì một cơn sốt rét ác tính đột ngột! Chúng tôi không ai không lên cơn sốt rét vài lần mỗi năm. Sau một cơn sốt rét, ông nhạc trưởng lâm bệnh nặng, phải vào nằm ở bệnh viện Chiêm Hoá. Mặc dù được chăm sóc bởi các thầy thuốc danh tiếng ở Việt Bắc lúc bây giờ, như giáo sư Hồ Đắc Di, giáo sư Tôn Thất Tùng, bác sĩ Nguyễn Văn Chánh... nhưng ông già Phạm Văn Minh đã tỏ ra không thể gánh thêm được một tuổi nào nữa. Trước khi mất, có một thời gian ông tỉnh táo hẳn lại và sáng suốt lạ thường: ông nói với tôi những điều mà tôi lược ghi lại sau đây:

- Tôi sinh ra làm một con chiên của Chúa, thuộc nhà thờ Phú Cam ở cố đô Huế. Kể về đường họ hàng thì Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Khôi phải gọi vợ tôi là cô họ; nhưng bà ấy thật là người tốt, thật là một người đàn bà chung tình; bà ấy không nghe theo Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Khôi mà đi theo tôi ra vùng kháng chiến. Khi tôi chia tay với vợ tôi ở Đô Lương - Nghệ An để lên Việt Bắc, bà ấy có nắm tay tôi, bảo rằng: "Tuổi ông còn mưu cầu công danh gì nữa! Ông hãy tự lượng sức khoẻ của mình, liệu có thể sống đến ngày vợ chồng gặp lại được nhau không!". Tôi nói: "Bà nói đúng. Cái nghề chơi nhạc của tôi, làm nhạc trưởng là tôi thích nhất thì đã làm rồi. Đâu phải tôi đi tìm công danh! Nhưng cái vinh quang của nghề tôi là trong đám thính giả hâm mộ mình, có cả những nhân vật lớn nhất một

thời... Dưới chế độ cũ, cả vua cũng gật gù nghe tôi hoà nhạc. Nhưng với chế độ mới, tôi chưa toại nguyện. Tôi lên Việt Bắc chuyến này với hy vọng nghề nhạc sẽ giúp tôi có cơ hội được gặp Bác Hồ"...

Tôi cười bảo ông già:

- Cụ so Bác Hồ với vua ư?

Ông già quả quyết nói:

- Khải Định, Bảo Đại là những ông vua mà không được nhân dân tôn kính. Bác Hồ thì toàn dân tôn kính mà thế giới càng khâm phục. Bác đáng được tôn làm vua của những ông vua...

- Cụ nói cả vua cũng gật gù nghe cụ hoà nhạc là ý nói vua Bảo Đại? Ông ta đối đãi với cụ ra sao?

- Tôi đã hoà nhạc cho vua Khải Định nghe. Còn vua Bảo Đại lên ngôi năm 1925, thoái vị năm 1945, trong thời gian 20 năm ấy, không có thực quyền mà lại hách. Các ông có ban lời khen thì phải vái tạ mà ra về, nói gì các ông ấy cho ăn cơm! Bác Hồ là vua của những ông vua thế nhưng Bác lại cho tôi cùng ngồi ăn cơm và khen tôi bằng những lời lẽ của hai ông già nói chuyện với nhau...

- Tôi hỏi thật cụ điều này: bọn thực dân đế quốc nhiều lần nói Bác Hồ là cộng sản để tách giáo dân ra xa Bác; riêng cụ nghĩ thế nào?

- Điều chủ yếu nhất trong lời răn của Đức Chúa nhân lành là tình thương, là lòng từ thiện, Bác Hồ là mẫu mực của lòng nhân ái, như vậy giữa Bác và Chúa không có hố ngăn cách. Tấm gương của linh mục Phạm Bá Trực đã giúp tôi giải quyết vấn đề này... - Ông già trầm ngâm một lúc rồi tiếp: - Sau này có dịp, tôi nhờ đoàn nói lại với vợ tôi rằng trước khi từ giã cõi đời, tôi có nhớ tới bà ấy, rằng tôi đã toại nguyện, vì Bác Hồ, người đứng đầu cách mạng đã nhìn nhận khả năng tôi...

Những ý nghĩ trên đây của một người giáo dân trung thực cho thấy sức cảm hoá sâu xa của Bác, dù chỉ qua một lần gặp gỡ. Nhạc trưởng Phạm Văn Minh và tôi, một trẻ một già, cùng được gặp Bác ở Đại hội lần ấy, và cả hai đi vào khúc ngoặt của đời mình, mỗi người theo một cách. Người nghệ sĩ già ấy đã yên tâm, mãn nguyện đi sang thế giới bên kia. Còn tôi thì quyết tâm đi vào con đường tôi mới lựa chọn.

Một hôm tôi nghe thấy anh Lê Lôi nói: "Trần Vượng từ hôm ở Đại hội về có vẻ khác hẳn...". Và hai anh Lê Yên, Lưu Quang Thuận có mặt lúc ấy cũng đồng tình. Tôi nghĩ :"Quái! Mình đã nói đã làm gì đâu..., hay là những suy tính trong bụng mình ảnh hưởng đến vẻ bên ngoài?". Thật ra thì bên tai tôi lúc nào cũng vang lên câu: "Các chú muốn viết kịch là tốt... Nước ta nhiều người làm được thơ, ít người biết viết kịch...". Tôi biết đó là một câu nói chợt đến với Bác để động viên một đứa cháu đang có vẻ ham thích kịch. Nhưng ở Bác, dù là những ý nghĩ thoáng qua, những lời nói chợt đến cũng vẫn phản ánh những nguyên lý cơ bản của tư tưởng và đạo đức cách mạng. Đối với bất kỳ ai, làm việc gì hay nghề nghiệp nào, Bác cũng nói đến sự cần thiết và cái giá trị của công việc hay nghề nghiệp đó, vì Bác xuất phát từ chỗ quý trọng lao động và yêu người lao động. Tôi nghĩ người viết kịch là rất cần: cái gì ít là cần, Bác đã nhận xét là ở ta ít người viết kịch. Tôi muốn mạo hiểm... Ở Đại hội lần ấy, đồng chí Tố Hữu được bầu uỷ viên Trung ương Đảng. Theo nguyên tắc nhất nguyên chế, Nha Thông tin tuyên truyền sáp nhập vào ngành văn nghệ để thành lập Nha tuyên truyền văn nghệ Việt Nam do đồng chí Tố Hữu phụ trách. Nhân dịp này, tôi đề đạt nguyện vọng. Đồng chí Tố Hữu dễ dàng thông cảm với người văn nghệ trẻ. Từ đó, tôi thôi phụ trách văn công để đi vào con đường thành bại khó lường: nghề viết kịch! 28 năm đã trôi qua, tôi chưa viết được những vở kịch có giá trị, nhưng tôi không buồn, bởi lẽ tôi đã quyết tâm lao vào một công việc được Bác gợi ý là cần. Còn như tôi không thành công sau bao nhiêu nỗ lực

thì cũng thêm một dẫn chứng cho cái thực tế ở nước ta nhiều người làm được thơ, ít người biết viết kịch!

*

* *

Lòng ưu ái của Bác đối với người nghệ sĩ còn thể hiện rõ hơn trong những kỷ niệm sau đây của anh Trần Bảng:

- Vở chèo cách mạng đầu tiên của chúng tôi - lời anh Trần Bảng kể - đã vinh dự được Bác xem hồi ở Việt Bắc. Năm 1952, sau một đợt thí điểm công tác ruộng đất, tôi có được một số tài liệu để dàn thành một đề cương kịch bản. Sau đó tập thể chấp bút - chủ yếu là anh Hồng Lực và anh Mai Khanh - rồi vở chèo *Chị Trầm* thành hình. Vở *Chị Trầm* được diễn phục vụ ở Hội nghị tuyên truyền chính sách ruộng đất. Bác đã không quản mệt nhọc ngồi xem hết vở, và lúc màn chót buông xuống, Bác đứng dậy, nói: "Cái phường này hát hay đấy!". Rồi Bác lên sân khấu bắt tay khen ngợi các diễn viên... Điều làm tôi kinh ngạc là 12 năm sau, Bác vẫn còn nhớ mặt người diễn viên trong vở diễn đêm ấy!

Bấy giờ vào năm 64 hoặc 65, tôi làm Trưởng ban nghiên cứu Chèo. Nhân dịp mừng thọ 80 tuổi của cụ Trùm Thịnh, báo *Nhân dân* có đăng tin về lão nghệ nhân nổi tiếng này. Bác đọc thấy, liền gọi điện hỏi Bộ Văn hoá xem đã có quyết định khen thưởng cụ Thịnh chưa? Bấy giờ Bộ Văn hoá mới cuống lên! Chẳng là trước đó Bộ Văn hoá đã có bàn việc này rồi mà chưa quyết được, vì có ý kiến nêu rằng cụ trùm Thịnh đúng là một nghệ nhân chèo cao tuổi nhất, tài cũng cao nhất, nhưng số năm phục vụ cách mạng thì chưa đủ tiêu chuẩn huân chương...

Thế rồi một hôm, tôi đang ăn cơm thì nghe có tiếng ô tô ì ì đi vào cổng khu văn công Mai Dịch và tiếp đó là những tiếng reo mừng khác thường. Biết ngay là Bác đến, tôi buông bát đũa, chạy ra. Trông thấy tôi, Bác bảo: "Đang ăn hả? Vào ăn tiếp đi!". Nhưng tôi xin đưa Bác đến ngay buồng cụ trùm ở.

Cụ trùm Thịnh có một nét rất ngộ trong sinh hoạt là cụ chỉ sắm có mỗi một chiếc ghế bành; hàng ngày cụ ngồi bảnh chọe trên đó để trò chuyện, con cháu và khách khứa thì ngồi trên những chiếc ghế đẩu xung quanh bàn nước. Thấy Bác đến, cụ trùm cuống quýt đứng dậy, kéo chiếc ghế bành để mời Bác ngồi. Nhưng Bác nói:

- Cụ là chủ, tôi là khách, cụ cứ ngồi đấy. - Rồi Bác ngồi xuống chiếc ghế đẩu và vào chuyện luôn, khiến cụ trùm phải ngồi lại vào chiếc ghế bành để nghe Bác nói - hôm nay tôi đến thăm cụ và báo cho cụ một tin mừng: tôi đã ký thưởng huân chương cho cụ rồi - Bác ngừng một giây, mỉm cười - nhưng còn phải giữ bí mật đấy nhá, vì Chính phủ chưa công bố; chờ Chính phủ công bố, ta hẵng nói công khai...

Trong khi cụ trùm Thịnh còn đang cảm động và bối rối tìm lời bày tỏ lòng biết ơn thì Bác nói tiếp:

- Mà cũng chẳng sợ ai tị nạnh đâu; rồi có ai 80 tuổi mà cũng phục vụ cách mạng như cụ thì Chính phủ cũng sẽ tặng thưởng...

Lúc bấy giờ bà Năm Ngũ cũng có mặt trong số những người ngồi vây quanh nghe Bác nói chuyện ở nhà cụ trùm Thịnh. Bác chợt nhìn vào bà Năm, chỉ tay và bảo:

- Cô này đóng vai mụ địa chủ hồi đó hả?

Bà Năm Ngũ bàng hoàng đứng dậy:

- Thưa Bác, vâng ạ, trong vở *Chị Trầm*...

Ai nấy đều sợ trí nhớ của Bác.

Sau ít phút chuyện vui, Bác đứng dậy nói với cụ trùm:

- Thôi, tôi đến mừng cụ như vậy; bây giờ để tôi đi thăm các cháu...

Mọi người đi theo Bác, trong số đó có cụ trùm Thịnh, sung sướng, hớn hở như một đứa trẻ...

NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG THỂ NÀO QUÊN

TƯỜNG VI *kể*

Tôi dừng lại bên ngoài cánh cửa khép hờ và say sưa lắng nghe những âm thanh dồn dập ở nhiều cung bậc của cây đàn pianô từ trong căn phòng ấy vọng ra, cùng với tiếng luyện giọng của nữ nghệ sĩ Tường Vi - Chị là một ca sĩ nổi tiếng suốt thời kỳ chống Mỹ. Trong những năm ấy chị đã được gặp Bác Hồ nhiều lần. Chị kể về những lần gặp Bác, đối với chị là những kỷ niệm không thể nào quên.

Chị nói với tôi về những kỷ niệm đó bằng giọng nói đầy xúc động:

- Nếu như em cũng được gặp Bác, em sẽ cảm thấy mình hạnh phúc biết dường nào. Chúng ta yêu mến và kính trọng Bác, không phải vì Bác là lãnh tụ, mà vì ở Bác có một tình người rộng lớn. Sự tinh tế dịu dàng, sự hóm hỉnh và tình ưu ái của Bác làm cho những lần tôi được gặp Bác càng tràn đầy xúc động và rất khó quên. Những xúc cảm của Bác cũng đặc biệt như sự thông minh kiệt xuất của Người. Nếu dùng ngôn ngữ để ca ngợi thì quả là ngôn ngữ chỉ có thể làm giảm đi cái tính chất kỳ diệu mà Bác đã có. Những mẩu chuyện nhỏ của những lần được gặp Bác, được hát cho Bác nghe là một hạnh phúc lớn trong đời ca hát của tôi.

Một lần vào mùa đông, tôi được đến thăm Bác, thấy Bác ngồi làm việc, Bác đang đọc một tài liệu tiếng nước ngoài, tôi đứng sau Bác. Bác hỏi ngay: "Cháu có biết ngoại ngữ không?".

Tôi thưa: "Thưa Bác con có biết chút ít thôi ạ!". Bác nói: "Làm nghề hát cũng rất cần ngoại ngữ. Ngoại ngữ giúp mình hiểu rộng. Ngày xưa Bác đi làm thuê ở trên tàu, Bác cũng phải tự học thêm ngoại ngữ. Mỗi buổi sáng Bác viết lên cánh tay những từ mới, vừa làm vừa tranh thủ học. Mỗi ngày thuộc một ít từ, nhiều ngày sẽ thuộc nhiều từ. Bây giờ có điều kiện học thì các cháu phải cố gắng học ngoại ngữ cho giỏi". Rồi Bác bảo tôi ngồi chơi, chờ Bác làm việc một lát nữa. Bác ngồi đó, tay cầm bút viết, viết rất nhiều, thỉnh thoảng lại chấm bút vào lọ mực để trước mặt. Tôi ngồi ngắm những đồ vật xinh xắn, đơn sơ bày trong nhà Bác, tôi lại ngắm Bác, từ chòm râu tới mái tóc bạc trắng như cước, từ bộ quần áo lụa màu gụ đến đôi guốc mộc dưới chân Bác đều giản dị thanh cao, vừa gần gũi thân thiết, vừa hết sức thiêng liêng tinh khiết. Bác giống như một ông Tiên ở trong truyện cổ tích mà hồi nhỏ tôi thường nghe má tôi kể.

Tôi chưa thấy ai ở tuổi cao như vậy mà lại sống vui vẻ, trẻ trung, dí dỏm được như Bác. Một bữa trên đường vào nhà Bác, thấy Bác đang ngồi bên bờ ao cho cá ăn. Tôi định chào Bác một câu thật to cho bất ngờ, nhưng thấy Bác ngồi cheo leo ở mép nước, nên tôi bỏ ý định đó và rón rén lại gần, Bác quay lại, thấy tôi mặc quân phục nghiêm chỉnh. Người làm ra vẻ vội vàng bỏ giỏ xuống chân và đứng nghiêm chào tôi theo kiểu quân đội. Tôi cũng vội vàng đứng nghiêm chào lại Bác, và thế là hai bác cháu cùng đi dạo quanh vườn. Vườn của Bác thường nuôi giống ếch Cu Ba rất to, tiếng nó kêu ồm ồm. Bác bảo: "Đấy là ca sĩ có giọng "baritông". Còn cháu có giọng gì?". Khi vào nhà, Bác lấy nước cho tôi uống, Bác hỏi: "Cháu hát có phải kiêng gì không? Có uống được nước chè không? Thôi để Bác lấy nước lọc cho". Bác còn hỏi: "Cháu hay hát bài của ai? Có hát bài của Chương không?"*. Những chuyện nhỏ như vậy mà Người cũng rất quan tâm. Lại một lần khác, Bác

* Trần Chương: Tác giả bài "Con trâu sắt" - chồng nghệ sĩ Tường Vi.

hỏi tôi: "Cháu có bài gì mới hát cho Bác nghe đi". Tôi chợt nhớ lần biểu diễn ở Phủ Chủ tịch một người bạn đồng nghiệp hát bài "Tiếng hát sông Lam" của Đinh Quang Hợp, Bác rất thích nên tôi đã hát bài này cho Bác nghe. Nghe xong Bác bảo: "Nhân dân ở đấy không gọi *nước* mà gọi *nác*, nhưng người viết đổi nác là nước cho phổ thông - thế là tốt". Tôi hát hai bài dân ca nữa, Bác khen hay nhỉ - Rồi Bác lại hỏi: "Cháu có bài gì mơi mới không? Hay bài *Chim hoạ mi* của Nga hoặc bài gì đó cũng được". Tôi hát bài *"Chim hoạ mi"* và một số bài hát cổ điển của nước ngoài. Bác vừa nghe vừa hát theo nho nhỏ. Tôi rất ngạc nhiên vì Bác cũng thuộc rất nhiều bài hát, kể cả những bài nhạc nhẹ. Loại tình ca Bác cũng rất thích và có một sự am hiểu thật tinh tế.

Bác rất quan tâm tìm hiểu đời sống của nhân dân ngay cả những con người ở xung quanh mà Bác tiếp xúc. Những lần đi biểu diễn phục vụ nhân dân và bộ đội ở các vùng biên giới hải đảo về, Bác thường hỏi tôi: "Cháu đi biểu diễn ở đấy, thấy nhân dân và bộ đội sống thế nào? Ăn có no không? Mặc có lành không?". Tôi rất xúc động về những câu hỏi đó. Tâm hồn Bác nhân ái biết dường nào. Bao giờ Người cũng băn khoăn lo lắng về những điều đó rất nhiều.

Còn riêng tôi xa gia đình lâu không được ở gần ba má tôi, mỗi lần được gặp Bác tôi có ý nghĩ như gặp lại người cha thân yêu của mình. Lần nào gặp tôi, Bác cũng không quên hỏi thăm cháu bé của tôi.

Nhân lúc người hỏi han về gia đình nhà cửa thân mật như vậy, tôi cũng hỏi thăm: "Bác ơi, gia đình Bác còn những ai mà Bác chẳng đưa ra ngoài này ở cho vui. Bác ở một mình như vậy thì buồn chứ". Tôi nhớ mãi câu Bác trả lời: "Bác làm cách mạng chứ có phải làm quan đâu mà đưa cả gia đình theo. Ở đây có một mình, nhưng Bác làm việc nhiều, nên cũng không buồn. Buổi tối làm việc xong, nghe đài một lát thì Bác đi ngủ. Bác vẫn thường nghe thấy cháu hát trên đài đấy". Bao giờ cũng thế, Người chỉ

nghĩ tới quyền lợi chung của nhân dân, đất nước mà chẳng giành riêng gì cho mình. Bác! Bác của chúng ta là như thế, là con người tuyệt diệu có một không hai ở trên thế gian này. Cũng vì thế mà mỗi lần nhớ tới Bác, nghĩ tới Bác, tôi lại tự nhủ mình phải cố gắng làm việc nhiều hơn, tốt hơn nữa để xứng đáng với sự quan tâm săn sóc và lòng mong muốn của Người.

Bây giờ đã hơn 40 tuổi, tôi không biểu diễn được nhiều như trước nữa. Nhưng đối với nghề nghiệp tôi vẫn cảm thấy yêu tha thiết và không thể nào thiếu nó trong cuộc sống được. Do đó một mặt tôi vẫn cố gắng luyện tập, đúc kết một số kinh nghiệm bản thân và về nghệ thuật thanh nhạc để đóng góp cho thời kỳ mới. Thấy đội ngũ trẻ đông đảo, đầy triển vọng tôi rất phấn khởi. Bởi vậy mỗi lần nhớ tới Bác tôi lại cảm thấy mình trẻ trung hơn lứa tuổi của mình đã có rất nhiều.

NGUYỄN THƯỢNG HIỀN *ghi*

NHỚ BÁC

ÁI LIÊN *kể*

1.

Trong nhà chị Ái Liên (diễn viên thuộc Nhà hát cải lương Việt Nam) có một tấm ảnh mà mọi người trong gia đình hết sức yêu quý, trân trọng. Tấm ảnh chụp sân khấu sau đêm biểu diễn. Các diễn viên mặc quần áo, hoá trang theo vai diễn, đang giơ hoa, giơ tay vươn tới phía trước, reo hò vui sướng. Phía trước họ, Bác Hồ đang đi tới. Bác mặc bộ quần áo ka-ki bạc trắng, vai khoác áo ngoài, chân đi dép cao su đen. Một tay Bác giữ áo khoác, một tay Bác chỉ vào một diễn viên đóng vai ông già, miệng Bác tươi cười đang nói điều gì...

Chị Ái Liên kể:

- Dạo đó là đầu năm 1955, tôi và cháu Ái Loan đang công tác ở Đoàn văn công liên khu Bốn. Tối đó, Đoàn được vào Phủ Chủ tịch, diễn vở cải lương *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài* để Bác và khách xem. Được vào diễn ở Phủ Chủ tịch, được gặp Bác Hồ, anh chị em trong đoàn chúng tôi vui mừng, sung sướng lắm. Lệ thường, tối biểu diễn, thì quá chiều anh chị em mới đến Đoàn chuẩn bị đi diễn. Nhưng hôm đó chúng tôi sắm nắm tập trung từ sáng sớm. Ai cũng kiểm tra, ôn luyện lại phần công việc của mình mà vẫn cảm thấy còn chưa đầy đủ. Sáu giờ chiều, ô tô đến đón. Trong Phủ Chủ tịch, sân khấu đã chuẩn bị xong. Tối đó tôi đóng vai Lương Sơn Bá, còn cháu Ái Loan đóng vai Ngân Tâm, cô hầu gái giả trai của tiểu thư họ Chúc...

Buổi tối đó, Bác Hồ ngồi ở hàng ghế thứ hai, chăm chú xem biểu diễn. Ở màn đầu, sự gặp gỡ thú vị của Sơn Bá - Anh Đài làm Bác cười rất vui. Giờ nghỉ giữa buổi biểu diễn, anh chị em diễn viên khẩn trương chuẩn bị cho màn tiếp thì bất ngờ có tiếng ai reo to: "Bác Hồ!". Tất cả đều quay nhìn ra. Bác đã đến bên mọi người trong căn lều dựng làm hậu trường trên bãi cỏ.

Nói sao hết được nỗi mừng vui khi đó. Có anh diễn viên đang hoá trang lại, cứ đứng ngẩn người ra, miếng bông vẫn cầm trên tay. Mấy cô diễn viên thì chạy xô lại vây lấy Bác. Ái Loan nhanh chân nhất. Ái Loan cứ quấn lấy Bác, giữ chặt lấy một bên tay Bác, miệng líu ríu mà không biết nói gì. Bác cười, gỡ tay Ái Loan ra, bảo với mọi người:

- Bác vào thăm, động viên các cháu diễn tiếp cho thật hay nữa... Diễn hay, lát nữa hết vở Bác có kẹo, Bác cháu ta cùng liên hoan đấy...

Mọi người lại reo hò quanh Bác.

Lúc đó, tôi đang dở chút việc ngoài sân khấu. Nghe tiếng reo hò vội chạy vào. Tôi vừa xuống bậc thang vào hậu trường thì gặp Bác đi lên. Gặp Bác bất ngờ quá, tôi cứ đứng sững người, không nói được câu nào. Bác Hồ cười, Bác bỗng vòng tay, cúi mình cất tiếng chào làm tôi giật mình như chợt tỉnh: "Xin kính chào hiền đệ!". Đó là câu chào, cử chỉ của Lương Sơn Bá khi gặp Chúc Anh Đài mà tôi diễn ở màn đầu.

Vở diễn hết, màn kéo lên, anh chị em ra chào khán giả. Bác Hồ đứng dậy vỗ tay rồi nhanh nhẹn đi lên sân khấu. Được Bác hỏi, mọi người vui sướng quá, cứ hò reo tranh nhau trả lời. Bác bỗng giơ tay, bảo:

- Các cô chú, các cháu diễn hay rồi... Bây giờ các cô chú, các cháu có muốn biết ý kiến của Bác về vở diễn không?

- Có ạ!

Mọi người nhất loạt trả lời. Ai nấy vội nín lặng chờ nghe ý kiến nhận xét của Bác.

Bác Hồ đi lại mấy bước, rồi Bác cất tiếng đọc rõ từng câu, từng tiếng:

"Một đôi Sơn Bá - Anh Đài
Chữ tình đáng trọng. Chữ tài đáng thương
Chỉ vì ông già dở dở ương ương...

(Bác dừng lại chỉ tay vào mặt chị Hồng Liên là người đóng vai Chúc công, bố Chúc Anh Đài).

Làm cho đôi lứa uyên ương không thành....

Bác ngừng đọc, đi đi lại lại. Rồi Bác cất cao tiếng hơn, một tay Bác nắm chặt giơ lên, nghiêm nghị nói tiếp:

Đánh cho phong kiến tan thành
Cho bao nhiêu Anh Đài - Sơn Bá sẽ được thành lứa đôi...

Những câu thơ đó chúng tôi chỉ được nghe có một lần giữa lúc tâm trạng vui sướng rộn ràng như vậy, thế mà mọi người đều nhớ ngay... - Chị Ái Liên kể - Đối với riêng tôi, hơn mười lăm năm qua rồi, mà tôi tưởng như vẫn đang nhìn thấy Bác khi đó, đang nghe tiếng Bác sang sảng bên tai. Bởi vì qua mấy câu thơ đọc ngay buổi đó, Bác đã dạy chúng tôi rất nhiều về nghề nghiệp, về cách xử lý đúng nhất đối với một vở diễn. Trước đây khi dựng, khi diễn vở Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài, chúng tôi đi sâu nhiều vào hoàn cảnh éo le của đôi trai gái để gây lòng thương xót, cảm thông của người xem, qua đó tố cáo chế độ phong kiến dã man độc ác, bóp nghẹt quyền sống của con người. Bây giờ Bác dạy chúng tôi phải nâng cao ý nghĩa đó hơn - phải hành động. Phải *"Đánh cho phóng kiến tan tành..."!* Chúng tôi cùng nhau suy nghĩ, trao đổi lời Bác. Những buổi diễn sau, vẫn những lời hát, cử chỉ, điệu múa đó, nhưng chúng tôi diễn mạnh hơn, sôi sục hơn, quyết liệt hơn..., do đó sức tố cáo và tác động đến người xem cũng sâu sắc, mãnh liệt hơn...

2.

Cuối năm 1943, ở ngõ Nghè Hải Phòng có một ông già mù cả hai mắt tên là Thuyết. Nghe nói, hồi còn trẻ ông Thuyết đã là thuỷ thủ trên nhiều tầu buôn ra nước ngoài. Ông đã ở Pari ở Hồng Kông. Cuối năm 1943, ông về nước với chiếc batoong và chiếc hòm gỗ cũ. Ông như người mất trí, thường hay ra ngồi đờ đẫn ở vườn hoa, lầm lì cả ngày. Thảng hoặc có nói, ông già chỉ nói chuyện một mình bằng tiếng Anh, tiếng Pháp...

Nhưng đến năm 1946, nghe tin Hồ Chủ tịch sang Pháp đàm phán, đang trên đường về nước bằng tàu biển thì ông già Thuyết thay đổi khác hẳn. Ông già lôi từ đáy hòm ra một bộ quần áo dạ (hồi ở bên Pháp ông thường mặc bộ này...) bắt con cháu là lại, sửa soạn giày, tất chỉnh tề... mặc dù dạo đó đang là giữa mùa hè.

Chiều hôm đó, cả thành phố Hải Phòng xuống đường đón Bác. Đoàn xe hơi đưa Bác về nghỉ tạm tại trường nữ học sinh Minh Khai, cách ngõ nhà ông già Thuyết vài trăm thước. Ông già Thuyết mặc bộ quần áo dạ, xỏ tất, đi giày cẩn thận, rồi gọi đứa cháu gái bé bảo dắt ông sang gặp Hồ Chủ tịch. Cả nhà đều cho ông già là dở người, hết sức can ngăn. Nhưng ông già một mực khăng khăng:

- Tôi là bạn thân ngày trước với Hồ Chủ tịch. Ngày trước, ở chung với Cụ Hồ, tôi vẫn mặc bộ quần áo này.

Cực chẳng đã, mọi người phải để cháu bé dắt ông già đi.

Anh bộ đội gác cổng trường thấy một ông già nhận là bạn thân của Bác Hồ, đòi vào thăm, lúc đầu có vẻ hoài nghi. Nhưng sau khi hỏi chuyện, lại nhìn vẻ mặt kiên quyết của ông già, anh bèn bảo hai ông cháu đứng chờ rồi chạy đi báo cáo. Lát sau, anh bộ đội chạy ra, trân trọng mời hai ông cháu ông già Thuyết vào.

Vừa dắt ông tới phòng khách, cô bé cháu đứng dừng lại kêu "Ông!". Ông già Thuyết chưa kịp hỏi gì thì một người đã bước

tới nắm lấy hai bàn tay ông. Hồ Chủ tịch đã ra đứng đợi ở ngưỡng cửa. Bác nắm bàn tay người bạn cũ, thân mật hỏi:

- Thuyết đấy à? Lâu lắm chúng ta mới được gặp lại nhau.

Ông già mù lẳng lặng không nói được lời nào. Đứng ở bậc cửa, ông già đưa hai bàn tay sờ lên khuôn mặt người đứng trước, như để nhận ra những nét quen thân cũ. Bác Hồ cũng im lặng. Bác cảm động nhìn khuôn mặt, bàn tay người thuỷ thủ năm xưa đã giấu Bác dưới tàu sang Pháp, người bạn đồng nghiệp đã cùng sống với Bác trong một hiệu ảnh ở Pari... Hồi lâu chừng như hai bàn tay đã xác nhận được những đường nét quen thân trên khuôn mặt người bạn cũ, ông già Thuyết sung sướng, xúc động quá, chỉ lắp bắp được mấy tiếng:

- Hồ Chủ tịch. Hồ Chủ...

Nhưng Bác Hồ đã giữ bàn tay, ngắt lời ông già:

- Đừng xưng hô như thế! Cứ gọi tôi là Ba như ngày xưa...

Rồi Bác ân cần dắt ông cháu ông già Thuyết vào phòng nghỉ của mình để chuyện trò. Nửa giờ sau, khi lưu luyến tiễn chân người bạn cũ ra về, Bác thân thiết nắm tay, ân cần dặn dò:

- Tôi bây giờ tuy là Chủ tịch một nước, nhưng chẳng qua cũng chỉ là tôi tớ nhân dân mà thôi. Đối với anh trước sau tôi cũng vẫn là một người bạn thân. Anh nhớ gửi thư cho tôi luôn...

Bác còn đứng lại nhìn theo mãi ông cháu ông già Thuyết đi về.

Gia đình chị Ái Liên đã nhiều lần được nghe người dượng kể về những ngày Bác Hồ còn ở Pháp. Từ ngày hoà bình lập lại (1954) chị Ái Liên và các cháu Ái Xuân, Ái Vân nhiều lần được vinh dự vào biểu diễn để Bác xem, vào thăm Bác... nhớ lại thấy Bác Hồ vẫn không khác gì hình ảnh "anh Ba" như trong câu chuyện người dượng kể với gia đình...

Là một nghệ sĩ biểu diễn từ năm 16, 17 tuổi, gần 40 năm trên sân khấu, chị Ái Liên đã biết thế nào là cái vinh, cái nhục

của nghề. Năm 1936, Ái Liên đi cùng với đoàn hát Đại Phước Cương vào Huế diễn mừng thọ lục tuần của mẹ Bảo Đại ở An Định cung. Gồng gánh đồ đạc vào đến nơi, một tên quan hầu dấp dím đuôi mắt, lên giọng khinh khỉnh bảo chủ gánh: "Cung vừa rải bốn chục chai nước hoa đó. Chúng mi khéo làm hôi hám cung nghe!". Rồi trước khi diễn, màn phải mở lượt nhất để toàn ban từ chủ gánh đến anh kéo màn gõ phách ra quỳ trước sân khấu tung hô vạn tuế. Rồi khi diễn cứ việc bưng tai, cắm mặt mà diễn, không được nhìn vào chỗ bọn vua quan đang ăn uống, cười đùa, diễn xong, đào kép nhất ban còn phải ra múa hát trước bàn rượu, khi nào bàn rượu tàn mới thôi... Mà kể gì tới bọn chóp bu triều đình, chỉ một tổng đốc, một tên tuần phủ, tri huyện làng nhàng, nghe nói có ban hát đến phủ, huyện mình trị nhậm cũng phái sai nha gọi tay đàn, đào nhất vào hầu rượu. Ngồi bên mâm rượu, muốn nghe hát thì hất hàm bảo đào, kép "hát đi". Ai bướng bỉnh chống lại thì toàn ban hát bị đuổi ra khỏi huyện, khỏi tỉnh.... Nhắc lại như vậy mới thấy hết nỗi xúc động, lòng biết ơn của những nghệ sĩ biểu diễn nhiều tuổi như chị Ái Liên đối với sự chăm sóc của Đảng, của chế độ ta, nhất là sự quan tâm chăm sóc của Bác Hồ.

Bác thường hỏi thăm hai cháu Ái Xuân, Ái Vân con chị Ái Liên. Biết hai cháu theo trường đi sơ tán xa Hà Nội, Bác hỏi Ái Liên đi thăm một tháng mấy lần. Bác bảo chịu khó vất vả lên thăm, đừng để các cháu nhỏ về Hà Nội. Đường xa các cháu mệt, v.v..

Không mấy buổi Bác không vào hậu trường hỏi han động viên anh chị em diễn viên. Có những người Bác chỉ gặp một lần. Bác cũng nhớ. Lần sau không thấy đồng chí đó vào diễn cùng đoàn, Bác hỏi. Gặp một diễn viên hoá trang mặt đỏ trong vở kịch ngắn *Giữ đất,* Bác hỏi đùa:

- Cháu đóng chi mà mặt đỏ như Quan Công ăn gừng vậy...

"Mặt đỏ như Quan Công ăn gừng" là câu nói đùa của một nhân vật trong vở kịch mà anh diễn viên vừa diễn.

Gặp một diễn viên khác trong hậu trường. Bác hỏi đóng trong vở gì. Anh diễn viên trả lời:

- Dạ. Vở *Thành phố rực lửa* ạ.

Bác đứng lại, sửa:

- Vở *Đường phố Sài Gòn rực lửa* chứ!

Trước khi đoàn văn công của ta đi biểu diễn ở Pháp, Bác hỏi anh chị em đã chuẩn bị quần áo ấm ra sao. Bác nói mùa đông ở Pháp rất lạnh, tuyết xuống dày... Anh em trong đoàn ai cũng cảm động, bồi hồi nhớ lại năm xưa khi Bác hoạt động cách mạng ở Pháp, ở Anh, chỉ có một viên gạch nung nóng ủ vào người để chống với cả mùa đông... Trong đợt đi biểu diễn này, vì thiếu người nên chị Ái Liên bỏ diễn đã lâu, giờ tuổi cao tập lại rất vất vả, gian khổ... Nhưng những buổi biểu diễn ở Pháp đã thu kết quả tốt. Về nước, Ái Liên được vinh dự thay mặt anh chị em trong đoàn lên báo cáo với Bác Hồ. Thời gian có ít, mỗi người chỉ nói trong vòng năm phút. Bao nhiêu suy nghĩ, bao nhiêu nỗi cảm xúc, tự hào trong mấy tháng diễn ở nước ngoài, bao nhiêu lời nhắn gửi của bà con kiều bào về nhờ nói với Bác Hồ. Ái Liên không biết nói thế nào cho hết cho đủ. Nhưng Bác đã cười bảo:

- Thế nào, tướng võ báo cáo ngắn gọn theo kiểu quân sự chứ...

Câu nói cởi bỏ tất cả nỗi lúng túng của Ái Liên. Thì ra dù ở xa, Bác Hồ biết tất cả, hiểu tất cả mọi công việc, mọi cố gắng suy nghĩ dù rất nhỏ của mỗi anh chị em trong đoàn.

3.

Giống mẹ ngày trước, hai cháu Ái Vân và Ái Xuân làm quen với nghệ thuật từ nhỏ. Ở trường, cả hai đều là học sinh giỏi, là cháu ngoan Bác Hồ. Và năm lên bảy tuổi, học lớp một, Ái Xuân đã được vào biểu diễn để Bác Hồ xem.

Lần đó chị em Ái Vân, Ái Xuân cùng hai bạn Tiến, Đạt được vào nơi Bác ở, Bác hỏi:

- Đây là Ái gì?

- Dạ, cháu là Ái Xuân.

- Cháu là Ái Vân.

- Còn một em nhỏ nữa tên là Ái gì?

- Dạ, là Ái Thanh.

- Ái Thanh cũng biết múa bài *Con thỏ rồi.* Lại cũng biết hát nữa...

Bác cười.

Buổi đó hai chị em hát bài *Tía em hết sợ...* Bác cười mãi. Hát xong, Bác cho kẹo. Kẹo đó hai chị em không ăn. Riêng Ái Xuân còn mang cho hai bạn thân ở lớp mỗi bạn một chiếc. Hai bạn cũng để dành. Các bạn kiếm lọ thuỷ tinh con đặt chiếc kẹo của Bác Hồ vào, đậy nút kỹ. Tới nay chiếc kẹo vẫn còn mùi thơm.

Đầu năm 1968, gia đình vừa ăn cơm xong thì có người hỏi. Đó là chú bảo vệ của Bác. Chú đến từ lâu, nhưng thấy gia đình đang ăn cơm nên chưa vào, Bác cho gọi Ái Xuân, Ái Vân lên. Chú bảo vệ nói, đáng lẽ cho cả Ái Thanh cùng vào với Bác, nhưng hôm đó trời rét nên Bác lại bảo để Ái Thanh ở nhà. Hai chị em mừng quá sắm nắm toan đi ngay. Nhưng chú bảo vệ bắt hai chị em mặc đủ quần áo ấm.

Tới nơi Bác ở, chú Kỳ, thư ký của Bác nói Bác đợi đã mười phút. Hai chị em chạy ùa vào. Bác đang ngồi trong phòng, Bác dang rộng tay đón hai cháu nhỏ:

- Hai cháu có rét không?

- Có ạ.

- Rét thì để hai tay xuống thế này.

Bác bày cho hai chị em khi ngồi để luồn hai tay xuống dưới đùi cho ấm.

Bác lại hỏi:

- Hai cháu về Hà Nội hôm nào?

- Hôm qua ạ.

- Ở nơi sơ tán ăn cơm có nhiều thức ăn không?

- Dạ, có.

- Có thịt nhiều không?

- Dạ có.

Bác lắc đầu nhìn hai chị em:

- Chắc ăn vào phần tiêu chuẩn của má phải không?

Hai chị em cười rúc rích.

Bác bảo hai chị em hát Bác nghe. Vân và Xuân nhìn nhau, chưa biết hát bài gì. Lần trước lên với Bác, hai chị em hát bài *Miền Nam ơi, chúng tôi đã sẵn sàng,* Bác khen hay. Nhưng đến câu *Miền Nam yêu quý ta ơi... Ta hiến dâng cả...* hai chị em nhìn thấy Bác rút khăn tay lau nước mắt. Còn đang ngần ngừ, thì Bác đã giơ tay làm hiệu, bảo:

- Nào... *Miền Nam yêu quý ta ơi....* Bắt đầu đi!...

Hát xong, Bác cháu lại nói chuyện. Xuân thích quá, kể cho Bác nghe đủ chuyện. Nào chuyện ăn ốc luộc, để dành tiền trong lợn đất, thèm ốc lại đập vỡ lợn lấy tiền mua. Chuyện Xuân đi chơi lạc đường phải thuê xe xích lô để về nhà. Nào chuyện ở lớp học có bạn trai hay bắt nạt Xuân, Xuân gửi cặp sách đánh nhau tay đôi với bạn đó. Bác cười. Bác chỉ cành hoa cắm ở lọ trên bàn, hỏi Xuân:

- Cái gì đây nào?

- Dạ thưa Bác hoa ạ.

- Ba hoa đấy!

Thế là ba bác cháu lại cười.

Nói chuyện rồi lại hát. Lần này hai chị em hát bài *Tự hào là em các anh...* Bác khen hay. Bác dặn hai chị em phải hát nhiều, hát luôn... Xong, Bác cho hai chịu em cùng xem phim. Ái Vân, Ái Xuân được ngồi hai bên Bác. Xem phim, cứ gặp chỗ nào

chưa hiểu, toan hỏi thì như đã biết trước, Bác lên tiếng giải thích cho hai chị em ngay.

Xem phim xong, Bác cười hỏi:

- Thế nào? Bây giờ hai cháu muốn gì nào?

- Dạ...

Hai chị em luống cuống. Muốn gì ư? Hai chị em chỉ muốn được ngồi bên Bác mãi như lúc xem phim. Nhưng Bác đã lấy ra một đĩa kẹo nữa, bảo:

- Bây giờ hai cháu về nhà nhé. Về thì phải có quà cho ba má, cho bé Thanh...

- Bác!

Ái Xuân gọi, tự nhiên Ái Xuân bật nói:

- Cháu không muốn về đâu!

Bác im lặng xoa đầu Xuân, không nói câu gì.

4

Những ngày đầu tháng 9-1969, mưa sụt sùi, buồn bã. Tối đó, chị Ái Liên đi biểu diễn ở câu lạc bộ Thống nhất. Chị cho mấy con cùng đi. Tới nơi, được tin buổi biểu diễn hoãn. Trời mưa nặng hạt hơn. Ra về, Ái Thanh níu tay mẹ hỏi sao hôm nay không có bắn pháo hoa, hỏi đến khi nào thì được gặp Bác Hồ như Ái Vân, Ái Xuân.

Sáng 3 tháng 9, Đài phát thanh báo tin Bác bị mệt nặng. Cả nhà tung chăn vùng dậy, sửng sốt. Trẻ nhỏ nghịch nhiều, ham ngủ, thế mà sáng đó Ái Xuân, Ái Thanh dạy ngay. Ái Thanh oà lên khóc nức nở.

Sáng 4 tháng 9, Đài báo tin Bác mất. Bây giờ thì không phải chỉ riêng Thanh, mà cả nhà khóc. Ái Thanh giậm chân nức nở: "Con không được gặp Bác Hồ rồi! Con không được gặp Bác Hồ rồi!".

Bác mất, gia đình tôi có cái buồn không bao giờ nguôi được - chị Ái Liên kể - Nhưng nhớ lời dạy của Bác, tôi với các cháu bảo nhau phải học tốt hơn, diễn tốt hơn để không phụ lòng chăm sóc của Bác. Cháu Ái Thanh cũng đã tập tiết mục đầu tiên của cháu. Cháu chưa được biểu diễn cho Bác Hồ xem, nhưng đôi lúc cả gia đình cứ có cảm giác như Bác chỉ đi đâu xa một thời gian. Bác sắp về. Có buổi, tôi bảo cháu Ái Thanh cố tập hát cho hay, múa cho dẻo để được vào biểu diễn cho Bác Hồ xem...

Còn tôi và hai cháu lớn, bây giờ mỗi lần đi biểu diễn ở đâu đều chọn những bông hoa đẹp nhất mang về dâng lên bàn thờ Bác.

TRẦN KIM THÀNH *ghi*

NHƯ CÓ VIÊN NGỌC ƯỚC

KIM NHỚ *kể*

Mọi lần sau đêm biểu diễn ngồi trên xe ô tô về Đoàn, là chúng tôi thường bàn tán nhiều chuyện. Nào tiết mục nậy khá hơn, hay anh em bạn múa nào đó đã làm sai động tác, cái kèn của anh kia bỗng nhiên lại chênh... Thôi thì đủ chuyện, ồn ào sôi nổi! Nhưng hôm nay thì khác hẳn, mọi người ngồi trên xe im lặng, chiếc xe bon nhẹ băng băng trên đường. Đêm đã khuya, phố xá im lìm. Hình như mọi người đang muốn kéo dài cái cảm xúc đặc biệt của đêm biểu diễn, cái đêm biểu diễn cho Bác Hồ xem. Tôi cũng trong tâm trạng như thế. Ngồi sát vào thành xe, tôi đưa mắt nhìn ra bên ngoài. Đêm mưa xuân, hạt mưa như bụi bay trắng xoá. Ôi cái mưa bụi mới thật là kỳ ảo làm sao! Quê tôi không hề có. Nhìn mưa bay, tôi lại nghe như vẳng tiếng Bác Hồ.

- Cháu hát hay lắm! Hát lại cho Bác nghe.

Tôi bàng hoàng cả người, cố trấn tĩnh, mãi lúc lâu tôi mới cất tiếng hát lại được.

Rồi ngày anh đi
Dốc núi cao cao
Chị em tôi thương
Không thấy hình anh
Chỉ thấy dấu chân
Đồng bào tôi mong
Đợi ngày anh về
...

Đó là bài *Thương anh cán bộ* tôi hát theo dân ca Hơ-rê. Hát xong Bác hỏi:

- Cháu người dân tộc gì?

- Thưa Bác cháu người Hơ-rê.

- Cháu ở vùng nào?

- Thưa Bác cháu ở gần với vùng trên của Quảng Ngãi ạ.

- À ra thế quê cháu gần với quê Bác Đồng đấy. Bác chỉ Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngồi bên cạnh Bác. Rồi Bác tiếp:

- Lần đầu tiên Bác được nghe người Hơ-rê hát. Cháu hát hay lắm. Rồi Bác dặn:

- Cháu ở ngoài này phải chịu khó học tập, luyện tập cho giọng hát thật hay, cho mọi người biết nghệ thuật của người Hơ-rê mình.

Bác ngừng, rồi tiếp:

- Bao giờ tập được bài nào, nhớ hát cho Bác nghe nhé. Bác rất thích nghe những bài hát dân tộc.

Về chỗ ngồi rồi, tôi vẫn cứ bần thần cả người. Bác là thế ư? Bác giản dị, gần gũi thế ư? Nước mắt tôi bỗng trào ra... Bác nói với tôi, hay nói với người Hơ-rê? *Người Hơ-rê mình, phải làm cho mọi người biết nghệ thuật của người Hơ-rê mình.* Không biết người Hơ-rê đã có ai được gặp Bác Hồ? Người Hơ-rê ơi, Bác Hồ đang nói với người Hơ-rê đó!...

Cho đến lúc lên xe ra về tôi vẫn còn bồi hồi xúc động, ngồi trên xe tôi bỗng nhớ đến Tpát, người bạn lớn tuổi cùng quê. Tpát ơi, Tpát đang làm gì? Mình đâu có *viên ngọc ước* mà mình đã được gặp Bác Hồ, được nói chuyện với Bác Hồ rồi, Bác Hồ lại nhắc cả người Hơ-rê mình.

Đêm đó tôi thao thức mãi...

Quê hương tôi núi đồi trùng điệp. Ẩn trong những quả đồi đó là những nương ngô, nương lúa. Những cây ăn quả: mít, bưởi, cam... cứ mùa về là trĩu quả. Quê hương thật là giàu, nhưng tôi phải đi ở đợ. Bố mẹ tôi mất sớm. Tôi phải đến ở với một người họ hàng. Và tôi lớn lên với những đồi sim bạt ngàn...

Bạn chăn trâu của tôi có Tpát, Tpát là chị họ lớn hơn tôi mấy tuổi, nhưng hai người rất thân nhau, Tpát cũng khổ như tôi, nên hai đứa có gì ăn cũng dành cho nhau.

Một hôm đang chăn trâu giữa đồi sim, tôi và Tpát gặp một người lạ mặt, người đó hỏi thăm vào blang (làng). Ít lâu sau tôi thấy dân làng đốt đuốc đến nhà rông họp rồi bầu người đó làm chủ tịch kháng chiến. Mọi người đều gọi người lạ mặt là *anh cán bộ*..

Anh cán bộ nói với dân blang:

- Thằng Pháp trước đã chiếm nước ta, chúng bắt ta nộp trâu, nộp bò, nộp lúa trên rẫy, lại nộp cả người cho chúng. Chúng làm người Hơ-rê sợ người Kinh, ghét người Ba-na, đánh nhau với người Mơ-nông... Nhưng mọi người đã đoàn kết đánh đuổi giặc Pháp, giành lại được độc lập. Nhưng bọn Pháp lại muốn chiếm nước ta một lần nữa. Muốn dân ta ăn ngô với tro rừng. Có một ông già là Bok Hồ. Bok Hồ có lòng thương dân, muốn cho mọi người đều có nhiều lúa trên rẫy, nhiều ngô trong quây... Muốn người Hơ-rê ai cũng một lòng đánh Pháp...

Anh cán bộ nói bằng mồm bằng mắt và cả bằng tay nữa. Dân blang hiểu ít, nhưng chủ tịch kháng chiến đã nói lại cho dân blang hiểu thêm.

Anh cán bộ cũng làm nương làm rẫy, cùng ăn với người Hơ-rê, ngủ trong nhà người Hơ-rê. Lại bày cách cho dân blang làm ra thêm nhiều lúa nhiều ngô. Bày cả cho thanh niên học chữ. Ai cũng mến anh cán bộ và gọi anh là *anh cán bộ Cụ Hồ*.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở đồng bằng đã lan đến núi rừng Hơ-rê. Nghe theo tiếng gọi của Cụ Hồ, người Hơ-rê đi dân công tải gạo ra chiến trường. Tpát cũng đi dân công. Tpát đi dân công có mấy ngày mà biết được bao nhiêu chuyện. Tpát đã kể cho tôi nghe nào chuyện đất nước mình càng đi càng rộng. Người Ba-na, người Ê-đê, người Gia-rai, người Kinh cũng gùi gạo đi đánh Pháp.

Tpát thì thào nói với tôi:

- Kim Nhớ à, ai cũng nói chuyện về Bok Hồ. Bok Hồ là người giỏi lắm. Người đánh Pháp cùng với Bok Hồ đông như rừng cây. Súng của Bok Hồ nhiều như hoa sim ở đồi người Hơ-rê mình. Bok Hồ chỉ đâu là lúa mọc đấy. Bok Hồ rất thương trẻ con, nhất là trẻ con nghèo khổ...

Nghe cán bộ nói, bây giờ lại nghe Tpát nói, tôi bồn chồn trong dạ nghĩ đến Bok Hồ.

- Có bao giờ gặp được Bok Hồ không Tpát? - Tôi ngẩn ngơ hỏi.

- Mình cũng đã hỏi cán bộ rồi, cán bộ bảo cứ góp sức góp công nhiều cho kháng chiến, đánh Pháp thế nào cũng được gặp Bok Hồ.

Tôi liền hỏi Tpát:

- Mình đã đi dân công được chưa?

Tpát cười rũ rượi:

- Kim Nhớ còn nhỏ, cố lên sang năm thì đi được. Nhưng muốn làm kháng chiến thì ở nhà đi làm liên lạc cũng được.

Tpát lại đi dân công, chuyến này Tpát đi lâu lắm. Đã đến hơn một con trăng mà vẫn không thấy Tpát về. Cứ hễ thấy ông mặt trời mọc thì tôi lại nhớ đến Tpát.

Một hôm tôi đang đuổi trâu trên nương, thì nghe có tiếng gọi, thoáng nghe tôi đã nhận ra tiếng Tpát. Tôi chạy ùa từ trên nương xuống.

- Tpát! Cái bụng mình nhớ Tpát lắm rồi. Sao con trăng đã hết từ lâu mà bây giờ Tpát mới về.

Chúng tôi ríu rít bên nhau. Tôi nói với Tpát là từ ngày Tpát đi dân công, tôi cũng đi làm liên lạc cho xã, lại được cán bộ dạy hát nhiều bài.

- Tpát ạ, cán bộ hát rất hay, cán bộ cũng bảo mình hát hay.

Chiều hôm đó, chúng tôi rủ nhau đi ra suối tắm. Tôi thấy Tpát có một ống tre con, tôi hỏi:

- Cái gì Tpát?

- Không mở được!

- Sao không cho mình xem?

Tpát ghé vào tai tôi thì thầm:

- Bí mật! Rồi lừa lúc tôi không chú ý, Tpát giật ống tre bỏ chạy.

Tôi đuổi theo, mặc nước bắn lên người. Mặc kệ, tôi đuổi kịp được Tpát, nhưng Tpát giơ cao ống tre lên, hổn hển bảo:

- Cho xem nhưng mà phải bí mật!

- Được. - Tôi liền bằng lòng.

Tìm một chỗ phẳng, cả hai chúng tôi ngồi xuống. Tpát mở ống tre lấy ra một cuốn giấy, rồi từ từ mở tờ giấy báo bọc ngoài, lộ ra một cuộn giấy nhỏ bên trong. Một bức ảnh trải dần theo tay Tpát.

- Ai đó? - Tôi liền hỏi.

- Bok Hồ!

Tôi sững người, nhìn Tpát rồi lại nhìn bức ảnh trân trân.

- Tpát được gặp Bok Hồ sao?

Tpát mỉm cười nhìn tôi:

- Chưa đâu. Cán bộ cho Tpát đấy. Cán bộ bảo mình chịu khó, hoàn thành nhiệm vụ trong đợt đi dân công, mình được thưởng.

Rồi Tpát kể cho tôi nghe câu chuyện, Tpát nghe được về Bok Hồ:

- Ở một blang Ba-na, giặc Pháp tràn lên, chúng ùa vào nhà bắn giết đàn bà con trẻ, lục cướp đi mọi thứ. Chúng tìm được một tấm ảnh Bok Hồ. Chúng liền đốt ngôi nhà đó và tập trung dân blang lại. Chúng bắt 18 thanh niên trói vào 18 cái cọc. Thằng chỉ huy cầm tấm ảnh Bok Hồ giọng hăm doạ:

- Lũ bay chỉ trả lời một tiếng "xấu" là ta tha ngay.

Súng lăm lăm trong tay, hắn chỉ vào tấm ảnh rồi hất hàm hỏi:

- Người này tốt hay xấu?

Tất cả đồng thanh đáp:

- Tốt!

Một phát súng nổ. Một người ngã xuống.

- Người này tốt hay xấu?

- Tốt!

Lại một phát súng nổ, một người nữa ngã xuống.

Im lặng.

Bọn giặc chỉ thấy những ánh mắt như những bó đuốc. Những bàn tay nắm chặt. Khối người kết lại như núi đá.

Bọn giặc hốt hoảng run sợ, rồi bỏ đi.

Mất một tấm ảnh Bok Hồ, người Ba-na, người Ê-đê, người Gia-rai... lại có nhiều tấm ảnh Bok Hồ khác giấu ở mọi nơi và ngay cả trong tim mình...

Nghe chị Tpát kể, tôi cứ ngắm mãi tấm ảnh Bok Hồ. Bok Hồ sao đẹp thế! Đôi mắt sáng như bó đuốc giữa rừng khuya. "Bok Hồ đánh Pháp cho dân mình sung sướng, Bok Hồ lại rất thương trẻ em, nhất là trẻ em nghèo khổ...".

- Tpát à. Ước gì mình được như chàng Ùa trong truyện cổ có *viên ngọc ước*. Mình cũng sẽ ước được gặp Bok Hồ.

- Ừ, mình có viên ngọc ước mình cũng sẽ ước được gặp Bok Hồ.

Muốn gặp Bác Hồ phải có viên ngọc ước. Thế mà bây giờ tôi đã được gặp Bác. Gặp Bác khi miền Bắc đã hoàn toàn được giải phóng, gặp Bác ở nhà Bác, lại được Bác hỏi chuyện, hỏi người Hơ-rê mình...

*

* *

Lần thứ hai tôi được gặp Bác cũng rất đột ngột. Lần đó tôi đã tốt nghiệp Trường Âm nhạc Việt Nam. Khi hoà bình lập lại trên miền Bắc, tôi được tập kết ra Bắc. Năm đó tôi mới 15 tuổi, không biết đọc biết viết, không biết nói tiếng Kinh. Tôi được vào học ở Trường Dân tộc trung ương. Rồi vì có giọng hát tôi được về công tác ở một Đoàn văn công. Sau đoàn cho tôi vào học Trường Âm nhạc. Sau những ngày tháng nỗ lực học tập tôi đã được tốt nghiệp. Hôm đó tôi đang chuẩn bị về Đoàn thì nhà trường cho gọi và nói là vào Phủ Chủ tịch. Trên đường tôi đã nghĩ có thể là được gặp Bác.

Đúng như tôi đoán, bước vào phòng khách, chúng tôi vừa ngồi thì Bác đã ra. Thấy Bác chúng tôi đứng cả dậy, Bác liền kéo chúng tôi ngồi quây bên Bác. Bỗng Bác hỏi tôi đột ngột:

- Kim Nhớ có "tủ" nào mới không?

Tôi giật mình. Mải miết học tập ở trường tôi chưa có được một tiết mục nào mới. Bài tốt nghiệp của tôi cũng chỉ là những bài dân ca cũ. Tôi lúng túng thưa với Bác điều đó.

Bác nói:

- Đi học, tập trung học là tốt, Bác khen. Nhưng học phải gắn bó với phục vụ. Vừa học vừa phục vụ nhân dân, mà hát cho nhân dân nghe phải có bài mới.

Khuyết điểm rồi. Bác phê bình rồi. Quả thật tôi đã không chú ý đến điều đó. Với lại tôi cũng muốn chọn bài nào đó cho thật hợp với giọng hát của mình mới tập. Tôi ân hận quá.

Vào thời gian sau khi tôi gặp Bác lần thứ hai, có một bài hát tôi rất thích. Bài *Chim pông-kle* của Nhật Lai. Bài hát phát triển trên những giai điệu của dân ca Tây Nguyên. Con chim pông-kle là một loại chim rất nhiều ở Tây Nguyên. Mỗi lần hát bài ấy tôi lại thấy buôn làng Hơ-rê hiện ra trước mắt. Tôi đã kiên trì tập nhưng vẫn không đạt được kết quả mong muốn. Đã có lúc tôi nản. Nhưng lời nói của Bác Hồ lại văng vẳng bên tôi.

Tôi liền xin đi một chuyến thực tế. Để có những tình cảm gần với quê hương, tôi đã trở về với những bản làng Vân Kiều tận Trường Sơn. Một chuyện xảy ra ở một bản Vân Kiều tôi được chứng kiến làm tôi rất xúc động.

Một cô gái Vân Kiều đang tắm dưới suối, liền bị bọn phỉ bên kia biên giới sang bắt cóc. Cô gái giẫy giụa chống cự, nhưng bọn phỉ đã buộc chặt cô gái đưa lên ngựa lao vút vào rừng già. Nhưng vó ngựa của các đồng chí công an biên phòng đã kịp thời chặn chúng lại. Cô gái Vân Kiều được cứu thoát.

Sống với buôn làng Vân Kiều và chuyện được chứng kiến làm tôi nghĩ đến buôn làng Hơ-rê đang phải sống dưới ách kìm kẹp của bọn bán nước và cướp nước thật cực khổ biết chừng nào.

Thông cảm với cô gái Vân Kiều, tôi càng cảm phục anh cán bộ công an biên phòng, ngày đêm lặn lội núi rừng bảo vệ cuộc sống đồng bào.

Sau chuyến đi tôi đã có thêm những nhận thức mới, tôi gửi gắm tất cả tình cảm của mình vào bài hát. Bài hát đã có một sắc thái khác hẳn. Tôi đi biểu diễn ở nhiều nơi. Ở đâu tôi cũng được hoan nghênh. Bài hát tôi được thu thanh ở Đài Tiếng nói Việt Nam. Băng mới phát đã có thư yêu cầu phát lại.

Tôi vẫn thầm mong biểu diễn phục vụ Bác. Rồi tôi được đi biểu diễn ở nước ngoài. Thật không ngờ trước khi đi. Đoàn chúng tôi lại được gặp Bác. Thế là tôi đã được báo cáo với Bác. Bác đã khen tiết mục của tôi. Sau chuyến đi biểu diễn ở nhiều nước, lúc về, Đoàn lại được Bác cho gặp.

Đúng là những đứa con đi xa được về quây quần bên người cha. Bác ân cần hỏi:

- Các cháu đi ra nước ngoài thấy những gì?

Một đồng chí trong đoàn trả lời:

- Dạ thưa Bác, thấy đất nước của bạn giàu và đẹp ạ!

- Còn thấy gì nữa? - Bác hỏi tiếp.

- Thưa Bác chúng cháu thấy nhân dân lao động ở đâu cũng cần cù chịu khó ạ!

Bác nhắc lại:

- Đất nước giàu và đẹp, nhân dân cần cù và chịu khó, còn gì nữa.

Một đồng chí khác tiếp:

- Dạ thưa Bác, chúng cháu thấy rõ là chỉ có cách mạng vô sản nhân dân mới thật sự được sung sướng ạ!

- Chà "chính trị" ghê!

Bác cười làm mọi người cười vui vẻ.

Bác quay lại phía tôi hỏi:

- *Chim pông-kle* đi ra nước ngoài có thấy gì không?

Tôi cười, rồi thưa với Bác:

- Thưa Bác có ạ, đi thấy nhiều nơi núi đồi giống núi đồi Hơ-rê, nhớ Hơ-rê lắm Bác Hồ ạ!

- Nhớ thì phải hát thật hay, cả nước biết người Hơ-rê hát hay rồi, thế giới cũng biết người Hơ-rê hát rồi. Bây giờ phải hết sức cố gắng! Cố gắng rèn luyện giọng hát, học tập chính trị, văn hoá để rồi về hát cho người Hơ-rê nghe!

Lời Bác dặn, tôi đã ghi sâu. Tôi ra sức học tập, rèn luyện. Những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tôi đã đi biểu diễn ở khắp các vùng tuyến lửa. Tôi ra phục vụ quân và dân cả những hòn đảo xa xôi. Tôi muốn mang tiếng hát của mình, tiếng hát được Đảng và Bác trao cho, phục vụ Tổ quốc đang chiến đấu.

Một hôm đêm đã khuya, tôi đi học văn hoá về, vừa lên giường đi ngủ, thì nghe tiếng gọi giật:

- Kim Nhớ, Kim Nhớ ngủ chưa?

Tôi vội ra mở cửa. Nay Hơ-vin, cô diễn viên cùng Đoàn giọng hổn hển:

- Bác Hồ gửi kẹo cho Kim Nhớ đây.

- Bác Hồ gửi kẹo! - Tôi nhắc lại rồi ôm chặt lấy Nay Hơ-vin, giọng sững sờ:

- Đoàn được lên biểu diễn cho Bác Hồ, hở Nay Hơ-vin?

- Ừ, cả Đoàn được gặp Bác. Lúc gần về Bác hỏi. "Kim Nhớ có đây không?". Mình trả lời: "Thưa Bác Kim Nhớ đi học văn hoá ạ". Bác liền lấy kẹo gửi cho Kim Nhớ.

Bác bận bao nhiêu việc, thế mà Bác vẫn nhớ một giọng hát như tôi, thật xúc động làm sao, và cũng vinh dự làm sao đối với một người nghệ sĩ!

Một người con gái người dân tộc như tôi, được trở thành một ca sĩ đó là nhờ công ơn dìu dắt của cách mạng, của Đảng, của Bác Hồ. Thật cuộc đời ngày nay quả mong được ước thấy. Tôi biết mình phải làm việc vượt bực mới xứng với những lời Bác Hồ đã chỉ bảo.

HẢI ĐĂNG *ghi*

BÁC DẠY CHÚNG TÔI CẤT CAO TIẾNG HÁT

MINH HUỆ *kể*

Chiều 18-5-1969, chúng tôi đang học tập tài liệu *Đạo đức cách mạng* do Bác Hồ viết để thiết thực kỷ niệm lần thứ 79 ngày sinh của Bác thì được lệnh vào gặp Bác. Tin đến đột ngột quá, chúng tôi ai cũng bàng hoàng.

Lúc ra đi, các đồng chí thủ trưởng đoàn giao trách nhiệm cho chúng tôi: "Các đồng chí cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ". Còn nhiệm vụ gì, chúng tôi chưa rõ. Giờ được biết sẽ gặp Bác, được biểu diễn văn nghệ để Bác xem và mừng thọ Bác 79 tuổi, chúng tôi sung sướng quá, vinh dự quá. Người tôi cứ nhẹ lâng lâng như được chắp cánh. Chúng tôi cố trấn tĩnh, hình dung lúc gặp Bác sẽ chào Bác thế nào. Khi Bác hỏi thì thưa chuyện ra sao. Nhưng vì quá phấn khởi, khi vào nhà Bác, mới trông thấy Bác, chúng tôi chạy ùa tới như đàn cháu nhỏ lâu ngày được gặp ông:

- Chúng cháu xin chào Bác ạ! Nhân ngày sinh của Bác, chúng cháu xin kính chúc Bác mạnh khoẻ sống lâu!

Bác đặt cuốn sách dầy và chiếc kính lão xuống bàn, cười rất hiền hậu, giọng Bác ấm áp:

- Chào các cháu!

Được Bác cho phép, chúng tôi ngồi xuống ghế.

Nhà Bác có hai gian lợp ngói đơn sơ. Trước nhà có bồn hoa nhiều loại, mùi hoa thơm phảng phất, thanh nhã. Trên chiếc bàn dài đặt giữa nhà có một số đĩa làm bằng mây. Chiếc ghế Bác đang ngồi cũng bằng mây.

Chúng tôi báo cáo với Bác:

- Thưa Bác, chúng cháu ở trong Đoàn văn công Quân khu Bốn theo đoàn đại biểu anh hùng chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang Quân khu ra báo cáo với Trung ương Đảng và Bác về thành tích bốn năm chống Mỹ, cứu nước ạ.

Bác hỏi tên tuổi, quê quán, trình độ văn hoá, ngày nhập ngũ... từng người một trong đoàn. Bác chỉ chị Mai Tư:

- Còn cháu?

Nghe Mai Tư báo cáo tên tuổi, quê quán... biết Mai Tư quê ở Đô Lương, Bác cười:

- A, trai Cát Ngạn, gái Đô Lương...

Bác hỏi chuyện tới đâu, chúng tôi lễ phép trả lời tới đó. Chúng tôi rưng rưng cảm động. Bác bận việc nước việc dân mà vẫn dành thì giờ chăm sóc chúng tôi. Tôi thay mặt chị em thưa với Bác:

- Chúng cháu xin phép được hát để Bác nghe một số bài theo điệu dân ca miền Trung ạ.

Bác vui vẻ gật đầu, chăm chú nghe từng người hát. Khi nghe tôi hát ví đò đưa:

"Ai biết nước sông Lam răng là trong, là đục, thì biết cuộc đời răng là nhục là vinh...".

Bác cười:

- Ở Nghệ An, người ta gọi là *"nác"* chứ không phải là *"nước"*.

Bác bảo chú Kỳ gọi các đồng chí làm việc gần đó cùng đến nghe.

Chúng tôi tiếp tục hát. Chị Nồng hát điệu "Ru con", chị Lý hò khoan, sau mỗi câu hò có đệm. Tôi và Mai Tư không biết cách hò nên ngồi im. Bác bảo:

- Các cháu không hò khoan theo à?

Đến lượt Mai Tư hát dặm đò đưa:

"Nước sông Lam biết khi mô cho cạn, cũng như tinh thần cách mạng của dân ta. Dù cho bão nổi mưa sa, Nghệ An Xô-viết xứng là Nghệ An"...

Mai Tư hát tiếp một câu ví ngắn:

"Vững tay lái chiếc ca nô
Đưa phà đến bến chuyến mô cũng an toàn
Đã trăm lần bom đạn
Vẫn vững chí kiên gan...".

Mai Tư hát nhanh, dồn dập. Bác quay sang hỏi chú Kỳ:

- Chú có hiểu không?

Chú Kỳ người Bắc nghe không hết được. Bác lại hỏi Mai Tư:

- Trong ta chừ có dệt vải nữa không?

- Dạ thưa Bác, có ạ!

- Có phường vải không?

- Dạ, không làm phường như trước, bà con đã vào hợp tác xã làm ăn tập thể cả.

- Rứa cháu có biết hát phường vải không?

- Dạ thưa Bác, có ạ.

Bác bảo Mai Tư hát một câu mà các cụ ngày xưa thường hay hát.

Mai Tư thưa với Bác:

- Dạ, thưa Bác, có phải *"dài lưng tốn vải ăn no lại nằm"* không ạ!

- Giờ cháu tiếp tục câu thứ hai đi!

Mai Tư lúng túng không biết, Bác nhắc:

"Lưng dài có võng đòn cong
Áo dài đã có lụa hồng vua ban".

Mai Tư hát câu Bác vừa nhắc theo điệu hát ví Nghệ An, nhưng nhớ sai đòn cong thành vòng tôm.

Bác cười:

- *Đòn cong* chớ!

Mai Tư hát xong thì Tuấn Mỹ "lẩy Kiều" được Bác khen. Mỹ hát thêm mấy câu thơ của chú Tố Hữu theo điệu ví ngắn:

"Mình về với Bác đường xuôi,
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người...".

Đến lượt tôi, tôi đứng dậy thưa:

- Thưa Bác, bây giờ cháu xin hát điệu ru em, dân ca miền Trung theo lời cũ ạ. Tôi cất giọng:

"À ờ ơ... ru em em ngủ cho muồi".

Bác sửa lại:

"Ru tam tam théc cho muồi...".

("Tam" là tiếng miền Trung dùng để chỉ "em", "théc" là "ngủ").

Tôi hát lại:

"Ru tam tam théc cho muồi
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu...".

Bác lại sửa:

- Để *mạ* chứ không phải để *mẹ*.

Tôi sung sướng hát tiếp:

"... Để mạ đi chợ mua vôi ăn trầu
Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu
Mua cau chợ Sải, mua trầu chợ Dinh".

Bác cười, ân cần sửa nốt:

- Mua cau Cam Phổ chứ không phải "chợ Sải".

Chao ôi! Bác nhiều tuổi rồi, Bác đã từng đi khắp năm châu bốn biển, Bác biết nhiều thứ tiếng, am hiểu nhiều phong tục tập quán các nơi, thế mà Bác vẫn nhớ rất lâu từng tên đất, tên người, cả tiếng hát quê nhà. Tôi lại hát dân ca miền Nam theo điệu "Ru con" cho Bác nghe nữa. Tôi chọn bài thơ "Ru con" của chú Tố Hữu:

"Con ong làm mật yêu hoa
Con cá bơi yêu nước, con chim ca yêu trời...".

Bác ngồi nghe say sưa, dáng tư lự. Tôi thầm đoán: "Chắc Bác đang nghĩ về miền Nam đó".

Trời tối rồi. Sao đêm tháng năm mọc chi chít. Tiếng hát chúng tôi vẫn ngân vang. Nhưng đội chiếu bóng đã chuẩn bị xong, Bác cho phép chúng tôi ra xem chiếu bóng với Bác. Trước khi kết thúc, Bác hỏi chúng tôi:

- Các cháu có đi phục vụ chiến trường không?

- Dạ thưa Bác, chúng cháu có đi Cồn Cỏ và một số chiến trường xa ạ!

Nghe chúng tôi báo cáo, Bác rất vui. Sau đó, Bác nói:

- Bây giờ Bác thưởng cho mỗi cháu ba chiếc kẹo.

Bác tự tay chọn phát cho mỗi chúng tôi ba chiếc kẹo. Số kẹo còn lại, Bác trao cả cho Tuấn Mỹ:

- Cháu ni nhỏ nhất, Bác cho cả đĩa!

Chúng tôi còn được xem chiếu bóng với Bác hơn một giờ nữa. Nhưng khi ra về, mọi người vẫn cảm thấy sao thời gian trôi qua nhanh quá, cứ bồi hồi lưu luyến mãi, không muốn rời Bác. Trên đường về, chúng tôi nói với nhau: "Hôm nay chúng mình được vào gặp Bác để hát cho Bác nghe, nhưng chính Bác lại dạy chúng mình hát". Chúng tôi nguyện sẽ mãi mãi mang lời ca tiếng hát mà Bác đã dạy chúng tôi đi khắp các chiến trường, các đơn vị để phục vụ cán bộ và chiến sĩ góp phần đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

HỒ KHẢI ĐẠI *và* TRẦN HỢI *ghi*

BÁC HỒ VỚI CÁC MẦM NON NGHỆ THUẬT

T.N.A.

"Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng. Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu nhi Việt Nam"...

Đó là tiếng hát của các em học sinh thuộc hệ sơ trung của Trường Âm nhạc Việt Nam (nay là Nhạc viện Hà Nội) vang lên sôi nổi trong ngày 1-6-1979 khi các em được vinh dự biểu diễn báo cáo thành tích học tập với Bác Hồ kính yêu lần cuối cùng trước khi Bác mất.

Sáu năm sau, ngày 19-5-1975 trên màn ảnh vô tuyến truyền hình Việt Nam, đội đồng ca của các em lại biểu diễn bài hát đó để mừng ngày sinh của Bác và mừng chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Tiếng hát của các em tuy vẫn trong trẻo nhưng hình như có cái gì lắng đọng: một niềm thương nhớ Bác vô hạn.

Thày và trò Trường Âm nhạc Việt Nam không bao giờ quên được những giờ phút bên Bác lần cuối cùng. Nhất là trong những ngày vui lịch sử của dân tộc, cũng như ngày kỷ niệm 40 năm thành lập nhà trường, những kỷ niệm sâu sắc đó lại hiện lên càng rõ nét.

Hôm ấy, tuy sức khoẻ Bác đã yếu nhưng Bác rất vui khi thấy các cháu biểu diễn đàn vĩ cầm, đàn dương cầm rất giỏi và các cháu còn biểu diễn rất hay, rất say sưa những loại đàn dân tộc cổ truyền như: sáo, nhị, bầu... Bác gọi các cháu là "những nghệ sĩ tí hon", "những nghệ sĩ tương lai", rồi Bác nói: "Các cháu phải học giỏi để sau này phục vụ nhân dân".

Bác ôm các cháu vào lòng, hỏi han từng người:

- Cháu chơi đàn gì?

- Bố mẹ cháu làm gì?

Khi các em giới thiệu với Bác cây đàn thập lục và tam thập lục, Bác cười và bảo: "Ta có tiếng ta sao các cháu không gọi là đàn 16 dây và đàn 36 dây có hơn không?". Từ đó hai cây đàn này đã được mang một cái tên đơn giản bằng ngôn ngữ dân tộc mà Bác Hồ đã chỉ bảo và mỗi lần nhắc đến cái tên này các em đều nhớ tới Bác.

Sau mỗi tiết mục biểu diễn Bác vỗ tay thật to và nói:

- Các cháu vỗ tay to lên để hoan nghênh bạn đánh đàn hay chứ!

Khi chia kẹo cho các cháu, Bác bảo: "Cho cháu này thêm một cái vì bé nhất và đánh đàn hay".

Quây quần bên Bác có các cháu ở thành phố, ở nông thôn, là con em cán bộ, công nhân, nông dân, các dân tộc miền núi, ở cả hai miền Nam Bắc.

Em Triệu Tiến Vượng, con một gia đình nông dân, quê ở Hà Tây là học sinh môn sáo dân tộc của trường. Em vô cùng sung sướng được thổi sáo để Bác nghe. Xưa kia, các em nhỏ ở nông thôn được bước chân tới trường học văn hoá đã là một điều vô cùng hạnh phúc hoặc có chăng chỉ là những lúc được thả hồn bay bổng theo tiếng sáo diều mỗi lần đi chăn trâu về. Ngày nay nhiều em nhỏ như Vượng không những được học văn hoá mà còn được học cả âm nhạc nữa và Tiến Vượng nay đã trở thành giảng viên của Nhạc viện Hà Nội.

Em Bàng Quảng Chương người dân tộc Sán Dìu, quê mãi miền rừng núi xa xôi. Em đã được đón về Thủ đô học âm nhạc. Em cũng được vinh dự biểu diễn báo cáo với Bác. Xưa kia có ai ngờ, trên màn ảnh vô tuyến truyền hình hôm nay lại xuất hiện một em gái nhỏ trong bộ quần áo dân tộc Mèo đang say sưa biểu diễn đàn 36 dây, đó là Hoàng Thị Hoa. Quê em ở tận trên vùng

Bác Hồ và học sinh sơ cấp Nhạc viện Hà Nội (1969)

Ảnh: TTXVN

cao, nơi mà dưới chân em lúc nào cũng chỉ có mây trời bay lượn. Không phải chỉ có Bàng Quảng Chương, Hoàng Thị Hoa mà còn biết bao nhiêu em khác đã được nuôi dưỡng và trưởng thành, như Nông Thị Nhình, người dân tộc Tày, là học sinh dân tộc miền núi đầu tiên đã tốt nghiệp đại học môn đàn dương cầm.

Đàn dương cầm và vĩ cầm là hai loại nhạc cụ phải khổ công rèn luyện từ bé và rất lâu năm. Trước đây chỉ có con nhà quyền quý mới được học đến nơi đến chốn và chỉ có những bàn tay "ngà ngọc" mới được lướt trên những phím đàn dương cầm. Ngày nay con em nhân dân lao động cũng được chơi những loại đàn đó. Em Mai Bích Liên mới lên 7 tuổi, mẹ chết sớm, bố là thợ rèn. Khi đoàn tuyển sinh của trường về tận quê em phát hiện thấy em có năng khiếu, nhà trường đã tuyển em vào học đàn dương cầm. Em luôn luôn được mọi người chú ý chăm sóc đặc biệt vì em bé nhất trường, lại sớm mồ côi mẹ. Trong dịp Tết Nguyên đán năm ấy thày Hiệu trưởng Nguyễn Văn Thương đã đón em về nhà riêng ăn Tết. Mặc dầu ở xa gia đình, những em nhỏ như Liên đã được nhà trường, các thày cô giáo chăm nom, săn sóc như con cái của mình. Nếu Bác Hồ còn chắc sẽ vui lòng vì những việc làm đầy tình nghĩa này.

"Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người", lời dạy của Bác đã trở thành mục tiêu trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam. Một trong những mục tiêu đó là việc rèn luyện các mầm non nghệ thuật. Vì vậy sau khi đánh đuổi được thực dân Pháp, hoà bình vừa được lập lại trên miền Bắc nước ta, Trường Âm nhạc Việt Nam đã được thành lập. Ngày nay trường đã trở thành một cơ sở giảng dạy có quy mô từ sơ cấp đến cao học với đầy đủ các bộ môn: nhạc cụ truyền thống, nhạc cụ mới, sáng tác, lý luận, chỉ huy, thanh nhạc, v.v.. Những gương mặt trong bức ảnh giờ đây đã trở thành những thày cô giáo dạy nhạc, những nghệ sĩ biểu diễn tài ba, những người lãnh đạo các cơ sở văn hoá nghệ thuật trên toàn đất nước.

Đặc biệt trong thời gian chiến tranh phá hoại ác liệt nhất, Trường Âm nhạc vẫn phát triển đều đặn. Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ các em học sinh nhỏ đã được đưa đi sơ tán xa Thủ đô để bảo đảm an toàn tính mạng, đồng thời vẫn tiến hành công việc học tập. Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ trong ngày gặp gỡ cuối cùng với Bác, thày và trò đã khắc phục mọi khó khăn để học tốt và dạy tốt. Điều đó được thể hiện rõ nhất là sau khi tiếng bom đạn vừa dứt, ta đã cử được hai học sinh đi dự cuộc thi quốc tế âm nhạc ở Liên Xô (cũ) là Ngô Văn Thành và Tôn Nữ Nguyệt Minh. Tiếp sau đó là Đặng Thái Sơn đã đoạt được giải nhất cuộc thi quốc tế về đàn dương cầm mang tên Sôpanh ở Ba Lan. Cả thế giới lúc đó khâm phục Việt Nam, không những ta thắng lợi trên lĩnh vực quân sự, chính trị, ngoại giao mà còn thắng lợi cả trên lĩnh vực văn hoá giáo dục nữa.

MỘT LÀN ĐIỆU DÂN CA QUA TIẾNG SÁO BÁC HỒ

ĐINH THÌN *kể*

Điều sung sướng, điều vinh dự nhất đối với mỗi thanh niên chúng ta là được gặp Bác Hồ, được chuyện trò thân mật với Bác. Đinh Thìn ở Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam, là một người có cái vinh dự đó. Anh đã được gặp Bác Hồ nhiều lần; hơn thế nữa anh đã nhiều lần được đến chỗ Bác Hồ ở, thổi sáo cho Bác Hồ nghe.

Chúng tôi đến thăm anh, trong lúc anh đang cùng dàn nhạc dân tộc, tập hoà tấu một bản nhạc mới, viết dựa theo một ý trong lời *Di chúc* của Bác. Biết chúng tôi muốn nghe chuyện về những lần anh được gặp Bác, anh bồi hồi xúc động kể:

- Tôi không bao giờ quên buổi đầu tiên được gặp Bác. Lúc bấy giờ tôi còn ở Đoàn chèo Trung ương. Hôm đó, chúng tôi chỉ có bốn người ở lại bốn đoàn nghệ thuật. Một hát, một múa, một xiếc và một sáo. Bốn chúng tôi vừa bước vào phòng khách, thì Bác ra. Tôi đã thấy Bác nhiều lần, nhưng chỉ thấy xa, hôm nay bên Bác tôi không sao nén được xúc động. Ôi! Bác dung dị quá! Râu tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào, Bác mặc bộ quần áo bằng lụa Hà Đông. Thấy chúng tôi lúng túng, Bác liền nắm tay kéo chúng tôi ngồi xuống quanh Bác.

Bác hỏi chuyện từng người, rồi Bác hỏi tôi có mang sáo thì thổi cho Bác nghe. May quá, tôi có mang theo sáo, nhưng bấy giờ cứ lúng túng mãi tìm không ra.

Bác ngồi dựa hẳn vào thành ghế, chăm chú nghe tôi thổi sáo. Hôm ấy tôi thổi một nhịp đuổi trong làn điệu chèo. Nghe xong, Bác gật gù, rồi hỏi:

- Cháu học thổi sáo đã lâu chưa?

- Dạ thưa Bác cháu học thổi sáo từ lúc còn nhỏ ạ. Nhưng từ ngày vào đoàn chèo cháu mới được cụ Ly trong đoàn dạy bảo cặn kẽ ạ.

- Tuổi cụ bao nhiêu?

- Thưa Bác cụ đã hơn bảy mươi ạ.

- Bảy mươi tuổi mà còn thổi được sáo? Trước cụ làm gì?

- Dạ thưa Bác, cụ Ly là một nghệ nhân, cụ đã từng đi biểu diễn khắp nơi trong nước. Cụ là một trong những người thổi sáo hay nhất hiện nay ạ.

Bác cười rồi bảo:

- Thế thì tốt, cháu đã gặp thầy rồi đó. Thanh niên phải chịu khó học. Âm nhạc dân tộc của ta rất độc đáo. Bác đã đi nhiều nước trên thế giới, nhưng Bác vẫn nhớ những câu hát của dân ta. Ta có nhiều câu hát dân ca hay lắm. Bây giờ phải khai thác và phát triển nó lên. Cháu là thanh niên, cháu phải làm nòng cốt, tiếp thu và phát triển âm nhạc dân tộc.

Sau đó Bác hỏi quê tôi ở đâu. Nghe tôi nói quê ở Thanh Chương, Nghệ An, Bác nói luôn:

- "Nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn" hả.

Rồi Bác hỏi:

- Cháu đi văn công từ bao giờ?

Tôi ngập ngừng trả lời Bác:

- Dạ, thưa Bác cháu đi văn công từ năm cháu 13 tuổi ạ.

Đinh Thìn, ngừng kể, anh đưa mắt nhìn xa xăm.

Chúng tôi quen biết Đinh Thìn từ năm 1962, sau khi anh đoạt Huy chương Vàng ở Hội diễn chuyên nghiệp toàn miền

Bắc. Gia đình Thìn nghèo lắm, ở nông thôn nhưng không có một tấc đất cắm dùi. Mấy anh em lớn đều phải đi ở cho nhà giàu trong làng. Ngày ngày Thìn dắt trâu chủ ra đồng, mang theo quang liềm đi cắt cỏ. Nhưng lao động cực nhọc, không làm cằn được tâm hồn thơ mộng của cậu bé. Một tiếng chim hót cũng làm Thìn chú ý. Nhiều buổi Thìn bị chủ mắng vì đã bỏ việc, mê mẩn nghe những bác xẩm đánh đàn, thổi sáo. Rồi chú bé Thìn cũng biết khoét ống sáo giắt theo người.

Đứa bé chăn trâu đó bây giờ trở thành một nghệ sĩ độc tấu sáo, đã đi biểu diễn khắp nơi trong nước và nhiều nước trên thế giới.

Một lần Đinh Thìn được gặp Bác rất đột ngột. Anh nói:

- Hôm đó Bác tiếp khách riêng của Bác. Trong phòng người nghe không đông lắm, tôi thổi bài *Nhớ về Nam*. Bác ngồi ngay trước mặt tôi, Bác nghe chăm chú. Thổi xong tôi cúi đầu chào, định quay về chỗ ngồi, thì Bác đứng dậy, Bác cầm xem chiếc sáo của tôi. Bác hỏi:

- Chiếc sáo này cháu tự làm lấy hay mua?

- Thưa Bác cháu làm lấy ạ.

- Tự làm như thế là giỏi. Làm sáo có khó khăn lắm không cháu? Trong kháng chiến chống Pháp, Bác thấy các chú bộ đội làm sáo nhanh lắm. Đi hành quân, đi tập đều mang theo, thổi rất vui.

Nói rồi Bác cầm ống sáo lên miệng thổi. Bác thổi hai, ba lần nhưng hơi vẫn phì ra, ống sáo không kêu. Tôi thưa với Bác:

- Bác để môi sát vào miệng lỗ sáo ạ.

Bác để lại và nhẹ nhàng thổi, lòng ống sáo có gió liền phát ra thành tiếng.

Bác hỏi:

- Ngón tay để thế này đúng chưa?

Tay tôi run hẳn lên, tôi khẽ cầm vào ngón tay Bác, sửa cho từng ngón bịt vào từng miệng lỗ sáo.

Bác để sáo lên miệng thổi. Không khí trong phòng bấy giờ như ngưng đọng lại, mọi người nín thở chờ đợi tiếng sáo của Bác. Bác lắng hơi, nhẹ thổi. Hơi chạy vào trong ống sáo, thoát ra các ngón tay của Bác gợi thành một làn điệu dân ca. Bác thổi vừa dứt, tiếng vỗ tay trong phòng rộn lên, vừa ngạc nhiên vừa sung sướng. Bác bỏ ống sáo xuống, lấy dáng điệu, cúi chào như một diễn viên thực thụ. Tiếng vỗ tay, tiếng cười vui vẻ lại vang lên.

Bác cũng vui vẻ cười.

Lần gặp Bác đã để lại cho tôi những ấn tượng không thể phai mờ được. Bác đi tìm con đường cách mạng cứu dân cứu nước từ lúc còn trẻ, Bác đi năm châu bốn biển, những câu hát đồng quê vẫn còn lắng đọng trong lòng Bác.

Đinh Thìn dừng lại suy nghĩ rồi tiếp:

- Sau những lần được gặp Bác, thổi sáo Bác nghe, tôi lại lao vào học tập, khổ luyện, biểu diễn phục vụ đồng bào. Tôi thấy mình cố gắng làm việc bao nhiêu cũng không xứng đáng với công ơn của Bác. Tôi càng yêu chiếc sáo - chiếc sáo may mắn đã được Bác thổi. Tôi càng say mê âm nhạc dân tộc.

Tôi có ý định viết lại điệu *Cò lả* cho sáo, tập và hôm nào gặp Bác sẽ thổi Bác nghe, xin ý kiến Bác.

Thường cứ sau những chuyến đi biểu diễn ở nước ngoài về, chúng tôi được gặp Bác.

Hồi tháng 7, sau chuyến đi dài biểu diễn ở Pháp, Ý, Angiêri, Liên Xô, Trung Quốc về, chúng tôi lại được quây quần bên Bác. Tôi còn nhớ rõ, hôm đó đường Phủ Chủ tịch hoa phượng đỏ ối. Chúng tôi ngồi quanh người cha tôn kính. Bác chăm chú nghe chuyện của những đứa con đi xa về. Vẫn như

những lần gặp trước, Bác chủ động, vui vẻ, hóm hỉnh và ân cần hỏi chuyện chúng tôi.

Trong đoàn chúng tôi có đồng chí khi nói chuyện với Bác gọi "tốp ca nữ", Bác hỏi ngay:

- Ca là gì cháu?

- Thưa Bác là hát ạ.

- Thế nữ là gì?

- Thưa Bác nữ là gái ạ.

- À, thế thì nên nói là "tốp hát gái".

Trong lúc chuyện trò thân mật tôi nói với Bác:

- Ở Angiêri, ở Ý, mỗi lần tiết mục của ta hay, họ vỗ tay đến vỡ nhà hát và hô tên Bác kéo dài. Ở nước ngoài được nghe người ta hoan nghênh và hô tên Bác, chúng cháu không sao nén được sung sướng tự hào. Bấy giờ cháu muốn có thật nhiều bài hát về Bác. Nhưng cháu nghĩ những điệu múa, những bài ca về con người Việt Nam, về non sông đất nước ta cũng là nói về Bác...

Bác hỏi lại:

- Được khen như thế có phồng mũi không?

Chúng tôi đều cười vui vẻ và ai nấy đều biết đó là câu Bác có ý răn bảo mình.

Trong chúng tôi có ai dám nghĩ, lần đó gặp Bác lại là lần cuối cùng!

Nghe tin Bác mất, cả nhà hát chúng tôi đều sửng sốt, rồi oà lên khóc. Tôi vẫn không tin đó là sự thật. Hôm chúng tôi gặp Bác, Bác còn khoẻ lắm. Bác còn vui đùa với chúng tôi... Cái tin đau đớn quá chừng!

Hôm vào viếng Bác, nhìn thi hài Bác, tôi không còn đứng vững được nữa. Bác nằm trong quan tài kính.

Bác gầy quá! Lòng tôi trào lên một điều ân hận, tôi đã không làm đúng được lời hứa với lòng mình. Điệu *Cò lả* tôi viết cho sáo vẫn chưa xong. Bác ơi cháu có lỗi với Bác nhiều...

Đinh Thìn đứng dậy, đưa chúng tôi đi xem qua các phòng tập. Sàn múa đang tập tiết mục mới, tốp hát gái đang luyện giọng. Dàn nhạc dân tộc đang hoà tấu một bản nhạc viết dựa theo một ý trong lời *Di chúc* của Bác.

Nhà hát, sau những ngày chịu tang Bác đang rộn lên không khí làm việc mới. Đinh Thìn xin lỗi chúng tôi để vào tập với dàn nhạc.

Chia tay Đinh Thìn, trên đường về chúng tôi cứ nghĩ mãi về làn điệu dân ca mà Bác thổi. Tiếc rằng không ghi lại được cho mọi người cùng nghe. Cái gì trong làn điệu làng quê kia đã làm nó sống trong lòng vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc? Phải chăng đó là tâm hồn Việt Nam, là sức sống mãnh liệt của người nông dân Việt Nam qua bao thế kỷ? Có thể bài hát về Bác chưa nhiều, nhưng Bác là non sông là đất nước, là một bài hát ru con, là một thành ngữ, một điệu dân ca, một câu ca dao đồng quê in đậm trong mỗi người dân Việt Nam từ đời này qua đời khác.

9-1969
ĐĂNG TRUNG *ghi*.

TIẾNG HÁT DÂN GIAN

LÊ THUẬN

Mùa hè năm 1952, giữa tháng năm, tôi được cùng các đồng chí Văn công quân đội đến phục vụ Đại hội Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Đúng như điều tôi mong mỏi, Hồ Chủ tịch đến dự Đại hội.

Mặc dù đã được gặp Bác dăm ba lần, tôi vẫn cứ thèm được ngắm Bác, thèm được đứng cạnh Bác, hơn cả đứa bé con thèm bố mẹ.

Bác ở Đại hội mấy hôm liền. Ngoài những giờ làm việc, Bác thường đến thăm các đồng chí công nhân phụ trách máy điện, các anh chị em nấu bếp, hoặc Bác đi tìm gặp nói chuyện thân mật với các đại biểu.

Biết vậy, tôi cứ rình. Bác đi chơi đâu, tôi tìm cách theo đi đấy. Bác xuống nhà ăn, tôi xuống nhà ăn. Bác ra chỗ anh em nhảy múa, tôi ra chỗ anh em nhảy múa. Buổi tối, Bác ngồi nghe báo cáo tôi cũng cố chen lấy chỗ gần. Chỉ với một mục đích: ngắm Bác, nhìn cử chỉ và nghe giọng nói của Bác.

Một buổi chiều, ăn cơm xong, tôi đang đứng giữa sân thì thấy Bác từ phòng làm việc đi xuống. Da mặt Bác hồng. Tóc Bác trắng. Bác mặc bộ quần áo cánh rộng mầu nâu nhạt. Ánh nắng chếch dài trên bãi cỏ. Bác đi trên cỏ xanh, thong thả từng bước, tay cầm cái quạt giấy, tay cầm điếu thuốc lá đang cháy dở.

Tôi đứng ngây người nhìn Bác. Tôi nghĩ vụng: vừa nãy thôi, khi ở hội trường Bác kêu gọi mọi người dốc sức ra đánh

giặc, trông Bác quắc thước và kiên quyết biết chừng nào, thì lúc này Bác lại hiện ra bình dị, thong dong, đẹp quá chừng, tưởng nhìn không bao giờ chán mắt.

Không bỏ lỡ dịp, tôi vòng ra sau lưng Bác, đi theo. Tôi đi cách Bác hai bước chân, vừa đi vừa nhìn mái tóc trắng tròn tròn trên gáy Bác, nhìn đôi dép cao su, nhìn điếu thuốc toả ra những sợi khói xanh đậm. Tôi đoán Bác đang suy nghĩ về một việc gì quan trọng, cho nên tôi bước rất nhẹ để khỏi làm rầy đến Bác. Lúc ấy, thật tôi chỉ mong được đi một mình bên cạnh Bác như thế rõ lâu.

Nhưng cũng chỉ được một lúc. Trước mặt tôi, có một chị đi đến. Chị đội một tấm khăn vuông đen, mặc chiếc áo ngắn nâu.

Thấy Bác, chị khẽ cúi:

- Thưa Bác ạ.

Bác đứng lại:

- Cô ở đâu?

- Dạ, cháu là diễn viên...

- À, nữ nghệ sĩ đến phục vụ Đại hội... Tốt lắm. Diễn viên về ngành gì?

- Dạ, diễn viên hát ạ.

Bác giơ quạt chỉ xuống cỏ:

- Vậy cô ngồi xuống đây hát cho Bác nghe đi, bây giờ còn đang giờ nghỉ.

Vừa nói xong, Bác đã ngồi xệp xuống cỏ, chống hai cánh tay lên hai đầu gối. Từ xa, một tốp người nữa kéo nhau lại ngồi sán quanh.

Tôi đang đứng loay hoay tìm một chỗ nào ngồi thuận tiện nhất thì thình lình Bác giơ cái quạt lên vẫy vẫy bảo tôi:

- Chú có nghe hát thì phải ngồi xuống cho hẳn hoi chứ?

Tôi ngoan ngoãn ngồi như một đứa cháu nghe lời ông bảo. Các đại biểu, chiến sĩ và các nhân viên phục vụ xúm lại mỗi lúc một đông.

Chị diễn viên ngượng nghịu:

- Thưa Bác, Bác cho phép cháu hát bài gì ạ?

Tôi biết chị là một nghệ sĩ đã lâu năm trong nghề. Tôi cũng đã được nghe chị hát nhiều lần. Nhưng lần này, tôi sắp được nghe chị hát cho Bác Hồ nghe, trên một bãi cỏ, giữa một khu rừng cây cao vút. Không hiểu sao, người tôi cứ rạo rực, hai tai mở rộng như sắp được thu một điệu nhạc gì hay nhất trong đời mình đây.

Bác bảo:

- Cô hát bài gì mà cô thích hát xưa nay, tuỳ ý cô, không bắt buộc.

Chị diễn viên vẫn lúng túng. Tôi hiểu chị đang lo lắng không biết nên hát bài gì.

Bác lại bảo:

- Trước cô vẫn hát cho bà con thôn quê nghe phải không? Đấy, cứ hát như hát cho bà con nông dân ta nghe ấy.

Được Bác nhắc tới hai lần, chị ngần ngừ, rồi tủm tỉm:

- Cháu xin hát sa mạc...

Bác gật đầu:

- Ừ, sa mạc, được lắm.

Mọi người im phắc. Tôi nín thở, chờ xem chị sẽ hát câu gì.

Bỗng chị nhìn lên một ngọn cây trước mặt, giọng trầm trầm rồi lên cao:

Mây bay đười mùi, mây lượn quanh ngòi
Lá cây nắng đội lưng đồi càng xanh
Thương nhau đôi chữ chung tình
Núi xanh một dải, rừng xanh một vùng...

Tôi vẫn chăm chú nhìn Bác. Mắt Bác đăm đăm không chớp, điếu thuốc trên môi Bác cứ rung rung theo nhịp điệu câu hát đang trôi cuồn cuộn vào lòng người nghe như một dòng suối ngọt. Tôi cũng không quên nhìn chị diễn viên. Mắt chị vẫn dõi thẳng lên ngọn cây mà sao long lanh một cách lạ. Tôi hiểu chị đang tập trung hết sức lực, hết tâm hồn mình. Giọng chị như xúc động đến nghẹn ngào lên:

... Ai ơi chua ngọt đã từng
Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau...

Chị hát xong mới đưa mắt nhìn Bác. Nhưng Bác vẫn ngồi im, điếu thuốc vẫn rung rung trên môi như còn đang đợi nghe tiếp. Chị nói:

- Thưa Bác, cháu hát xong rồi ạ.

Khi ấy Bác mới đưa tay nhấc điếu thuốc lá ra khỏi miệng. Rồi Bác đứng dậy:

- Cô hát hay lắm... Cô còn phải hát hay hơn, nhiều hơn, hát làm sao cho bà con nghe mà thêm yêu đất nước, yêu mọi người, mà nức lòng sản xuất, giết giặc, rõ không?

- Dạ, rõ ạ.

Bác đưa một vòng cái quạt chỉ vào những người ngồi nghe:

- Bác thay mặt tất cả anh chị em ngồi quanh đây cảm ơn nữ nghệ sĩ.

Tôi cảm động quá. Tôi thấy Bác sao mà hiền hậu, đáng yêu quá. Tôi hiểu Bác khen hay, một phần vì giọng người hát rất trong, nhưng phần chính là vì Bác là người rung cảm nhạy bén hơn ai hết với những tình cảm đằm ấm trong đời sống, trong tiếng hát thường ngày của dân gian.

Chị diễn viên bỗng nắm lấy tay tôi:

- Thế nào anh, tôi hát mấy câu ấy có được không anh?

Tôi vừa mải nhìn theo Bác đang đi về phía máy nổ, vừa trả lời chị:

- Sao lại không được?

- Sợ không có ý nghĩa gì cả?...

- Sao lại không có ý nghĩa... Chỉ tiếc là chị hát ít quá. Tôi đang mải ngắm Bác ngồi nghe thì chị lại không hát nữa...

- Ừ nhỉ... Nhưng chỉ sợ Bác phải nghe lâu... Tôi cứ luống cuống thế nào ấy, hát chả câu nào ra câu nào...

Nói xong, chị lại cùng tôi đứng nhìn theo Bác, nhìn theo mái đầu bạc lững thững trên cỏ xanh. Một lát sau tôi mới quay lại nhìn chị, chợt thấy đôi má chị ửng lên một mầu hồng, cái màu hồng tự nhiên của tuổi trẻ đã lâu không thấy có trên mặt người nữ diễn viên đã già dặn trong nghề.

CHÚ THÍCH VỀ TÁC GIẢ*

1. TỐ HỮU (1920-2002)

Tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành. Quê quán: Thừa Thiên - Huế. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng về văn học Hồ Chí Minh (1996). Giải thưởng văn học ASEAN (1996). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học - nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính**: *Từ ấy* (thơ, 1946); *Việt Bắc* (thơ, 1954); *Gió lộng* (thơ, 1961); *Ra trận* (thơ, 1972); *Máu và hoa* (thơ, 1977); *Một tiếng đờn* (thơ, 1992); *Xây dựng một nền văn hoá nghệ thuật lớn xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta* (tiểu luận, 1973); *Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật* (tiểu luận, 1981)...

2. NGUYỄN ĐÌNH THI (1924-2003)

Tên khai sinh là Nguyễn Đình Thi. Quê quán: Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Văn hoá cứu quốc, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam (từ 1948). Từ năm 1955 về công tác tại Hội Văn nghệ Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Văn nghệ (1956-1958). Từ 1958: làm Tổng Thư ký Hội Nhà Văn Việt Nam các khoá I, II và III. Chủ tịch Uỷ ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính**: *Xung kích* (tiểu thuyết, 1951); *Mấy vấn đề văn học* (tiểu luận, 1956-1958); *Bài thơ Hắc Hải* (thơ, 1959-1961), *Con nai đen* (kịch, 1961); *Vỡ bờ* (tiểu thuyết, 1962-1970), *Mặt trận trên cao* (tiểu thuyết, 1967)... *Diệt phát xít, Người Hà Nội* (ca khúc)...

3. BẢO ĐỊNH GIANG (1919-2005)

Tên khai sinh là Nguyễn Thanh Danh. Quê quán: Tiền Giang. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Từng kinh qua các chức vụ: Phó Tổng Thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam, Vụ phó Vụ Văn nghệ Ban Tuyên huấn Trung ương, Tổng biên tập báo *Văn nghệ*, Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật thành phố Hồ Chí Minh, Tổng biên tập báo *Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh*. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. **Tác phẩm chính**: *Đường giải phóng* (thơ, 1977); *Đêm huyền diệu* (thơ, 1985); *Hà dạ* (kịch, 1948); *Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga* (kịch bản phim, 1990); *Mấy vấn đề văn nghệ yêu nước và cách mạng* (nghiên cứu, 1964); *Ca dao Bảo Định Giang* (1990); *Văn nghệ - một thời để nhớ* (sưu tầm, 1996)...

4. PHAN TỨ (1930-1995)

Tên khai sinh là Lê Khâm. Quê quán: Quảng Nam. Ông từng giữ chức Quyền Tổng biên tập Nhà xuất bản Giải phóng năm 1966. Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn, Uỷ viên Ban Thư ký (Ban thường vụ) Ban Chấp hành Hội Nhà văn khoá III. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật (2000). **Tác phẩm chính**: *Bên kia*

* Để tiện tra cứu, chúng tôi xếp thứ tự các tác giả theo mục lục. Một số người chưa có điều kiện tìm đủ thông tin cần thiết, chúng tôi sẽ bổ sung vào các lần tái bản sau (BT).

biên giới (tiểu thuyết, 1958, 1978); *Trước giờ nổ súng* (tiểu thuyết, 1960); *Gia đình má Bảy* (tiểu thuyết, 1968, tái bản 1971, 1972, 1975); *Mẫn và tôi* (tiểu thuyết, 1972, 1975, 1978, 1987, 1995), *Người cùng quê* (tiểu thuyết 3 tập, 1985, 1995, 1997)...

5.HUY CẬN (1919-2005)

Tên khai sinh là Cù Huy Cận. Quê quán: Hà Tĩnh. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Từ 1955-1984, Thứ trưởng Bộ Văn hoá. Từ 1984: Bộ trưởng đặc trách công tác văn hoá thông tin tại Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Chủ tịch Uỷ ban TƯ Hội LHVHNT Việt Nam. Từng là Phó Chủ tịch UBTQ Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Uỷ viên Hội đồng chấp hành UNESCO từ năm 1978-1983, Đồng Chủ tịch Hội đồng văn học Á Phi 1962 tại Cairo, Đồng Chủ tịch Hội đồng Văn hoá thế giới 1968 ở La Habana, Uỷ viên Hội đồng văn học Pháp ngữ 1985-2000. Năm 2001 được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm Thơ thế giới. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính**: *Lửa thiêng* (thơ, 1940); *Trời mỗi ngày lại sáng* (thơ, 1958)... *Kinh cầu tự* (văn xuôi, 1942); *Đất nở hoa* (thơ, 1960); *Cha ông nghìn thuở* (tráng ca, 2002)...

6.XUÂN DIỆU (1917-1985)

Tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu. Quê quán: Hà Tĩnh. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Từng giữ các chức vụ: Thư ký toà soạn tạp chí *Tiên phong*. Kháng chiến chống Pháp công tác ở Đài Tiếng nói Việt Nam, Hội Văn nghệ Việt Nam, Thư ký tạp chí *Văn nghệ*, là Uỷ viên thường vụ, Uỷ viên Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khoá I, II, III), Viện sĩ thông tấn Viện Hàn Lâm nghệ thuật Cộng hoà dân chủ Đức (1983)... Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính**: *Thơ thơ* (thơ, 1938); *Gửi hương cho gió* (thơ, 1945, 1967); *Ngọn quốc kỳ* (thơ, 1945, 1961); *Hội nghị non sông* (thơ, 1946), *Phấn thông vàng* (văn xuôi, 1939, 1967); *Những bước đường tư tưởng của tôi* (tiểu luận phê bình, 1958); *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (tiểu luận phê binh, 2 tập, 1981,1982); *Thi hào Nadim Hítmét* (dịch, 1962); *Thơ Nicôla Ghiden* (dịch, 1982)...

7.HOÀNG VĂN BỔN (1930-2006)

Tên khai sinh là Hoàng Văn Bản. Quê quán: Đồng Nai. Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai. Giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007... **Tác phẩm chính**: *Vỡ đất* (tiểu thuyết, 1952); *Tướng Lâm Kỳ Đạt* (truyện thiếu nhi, 1962); *Tuổi thơ ngọt ngào* (tiểu thuyết, 1994); *Khắc nghiệt* (tiểu thuyết 4 tập, 1990); *Nhớ người xưa* (tiểu thuyết, 2004)...

8.NGUYỄN CÔNG HOAN (1903-1977)

Tên khai sinh là Nguyễn Công Hoan. Quê quán: Hưng Yên. Ông từng là Chủ nhiệm tờ *Quân nhân học báo*, biên tập viên tờ *Vệ quốc quân* (báo *Quân đội nhân dân* ngày nay). Khi thành lập Hội Nhà văn Việt Nam, được bầu làm Chủ tịch Hội, kiêm Chủ nhiệm tuần báo *Văn* (tiền thân của báo *Văn nghệ*). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Quyết chí phiêu lưu* (viết năm 17 tuổi); *Kiếp hồng nhan* (tập truyện ngắn, 1923); *Bước đường cùng* (tiểu thuyết, 1938), *Lá ngọc cành vàng* (tiểu thuyết, 1934), *Đời viết văn của tôi* (hồi ký, 1971)...

9. HOÀNG NGỌC PHÁCH (1896-1973)

Tên khai sinh là Hoàng Ngọc Phách. Quê quán: Hà Tĩnh. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Ông từng viết cho tạp chí *Nam phong* và nhiều tờ báo khác. Từng đảm nhận nhiều cương vị: Giám đốc học khu Bắc Ninh (1945-1951); Giám đốc Giáo dục khu XII (1947-1948); Giám đốc Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương (1951)... Từ năm 1959 về Viện Văn học, chuyên phụ trách, sưu tầm, hiệu đính các tác phẩm văn học Việt Nam cận đại. **Tác phẩm chính:** *Tố Tâm* (tiểu thuyết, 1925); *Thời thế với văn chương* (1941); *Thơ văn Nguyễn Khuyến* (1957); *Sơ tuyển thơ văn yêu nước và cách mạng* (1959); *Khảo luận về Nhị Độ Mai* (1959)...

10. THẾ LỮ (1907-1989)

Tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ. Quê quán: Bắc Ninh. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Uỷ viên thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam; Chỉ đạo nghệ thuật Đoàn Sân khấu Việt Nam. Từ 1957 là Chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (2000). **Tác phẩm chính**: *Mấy vần thơ* (thơ, 1935); *Vàng và máu* (truyện, 1934); *Mai Hương và Lê Phong* (truyện, 1937); *Trại Bồ Tùng Linh* (truyện, 1941); *Cụ Đạo sư ông* (kịch, 1946)... Dịch giả nhiều vở kịch của Sêchxpia, Gơtơ, Sinle và Pôgôđin...

11. TÚ MỠ (1900-1976)

Tên khai sinh là Hồ Trọng Hiếu. Quê quán: Hà Nội. Từ 1932, tham gia Tự lực văn đoàn. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khoá I, II). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (2000). **Tác phẩm chính**: *Dòng nước ngược* (2 tập, 1943); *Nụ cười kháng chiến* (thơ trào phúng, 1952); *Thơ Tú Mỡ* (thơ, truyện, 1971)...

12. NGUYỄN HUY TƯỞNG (1912-1960)

Tên khai sinh là Nguyễn Huy Tưởng. Quê quán: Bắc Ninh (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội). Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Từng tham gia Ban biên tập báo *Tiên phong* của Văn hoá cứu quốc, từng giữ các trọng trách: Phó Thư ký Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam (1946), Uỷ viên thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam, Tổng Thư ký Ban Trung ương Vận động *Đời sống mới*, Thư ký toà soạn tạp chí *Văn nghệ*, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá I, Giám đốc Nhà xuất bản Kim Đồng... Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Đêm hội Long Trì* (tiểu thuyết, 1942, được chuyển thể điện ảnh, chèo, cải lương 1990); *Vũ Như Tô* (kịch, 1943); *An Tư* (tiểu thuyết, 1944), *Bắc Sơn* (kịch, 1946); *Những người ở lại* (kịch, 1948); *Ký sự Cao Lạng* (ký sự, 1951); *Truyện Anh Lục* (tiểu thuyết, 1955); Lũy hoa (truyện phim, 1960); *Sống mãi với Thủ Đô* (tiểu thuyết, 1961); *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (truyện thiếu nhi)...

13. ANH THƠ (1918-2005)

Tên khai sinh là Vương Kiều Ân. Quê quán: Bắc Giang. Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khoá I, II), Uỷ viên thường vụ Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội. Từ 1971-1975 công tác tại tạp chí *Tác phẩm mới*. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2000, giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2007. **Tác phẩm chính**: *Bức tranh quê* (thơ, 1941); *Kể chuyện Vũ Lăng* (truyện thơ,

1967); *Tiếng chim tu hú* (hồi ký, 1995); *Từ bến sông Thương* (hồi ký, 2002)...

14. NÔNG QUỐC CHẤN (1923-2002)

Tên khai sinh là Nông Văn Quỳnh. Quê quán: Cao Bằng. Người dân tộc Tày. Sau 1945 làm Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật khu Việt Bắc. Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Văn hoá kiêm Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá, Hiệu trưởng Trường viết văn Nguyễn Du, Chủ tịch Hội Văn hoá văn nghệ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Phó Chủ tịch Uỷ ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000. **Tác phẩm chính**: *Tiếng ca người Việt Bắc* (thơ, 1959); *Người núi Hoa* (thơ, 1961); *Một vườn hoa nhiều hương sắc* (tiểu luận, 1977)...

15. TÔ HOÀI (1920)

Tên khai sinh là Nguyễn Sen. Nguyên quán: Hà Tây, nay thuộc Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1957), Chủ tịch danh dự Hội Văn học nghệ thuật Hà Nội. Từ 1945-1952 làm báo *Cứu quốc*. Từng là Tổng Thư ký, Bí thư Đảng Đoàn Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội. Giải thưởng Hội Nhà văn Á Phi (1970). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính**: *Dế mèn phiêu lưu ký* (truyện thiếu nhi, 1941); *Truyện Tây Bắc* (1956); *Quê nhà* (1967); *Chuyện cũ Hà Nội* (1980)...

16. Y ĐIÊNG (1928)

Tên khai sinh là Y Điêng Kpăhôji. Quê quán: Phú Yên. Người dân tộc Êđê. Từng là Thư ký riêng của cụ Y Bi-a-lê-ô (Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam). Từng giữ chức Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ Khánh Hoà. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2007). **Tác phẩm chính**: *Em chờ bộ đội Anna Hồ* (truyện ngắn, in chung, 1962); *Ông già Khơ Rao* (truyện ngắn, 1964); *Hơ Giang* (truyện dài, 1978); *Chuyện trên bờ sông Hing* (truyện dài, 1994); *Y Điêng thơ* (2006). Sưu tầm và dịch các sử thi: Xinh Nhã, Đăm Di, Khinh Dú, Y Prao (1961)...

17. VŨ TÚ NAM (1929)

Tên khai sinh là Vũ Tiến Nam. Quê quán: Nam Định. Từng giữ các chức vụ: Thư ký toà soạn báo *Văn học*, Phó Tổng biên tập báo *Văn nghệ*, Giám đốc nhà xuất bản *Tác phẩm mới*, Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam (khoá IV), Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khoá I, II, III, IV. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001... **Tác phẩm chính**: *Bên đường 12* (1950); *Sống với thời gian hai chiều* (1983); *Mùa xuân tiếng chim* (1985)...

18. HỒ PHƯƠNG (1930)

Tên khai sinh là Nguyễn Thế Xương. Quê quán: Hà Tây, nay thuộc Hà Nội. Nguyên Phó tổng biên tập tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, nguyên Tổng biên tập tạp chí *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá III. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. **Tác phẩm chính:** *Cỏ non* (tập truyện ngắn, 1960); *Cánh đồng phía Tây* (tiểu thuyết, 1994); *Chúng tôi ở Cồn Cỏ* (ký sự dài, 1968); *Ngàn dâu* (tiểu thuyết, 2002); *Cha và con* (tiểu thuyết, 2007)...

19. PHAN ANH (1912-1990)

Tên khai sinh là Phan Anh. Quê quán: Hà Tĩnh. Năm 1940, ông cùng Vũ Đình

Hoè, Vũ Văn Hiền thành lập báo *Thanh Nghị* (1941-1945). Sau Cách mạng tháng Tám, ông được mời giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Ông là người cùng với luật sư Nguyễn Mạnh Tường sáng lập Hội Luật gia Việt Nam.

20. VŨ NĂNG AN (1916-2004)

Tên khai sinh là Vũ Năng An. Quê quán: Nam Định. Từng là Giám đốc Xí nghiệp Phim truyện Việt Nam (sau là Hãng Phim truyện Việt Nam 1973-1979). Huy chương Vì sự nghiệp văn học nghệ thuật, Huy chương Vì sự nghiệp Điện ảnh Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, lĩnh vực nhiếp ảnh (1996). **Tác phẩm chính**: *Bác Hồ ở Đông Khê, Quảng trường Nhà hát lớn, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*…

21. ĐINH ĐĂNG ĐỊNH (1920-2003)

Tên khai sinh là Đinh Đăng Định. Quê quán: Hà Nội. Từng là phóng viên nhiếp ảnh Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Khu 10, phóng viên nhiếp ảnh Phủ Thủ tướng, Uỷ viên Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, Tổng biên tập tạp chí *Nhiếp ảnh*. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, lĩnh vực nhiếp ảnh (2000). **Tác phẩm chính**: *Nông dân Plu-a* (Tây Nguyên), *Đưa tiếng nói của Đảng xuống quần chúng, Công việc hàng ngày, Những tác phẩm về Hồ Chủ tịch*...

22. NGUYỄN PHAN CHÁNH (1892-1984)

Tên khai sinh là Nguyễn Phan Chánh. Quê quán: Hà Tĩnh. Ông là người đầu tiên mang vinh quang về cho tranh lụa Việt Nam. Từng là giảng viên hội hoạ Trường Đại học Mỹ thuật, từng được bầu vào Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam khoá I. Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996. Nguyễn Phan Chánh đã để lại một sự nghiệp đồ sộ với số lượng ước khoảng trên 170 tác phẩm. Ông là người đang giữ kỷ lục về số tác phẩm được trưng bày tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Tiêu biểu: *Chơi ô ăn quan, Lên đồng, Chiều về tắm cho con*...

23. TÔ NGỌC VÂN (1906-1954)

Quê quán: Hưng Yên. Ông được đánh giá là người có công đầu tiên trong việc sử dụng chất liệu sơn dầu ở Việt Nam. Ông còn được xem là một trong những hoạ sĩ lớn của hội hoạ Việt Nam, nằm trong "bộ tứ" *nhất Trí, nhì Vân, tam Lân, tứ Cẩn* (Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Tường Lân, Trần Văn Cẩn). Từ năm 1950 ông phụ trách Trường Mỹ thuật Việt Bắc. Phụ trách Đoàn văn hoá kháng chiến Việt Bắc rồi Xưởng hoạ Việt Bắc. Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Văn hoá kháng chiến. Trưởng ban Mỹ thuật TƯ. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996. **Tác phẩm chính:** *Thiếu nữ bên hoa huệ* (1943), *Hai thiếu nữ và em bé* (1944), *Hồ Chủ tịch làm việc tại Bắc Bộ phủ* (1946), *Hai chiến sĩ* (1949)…

24. DIỆP MINH CHÂU (1919-2002)

Quê quán: Bến Tre. Ông từng giữ chức Chủ tịch danh dự Hội Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh, giảng viên Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam, Uỷ viên thường vụ Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm tiêu biểu:** *Bác Hồ và ba em thiếu nhi Trung - Nam - Bắc* (tranh lụa vẽ bằng máu, 1947), *Bác Hồ câu cá ở Việt Bắc* (tranh sơn dầu), *Bác Hồ ở Việt Bắc* (tượng đồng - 1990)...

25. XU MAN (1925-2007)

Tên khai sinh là Siu Yơng, người dân tộc Bơhnar, Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam. Từng là Phó Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Gia Lai khoá đầu tiên. Ông đã vẽ trên dưới 100 bức tranh đặc tả hình tượng Bác Hồ.

26. PHAN KẾ AN (1923)

Tên khai sinh là Phan Kế An. Quê quán: Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Ông được coi là người đầu tiên ký hoạ chân dung Hồ Chí Minh. Hoạ sĩ vẽ tranh biếm hoạ nổi tiếng của báo *Sự thật*. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2001). **Tác phẩm chính:** *Nhớ một chiều Tây Bắc* (sơn mài, 1952), *Gặt ở Việt Bắc* (sơn mài, 1955), *Bác Hồ làm việc ở lán Nà Lừa* (sơn mài, 1970)...

27. TRẦN VĂN CẨN (1910-1994)

Tên khai sinh là Trần Văn Cẩn. Quê quán: Bắc Ninh. Ông là một trong bộ tứ danh hoạ hàng đầu của nền mỹ thuật hiện đại Việt Nam: *Nhất Trí, nhì Vân, tam Lân, tứ Cẩn*. Từng là Hiệu trưởng Trường Đại học Mỹ thuật trong 15 năm (1954–1969), Tổng Thư ký Hội Mỹ thuật Việt Nam (1957-1983), Chủ tịch Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam khoá II (1983-1987). Từng là Phó Chủ tịch Uỷ ban TƯ Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Em Thúy* (sơn dầu, 1943), *Gội đầu* (khắc gỗ, 1943), *Mùa xuân sắp đến* (sơn mài, 1962), *Tát nước đồng chiêm* (sơn mài, 1958), vẽ mẫu Quốc huy 1955...

28. NGUYỄN VĂN NINH (1908-1975)

Quê quán: Lạng Sơn. Năm 1932, ông vào Huế và trở thành kiến trúc sư cung đình. Ông đã thiết kế, tu bổ và xây dựng nội ngoại thất các công trình trong thành nội. Khi kháng chiến thành công, Nguyễn Văn Ninh được giao nhiệm vụ thiết kế lễ đài Ba Đình để đón Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Chính phủ về Thủ đô. Năm 1957, ông được Bác Hồ trực tiếp giao thiết kế ngôi nhà sàn của Bác.

29. NGUYỄN THỊ KIM (1917-2009)

Tên khai sinh là Nguyễn Thị Kim. Quê quán: Hà Nội. Từng là giảng viên Trường Mỹ thuật Việt Nam, thành viên Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội, thành viên Uỷ ban Hoà bình Thành phố Hà Nội. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, chuyên ngành mỹ thuật (2000)... **Tác phẩm chính:** *Chân dung Hồ Chủ tịch* (tượng đồng, 1946), *Hạnh phúc* (phù điêu, 1950), *Nữ du kích* (tượng gỗ, 1962)...

30. NGUYỄN VĂN THÔNG

Đạo diễn điện ảnh, Nghệ sĩ Nhân dân. Ông là tác giả kịch bản và đạo diễn phim *Con chim vành khuyên* (1962)...

31. PHẠM VĂN KHOA (1913-1992)

Tên khai sinh là Phạm Văn Khoa. Quê quán: Hải Phòng. Ông là đạo diễn lão thành của điện ảnh cách mạng, từng là Giám đốc đầu tiên của Doanh nghiệp Quốc gia Chiếu bóng và Chụp ảnh (1953), Giám đốc Hãng Phim truyện Việt Nam. Ông được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân (1984) và Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2007). **Tác phẩm chính:** Phim tài liệu *Việt Nam trên đường thắng lợi* thực hiện năm 1956 cùng với đạo diễn điện ảnh Xô-viết Rôman Cácmen. Bộ phim *Chị Dậu* từng được Huy chương Vàng tại Liên hoan phim Nantes Pháp, phim *Làng Vũ Đại ngày ấy* được gửi đi dự Liên hoan phim quốc tế ở Hawai (Mỹ)...

32. NGUYỄN THẾ ĐOÀN (1911-2009)

Tên khai sinh là Nguyễn Văn Nghiệp. Quê quán: An Giang. Ông là một trong những nhà quay phim đầu tiên trên chiến trường Nam Bộ từ năm 1947. Năm 2009, nghệ sĩ Nguyễn Thế Đoàn đã được Nhà nước trao Huân chương Độc lập hạng Nhì. Những đoạn phim quý của Nguyễn Thế Đoàn được sử dụng trong phim về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và nhiều phim trong nước và ngoài nước.

33. TRÀ GIANG (1941)

Tên khai sinh là Nguyễn Trà Giang. Quê quán: Quảng Ngãi. Trong sự nghiệp điện ảnh của mình bà đã được nhiều giải thưởng lớn như: Giải Bông sen vàng, giải Nữ diễn viên xuất sắc nhất tại LHP Việt Nam lần thứ IV, Huy chương Bạc LHP Quốc tế Matxcơva... Năm 1984 bà được tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân. **Các phim đã tham gia**: *Một ngày đầu thu, Huyền thoại về người mẹ, Vĩ tuyến 17 ngày và đêm, Chị Tư Hậu...*

34. ĐỨC LƯU

Diễn viên nhà hát Kịch Hà Nội. Quê quán: Hà Nội. **Các phim đã tham gia:** *Những cô gái nông trường, Đêm tháng 7, Con tôi cả, Người giám khảo cuối cùng, Ngôi sao ban ngày*...Vai Thị Nở trong phim *Làng Vũ Đại ngày ấy* là vai diễn nổi tiếng nhất của bà.

35. MA CƯỜNG

Quê quán: Thái Nguyên. Nhà quay phim, người dân tộc Tày. Từng công tác tại Xưởng phim thời sự, phóng sự nay là Hãng phim Tài liệu - Khoa học Trung ương. Được nhận giải thưởng tại LHP quốc tế Lai-xích, Cộng hoà Dân chủ Đức với bộ phim tài liệu *Lũy thép Vĩnh Linh*. Ông được giao trọng trách đi theo các bậc tiền bối Phạm Trọng Quỳ, Tô Phương để quay hình ảnh của Bác đón các đoàn khách nước ngoài tới Việt Nam cũng như ghi lại hình ảnh về chuyến viếng thăm của Người tới các quốc gia khác.

36. NÔNG ÍCH ĐẠT

Đạo diễn điện ảnh. **Các tác phẩm chính**: *Cô giáo vùng cao, Bản đề án bị bỏ quên, Kim Đồng...*

37. CHU THUÝ QUỲNH (1941)

Chu Thuý Quỳnh là diễn viên, biên đạo múa và đạo diễn chương trình, hiện đang là Chủ tịch Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam, nguyên Giám đốc Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam. Bà còn là nhà nghiên cứu phê bình múa, tác giả của nhiều giáo trình múa và các công trình nghiên cứu. Bà được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân (1988) và Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2000). **Tác phẩm chính**: *Hoa Tràng An, Vũ khúc đàn T'rưng, Hương xuân, Hương quê, Cánh chim không mỏi, Trống hội, Những cô gái Việt Nam*...

38. SIU PHÍCH

Diễn viên múa và ca sĩ người Bơhnar. Từng là thành viên Đoàn Ca múa Quân giải phóng miền Nam – Đoàn nghệ thuật được thành lập theo chỉ thị của Bác.

39. TÂM CHÍNH

Tên khai sinh Nguyễn Thị Tâm Chính. Quê quán: Thanh Hoá. Từng là Chủ tịch Liên chi hội xiếc Việt Nam. Bà đã nhiều lần biểu diễn cho Bác Hồ xem mỗi khi Bác tiếp khách quốc tế. Năm 1997, bà được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân. **Tiết mục tiêu biểu:** *Cô hàng giải khát, Thang đưa...*

40. ĐINH NGỌC LIÊN (1912-1991)

Đinh Ngọc Liên là nhạc sĩ chỉ huy dàn nhạc kèn của Quân nhạc Việt Nam. Quê quán: Nam Định. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ông cùng 72 nhạc

công của đội đi theo Việt Minh, trở thành *Ban âm nhạc Giải phóng quân*. Trong ngày Quốc khánh 2 tháng 9 năm 1945, đoàn nhạc kèn do ông chỉ huy đã cử hành *Tiến quân ca* (Văn Cao) trong buổi lễ chào cờ tại Quảng trường Ba Đình. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, dàn nhạc trở thành một Tiểu đoàn quân nhạc dưới sự chỉ huy của ông, từng biểu diễn trong ngày đón Trung ương Đảng và Chính phủ cùng Hồ Chủ tịch về Thủ đô (11-1955). Trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp, ông đã phối khí, chuyên soạn nhiều ca khúc cách mạng, đánh dấu bước đi đầu tiên của khí nhạc Việt Nam sau này. Ông là một trong những người có công xây dựng Đoàn quân nhạc Việt Nam trở thành chính quy. Sau này, ông giữ chức Đoàn trưởng Đoàn Quân nhạc Việt Nam và được phong quân hàm Đại tá. Năm 1988, ông được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân. **Tác phẩm hoà tấu:** *Tiến quân ca* (Văn Cao), *Vũ khúc tưng bừng* (Lương Ngọc Trác), *Diệt phát xít* (Nguyễn Đình Thi)... **Tác phẩm sáng tác:** *Xuân chiến thắng, Hải cảng về ta, Chúng ta có Bác Hồ, Vọng gác tiền tiêu*...

41. TRẦN VƯỢNG (1925)

Nhà viết kịch tên khai sinh là Trần Vượng. Quê quán: Hà Tây, nay thuộc Hà Nội. Giải của Uỷ ban Quốc gia Dân số và Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam (hài kịch tư liệu *Hết mình cho người khác* - năm 1983). **Tác phẩm chính:** *Thói cũ* (1962); *Bức tranh mùa gặt* (1966); *Campuchia máu và nước mắt* (1979)...

42. TƯỜNG VI (1938)

Tên khai sinh là Trương Tường Vi. Quê quán: Quảng Nam. Hiện bà là Giám đốc của ba Trung tâm nghệ thuật tỉnh thương tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Bà cũng là một trong số ít ca sĩ được nhiều lần biểu diễn trước Chủ tịch Hồ Chí Minh, được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân vào năm 1993. Bà thể hiện thành công nhiều ca khúc cách mạng như *Cô gái vót chông, Tiếng đàn Ta Lư, Bóng cây Kơ-nia*...

43. ÁI LIÊN (1918-1991)

Tên khai sinh là Lê Thị Liên. Quê quán: Hải Phòng. Bà là ca sĩ, diễn viên, nghệ sĩ cải lương tài danh trong thập niên 1930-1940. Sau này, bà còn là một diễn viên nòng cốt của nghệ thuật cải lương cách mạng miền Bắc. Ái Liên được truy tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân vào năm 1997. Ngoài ra Ái Liên còn thể hiện thành công nhiều ca khúc như *Un Bateau, Santa Lucia, Guitare d'Amour, Une Chanson Pour Nina*...

44. KIM NHỚ (1940-2003)

Tên khai sinh là Đinh Kim Nhớ, người dân tộc Hrê. Quê quán: Quảng Ngãi. Kim Nhớ tốt nghiệp Nhạc viện Quốc gia Việt Nam. Những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Kim Nhớ đã mang giọng ca tràn đầy cảm xúc của mình phục vụ chiến sĩ và đồng bào trong vai trò một nghệ sĩ - chiến sĩ. Kim Nhớ là một trong số rất ít các ca sĩ được vào Phủ Chủ tịch biểu diễn phục vụ Bác Hồ và được Người nhiều lần khen ngợi. Bà cũng là người dân tộc Hrê đầu tiên được phong danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú (1988), là một trong những nữ ca sĩ hàng đầu của nền âm nhạc cách mạng Việt Nam vào những năm 60 thế kỷ XX.

45. ĐINH THÌN

Nghệ sĩ sáo danh tiếng, người đã đem tiếng sáo Việt Nam đi biểu diễn khắp 30 nước trên thế giới, ở đâu cũng được hoan nghênh nhiệt liệt. Gia đình ông có ba đời làm nghệ thuật và ông gắn bó suốt đời với cây sáo trúc. Ông đã được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN 5

LỜI TỰA CỦA NHÀ THƠ HỮU THỈNH 7

1. Được gặp Bác Hồ trong những ngày độc lập đầu tiên

Tố Hữu

(Trích hồi ký, Báo **Văn nghệ**, *số 36 ngày 2-9-2000)* 11

2. Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn

Tố Hữu

(Báo **Văn nghệ**, *số 1583-1584 ngày 19-5-1990)* 19

3. Lần đầu được gặp Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp

Nguyễn Đình Thi

(Tạp chí **Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam**, *số 8-2007)* 27

4. Bác Hồ với văn nghệ sĩ miền Nam

Bảo Định Giang

*(Trích hồi ký "***Cuộc sống tinh thần - nhớ lại***", Báo* **Văn nghệ**, *số 20 ngày 15-5-1993)* 45

5. Phút thiêng bên Bác

Phan Tứ

(Báo **Văn nghệ**, *số 35+36 ngày 30-8 – 6-9-2003)* 52

6. Một Tết kháng chiến ở Việt Bắc

Cù Huy Cận

(Tạp chí **Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam**, *số 1-2001)* 64

7. Bác Hồ của chúng ta

Xuân Diệu

*(Trích bút ký "***Bác Hồ của chúng ta***", Báo* **Văn nghệ**, *số 309 ngày 12-9-1969)* 66

8. Tháng năm kỳ lạ

Hoàng Văn Bổn

(Theo **dost – dongnai.gov.vn)** 69

9. Điều làm tôi ngạc nhiên nhất là lần đầu tiên tôi được gặp Bác, Bác không làm tôi ngạc nhiên tí nào

Nguyễn Công Hoan
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 77

10. Hồ Chủ tịch với văn nghệ

Hoàng Ngọc Phách
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 88

11. Tôi được diễn chèo cho Bác Hồ xem

Thế Lữ
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 90

12. Hai lần gặp Bác Hồ

Tú Mỡ
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 94

13. Hồ Chủ tịch nói chuyện về cách viết

Nguyễn Huy Tưởng
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 102

14. Lần đầu được Bác đọc thơ

Anh Thơ
*(Trích hồi ký "***Từ bến sông Thương***" tập II, Báo* **Văn nghệ**, *số 1583-1584 ngày 19-5-1990)* 107

15. Một số mẩu chuyện về Bác Hồ ở Việt Bắc

Nông Quốc Chấn
(Báo **Văn nghệ**, *số 351 ngày 3-7-1970)* 110

16. Nhật ký Chiêm Hoá

Tô Hoài
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 116

17. Nhớ chuyến tháp tùng cụ Y Bi-a-lê-ô gặp Bác Hồ

Y Điêng 118

18. Những ngày sống đẹp

Vũ Tú Nam
(Trích nhật ký, trích **"Bác Hồ với văn nghệ sĩ"**- *Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 123

19. Ba lần được gặp Bác

Hồ Phương 132

20. Hồ Chủ tịch với sinh hoạt lẩy Kiều ở chiến khu Việt Bắc

Phan Anh
(Báo **Văn nghệ**, *số 20 (1280) ngày 14-5-1988)* 138

21. Bức chân dung đầu tiên của vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Dương Tuấn Hoa
(Tạp chí **Diễn đàn văn nghệ Việt Nam**, *số 9-1998)* 143

22. Chụp ảnh Bác Hồ

Vũ Năng An
(Tạp chí **Nhiếp ảnh**, *số 1+2 năm 1990)* 150

23. Hình ảnh Bác - hình ảnh dân tộc

Đinh Đăng Định
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***"- Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 159

24. Bác Hồ dạy tôi chụp ảnh

Kim Côn
(Tạp chí **Nhiếp ảnh**, *số 208 tháng 6-2005)* 173

25. Nhớ mãi lần gặp Bác cách đây nửa thế kỷ

Trần Đương
(Báo **Văn nghệ**, *số 35+36, ngày 27-8-2005)* 179

26. Giây phút chụp ảnh Bác Hồ với đại biểu miền Nam

Ngọc Khanh
(Tạp chí **Nhiếp ảnh**, *số 17 tháng 9-1972)* 185

27. Bác Hồ với hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh

Nguyệt Tú - Nguyễn Phan Cảnh
*(Theo "***Mỹ thuật với Bác Hồ***" - Nxb. Mỹ thuật, 2002)* 188

28. Ba lần vẽ Bác Hồ

Tô Ngọc Thành
*(Theo "***Mỹ thuật với Bác Hồ***" - Nxb. Mỹ thuật, 2002)* 193

29. Tôi vẽ Bác Hồ

Diệp Minh Châu
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 198

30. Người hoạ sĩ một đời vẽ Bác Hồ

Văn Công Hùng 218

31. Được vẽ và nặn tượng Bác

Trần Văn Cẩn
*(Theo "***Mỹ thuật với Bác Hồ***" - Nxb. Mỹ thuật, 2002)* 225

32. Người đầu tiên nặn tượng Bác

Cam Ly
(Báo **Văn nghệ**, *số 35 + 36 ngày 30-8 và 6-9-2003)* 228

33. Vẽ chân dung Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc

Phan Kế An
(Báo **Văn nghệ**, *số 33, ngày 15-8-2009)* 234

34. Tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Yanich Vũ
*(Theo "***Mỹ thuật với Bác Hồ***" - Nxb. Mỹ thuật, 2002)* 239

35. Những điều ít biết về người thiết kế nhà sàn Bác Hồ

Nguyễn Duy Chiến
(Theo **Tiền Phong**, *2005)* 242

36. Tấm huy hiệu Bác Hồ

Nguyễn Văn Thông
(Báo **Văn nghệ**, *số 20 ngày 17-5-2003)* 245

37. Những lời Bác dạy

Phạm Văn Khoa
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 248

38. Tác giả những thước phim vô giá về Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc

Trần Hiếu
*(***Tienphongonline**, *9-2007)* 252

39. Bác làm văn nghệ

Trà Giang
(Báo **Văn nghệ**, *số 313 ngày 10-10-1969)* 257

40. Bác Hồ đến thăm trường điện ảnh

Nguyễn Ngọc Trung
(Báo **Văn nghệ**, *số 579 ngày 6-12-1974)* 267

41. Bác Hồ đóng phim

Đức Lưu
(Trích "**Chuyện kể Bác Hồ**", *tập 3 - Nxb. Giáo dục, 2009)* 270

42. Đi quay bộ phim "*Bác Hồ của chúng em*"

Ma Cường
(Báo **Văn nghệ**, *số 346 ngày 29-5-1970)* 273

43. Bác xem phim "*Kim Đồng*"

Nông Ích Đạt
*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)* 277

44. Bác Hồ với nghệ thuật tuồng

Nguyễn Văn Chương
(Tạp chí **Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam**, *số 5-2007)* 283

45. Bác Hồ muôn vàn kính yêu với những kỷ niệm mãi mãi trong tôi

Chu Thuý Quỳnh 289

46. Siu Phích và những kỷ niệm về Bác Hồ

Trương Lệ Hằng 298

47. Bác Hồ với nghệ thuật xiếc

Lê Anh
(Tạp chí **Sân khấu**, *số 5-2005)* 303

48. Biểu diễn xiếc cho Bác xem

Duy Nam
(Tạp chí **Sân khấu**, *số 5-2006)* 312

49. Vào đời

Đinh Ngọc Liên
(Trích hồi ký, Tạp chí **Âm nhạc**, *số 4-1986)* 314

50. Bác với người nghệ sĩ

Trần Vượng 323

(Tạp chí **Sân khấu**, *số 3 (24) tháng 5 và 6-1980)*

51. Những kỷ niệm không thể nào quên

Tường Vi 333

(Tạp chí **Âm nhạc và Thời đại**, *số 2 (11) tháng 6-1980)*

52. Nhớ Bác

Ái Liên 337

*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)*

53. Như có viên ngọc ước

Kim Nhớ 348

*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)*

54. Bác dạy chúng tôi cất cao tiếng hát

Minh Huệ 358

*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)*

55. Bác Hồ với các mầm non nghệ thuật

T.N.A 363

(Tạp chí **Âm nhạc**, *số 5-1996)*

56. Một làn điệu dân ca qua tiếng sáo Bác Hồ

Đinh Thìn 369

*(Trích "***Bác Hồ với văn nghệ sĩ***" - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)*

57. Tiếng hát dân gian

Lê Thuận 375

(Tạp chí **Văn nghệ Quân đội**, *số 5 tháng 5-1961)*

CHÚ THÍCH VỀ TÁC GIẢ 381

MỤC LỤC 389

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội * Tel & Fax: 38222135
E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 1

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRUNG TRUNG ĐỈNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:
NGUYỄN ÁNH NGÂN
NGUYỄN MINH PHƯỚC

Bìa:
VĂN SÁNG

Trình bày và sửa bản in:
QUANG HOÀI

In 8.000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty TNHH Viet Solar.
Giấy ĐKKHXB số: 368-2010/CXB/19-30/HNV.
In xong và nộp lưu chiểu: Tháng 5 năm 2010.